

THƯ' QUÁN BẢN THẢO

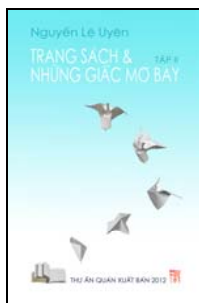
SỐ 54 THÁNG 10 – 2012

Chủ đề: BA LÔ MANG THÊM HỒN THƠ VẦN...



- Hội thoại : *Người trẻ trong nước nghĩ gì về văn chương thời chiến miền Nam ?*
- Di sản văn chương : *Mặt đập trên biển Đông (Hoàng Bảo Việt)*

Sách mới xuất bản



TRANG SÁCH VÀ NHỮNG GIẤC MƠ BAY

Tập II – nhận định văn học/tác giả miền Nam
của Nguyễn Lệ Uyên.

Thư Án Quán xuất bản tháng 10 năm 2012.

Dày 225 trang. Sách tặng.

Liên lạc: toà soạn TQBT



Trắng bay – thi phẩm của Đinh Thăng

Thư Án Quán tái bản 2012. Giá \$15.

Địa chỉ liên lạc

3826 Citadel Dr.

Garland, TX. 75040

(469) 734-7459

dinhtranthang@yahoo.com



Đất Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam qua các đời

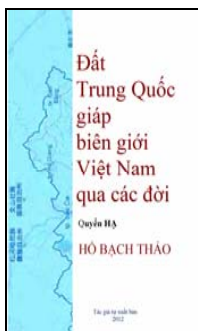
**Quỳnh THUỞNG
HỒ BẠCH THẢO**

Tác giả tự xuất bản – Giá \$20

Liên lạc:

Thao Ho 552 Rhode Island Ave. Brick,

NJ 08724 Xin kèm thêm \$3.00 bưu phí (in US)



Đất Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam qua các đời

**Quỳnh HẠ
HỒ BẠCH THẢO**

Tác giả tự xuất bản – Giá \$20

Liên lạc địa chỉ ghi trên.

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 54, THÁNG 10, NĂM 2012

Chủ đề: Ba-lô mang thêm hồn thơ văn

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 4

Trần thị Nguyệt Mai (4) • Lê Huy Oanh (10) • Vương Thúy Nga (24) • Lê An (27) • Hà Quế Linh (37) • Trần Hoài Thư (53) • Đoàn Xuân Thu (56) • Lâm Hảo Khôi (60) • Trần văn Nam (61)

Hội thoại / 62

Văn chương miền Nam & các bạn trẻ

Nguyệt Mai tổng hợp

Phần Chủ đề:

Văn :

Đình Cường : Khi về lại Thủ Dầu Một (74)

Ngô Đình Khoa: Người lên mặt trận (77)

Lê Bá Lăng: Buổi dừng quân (88)

Lê Văn Thiện: Một lối tiện lợi (96)

Thế Hoài: Mùa thu Gio Linh (104)

Vương Thanh: Giờ hưu chiến (120)

Y Uyên: Bão khô (141)

Thơ

Bùi Khiết (153) • Đỗ Chu Thăng (154) • Giang Hữu Tuyên (155) • Huỳnh Hữu Võ (156) • Lâm Hảo Dũng (165) • Lâm Hảo Khôi (157) • Lê Nguyên Ngử (158) • Lê Trường Chinh (159) • Linh Phương (161) • Mạc Hàn Vi Linh (161) • Ngô Đình Khoa (162) • Luân Hoán (164) • Huỳnh Kim Sơn (165) • Nguyễn Bắc Sơn (166) • Nguyễn Du Thy (167) • Nguyễn Dương Quang (167) • Nguyễn Phúc Sông Hương (168) • Phan Nhự Thức (169)

● Phù Hư (170) ● Thiếu Khanh (172) ● Trần Bá Lang (173) ● Trần Đắc Thắng (174) ● Trần Hoài Thư (175) ● Trần Ngọc Kim (176) ● Trần Miên Trường (178) ●

Nhận định :

Ng~ : *Thơ a-lô, và thơ* (180)

Di sản văn chương miền Nam / 189

Hoàng Bảo Việt: *Mặt đập trên biển đông* (190)

Giới thiệu tác giả

Phạm Cao Hoàng: *Chu Trâm Nguyên Minh...* (199)

Sáng tác mới

Văn

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: *Thơ bước theo chân* (203)

Đặng Kim Côn: *Tô Thị rời non cao* (213)

Thơ

Đinh Thắng: *Bóng cũ* (224)

Truyện lịch sử

Khuất Đầu: *Những đêm trắng* (228)

Giới thiệu sách báo

Phạm văn Nhân: *Truyện từ Văn của Trần Hoài Thư/* (242)

Giữa tòa soạn và bạn đọc / 251

Tranh bìa: Ba-lô mang theo hồn thơ văn - Minh họa của Đinh Cường

Trang trí bìa: Trần Hoài Thư

Tòa soạn:

P.O Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: thuquanbanthao@yahoo.com

thư tòa soạn

Thư Quán Bản Thảo số 54 đánh dấu tạp chí bước qua năm thứ 12.

*Chủ đề số báo là “Ba Lô Mang Thêm Hồn Thơ Văn” dựa theo một câu trong bài thơ **Người lính làm thơ trên đỉnh núi** của Nguyễn Phúc Sông Hương đăng trong số này:*

Người lính miền Nam đi chiến trận,

Ba-lô mang thêm hồn thơ văn.

Đây chỉ là một số báo có chủ đề chưa hoàn tất vì số trang báo có hạn. Trong tương lai, nếu có cơ hội, chúng tôi sẽ tiếp tục làm thêm.

Đặc biệt trong số này, ngoài những sáng tác về chủ đề và những phần thường xuyên, chúng tôi còn có thêm những đóng góp của những thân hữu lần đầu đến với TQBT. Đó là bài viết của Lê An, và của Hà Quế Linh. Ngoài ra chúng tôi còn sưu tầm được một bài thơ rất dài mà nội dung có tính cách dự báo lạ lùng. Đó là bài: “Mặt đập trên biển đông” của Hoàng Bảo Việt. Mặc dù được sáng tác vào những năm 1967 - 1968, nhưng nội dung lại ứng nghiệm vào thảm kịch vượt biển sau 1975.

Cuối cùng, nhân dịp này, chúng tôi xin thành thật cảm ơn bạn bè, thân hữu và bạn đọc đã không ngừng khuyến khích hỗ trợ chúng tôi trong suốt 12 năm qua. Tấm lòng của quý bạn đã giúp chúng tôi hiểu rõ con đường chúng tôi đi, và chủ trương chúng tôi theo đuổi, làm tăng thêm nghị lực giữa lúc chúng tôi muốn bỏ cuộc.

Xin chúc quý bạn những điều tốt đẹp nhất.

*Trân trọng,
Trần Hoài Thư*

SÔNG VÀ VIẾT

Trần Thị Nguyệt Mai Chúc Mừng TQBT 12 tuổi

Trong một bài tập đọc thuở tiểu học, tôi vẫn còn nhớ hai câu:

*Thời giờ thấm thoát thoi đưa
Nó đi đi mãi có chờ đợi ai ...*

Quả thật, thời gian trôi qua quá nhanh. *Time flies* - bạn Mỹ nói vậy. Mới ngày nào tôi bắt đầu được giao cho nhiệm vụ “thầy cò”, đến nay đã được hơn một năm rồi. Từ số 46 đến nay là số 54, 9 số báo. Như bạn đã từng biết, Thư Quán Bản Thảo là một tạp chí văn học nghệ thuật phát hành bất định kỳ, chỉ để dành biếu tặng cho thân hữu và những ai còn tha thiết quan tâm đến văn chương miền Nam trong thời chiến, do nhà văn Trần Hoài Thư và các bạn của anh chủ trương. Tạp chí không bán, không nhận quảng cáo. Vậy mà nó vẫn sống được đến nay là 12 năm. Chuyện không thể tin nhưng có thật. Bởi nó được sự thương yêu quan tâm chăm sóc đặc biệt của anh chị Trần Hoài Thư và các thân hữu, nhất là anh Trần Hoài Thư, người chủ nhiệm kiêm chủ bút, kiêm ấn công kiêm đóng sách, cắt sách và khâu sách ra bưu điện gửi đến tay bạn đọc. Một người tuổi đời đã ở thời điểm “xưa nay hiếm”, trong khi có lúc chứng bệnh Gout và bệnh Joint không ngớt hành hạ, để có những hôm đau nhức quá, anh đã đi không nổi, chân lê cà nhắc, phải bò, phải lết, phải dựa vào chị, và anh đã chia sẻ với tôi: “Anh sẽ cố gắng tập trung cho số báo này (số 51 ra tháng 4 năm 2012) và chắc lâu lắm mình mới làm số kế tiếp”. Vậy mà sau đó hai tháng, anh ra số kế tiếp (số 52 phát hành tháng 6 năm 2012). Tiếp theo, số 53 – tháng 8

năm 2012, chủ đề Tạp chí Văn – anh lại in tặng phụ bản “Truyện từ Văn” gồm những truyện ngắn của anh đã đi trên Văn dày gần 300 trang, với bìa bọc ngoài ép bằng phim láng (laminating book jacket cover) màu đen rất sang trọng. Lại một lần nữa, anh điện thư cho tôi: “Em nghỉ ngơi cho khỏe, anh sẽ ngưng một thời gian...” Nhưng rồi tiếng gọi văn chương thôi thúc, anh lại tiếp tục ra số báo này, số 54, phát hành vào trung tuần tháng 10, mà bạn đang cầm trên tay.

Lúc mới bắt đầu làm việc với anh, tôi chỉ thuận sửa chính tả. Lúc này còn đang là “lính mới”, quen từ ngữ tiếng Việt khá nhiều, nên tôi đã khá lúng túng, email liên tục cho chị Cam Li và cho anh (khi cả hai chị em đều “bí”). Nhưng có một kỷ niệm đáng nhớ khi làm số 46 – tường niệm nhà văn Doãn Dân, là có một đoạn trong truyện Bàn tay của Yến bị thiếu (chỉ là một đoạn trắng, đọc không thấy liên tục). Tôi copy và paste vào email để hỏi anh, thì thật bất ngờ, những hàng chữ hiện ra, câu văn rất hoàn chỉnh. Tôi bèn highlight màu đỏ đoạn này báo cho anh biết và anh cũng đã chia sẻ với độc giả ở ghi chú số (1) của bài Sống và Viết trong số báo nói trên.

Là “thầy cò” của một tạp chí văn học “đặc biệt” – “đặc biệt” vì bài vở, hoặc do tác giả cung cấp, hoặc do sưu tầm tài liệu và đánh máy lại, không thể tránh khỏi tình trạng “tam sao thất bản”. Tôi không chỉ sửa lỗi chính tả, mà đã phải đọc từng chữ từng câu. Khi thấy ý tưởng không liên tục, là biết những chỗ nhảy dòng, bị thiếu một đoạn, là phải điện thư xin anh gửi bản PDF để đọc rồi điền vào những chỗ thiếu sót. Tôi sửa bản thảo kỹ như vậy, nên mất nhiều thời gian, và hình như điều này không làm cho anh vui, vì anh luôn muốn tôi thoải mái, đừng mất quá nhiều thời gian cho tờ báo mà số phát hành rất khiêm tốn so với tạp chí Văn hay Bách Khoa của ngày xưa. Nhưng bù lại, tôi được niềm vui đóng góp một phần thật nhỏ của mình trong việc giữ gìn di sản văn chương miền Nam.

Sau này, khi đã quen việc, anh cho tôi phụ đánh máy những bài ngắn gọn, trình bày hình ảnh trang trong và cả bìa nữa (bìa số 52). Hai anh em làm, góp ý cho nhau, nhưng anh vẫn là người chính. Anh giỏi computer và có đôi mắt nghệ thuật. Bởi vậy, sau này, bạn đọc đều khen tờ báo trình bày rất trang nhã đẹp mắt. Nhân đây, tôi muốn nói lời cảm ơn với họa sĩ Đinh Cường. Anh đã giúp tôi ý kiến và cho phép dùng tranh của anh để làm bìa cũng như trang trí tờ báo khi tôi cần đến.

Làm việc với anh Trần Hoài Thư rất vui vì tính anh cởi mở. Tôi cũng được học hỏi nhiều điều. Có thắc mắc gì được phép hỏi anh hoặc tác giả. Như khi làm cuốn 49, số báo Giáng sinh và giới thiệu tập thơ “Sao em không về làm chim thành phố” của nhà thơ LâmVị Thủy. Tôi không hiểu “xếp tanh” là gì. Hỏi anh, anh cho biết từ gốc chữ Pháp “chef de train”, là nhân viên hỏa xa phụ trách tổng quát trên xe lửa. Cũng như khi đọc từ “nhảy điều hâu” trong các truyện của anh, tôi thắc mắc thì được anh giải thích: Nhảy điều hâu là một chiến thuật dùng trực thăng loại nhỏ bay nhanh, thả toán quân xuống đánh chớp nhoáng, sau đó trực thăng bốc lên. Như thể con điều hâu từ trên cao thấy mồi ào xuống chụp mồi...

Có khi anh em chúng tôi cùng trao đổi ý kiến về bài chọn đăng. Như số báo 49 chủ đề Giáng Sinh, anh có truyện ngắn “Nay Lát” và một truyện ngắn Giáng Sinh khác về người tù cải tạo. Anh hỏi tôi thích truyện nào hơn. Tôi thú thật với anh là truyện nào cũng hay và tôi đều thích. Nhưng tôi đề nghị anh đi truyện Nay Lát để đọc giả hiểu được rằng trong khi mọi người bình an vui hưởng một Giáng Sinh đầm ấm bên gia đình thì có những người lính đang dầm mưa lạnh cắt da trong đêm tối truy kích địch để giữ yên vui cho hậu phương. Tôi cũng đã hỏi anh về truyện “Ban Mê Thuật, mùa cỏ may” trong số báo 50 rằng: “Sao anh cho người lính mới hai mươi mấy tuổi trông như ông già 60 mà không có một lời giải thích nào.” Anh nói có giải thích thì em và độc giả cũng không thể hiểu được đâu,

nhưng anh cũng chiều ý tôi viết thêm một đoạn ngắn. Sau này khi có dịp đọc thêm nhiều truyện ngắn của anh, tôi đã hiểu được rằng đời lính rất gian khổ. Nơi chiến trường, viên đạn kẻ thù không chừa một ai, đối diện với cái chết từng giây phút, có người lính nào giữ được nét thanh xuân và không già đi trước tuổi?

*Thế hệ chúng tôi mang đầy vết sẹo
Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn
Không phạm tội mà ra tòa chung thẩm
Treo án tử hình ở tuổi thanh xuân*
(Trần Hoài Thư - Thế hệ chiến tranh)

Trong số họ, có những người cũng là người cầm bút, mà anh là một. Và, đã có những người vĩnh viễn ra đi, như các anh Y Uyên (tử trận ở Nora, Phan Thiết), Trần Như Liên Phụng (tử trận ở Chương Thiện), Doãn Dân (tử trận ở vùng hỏa tuyến), Song Linh (tử trận ở Mộc Hóa), Hoài Lữ Lữ Đắc Quảng (tử trận ở Bình Chánh - Gia Định) ...

Trong cuộc chiến, họ đã “nhận án treo tử hình” để giúp cho người khác được sống, thì sau cuộc chiến họ bị mang tiếng là “nguy”, bị bôi nhọ, trả thù một cách hèn hạ ở ngoài đời và trong tác phẩm văn học chiến tranh.

Nên bây giờ, trên tạp chí Thư Quán Bản Thảo do anh và các bạn chủ trương, anh đặc biệt muốn giới thiệu với độc giả những bài viết của những người lính trận miền Nam. Anh muốn trả lại danh dự cho họ, không thể để họ bị chìm trong quên lãng, và cũng để giới thiệu với các bạn trẻ được sinh ra sau này về văn chương miền Nam đã có một thời như thế. Anh muốn nói lên **sự thật**, bảo vệ sự thật. Anh đã lên tiếng trước những dối trá, bôi nhọ hình ảnh người lính VNCH của nhà văn Bảo Ninh trong tác phẩm *Nỗi Buồn Chiến Tranh*. Trong đoạn cuối của bài “Đối thoại với một nhà văn”, anh viết:

*Tôi cũng viết lai rai, và có trăm ngàn chuyện để viết về
mấy năm làm Trung đội trưởng thám kích. Nhưng mỗi lần*

đặt bút lên là lòng tôi lại quặn đau. Tôi không dám kể hết về những gì mà chiến tranh đã gây nên. Tôi không thể không quẩn quại khi khui lại, mở lại những sợi gân đã buộc chặt vết thương. Tôi sợ mang nỗi buồn cho con cháu tôi. Bởi vậy tôi phục anh vì anh dám mở toác loác cái vết thương. Tôi đã đau từng dòng anh viết. Tôi yêu văn nồng nàn chất liêu trai của anh. Anh quả là một nhà văn tài hoa chữ nghĩa. Có điều, một nhà văn có tài, không phải là tài ở những chuyện bịa đặt, để lường gạt những người ngây thơ nhẹ dạ, hay không có kinh nghiệm. Ông ta phải biết thành thật, cho chính ông, và độc giả của ông và cả kẻ thù của ông nữa.

(Đổi thoại với một nhà văn trong tập truyện Đại đội cũ, Trang sách cũ của Trần Hoài Thư do Thư Ấn Quán tái bản năm 2010)

Ngày xưa anh là một chiến sĩ cầm súng thì ngày nay anh là một chiến sĩ cầm bút để nói lên sự thật, để mọi người được hiểu mà không bị mê hoặc hay ảo tưởng. Hằng ngày anh vẫn tiếp tục tìm tòi thử nghiệm sáng kiến để tiết kiệm tiền bạc, công sức và chia sẻ với mọi người trên trang blog của anh. Như gần đây nhất là việc tự động hóa việc ép phim loại lạnh (Cold laminating film automatization), dùng trong việc ép bìa sách bằng laminating film mà bìa không bị cong, vẫn phẳng láng như mặt kiếng, hay, *how to reset belt on OKI C5300N*... Nhờ vậy, những đầu sách do Thư Ấn Quán in ra vốn rất có giá trị về nội dung thì nay càng ngày càng đẹp hơn về mặt hình thức. Nó cũng giúp anh có sức chống chọi với nền kinh tế nhiều biến động hiện nay mà những tờ báo bán, hoặc đã phải thay đổi thời gian phát hành dài ngày hơn, hoặc không chịu nổi đã phải đóng cửa... Còn anh, tự tay chăm sóc mọi việc, “lấy công làm lỗ”, sách báo chỉ dành tặng biếu mà không bán, để đổi lại những niềm vui bất tận khi độc giả gửi thư ủng hộ việc làm của anh hay khen tặng một cuốn sách, một bài báo do Thư

Ấn Quán xuất bản hoặc đăng trên Thư Quán Bản Thảo.

oOo

Cho tới hôm nay, tạp chí Thư Quán Bản Thảo đã tròn mười hai tuổi. Mười hai năm đã qua, hẳn anh và các bạn của anh khi khai sinh ra nó, đã không ngờ được nó có thể sống hùng và sống mạnh đến bây giờ, ngày càng có nhiều độc giả hơn, mặc dù báo không bán và không nhận một đồng tiền quảng cáo hoặc tài trợ từ bất cứ cơ quan hoặc cá nhân nào. Có nhiều người viết về anh, nhưng tôi thích nhất câu của nhà văn Nam Dao: “Nước chảy dễ gì trôi bóng chữ”. Vâng, thưa anh, thời gian sẽ qua, nhưng những dấu sách do Thư Ấn Quán xuất bản sẽ còn mãi. Ngay cả độc giả trong nước cũng đã biết đến anh và nhờ thân nhân của họ ở Mỹ đặt mua hai bộ Văn và Thơ Miền Nam, chứng tỏ ngày càng có nhiều người biết đến việc làm của anh “giữ gìn di sản văn chương miền Nam thời chiến”, mà một thời đã bị cho vào lửa đốt không thương tiếc, là rất đáng trân trọng, rất đáng khuyến khích. Bao lực có thể giành được chính quyền, nhưng chính là lòng nhân ái mà những tác phẩm này nói lên sẽ thu phục lòng người vĩnh viễn. Dù không có mười hai ngọn nến thắp trên chiếc bánh sinh nhật, nhưng tôi tin rằng anh đang rất vui, rất ấm lòng với tình thương mến, ủng hộ của độc giả ở khắp nơi cũng như những thành quả mà Thư Quán Bản Thảo, Thư Ấn Quán và chính anh đã đạt được.

Chúc mừng sinh nhật của Thư Quán Bản Thảo và em cũng xin được chia vui với anh chị. Cầu xin Ông Trên ban cho anh chị một sức khỏe tốt để tiếp tục đi trên con đường mình đã chọn.

Trần Thị Nguyệt Mai

21-9-2012

Lê Huy Oanh

Hemingway sống và viết

Nhà văn hào Hoa Kỳ Ernest Miller Hemingway đã tạ thế vào sáng ngày mùng 2 tháng 7 năm 1961, thọ 62 tuổi.

Ông chết tại Thung Lũng Mặt Trời (Sun Valley), thuộc tiểu bang Idaho. Trong khi ông đang lau một khẩu súng thì một viên đạn nổ bất ngờ, trúng ngay vào đầu ông, khiến ông bị thiệt mạng lập tức.

Báo chí quốc tế đã nói rất nhiều về cái chết của văn hào này, coi đây là một cái tang lớn trong giới văn nghệ sĩ và là một điều đáng tiếc thương cho mọi người.

Trong số ra ngày mùng 2 tháng 7, tờ *Nữ-uớc thời báo* viết đại ý như sau:

“Trong đời ông, Hemingway rất ưa thích súng đạn, và ông đã chết vì súng đạn. Có lẽ đó là điều xứng hợp với ông.

Trong đời ông, Hemingway rất ưa những cảnh rừng rú hoang vu, và ông đã chết dưới bóng những ngọn núi cao ở Sun Valley, giữa một khung cảnh đặc vẻ hoang vu. Giờ đây ông đã cưỡi ngựa đi vào chỗ mặt trời lặn.”

Đáng khác, trong một bản tuyên bố nhân dịp Hemingway qua đời, Tổng thống Hoa Kỳ Kennedy nhận định rằng: “Rất hiếm những người Hoa Kỳ có ảnh hưởng lớn đến những cảm nghĩ của nhân dân Hoa Kỳ bằng Hemingway.”

Cuộc đời của Hemingway rất ly kỳ, đặc biệt: Ông đã từng là kẻ thất nghiệp ở Chicago, làm gián điệp ở Cuba, làm võ sĩ ở Ba-lê, đi săn bắn trong các rừng rú Phi Châu, làm thông tin viên chiến tranh tại Tây Ban Nha, vác súng bắn nhau tại các mặt trận ở Ý và ở Pháp, và đặc biệt hơn cả, Hemingway là một văn sĩ nổi danh khắp thế giới, từng chiếm giải thưởng văn học Nobel 1954, và có thể kiếm mỗi năm cả triệu Mỹ kim.

Ông là một người to lớn lực lưỡng, lúc nào cũng ưa chiến đấu, ưa hoạt động.

Trong những năm về sau này, mặc dù có tuổi, Hemingway vẫn còn mạnh mẽ lắm. Ông vẫn còn đủ sức xông xáo suốt

ngày trong rừng rậm để săn bắn hổ báo, hươu nai, hoặc cỡi thuyền máy lênh đènh cả đêm ngoài biển khơi để đánh cá. Cái sức làm việc dẻo dai bền bỉ của Hemingway thật là vô địch. Ông vẫn còn đủ lực kéo những con cá nặng cả trăm cân Anh ở dưới biển lên, hoặc liên tiếp trong mấy ngày đêm ngồi sửa tác phẩm của mình mà không biết mệt mỏi.

Vốn là võ sĩ nên Hemingway có hai trái đấm rất mạnh. Một lần ở Los Angeles, ông đã đấm một phê bình gia sưng mặt rồi tổng cổ ra khỏi một quán rượu. Lý do vì nhà phê bình nọ dám chế giễu Hemingway gọi nhà văn là ông “Ta đây Hemingway.” Vào một lần khác, ông đã đấm ngã một nhà vô địch quyền Anh hạng nặng vì nhà vô địch này dám chỉ trích ông.

Hemingway còn là tay súng rất cừ khôi, có thể đứng cách xa ba mươi bước bắn tắt một điều thuốc lá.

Ông còn ưa đấu bò rừng. Tại Madrid, thủ đô Tây Ban Nha, nhiều lần ông đã giữ vai torero ra đấu trường thi sức với bò rừng. Có lần hạ một lúc hai con bò nổi tiếng là hung dữ. Hạ bò xong ông tuyên bố một câu nửa thật nửa khôi hài rằng: “Tôi mập quá và đàn độn quá, không thể nào trở thành một Torero cừ khôi được.” Nhưng cũng có lần ông suýt bị bò rừng húc chết.

Trông cái lối sống phiêu lưu mạo hiểm của ông, ta có thể ví ông với thi sĩ Rimbaud của Pháp. Nhà văn Hoa kỳ này đã lang bạt trên khắp ba lục địa Âu, Mỹ, Phi. Con người hoạt động đó thường làm việc rất hăng hái và ăn uống rất dữ, có thể nốc luôn một lúc hai chai rượu whisky, hút liên tiếp hàng chục điếu xì-gà, và ăn liền cả trăm con sò.

Có người hỏi ông hai điều mà ông thích thú hơn cả, ông cho biết rằng: “Cái thích thú thứ nhất là vào năm 1944, ông đã chỉ huy một chiếc thuyền buồm đi săn tàu ngầm của Đức quốc xã. Cái thích thú thứ hai là có người đã lấy tên ông đặt tên cho một thứ cá mới tìm thấy ở giòng Gulf stream ngoài biển. Đó là loại cá Nemerinthus Hemingwetius.”

Với một cuộc sống hoạt động phong phú như thế Hemingway đã viết tiểu thuyết toàn bằng những kinh

nghiệm rất sống động của chính ông. Đọc sách ông viết, chúng ta gặp những khung cảnh chiến tranh thực sự, những pha săn bắn ác thú rất nguy hiểm trong rừng rậm, những cuộc câu cá hào hứng ngoài biển khơi, những hoạt động của các tay võ sĩ, các người đầu bò, các tên buôn lậu, những tay ăn chơi trụy lạc khét tiếng bán giờ không vắn tự. . .

Ông đã viết cuốn *Vì Ai Chuông Báo Tử (For Whom the Bell Tolls)* ngay lúc đang đóng vai thông tin viên chiến tranh và nhân viên Hồng Thập Tự ở Tây Ban Nha. Đêm đêm, ông về gian phòng nhỏ ngồi sáng tác trong tiếng đại bác âm nổ ngoài trời và những tiếng đạn gầm rít trên mái nhà. Cuốn này đã nói đúng cái thảm kịch của cuộc nội chiến Tây Ban Nha.

Ông đã viết cuốn *Những Ngọn Đồi Xanh ở Phi Châu (Green Hills of Africa)* ngay trong những căn lều vải trong rừng thẳm Phi Châu bên ánh lửa đêm bập bùng, hoặc khi vừa say sưa săn đuổi ác thú.

Vào năm 1951, ông cho xuất bản cuốn *Bên Kia Sông, Trong Đám Cây (Across the River, and into the Trees)*. Cuốn này bị các nhà phê bình chê bai hết lời, cho rằng sự nghiệp văn chương của ông đã bắt đầu xuống dốc. Trước những lời phê bình đó, Hemingway bực tức lắm nhưng không nói gì cả. Ông lẳng lặng thu xếp hành lý rời bỏ đô thị ra bờ biển sống với một đàn mấy chục con mèo quý của ông. Tại bờ biển ông vừa ra khơi đánh cá vừa viết văn. Kết quả, bằng những kinh nghiệm sống ông viết cuốn *Lão Ngư Ông và Biển Cả (The Old Man and the Sea)* dài 27.000 chữ cho đăng trên tạp chí *Life*. Vừa xuất bản, tác phẩm này chấn động cả hoàn cầu: bốn triệu số báo *Life* in tác phẩm này của ông đã bán hết trong vòng 48 tiếng đồng hồ. Nhà báo phải cho tái bản 5 triệu 400 ngàn số nữa. Thế là Hemingway đã vinh quang trả thù các nhà phê bình đã chê ông.

Cái quan niệm sống để viết là một trong những nguyên tắc sáng tác quan hệ của Hemingway. Ông không ưa nằm trong “tháp ngà” để viết bằng tưởng tượng vì ông biết rằng viết bằng tưởng tượng người cầm bút sẽ không tránh được

những sự sai lầm cá thể, những ý kiến phê phán nông cạn, hời hợt. Ấu đây cũng là một lời khuyên tốt đẹp cho một số đông những cây viết ở xứ ta cũng như ở nhiều xứ khác, chỉ nằm ru rú ở một nơi để viết những chuyện “động trời”, những “pha” phiêu lưu mạo hiểm hoàn toàn bằng tưởng tượng. Đã đành rằng có những thiên tài có khả năng tưởng tượng rất đúng, nhưng những thiên tài như vậy rất hiếm hoi.

Khi sửa lại truyện ngắn *Tuyết Trên Đỉnh Núi Kilimanjaro* (*The Snows of Kilimanjaro*) thành truyện phim, Hemingway đã thêm một pha để bày tỏ quan niệm viết văn của ông là phải sống cho thật đầy đủ để lấy tài liệu sáng tác. Trong “pha” đó có một thanh niên mới lớn mơ mộng và ưa trở thành văn sĩ. Nhưng gã “mỏ trắng” đó chỉ lẩn quẩn ở xó nhà, mê một con nhỏ hay làm nũng; và gã chỉ mất thì giờ vì mối tình vụn vặt ấy.

Ông chú gã thanh niên thấy thế, bèn gọi cháu vào phòng khuyên cháu đại ý rằng:

“Cháu thích trở thành một văn sĩ, điều đó khiến chú hài lòng lắm. Nhưng cháu ạ, trên đời này có hai hạng văn sĩ: một là hạng văn sĩ chỗi cùn, viết lách lảm nhảm, hời hợt; hai là hạng văn sĩ đại tài, dám lao mình vào cuộc sống để thu thập tài liệu viết nên những tác phẩm lớn lao. Thôi, cháu hãy quên cái con nhỏ ấy đi, quên cái mối tình hời hợt vớ vẩn ấy đi, và hãy lên đường mạo hiểm làm quen với cuộc sống rộng rãi phức tạp để có thể viết được những tác phẩm giá trị, có thể trở nên một nhà văn đại tài. Hãy lao mình vào cuộc sống thật sự để có dịp đương đầu, chế ngự những nỗi khó khăn nguy hiểm, để sống cuộc sống xứng đáng của một thằng đàn ông! Đây, ta tặng cháu một khẩu súng để làm lộ phí.”

Hemingway quan niệm rằng không những cần có kinh nghiệm sống để sáng tác, nhà văn còn phải biết diễn tả những kinh nghiệm ấy một cách hết sức thành thật, phải biết kể ra đúng cái hiện tượng, cái bản chất không được giấu giếm che giấu gì cả. Chính vì thế nên những sáng tác của Hemingway đã nói lên những sự thực tự nhiên, chua chát, phũ phàng, phi lý của cuộc đời. Độc giả còn gặp

những “pha” tả chân táo bạo trong một giọng kể truyện tự nhiên.

Vì cuộc đời có nhiều màu sắc, có nhiều trạng thái khác nhau nên trong tiểu thuyết của Hemingway cũng có những màu sắc những trạng thái khác nhau như vậy. Những nhân vật tiểu thuyết của Hemingway gồm có đủ mọi hạng người trong xã hội, và mỗi một hạng người ấy lại có đủ những tính tình, đôi khi đến mâu thuẫn.

Vì sao Hemingway đã thông cảm được cái tính chất phức tạp của con người? Chính vì tâm hồn ông, nhân sinh quan của ông đã biết hướng về mọi ngả, đã vui lòng thấu nhận cả cái thiện lẫn cái ác: Ông là một người vừa phũ phàng thô bạo vừa giàu lòng bác ái; vừa lãng mạn mơ mộng, vừa can đảm, thực tế và cương quyết; vừa cảm được cái thú vị được sống chung với những người chung quanh vừa băn khoăn, hốt hoảng vì một nỗi cô độc kinh khủng.

Những nhân vật tiểu thuyết của ông đã biểu dương đúng con người thực của ông. Nhân vật Robert Jordan trong *For Whom The Bell Tolls* chẳng hạn. Chàng là một người anh hùng quả cảm đã dám chết vì trách nhiệm nhưng cũng đã rất mực si tình những khi nằm gục đầu trong ngực nàng Maria. Nhân vật Henry trong *A Farewell to Arms* cũng vậy. Chàng rất thực tế, rất quả cảm nhưng cũng hết sức mềm yếu mơ mộng khi nằm trong tay Catherine Barkley. Rồi cả những nhân vật như Jake Barnes, Brett Ashley, Robert Cohn, Mike Campbell trong *The Sun Also Rises*: họ là những kẻ sống phóng đãng, bừa bãi, nhưng họ vẫn luôn luôn thắc mắc về giá trị và ý nghĩa thật của cuộc đời. Họ đi dần vào “địa ngục” nhưng vẫn luôn luôn tìm tòi hình bóng của một “thiên đường”, và trong tâm hồn họ có những cuộc giao tranh cực kỳ dữ dội giữa những ý niệm sống trái ngược hẳn nhau.

Do vậy, những nhà phê bình không thể liệt Hemingway vào một loại văn sĩ nào, vào một trường phái văn học nào cả. Các tác phẩm của ông có nhiều tính chất: lãng mạn, cổ điển, tả chân.

Hemingway sinh ngày 21 tháng 7 năm 1899 tại làng Oak

Park thuộc tiểu bang Illinois. Thuở nhỏ ông được giáo dục trong bầu không khí tôn nghiêm, đạo đức của những trường học Công giáo và Thanh giáo ở quê nhà. Nhưng khi lớn lên, ông đã có một lối sống gần như khác biệt hẳn với lối sống mà các trường tôn giáo đã giáo dục ông lúc thanh xuân. Về sau này khi ông đã nổi tiếng, một thầy học cũ của ông đã phải kêu lên rằng: “Tôi và nhiều người khác ở Oak Park đã lấy làm ngạc nhiên về Hemingway; ngạc nhiên vì một đứa con trai vốn được dạy dỗ nuôi nấng trong một bầu không khí Thiên Chúa giáo và Thanh giáo mà lại có thể sớm biết rõ về sự quý quái và những tội lỗi thấp hèn của con người để viết nên những tác phẩm đặc sắc hiện thực đến thế.”

Vào khoảng năm 17 tuổi, Hemingway bắt đầu bước chân vào nghề ký giả để sinh nhai và viết văn. Lúc đó ông viết những truyện ngắn theo kiểu Jack London. Những truyện ngắn của ông như *Sự Phán Đoán của Manitou* hay *Sepi Jingan*, đăng trên báo Tabula năm 1946 đã đưa độc giả vào một thế giới hung bạo với cái bản chất dã man, cứng cỏi tương tự như cái thế giới trong tiểu thuyết của Jack London. Ông còn chịu ảnh hưởng lối viết của hai nhà văn Ring Lardner và Mark Twain ở lối viết linh động, hồn nhiên, xác thực và mỉa mai. Tuy nhiên, ông không hướng về đường lối trào lộng như hai văn sĩ đó.

Tuy có chịu ảnh hưởng nhưng Hemingway không nô lệ những ảnh hưởng đó. So với những tác phẩm của London, Lardner hay Twain, tác phẩm của Hemingway vẫn có những sắc thái riêng biệt hẳn. Theo quan niệm của ông, thì một nhà văn có thể lãnh hội những tinh hoa trong tác phẩm của các văn sĩ khác, nhưng lại phải biết tạo ra những cái gì mới mẻ, phải nói lên những cái gì đặc sắc hơn những cái người khác đã nói, hoặc chưa hề ai nói tới. Vào năm 1936, Hemingway đã khuyên một nhà văn trẻ tuổi như sau: “Bạn hãy nghe tôi đây: thật là chẳng ích lợi gì khi ta viết những cái mà người khác đã viết trước ta, trừ phi sáng tác của ta vượt cao hơn những cái đó. Ngay nay điều mà một nhà văn phải làm là viết những cái người ta chưa viết, hoặc đánh ngã tài năng những người đã khuất trong chính lãnh vực

sáng tác của họ.”

Trong những truyện ngắn khác như *The Golden Honeymoon* hay *The Love Nest* mà Hemingway viết hồi 18 tuổi, độc giả thấy tác giả bày tỏ quan niệm chống đối những ảnh hưởng sót lại của thời kỳ văn học Victoria trong nền văn học đương thời tại Hoa Kỳ.

Cuốn sách đầu tiên của ông cho xuất bản vào năm 1923 gồm có ba truyện ngắn và mười bài thơ ngắn với một cái nhan đề rất đơn giản là *Three Stories and Ten Poems*.

Năm sau ông lại cho xuất bản cuốn *In Our Time (Trong Thời Đại Chúng Ta)* tại Ba-lê. Với cuốn này, Hemingway bắt đầu được người ta để ý tới. Tên tuổi của ông nổi lên dần dần. Lần lượt ông viết thêm nhiều cuốn tiểu thuyết khác nhưng đặc biệt có những cuốn sau đây:

THE SUN ALSO RISES (*Mặt Trời Cũng Mọc*, 1926) –

Trong cái thành phố Ba-lê ồn ào sau cuộc đại chiến thứ nhất, một thanh niên Hoa Kỳ tên là Jack Barnes làm việc cho một tờ báo Hoa Kỳ nhưng chàng không có hứng thú gì trong công việc mình làm cả. Trong cuộc đại chiến thứ nhất, Jack Barnes là một quân nhân. Chàng bị thương ngoài mặt trận được chở về điều trị tại một bệnh viện. Tại bệnh viện, chàng gặp cô nữ y tá Lady Brett Ashley. Cô này cũng là một nạn nhân của chiến tranh: người yêu của nàng bị chết trong khói lửa, nàng phải lấy chồng khác nhưng lại đang kiện đòi ly dị. Gặp Barnes, Ashley cảm chàng và cũng được chàng yêu lại. Nhưng khổ một điều là thương tích khiến cho Barnes bất lực nên hai người không thể lấy nhau được. Thật là một thảm kịch về tình yêu.

Chẳng bao lâu nàng phải lấy một người Tô Cách Lan rượu chè be bét tên là Mike Campbell. Vì chán chường nên Ashley sống rất bạt mạng. Tuy lấy Campbell nhưng Ashley ngoại tình lung tung với nhiều người khác trong đó có anh chàng Do Thái trí thức là Robert Cohn và anh chàng đầu bò rừng Pedro Romero. Cohn rất “cay” Ashley vì chỉ được nàng tha thiết với trong vòng vài tuần lễ thôi. Vì thế, Cohn vẫn cứ đi theo Ashley để sẵn sàng “phục vụ” nàng mỗi khi nàng chán những anh khác và cần đến Cohn

tạm bợ trong giây lát.

Jack Barnes còn quen với một nhân vật Hoa Kỳ khác là Bill Gorton, cũng thuộc hạng đấng tử chuyên tìm lẽ sống trong các quán rượu và bên bọn gái giang hồ, trong đó đặc biệt có Georgette.

Barnes, Ashley, Campbell, Cohn, Gorton, Georgette tất cả những người đau khổ, chán chường, bạt mạng, truy lạc đó kết bọn kéo nhau đi lang lang trong cuộc sống vô vọng.

FAREWELL TO ARMS (*Giã Từ Vũ Khí*, 1929) – Những khung cảnh của truyện này là Ý Đại Lợi trong cuộc chiến tranh (1917 – 1918), rồi đến Thụy Sĩ, Frederick Henry là một người Hoa Kỳ lái xe Hồng Thập Tự trong quân đội Ý. Chàng kết bạn với một số quân nhân khác như Thiếu tá Rinaldi hoặc linh mục tuyên úy trong đơn vị. Bằng mối tình đầu, chàng yêu say mê Catherine Barkley, một nữ y tá người Anh có vị hôn phu bị thiệt mạng ít lâu trước khi nàng gặp Henry.

Trong một cuộc tấn công trên đèo Piave, Henry bị thương nặng được chở vào bệnh viện ở Milan để điều trị. Tại bệnh viện, chàng lại gặp Barkley và đôi trai gái này yêu nhau tha thiết, quyết tâm bảo vệ tình yêu của họ chống lại cái phi lý của đời sống chung quanh.

Khi đã bình phục và phải trở về quân ngũ, Trung úy Henry đã cùng với những nhóm quân Ý rút lui khỏi mặt trận ở vùng Udine và Gorizia, vì lý do chiến thuật bất lợi.

Nhưng vì đã rút lui khi chưa có lệnh cấp trên nên Henry bị hội đồng quân sự kết án là bỏ hàng ngũ. Khi sắp bị xử tử, chàng đã liều mạng nhảy xuống một con sông bên cạnh trốn thoát khỏi tay tử thần.

Sau vụ này, Henry quyết định rời bỏ nước Ý: vượt qua những gian lao nguy hiểm, chàng và Catherine trốn sang Thụy Sĩ. Tại xứ này, chàng và nàng đã sống hoàn toàn hạnh phúc trong ít lâu. Rồi một định mệnh chưa xót phá tan hạnh phúc của họ: Catherine chết sau khi đẻ được một đứa bé cũng đã chết. Catherine thành người thiên cổ, chỉ còn lại Henry đau đớn bước đi dưới trời mưa.

DEATH IN THE AFTERNOON (*Chết Trong Buổi Chiều*, 1932) –

Cuốn này chuyên tả về những nơi đầu bò rừng ở Tây Ban Nha cùng với những ý nghĩa và lễ nghi cách thức ở những nơi đó. Tác giả suy gẫm về mọi vấn đề liên hệ, đặc biệt là về cái chết của bò rừng hoặc của những người đầu bò. Sự diễn tả về kỹ thuật thỉnh thoảng được ngưng lại nhường chỗ cho những tư tưởng triết lý của tác giả hoặc những mâu thuẫn giữa tác giả và một bà già về lối đầu bò.

Những đặc điểm của xứ Tây Ban Nha được nói lên trong tác phẩm này cùng với những vấn đề mà tác giả hằng tha thiết đề ý tới.

FOR WHOM THE BELL TOLLS (*Vì Ai Chuông Báo Tử*, 1940) –

Cuốn này được coi là hay nhất của Hemingway. Nhân vật chính là Robert Jordan, một giáo sư người Hoa Kỳ chuyên dạy tiếng Tây Ban Nha. Trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha, Jordan chiến đấu trong hàng ngũ phe Cộng-hòa. Chàng lãnh sứ mạng phá một chiếc cầu trong phòng tuyến địch ở gần Madrid. Chàng liên lạc với một nhóm du kích quân hoạt động trong vùng núi. Trong ba ngày sửa soạn thi hành sứ mạng chàng đã có dịp chung sống với những phần tử du kích đó. Người đọc được biết những nhân vật như Pablo với vợ là Pilar, hay El Sordo cùng một vài chiến sĩ du kích khác sống cuộc đời khắc khổ và hằng hái tranh đấu bảo vệ tự do và quê hương của họ. Khi mới tới, Jordan còn gặp nàng Maria, một thiếu nữ 19 tuổi, nạn nhân của những sự tàn bạo của bọn phát xít. Jordan yêu Maria và được Maria mặc khải cho cái tính chất đam mê của người Tây Ban Nha, và cái tính chất thiết tha nồng cháy của một môi trường gần gũi.

Rồi Jordan bị thương nặng sau khi phá được chiếc cầu. Chàng từ biệt Maria, từ biệt các bạn đồng ngũ: để trung thành với lý tưởng, chàng đã nhận lãnh cái chết bằng cách một mình trở trời nổ súng bắn vào một nhóm địch quân đầu tiên đi gần tới chàng.

THE OLD MAN AND THE SEA (*Lão Ngư Ông và Biển Cả*, 1952)

Đây cũng là một cuốn tiểu thuyết rất đặc sắc của Hemingway diễn tả sức tranh đấu mãnh liệt của con người trong việc thực hiện nguyện vọng của mình. Cốt truyện rất đơn giản: miêu tả một ngư ông tuy đã già, tuy gặp nhiều đen đủi, nhưng vẫn tha thiết với nghề nghiệp, quyết tâm ra khơi để đánh cá hầu thực hiện nguyện vọng và sở thích của ông là đánh được nhiều cá không thua kém những người khác.

Lần ấy, sau bao nổi vất vả cực nhọc, lão ngư ông câu được một con cá kim khổng lồ (dài hơn thuyền của lão) buộc vào thuyền giòng về. Nhưng những lũ cá mập thường xúm đến vây quanh thuyền để ăn thịt con cá kim. Ông lão phải chiến đấu kịch liệt với những bầy cá mập để bảo vệ xác con cá kim. Khi thuyền về tới bến ông lão kiệt lực và con cá kim chỉ còn là một bộ xương.

Xét qua tác phẩm và tiểu sử đời ông, chúng ta thấy Hemingway là một người tôn thờ sự hoạt động, luôn luôn tranh đấu mạo hiểm để hưởng những thú vị của một cuộc sống khác thường, và để tạo cho mình một nhân phẩm riêng, nhân phẩm của một người không úy tử tham sinh, không ưa sống lặng lẽ trong một cuộc đời tù hãm êm ả; đó cũng chính là cái nhân phẩm của một người đàn ông giàu tình cảm nhưng anh hùng, tha thiết với tình cảm nhưng coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Trong lúc dự chiến cuộc ở Ý Đại Lợi, có lần Hemingway được người ta cất cử coi kho lương thực: hàng ngày ông đứng sau một cái quầy gỗ phát cả phê và đồ hộp cho các binh sĩ! Bị cử giữ việc phát lương thực, Hemingway tự coi như đó là một điều nhục nhã. Ông bèn xin với cấp trên cho phép được ra mặt trận, cầm lương thực phát tận tay cho các chiến sĩ đang chiến đấu trong các hầm trú ẩn. Trong lúc ông làm việc này, một trái ô-bus đã nổ ngay sát gần ông khiến ông bất tỉnh nhân sự và bị thương ở chân. Người ta bèn chở ông tới điều trị tại nhà thương ở Milan (giống như

trường hợp nhân vật Frederick Henry trong *Giã Từ Vũ Khí*). Nhân vụ này Hemingway đã được chánh phủ Ý tặng cho một tấm huy chương.

Quan niệm chiến đấu của Hemingway có phần tương tự với quan niệm của các hào kiệt thời cổ: “chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa, gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.” Và trong lúc chiến đấu, người chiến sĩ lúc nào cũng phải thành tâm. Không phải chiến đấu để khoe khoang với những người khác; không phải chiến đấu để mong đạt được danh vọng, chức tước, tiền bạc; nhưng chiến đấu để phi chí tang bồng, để bảo vệ nhân cách của một người đàn ông, để thu thập lấy những kinh nghiệm thiết thực. Những khi chỉ có một mình, Hemingway và nhân vật tiểu thuyết của ông vẫn chiến đấu tích cực, chiến đấu trong sự đơn độc, cương quyết đương đầu với nguy hiểm, đương đầu với cái chết để đạt mục tiêu, để bảo vệ lý tưởng. Trong *Lão Ngư Ông và Biển Cả*, cái lý tưởng và mục tiêu hành động của ông lão là đánh được nhiều cá, nhất là cá thật lớn. Ông lão đã già yếu rồi nhưng vẫn cương quyết đối đầu với biển khơi để thực hiện nguyện vọng của mình. Suốt tám mươi ngày trời chẳng câu được cá nhưng ông lão không nản chí; cuối cùng ông đã vật lộn suốt ba ngày ba đêm với một con cá kim lớn và rút cuộc ông thắng. Tiếp đấy, ông lại phải chống chọi với những đàn cá mập hung dữ đến ăn thịt con cá kim. Hai bàn tay rách nát, đôi vai rách nát, thân thể mệt mỏi rã rời, nhưng ông lão nhất định không dung tha bầy cá mập; ông chiến đấu đến phút cuối cùng dầu biết rằng tình thế đã tuyệt vọng. Về đến bến, con cá kim chỉ còn là một bộ xương nhưng nó chứng tỏ cái giá trị của ông lão, chứng tỏ rằng tuy ông đã già nhưng ông vẫn còn có đủ khả năng để làm những việc phi thường.

Vì biết trọng nhân phẩm nên những nhân vật của Hemingway là những người rất cương quyết hành động dầu để phụng sự cái Đẹp hay cái Xấu, cái hữu lý hay cái phi lý.

Nhân vật chính trong cuốn *Vì Ai Chuông Báo Tử*, Robert Jordan, đã chứng tỏ điều đó. Là một nhà trí thức Hoa Kỳ, Jordan gia nhập phe Cộng-hòa với mục đích chiến đấu cho

tự do, dầu chỉ là nền tự do của Tây Ban Nha chứ chưa phải nền tự do của Hoa Kỳ. Vào dịp chàng nhận lãnh trách nhiệm phá một cây cầu bên phòng tuyến của địch thì chàng lại được ném cái vị thần tiên của ái tình, một thứ ái tình chân thành nồng cháy của một thiếu nữ Tây ban Nha. Trong mấy ngày tâm hồn sôi nổi rung động vì yêu đương, Jordan vẫn không quên trách nhiệm cao quý của một chiến sĩ. Kết cuộc, Jordan phá được cây cầu rồi chết. Cái chết của chàng, chàng đã tự tiên đoán là không thể nào tránh được. Jordan đã vì cái giá trị làm người mà thực hiện công việc phá cầu, rồi chết một cách rất anh hùng rất bình tĩnh không khác gì con chó sói của Vigny. Jordan đã phải chịu một cái chết gấp đôi (*une mort double*), vừa chết về thể xác vừa chết về linh hồn: thể xác chết đi kéo theo cái chết đau đớn của một cuộc tình duyên yếu mệnh.

Nhân vật tiểu thuyết của Hemingway nhiều khi còn biểu lộ một sự khắc khoải ghê gớm về ý nghĩa cuộc đời. Nhân vật Harry trong truyện ngắn *Tuyết Trên Đỉnh Kilimanjaro*ⁱⁱ tượng trưng cho một sự băn khoăn trước cái hiện hữu phức tạp của cuộc sống và của vạn vật. Harry là một văn sĩ Hoa Kỳ; chàng bị một vết thương nhỏ ở ống chân khi cùng cô vợ trẻ Helen đi săn trong các rừng Phi châu. Vết thương bị nhiễm độc khiến chân Harry bị thối. Trong lúc nằm chờ phi cơ đến chở đi chỗ khác chữa chân, Harry đã nhìn lại suốt cuộc đời chàng và suy ngẫm về sự chết của con người. Phi cơ không đến. Giữa một thứ ảo tưởng, Harry tưởng tượng bay tới những bờ tuyết trên đỉnh núi Kilimanjaro, và chàng đã chết giữa lúc say sưa hoan lạc vì cái ảo tưởng đó. Kilimanjaro là một ngọn núi được coi như cao nhất ở Phi châu. Trong ý niệm của Hemingway (hay của Harry cũng thế) những lớp tuyết trên đỉnh núi đó biểu dương cho một cái gì cao đẹp của cuộc đời.

Ngay ở mấy dòng mở truyện, Hemingway viết: “*Sát với đỉnh núi phía Tây có đám xương đã khô của một con báo. Không ai cắt nghĩa được loài báo lên tới độ cao như thế để tìm kiếm gì.*” Câu này tuy ngắn ngủi thể thôi, nhưng nó chứa đựng những hình ảnh những ý tưởng rất thâm trầm, rất sâu sắc về hành động của những con người vừa giàu

suy tư vừa giàu sức lực như Hemingway, như Harry, như Jordan.

Không phải chỉ có những văn sĩ Pháp như J.P. Sartre hay Camus đặt ra vấn đề phi lý của cuộc sống, chính Hemingway cũng như nhiều cây viết khác, vẫn thường nêu ra cái phi lý đó, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp. Hành động tẩu thoát của Frederick Henry trong *Giã Từ Vũ Khí* chứng tỏ một phần nào sự phi lý về cái chết của Robert Jordan trong *Vì Ai Chuông Báo Tử*. Như con báo nọ, Jordan đã lên đến những lớp tuyết ở gần đỉnh Kilimanjaro để rồi chết mục xương trên đó: chàng chết bên chiếc cầu bị phá để bảo vệ “lý tưởng”; nhưng ai cũng phải nhận rằng: nếu xét cho kỹ, ta sẽ chẳng thấy rõ rệt cái ý nghĩa trong “lý tưởng” của Jordan. Cũng như con báo đã lên đến một độ cao như thế để chết, Jordan đã đi vào đất “địch” để chết. Nhưng dầu cái chết đó phi lý, cái chết đó không có một ý nghĩa đích đáng rõ rệt, nhưng nó vẫn là một thứ nhu cầu của những người mà con báo kia tượng trưng.

Hemingway, trong *Giã Từ Vũ Khí*, đã định phá bỏ cái hiện tượng phi lý của chiến tranh nhưng do đây ông lại đưa độc giả tới chỗ hoang mang hơn, Hemingway không *tạo* ra mà chỉ *nêu* ra cái tình cảnh hiển nhiên đó. Frederick Henry, sau khi bị thương rồi tìm thấy hạnh phúc trong tay Catherine Barkley, bèn chán ghét chiến tranh vì thấy nó phi lý quá, chán ghét nó ngay cả trước lúc chàng suýt bị tử hình. Frederick và Catherine bèn vượt mọi nguy hiểm gian nan trốn sang Thụy Sĩ để cùng xây tổ ấm sống một cuộc đời tràn trề hạnh phúc; nhưng hạnh phúc đó đã không bền chút nào cả, và chàng thanh niên kia lại thấy cuộc đời phi lý hơn lúc nào hết.

Nhưng bất cứ trong hoàn cảnh nào, dù thấy cuộc sống phi lý hay không, các nhân vật của Hemingway không bao giờ chán nản, hèn yếu. Nếu Jordan đã chiến đấu can đảm để phá cây cầu thì Henry cũng đã làm hết sức của chàng để bảo vệ tình yêu. Tôi nhớ đến một câu thơ của Valéry trong bài *Le cimetière marin*: Le vent se lève, il faut tenter de vivre.

Hemingway hiện là một trong số 10 tác giả quốc tế được độc giả ưa chuộng nhất. Điều này cũng chẳng lạ gì, vì các tiểu thuyết của ông rất hấp dẫn: hấp dẫn vì chúng đã hiện cho độc giả những cảm giác mới lạ phong phú về rừng thẳm, núi cao, sông dài, biển rộng, về nhiều quốc gia đặc biệt trên thế giới như Ý Đại Lợi, Pháp, Cuba, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ cùng nhiều quốc gia khác ở Phi Châu hay Nam Mỹ. Những chuyện ông kể thật đặc sắc mà thành thật, không bao giờ có cái vẻ “đi xa về gần tha hồ nói khoác.” Những cuốn như *Vì Ai Chuông Báo Tử*, *Giã Từ Vũ Khí* và *Lão Ngư Ông và Biển Cả* là những cuốn đáng được coi như hay nhất của Hemingway và cũng đáng được sắp hạng vào những cuốn tiểu thuyết hay nhất thế giới. Giọng kể chuyện của Hemingway rất bình dân nhưng không “máy nước” và tầm thường như những giọng kể chuyện của hàng “xóc” cây viết khác, và nhất là không bao giờ có cái giọng “người hùng” phách lối lâm nhảm như Lê Văn Trương chẳng hạn.

Chẳng vì thế mà hầu hết mọi loại độc giả trên thế giới, từ bình dân đến trí thức đều ưa chuộng tiểu thuyết của Hemingway. Ta cũng chẳng lạ gì khi thấy ông được tặng giải thưởng văn học Nobel năm 1954, và được tất cả các hãng phim danh tiếng ở Mỹ o bế, chiều chuộng. Tiểu thuyết của ông đã được dịch ra hàng mấy chục thứ tiếng và hầu hết đã được quay thành phim. Tại Việt Nam, chúng ta đã được thưởng thức những phim như *L'Adieu Aux Armes*, *Les Neiges du Kilimanjaro*, *Le Soleil se lève aussi* hay *Le Vieil Homme et la Mer*. Ai cũng phải công nhận rằng những phim này đều là những phim trứ danh cả.

Đến nay Hemingway đã chết. Thật là một cái tang chung cho giới văn nghệ sĩ cũng như tất cả những người yêu nghệ thuật trên thế giới. Tôi tin chắc rằng: Hemingway chết đi, nhưng tác phẩm của ông sẽ sống mãi trong tâm hồn chúng ta và tâm hồn những thế hệ kế tiếp chúng ta.

LÊ HUY OANH

Nguồn: tạp chí Văn Nghệ số 7 tháng 8-1961

VƯƠNG THÚY NGÀ

NHỮNG XỨ THẦN TIÊN

Hình như Xứ thần tiên là giao điểm của mọi mơ ước của tuổi thơ và ngay cả khi đã lớn, đã già (?) nữa, chúng ta cũng đã có hơn một lần hướng về bầu trời thần thoại ấy.

Thật vậy, chắc không có một em bé nào trên thế giới không say mê những chuyện thần tiên... Những tác phẩm của Perrault và Grimm cũng như Anderson chắc đã phải dịch ra hàng trăm thứ tiếng và những phim hoạt họa của Disney làm sống lại những câu chuyện thần thoại ấy đã được mọi người say mê theo dõi...

Hình ảnh những bà tiên, những nàng công chúa, những hoàng tử, những anh gù... và vô số những nhân vật khác như thật quen thân với chúng ta, thân đến nỗi ta quên luôn quốc tịch của họ và rất dễ dàng đồng hóa một cô bé tí hon với chữ Petit Poucet, lầm lẫn nàng Lọ Lem với hai chị em Tấm Cám...

Không còn gì thích thú bằng được ngồi một nơi yên tĩnh, xa hẳn thế giới bên ngoài, rồi đọc từ từ những câu chuyện thần thoại ấy... ta sẽ được quên đi cuộc đời này *trong chốc lát sống trong một thế giới của thuở chim muông còn biết nói tiếng người*, một thế giới tuyệt mỹ: con người không bao giờ cảm thấy cô đơn. Cô đơn sao được khi mới bắt đầu thấy đau khổ và vài ba giọt nước mắt vừa nhỏ xuống là đã có một bà tiên kiêu diễm hiện ra, vỗ vè, an ủi làm sao con khóc? Huyền diệu thay, thế giới của những giọt nước mắt, những giọt nước mắt gọi được sự thần giao cách cảm... Những giọt nước mắt làm dịu tâm hồn... Cô đơn sao được khi, dù bị con người hắt hủi, độc ác với mình thì chỉ việc ra sân sau, một mình cúi xuống bờ giếng và nói lên một câu

thân ái quen thuộc là có ngay một chú cá - một người bạn tâm sự - rồi *chúng ta* chỉ còn biết có nhau, thế giới này chỉ còn hai đứa chuyện trò vui vẻ để quên tất cả... và có thể tưởng rằng mình là người sung sướng nhất, chưa một lần biết khổ là gì...

Những sự gặp gỡ kỳ thú hiện ra dưới mọi hình thức trong những câu chuyện thần thoại và tinh thần được thể hiện gần như tuyệt diệu nhất: không phân biệt ranh giới giữa người và vật, giữa những nàng tiên và những người trần... Dưới mắt ta, một nàng tiên có thể là một con thỏ ngọc, một anh gù có thể là một tiên ông trá hình...

Nếu có ai hỏi rằng trong các truyện thần thoại mà bạn đã biết, bạn thích truyện nào nhất? Chắc bạn sẽ lúng túng vì khó nói quá phải không? Tôi cũng xin hoàn toàn đồng ý với bạn. Tùy theo lứa tuổi, tùy theo tâm tính và nhất là tùy theo hoàn cảnh, chúng ta cảm thấy thích một truyện nào đó nhất. Hình như mỗi truyện có một tác dụng thật đặc biệt trong những giai đoạn đặc biệt của cuộc sống...

Như bây giờ đây... bạn đang nghĩ đến nhân vật nào? Tôi thì tôi đang nghĩ đến Alice. - Phải, tôi đang nghĩ đến Alice với chuyến du lịch vào xứ thần tiên của cô bé...

Vào một buổi trưa buồn, Alice ngồi đọc sách với một người chị dưới gốc cây. Gió mát, cảnh vật yên tĩnh, Alice ngủ quên lúc nào không hay và mơ thấy mình đi theo một chú thỏ ngọc vào xứ thần tiên đầy những hiện tượng kỳ thú. Ở đó, Alice đã trải qua những phút giây hồi hộp, lo sợ hay vui thích, những biến dạng bất ngờ vì uống nhầm nước phép hay ăn nhầm trái tiên... Alice đã sống những phút thật tuyệt diệu, để rồi khi ra khỏi thế giới ấy là khi tỉnh giấc mơ, bên cạnh người chị đang say giấc – không biết có một giấc mơ tương tự như Alice hay không... Cũng như phần đông, tôi đã say mê chuyện ấy hồi còn nhỏ và giờ đây, dù đã lâu không được đọc lại, tôi vẫn còn cảm thấy say mê cái đẹp của câu chuyện: giấc mơ chỉ là một giấc mơ. Nhưng giấc mơ ấy còn sống mãi trong lòng Alice và bây giờ, có lẽ muốn vào xứ thần tiên, Alice không cần phải tìm giấc ngủ trưa, không cần nhờ chân thỏ ngọc mà chỉ cần

cho trí tưởng tượng *bay cao* và nhất là nếu *hiện nay* Alice đã lớn, đang sống một cuộc đời bình thường như chúng ta, chắc hẳn xứ thần tiên cũng thường hiện về trong tâm trí. Mỗi người có một xứ thần tiên cho riêng mình, không ai giống ai và có khi chỉ thần tiên với riêng người ấy: Lưu Nguyễn thì có Thiên thai, anh chẵn cừu của A. Daudet thì có một đêm sao sáng – đêm kỷ niệm đẹp tuyệt vời trong đời vì có vì sao lạc Stéphanette ngủ tựa đầu lên vai một vì *sao khác* vì quên đường về, với nàng công chúa Anne trong Vacances Romaines thì xứ thần tiên lại là thành La Mã, quê hương của chàng “*kỵ mã*” Bradley hào hoa, tâm hồn cao quý, coi tình yêu nàng hơn *ngân chiếc ngai vàng* nhưng cũng sẵn sàng hy sinh *tình yêu mây bay* ấy khi cần...

Và còn nhiều, còn nhiều nữa... chắc không ai không có trong đời một kỷ niệm đẹp, một xứ thần tiên thơ mộng, một bầu trời mơ ước... cho riêng mình.

Bầu trời mơ ước ấy càng trở nên lộng lẫy huy hoàng, thần thoại... khi tất cả chỉ còn là kỷ niệm... Dĩ vãng đẹp vô cùng và luôn luôn được viết bằng chữ hoa. Có lẽ hiện tại không bao giờ là một thực tại mong muốn. Thời gian đẹp nhất luôn luôn là *thuở ấy*. Chỉ có *thuở ấy*, thuở mà *không gian chìm đắm trong mơ* ấy mới là quãng đời lý tưởng... Hiện tại thường bị lu mờ, lạ lùng thật nhưng cũng có lý thay hiện tại thường bị lu mờ khi một cơn mơ ập đến, khi hình ảnh của một kỷ niệm hiện về... Người ta luôn luôn cảm thấy mình *bay cao* trong bầu trời mơ ước. Cầu mong cho tất cả đừng bao giờ bị *gãy cánh*, đôi cánh của ký ức và ước mơ... Hãy cứ bay cao và xứ thần tiên luôn luôn trước mặt - ở trước mặt nhưng không ở trong tầm tay, và đừng bao giờ với tới, đừng bao giờ tìm cách nắm giữ... Vì có nghĩa gì đâu một sự chiếm hữu thường tình! Những cơn mơ như những vì sao trong đêm tối thật, nhưng nếu tìm cách bắt giữ, thì trong tay ta, chúng chỉ là những sâu bọ tầm thường... Những chiếc bong bóng trông như thủy tinh long lanh đủ màu sắc trên mặt hồ xanh biếc chợt biến, chợt hiện theo những giọt mưa từ trời cao đổ xuống đẹp biết bao. Nhưng đừng bắt chước nàng công chúa nọ, đòi

lấy những bọt nước để xâu thành tràng hoa bong bóng vì... ngay khi ta bước xuống hồ để vớt những bọt nước ấy thì chúng đã vỡ tan và giả thử có phép gì làm cho bong bóng đừng vỡ đi nữa thì trong tay ta cũng chỉ là những giọt nước ướt át, tầm thường, ý nghĩ kết thành tràng hoa bong bóng muôn màu cũng tan theo bọt nước kèm với nỗi nuối tiếc mênh mông vì một hình ảnh đẹp không còn nữa...

Những ước mơ, những xứ thần tiên... đẹp làm sao, vì chúng ta không bao giờ đến được hay nói đúng hơn - chỉ đến được trong mơ... Đó là chiếc gối bọc nhung cho mỗi người, để những buổi trưa chói nắng của cuộc đời, những lúc cảm nghe cô đơn tuyệt đỉnh, hay những khi trời đẹp mà không có ai để “cùng gọi tên một bầu trời xanh” thì chúng ta lại vùi đầu vào chiếc gối êm ái ấy, ngủ một giấc ngủ dài, để mọc cánh bay về xứ thần tiên của riêng mình, trong đó có nàng tiên hiền dịu, sẵn sàng đỡ dành và san sẻ nỗi cô đơn... để rồi sau đó, lại thức giấc và bắt đầu một chu kỳ khác của cuộc sống với nụ cười trên môi và một niềm yêu đời trong lòng...

■■■■■■■■■■

LÊ AN

Lá Thư Không Gửi

Thứ Hai, ngày ... tháng ... năm ...

Bạn lớn thân mến,

Ba mươi chín năm trước trong lá thư đầu tiên với tư cách độc giả viết thư cho nhà văn, tôi gọi Bạn bằng ông và xưng là Bạn nhỏ. Bạn bảo làm Bạn nhớ đến cách xưng hô của hai nhà văn nổi tiếng thời bấy giờ. Ngọc Sáng xưng là tiểu

muội và gọi Vua Ngọc Đẹp là Bạn lớn. Khi biết điều này tôi ngạc nhiên, lạ thật, tên của cả hai người đều có chữ Ngọc. Tôi không cố ý bắt chước nhà văn lớn, có lẽ vì đọc và nhập tâm lúc nào không hay. Bạn viết, Bạn còn rất trẻ, (chỉ hơn tôi một tuổi) xin đừng gọi Bạn là ông. Nhắc như thế, Bạn nhận ra tôi không? *Hẳn người thôi đã quên ta?* [1] Nếu thư này viết bằng tay, liệu Bạn có nhận ra nét chữ?

Hàng chữ rất nhỏ trên một trang báo mạng ở Việt Nam đăng tin mẹ Bạn qua đời. Tôi xin chia buồn dù rất muộn. Đã từ lâu tôi tự hỏi không biết cuộc sống của Bạn như thế nào có còn viết văn hay không. Tôi có để ý quan sát nhưng không thấy tên thật hay bút hiệu của Bạn trên mạng. Tôi nghĩ Bạn là người yêu văn chương, không dễ gì bỏ viết. Nay thấy tên Bạn đang làm việc cho một tờ báo lớn, tôi nghĩ có lẽ Bạn chỉ viết trên báo giấy hay đã dùng bút hiệu khác.

Chỉ mới gần đây tôi mới được biết chút tin về Bạn. Số là nhà văn Đoàn Huyền viết giới thiệu tập thơ của nhà thơ Bột Đỏ. Tôi nhớ bút hiệu này vì nó làm tôi liên tưởng đến chất bột màu đỏ tươi bán trong tiệm thuốc bắc. Ngày xưa người ta nuôi thằn lằn bằng cái bột đỏ này rồi lấy máu chấm lên tay các nàng trinh nữ làm Thủ Cung Sa. Nhà thơ Bột Đỏ trước năm 75 làm việc ở tờ báo Tuổi Trẻ Khuê. Bạn ở chung nhà với ông Bột Đỏ bài tôi gửi đến tòa soạn không đăng ông mang về cho Bạn đọc để Bạn có dịp chế nhạo tôi. Thế nào, đến đây Bạn đã nhớ ra tôi chưa?

Lúc ấy Bạn là nhà văn đang lên, có nhiều độc giả, còn tôi chỉ là con nhỏ nhà quê, một độc giả thầm lặng. Bạn không nhớ ra tôi cũng là chuyện bình thường. Còn tôi thì mỗi khi nhớ về ngày xưa, về tuổi trẻ mơ mộng của tôi, tôi lại nghĩ đến bạn, người đã trao đổi thư từ với tôi rất nhiều năm. Nếu tôi nhớ không lầm lá thư đầu tiên tôi viết vào khoảng năm 1973, và lá thư cuối cùng tôi nhận có lẽ phải vào khoảng năm 1984. Năm 1973 báo Thời Nay có mục Quê

Hương Mến Yêu, tiền nhuận bút chừng hai ngàn cho bài viết chừng một ngàn chữ. Bạn viết một bài về quê của bạn, một vùng đất khá màu mỡ nằm phía Tây Bắc Sài Gòn với những rừng cao su xanh bạt ngàn. Số tiền nhuận bút ấy khá lớn đối với một cô học trò Trung học nghèo làm tôi thêm. Thời ấy những cây bút tập tễnh chỉ mong bài được đăng báo chứ không dám mơ có tiền nhuận bút. Lúc ấy tôi ở Sài Gòn nhưng đi học ở ngoại ô. Tôi muốn viết về địa danh trường Trung học của tôi nhưng tôi sợ. Sau khi đọc bài Bạn viết tôi làm gan viết thư hỏi ý kiến của Bạn. Hỏi Bạn vì cách Bạn viết rất chừng chạc tôi ngỡ Bạn phải là người lớn tuổi hơn tôi rất nhiều và dĩ nhiên là kinh nghiệm văn chương đầy mình. Tôi cũng thú nhận tôi là độc giả của mấy tờ báo Tuổi Ô Mai, Tuổi Bông Khuâng. Tôi yêu cầu nếu Bạn là nhà văn xin Bạn viết cho mấy tờ báo đó để tôi có dịp đọc. Không ít lâu, tôi ngạc nhiên nhận được một phong thư khổ dài có in logo báo Tuổi Bông Khuâng. Bạn cho biết Bạn thường xuyên cộng tác với tờ báo tôi thích đọc. Rồi bài tôi viết cũng được đăng, và được đọc lên trên đài phát thanh. Bạn tình cờ nghe được và viết thư chia vui với tôi. Từ đó tôi sung sướng tự xem mình là Bạn của nhà văn.

Thời bây giờ không còn ai thích viết thư, nhưng tôi vẫn thêm đọc thư. Thư, tự nó đã mang ý nghĩa của sự ngăn cách xa xôi, vì ở gần người ta có thể chuyện trò hò hẹn chẳng ai viết thư làm gì. Thư vì thế thường là biểu tượng cho một cái gì không trọn vẹn. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết *“Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo. Tình thì buồn như tất cả chia ly.”* Những lá thư qua lại giữa tôi và Bạn không thể nói là thư tình vì giữa tôi với Bạn *tờ thư và cuối cùng trang giấy* đã không có *những chữ y(êu) dài trông rất ngoan*^[2] có chăng chỉ là sự trao đổi những suy nghĩ trong cuộc sống hằng ngày. Tôi đã quên những gì tôi viết cũng không nhớ Bạn đã viết gì. Tôi chỉ nhớ trong cuộc sống đơn giản của tôi những lá thư của Bạn mang đến niềm vui với những ước mơ thầm lặng cho một cô bé vừa mới lớn. Tôi

chờ đợi ông phát thư hằng ngày. Nỗi chờ đợi những lá thư của Bạn nấu nung đến độ tôi nhớ hai câu thơ nhưng không nhớ tác giả *“Người phát thư vừa qua khỏi cửa, lòng em như đại lại như mây.”* Ôi, thời trẻ con vụng dại mà, chuyện ngày xưa nhắc lại để tự chế nhạo mình chứ tôi không có ý định rù quên Bạn đâu. Ngày còn trẻ không được thi thôi chứ bây giờ thì lửa tắt bình khô rượu rồi sức đâu mà rù với quên. Phận trần như thế để mong hiền nội Bạn và phu quân tôi đừng nổi giận nếu có bao giờ quý nhị vị đọc những dòng chữ này và cũng mong là Bạn đừng chế nhạo tôi là người giỏi chèo thuyền riêng trên dòng nước ngược.

Nói quanh co mà quên hỏi thăm cuộc sống của Bạn như thế nào? Trong lá thư cuối cùng Bạn bảo rằng Bạn sẽ thôi viết thư để thì giờ quạt than cho vợ. Từ độ *chim quên bỏ thôn Đoài*[3] tôi cũng đã lập gia đình và có hai con. Kể ra tôi là người may mắn. Trước năm 1975 tôi có một tuổi thơ đầy hạnh phúc và chỉ từ năm 1975 đến 1985 thì hơi vất vả nhưng thời ấy ai mà chẳng vất vả. Từ năm 1985 đến bây giờ cuộc sống của tôi rất êm ả. Chồng tôi là anh chàng Bạn gặp trong bữa ăn cuối cùng ở nhà tôi trước ngày tôi vượt biên. Ngày mới lấy nhau tôi e ngại Chàng là người chỉ có thể sống chung lúc khó nghèo. Sau mấy thập niên Chàng vẫn hiền hòa dịu dàng, vẫn bảo bọc và rộng lượng với tôi. Chúng tôi chưa bao giờ giàu có, chỉ bớt nghèo hơn xưa.

Nhiều khi tôi nghĩ, giá Bạn đừng đến tìm tôi sau tháng Tư năm 1975 thì chắc tôi sẽ không có chuyện gì để kể và những kỷ niệm ngày mới lớn của tôi mãi mãi nằm trong những lá thư. Ngày Bạn đến tìm tôi Bạn mặc áo màu xanh da trời, quần màu tím than. Mắt Bạn to và rất sâu, đuôi mắt có nhiều nếp nhăn trông mơ mộng hơn và gầy hơn chàng tuổi trẻ trong bức ảnh đăng trên báo Tuổi Bông Khuâng trong loạt bài giới thiệu các cây bút trẻ. Có lần Bạn đưa tôi đi dạo phố Lê Lợi ăn thịt phá lấu ghim bằng cây tăm, trong lúc đi Bạn giới thiệu quyển Cuốn Theo Chiều Gió, dặn,

nếu tôi chưa đọc thì nên tìm đọc. Sau này khi vốn liếng tiếng Anh khá hơn tôi tìm đọc lại quyển này dù ngày xưa nghe lời Bạn tôi đã đọc ngay. Phải nhiều năm sau tôi mới thấy thương cái lỡ thời lỡ vận của những anh chàng trí thức dù may mắn còn sống sót sau chiến tranh nhưng không thể dùng cái trí thức của mình để kiếm sống. Không thể làm công việc tay chân vì tự cao tự ái và cũng vì không thể tranh giành với những kẻ có địa vị trong xã hội thấp kém hơn. Cuốn Theo Chiều Gió mang hình ảnh một quốc gia bị tàn phá sau cuộc nội chiến. Vết thương chiến tranh với nước ngoài có lẽ dễ lành hơn vết thương gây ra trong nội chiến. Bạn là một trong những người đã đưa tôi đến với văn chương. Có lẽ Bạn đã quên nhưng ngày hôm ấy tôi rất xấu hổ vì trên mặt nổi vài cái mụn to sưng vù tôi phải thoa nghệ vàng cho mau lành. Bạn vẫy tay chào chị Ky Lam, một nhà văn nổi tiếng khác đã có nhiều sách xuất bản trong tủ sách Tuổi Hồng. Bạn cũng có vài ba quyển đang chờ xuất bản. Chị Ky Lam bây giờ thường xuất hiện trên các mạng và chị cũng cộng tác với Thư Quán Bản Thảo. À, sẵn đây tôi nhắc lại cho Bạn nhớ chuyện này. Ngày xưa khi tôi mới quen Bạn tôi biết tên thật mà không biết bút hiệu. Cứ mỗi lần bài của Bạn xuất hiện trên tạp chí nào đó; Bạn bảo tôi đọc tạp chí ấy rồi đoán xem bài nào của Bạn. Lần nào tôi cũng đoán sai. Có lần tôi đoán Bạn là nhà văn Vũ Hoàng; Bạn cười bảo ông ấy lớn hơn Bạn cả chục tuổi. Nhưng văn của Bạn người lớn lắm chắc Bạn không biết? Có lần bài của Bạn xuất hiện trên một tạp chí văn học, tôi đoán Bạn là nhà văn Trần Hoài Thư, dĩ nhiên là trật nữa. Có lẽ tôi làm Bạn thất vọng vì tôi kém tinh tế. Quên nữa, ông Trần Hoài Thư bây giờ là láng giềng của tôi. Thỉnh thoảng bài của tôi xuất hiện trong tạp chí Thư Quán Bản Thảo của ông. Bạn còn nhớ ông nhà văn này không?

Nhiều năm sau, khi tôi xem phim *An Affair To Remember* tôi không thể nào không nhớ đến một chuyện tương tự của nhà văn Võ Hồng. Nhưng đã nhắc thì xin để tôi kể cho có đầu có đuôi, bởi vì rất có thể Bạn không còn nhớ. Đó là một buổi tối Bạn dẫn tôi đi phố. Tôi mặc cái áo

màu cánh sen ngắn tay và cái quần rộng thùng thình tũn tũn *chó táp ba ngày không tới*. Trời ơi sao mà tôi khờ khạo quá đi chơi với Bạn mà không biết trang điểm cho đẹp. Thật ra tôi không có mặt thẩm mỹ càng diện càng xấu thêm và cũng không có quần áo đẹp. Bạn đưa tôi đến một quán cà phê có trình diễn dương cầm. Bài dương cầm đang được trình tấu là bài Áo Ảnh của Y Vân. Bài hát mở đầu với những câu “*Yêu cho biết sao đêm dài, cho quen với nồng cay.*” Nhưng mà để tôi nói nốt chuyện dẫn đến truyện ngắn của Võ Hồng, chút nữa tôi sẽ trở lại với bài Áo Ảnh, hay nói cho đúng, trở lại với những kỷ niệm từ bài Áo Ảnh. Bạn đưa tôi về, ban đêm, đèn vàng hiu hắt, trước đó trời đổ cơn mưa trên đường còn đọng vài vũng nước nho nhỏ. Bạn cầm ngón tay út của tôi rất nhẹ, đưa tôi tránh vũng nước.

“Vũng nước làm anh nhớ đến truyện ngắn của Võ Hồng.”
 “Truyện tên gì? Đăng ở đâu? Số báo nào?”
 “Anh không nhớ. Hình như trên Văn.”

Tôi không dám hỏi thêm vì thấy mình hiểu biết về văn học quá ít, nhưng tôi lẳng lặng đi tìm và biết đó là truyện Võ Hồng viết rất gần với chuyện phim *An Affair To Remember* do Cary Grant và Deborah Kerr đóng. Trong đó hai người yêu nhau trên một chuyến tàu, hẹn gặp nhau ở The Empire State Building sáu tháng sau. Terry McKay, nhân vật nữ, lỗi hẹn vì bị tai nạn và sau đó trở nên tàn tật. Trong truyện ngắn của Võ Hồng có một công chức góa vợ hẹn với một cô giáo ông mới quen và bắt đầu yêu. Trên đường đi người đàn ông nắm tay nàng tránh một vũng nước. Lần hẹn sau họ không gặp nhau vì lúc đi ngang qua một công trường xây cất có người bị viên gạch rơi trúng đầu và trở nên hôn mê. Bây giờ thì tôi đã quên không biết nhân vật bị viên gạch rơi trúng đầu là người đàn ông góa vợ hay là cô giáo chưa chồng. Nhưng chẳng hề gì vì cứ mỗi lần tôi tình cờ gặp lại phim này là tôi lại nhớ truyện ngắn của ông Võ Hồng có ông công chức nắm tay cô giáo tránh một vũng nước nhỏ. Và có biết bao nhiêu lần hề tôi

gặp vũng nước nhỏ là tôi nhớ đến truyện của ông Võ Hồng.

Áo Ảnh là một trong những bài tôi thích. Có lần tôi và lang quân của tôi cùng hát karaoke ở một buổi reunion ở trường đại học của chàng, tôi đã chọn bài hát này. Thật là đại đột vì cả tôi và chàng đều không có giọng nhưng tôi chọn bài này vì nó là một bài hát ngủ quên trong trí nhớ. Hôm ấy Bạn gọi cho tôi ly chanh có pha Rhum, rất ngon. Sau đó tôi không còn nếm mùi Rhum nữa vì lang quân của tôi chỉ thích wine. Mỗi khi nghe bài Áo Ảnh là tôi nhớ đến ly nước chanh có pha rượu Rhum.

Tôi mừng vì tuy Bạn là người viết văn nhưng Bạn lại có óc thực tế hơn tôi. Bạn là người nhận ra chúng ta quá nghèo để có thể nghĩ đến chuyện tương lai. Tôi biết Bạn nghèo khi lần tôi đến thăm Bạn được Bạn mời ăn cơm trưa. Bữa ăn có chén muối vừng kiến bò lổm nhổm mà Bạn, và những người ở chung trong căn nhà nhỏ mệnh danh là ở *một nơi ai cũng quen nhau*, tỉnh bơ chằm vào chén muối đậu có kiến như thể kiến là thành phần của muối đậu. Còn Bạn đến tìm tôi thì tôi cứ nơm nớp sợ là nếu Bạn đi sâu vào con hẻm một chút Bạn sẽ thấy có một cầu tiêu công cộng, bắn thiu hôi hám, giòi bò lúc nhúc, Bạn sẽ nhận ra cái nghèo nàn của người sống trong khu ổ chuột. Bạn thì vất vả tự kiếm sống với cái nghề gõ đầu trẻ để nuôi mộng văn chương, còn tôi thì không đủ sức tự nuôi lấy bản thân. Tôi không trở thành cái gì của Bạn cũng là một may mắn, phải không?

Tôi mãi kể chuyện ngày xưa mà quên hỏi chuyện bây giờ. Bạn làm việc cho tờ báo lớn ấy nên bây giờ Bạn sống ở thành phố chứ không còn ở nơi có rừng cao su, hoa lan rừng, và những con chim sáo nữa? Chỗ tôi ở bây giờ là một thành phố nhỏ có rất nhiều cây, như rừng. Có một lần con chim sáo xây tổ ngay trên cửa sau nhà tôi để được ba cái trứng màu xanh; tôi nhớ trong một truyện ngắn Bạn viết có tả nhân vật mặc áo màu xanh trứng sáo. Nơi tôi ở

cũng gần biển, độ một giờ lái xe. Bạn thích viết về biển, về những con chim hải âu trong phim mùa hè 42. Tôi tìm xem phim mùa hè 42 không mấy thích câu chuyện tình “hư hỏng” này có lẽ vì tôi xem khi tôi đã là người lớn. Còn Bạn, chắc tưởng tượng mình là cậu bé lãng mạn trong phim? Mỗi đến giờ này tôi vẫn nghe tiếng nhạc trong phim Mùa Hè 42 mỗi khi nghe tiếng sóng và tiếng hải âu. Thật tình tôi không có nhiều điều về Bạn để nhớ, tôi chỉ nhớ những điều Bạn viết. Bạn viết Bạn tham ăn nên ngày Tết Bạn cứ ước mình biến thành con bò, dĩ nhiên không phải để ngu như bò, mà vì bao tử của bò có bốn ngăn, Bạn có thể ăn ngón cho nhiều rồi sau đó sẽ nhả nhai lại. Nhân vật của Bạn có tên rất thơ mộng, Biển nhỏ. Trong một truyện ngắn Bạn tả một giấc mơ, trong đó có hai đứa bé ở hai bên bờ núi giữa là vực thẳm đầy hoa đỏ cổ nắm tay nhau trong tuyệt vọng. Bạn bảo trong Lá Thư Gửi Người Thi Sĩ Trẻ Tuổi, Rainer Maria Rilke bảo rằng người ta chỉ nên viết khi nào cảm thấy nếu không viết được thì sẽ chết. Tôi chưa bao giờ cảm thấy nếu không viết được thì sẽ chết. Có người bảo rằng với một chút mơ mộng và đại dốt người ta có thể trở thành nhà văn. Mơ mộng và đại dốt thì tôi có thừa nhưng có lẽ cuộc đời tôi bình yên quá nên tôi không có điều gì cần phải viết.

Bây giờ nhìn lại, tôi thấy tôi là người đam mê nhiều thứ và rất mãnh liệt. Tôi cũng rất mau chán, có lẽ tôi dùng cái đam mê mới để lãng quên cái đam mê cũ. Chỉ có một đam mê tôi theo đuổi suốt đời đó là đam mê về văn học, dù mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa có trong tay một tác phẩm. Tôi yêu văn học vì nó làm phong phú tâm hồn tôi nhưng tôi tự biết sẽ không bao giờ là nhà văn. Ngày còn nhỏ tôi thấy mình không đủ kiến thức để viết. Đến giờ này tôi vẫn thấy mình chưa đủ kiến thức, thêm vào đó là thiếu óc tưởng tượng và thiếu sự rung cảm mãnh liệt. Có lẽ tôi sợ. Cái sợ của những diễn viên tuy đã rất quen ánh đèn sân khấu nhưng vẫn sợ hãi sẽ không thể diễn được khi ra trước khán đài. Có lẽ tôi sợ nếu tôi thực hiện được ước mơ này tôi sẽ không còn một mơ ước nào nữa để tiếp tục sống nốt quãng

đời còn lại.

Nếu hỏi rằng vì sao Bạn là dấu ấn đậm nét trong tâm hồn tôi, tôi không biết phải trả lời thế nào. Có lẽ tôi gặp Bạn khi tâm hồn tôi là trang giấy trống không. Có lẽ tôi ngưỡng mộ Bạn là nhà văn nổi tiếng trong khi tôi chỉ tập tành viết. Có lẽ cái đam mê văn học của Bạn đánh thức cái đam mê văn học trong tôi. Quen với Bạn tôi tập nhìn cuộc đời, khoảng trời của tôi trong thành phố bé như bàn tay bồng xanh hơn. Bạn mở cánh cửa văn học, âm nhạc, phim ảnh, mà Bạn tích lũy trong quá trình tự học làm nhà văn cho tôi nhìn. Con sông nước đen ngòm nơi tôi ở được thay thế bằng những cánh lan rừng Bạn hái trong rừng cao su. Nhắc đến lan rừng tôi lại nhớ Bạn mang đến tặng tôi một chậu lan dại dùng tưới nước nhiều lan sẽ chết. Không lâu sau đó cây lan chết làm tôi buồn hiu hắt vì tôi có cảm tưởng là tình Bạn của chúng mình rồi cũng sẽ chết vì tôi không biết dưỡng nuôi. Có lần mùa xuân tôi đưa con tôi đi chợ mua hoa. Đang lui cui với những chậu hoa tôi bỗng ngửi thấy mùi hoa lan ngày cũ. Tôi tìm và gặp loại lan đất này. Ở đây người ta gọi nó là hyacinth. Loại này nở vào mùa xuân rất mau tàn, nếu chăm đúng cách nó nở hằng năm. Lần gặp lại hoa hyacinth trong đầu tôi ngân nga mấy câu thơ "*Chiều nào đã tạnh cơn mưa. Mà giông tố cũ còn chưa muốn tàn.*" Tôi nhận ra trong tâm hồn mình có cơn gió nhẹ không đủ gây giông tố nhưng phảng phất mùi hương.

Chinua Achebe, nhà văn Phi châu, có văn phong đầy *dignity* nhiều người cho rằng ông xứng đáng được giải Nobel, bảo rằng để trở thành nhà văn người ta cần phải có ba điều kiện. Một, có ước muốn mãnh liệt được kể một câu chuyện. Hai, có một câu chuyện đặc biệt chỉ chờ tuôn ra. Và, câu chuyện ấy phải xứng đáng để mình tốn thời gian và tâm sức để thực hiện. Tôi thiếu cả ba điều kiện để trở thành nhà văn. Nếu ngày xưa chúng mình có gì với nhau thì có lẽ tôi sẽ có câu chuyện để viết thành tiểu thuyết. Tôi cho là chuyện của tôi sẽ hay hơn quyển Yêu Một Người Viết Văn của Nhã Ca. Truyện của tôi sẽ thật hơn và vui

hơn vì *chuyện đôi ta buồn ít hơn vui*[4]. Ở tuổi này tôi trở nên lảm cẩm quên hầu hết những chuyện vừa mới xảy ra, nhưng những chi tiết trong các truyện ngắn Bạn viết tôi còn nhớ khá nhiều, không thể kể hết một lần trong một lá thư mà có kể có lẽ cũng chẳng ai muốn đọc. Tôi quan niệm, thư, cho dù là thư tình, chỉ có giá trị, chỉ hay với người trong cuộc. Người ngoại cuộc đọc sẽ thấy nhảm nhí và lãng nhách. Tôi dám nói như thế vì tôi đã đọc biết bao nhiêu bức thư tình của Jack Kerouac với Joyce Johnson, của Napoleon và Josephine, của F. Scott Fitzgerald và Zelda, và còn nhiều cặp tình nhân nữa. Giữa tôi và Bạn không có cái gọi là tình yêu và tôi cũng không giữ lại bức thư nào. Một số thư của Bạn tôi đã cho vào một hộp sắt và gửi trả lại bạn. Tuy nhiên, mỗi khi hồi tưởng đến thời niên thiếu, như đã nói người già không nhớ chuyện hiện tại chỉ nhớ thời xa xưa, tôi không thể không nghĩ đến Bạn. Thỉnh thoảng tôi vẫn còn nằm mơ thấy nhận thư của Bạn. Cái phong bì xanh, hàng chữ màu nâu ngả ngòi trên những tờ giấy không kẻ hàng. Tôi luôn luôn thức giấc trước khi đọc xong lá thư. Một đôi lần những hàng chữ nâu ấy biến thành những con voi bé tí nắm đuôi nhau làm thành cây cầu băng qua không trung, có khi chúng biến thành những cánh hoa màu đỏ thắm. Đôi khi tôi gặp một bài thơ rất dài bằng tiếng Hán Việt tôi không hiểu nghĩa. Khi tỉnh dậy tôi thấy có chút gì tiêng tiếc, muốn được đọc tiếp bài thơ hay tự hỏi Bạn viết gì trong thư. Cầu chúc Bạn và gia đình được nhiều sức khỏe. Tôi dùng một câu trong một lá thư Bạn gửi. *Đường dài hạnh phúc*. . .

Thân mến,
Bạn nhỏ ngày xưa.

TB: Có lẽ Bạn đã quên nhưng tôi vẫn còn ân hận. Mong Bạn tha lỗi cho tôi, con bé nhà quê thô lỗ. Ngày xưa trong một lúc nông nổi tôi đã bảo rằng văn chương chữ nghĩa trên giấy chỉ đáng để bán kí-lô cho người ta gói hàng chứ chẳng ai chùi đít vì giấy cứng. Đó cũng là một lý do ngăn tôi không trở thành nhà văn.

[1] Thơ Minh Đức Hoài Trinh, nhạc Phạm Duy.

[2] Thơ Nguyễn Sa.

[3] *“Chim quên từ độ bỏ thôn Đoài, chim chẳng buồn tha thiết gọi ai. Về phía Đông gặp cảnh hoa trắng, quận đau lòng nhớ phiền tâm mai.”* thơ Phạm Thiên Thư.

[4] Ngàn trùng xa cách, lời & nhạc Phạm Duy.



HÀ QUẾ LINH *BUỒN VUI ĐỜI THÁM KÍCH.*



Tranh Thân Trọng Minh

Thám kích (TK), theo tiếng Mỹ gọi là Highland Scout, là một binh chủng chỉ dành riêng cho quân khu 2 được thành lập để phù hợp với địa thế núi non hiểm trở của vùng

cao nguyên. Binh chủng thám kích có tất cả là 13 đại đội từ 401 TK đến 413 TK. Sáu đại đội từ 401 TK đến 406 TK trực thuộc sự điều động của sư đoàn 22 BB và bảy đại đội từ 407 TK đến 413 TK trực thuộc sư đoàn 23 BB. Các đại đội này phần đông là các sắc dân thiểu số, được hưởng tiền binh chủng như nhảy dù, biệt động quân, hay TQLC. Khi mới thành lập từ sĩ quan đến binh sĩ phần đông sắc tộc cao nguyên, sau này đưa sĩ quan người Kinh thay thế dần.

Đơn vị thám kích có nhiệm vụ chính là xâm nhập vào vùng địch lấy tin tức tình báo, bắt cóc cán bộ địch, đi từng toán nhỏ, nhảy điều hâu, đánh chớp nhoáng chứ ít khi tấn công chiếm mục tiêu.

Trước năm 1970, việc cổ vũ các đại đội thám kích được đảm trách bởi các sĩ quan Lực Lượng Đặc biệt Mỹ.

Để bảo vệ an ninh phòng thủ cho Bộ Tư Lệnh sư đoàn 22 BB còn đồn trú tại Bà Gi gồm có hai đại đội thám kích 401, 405 và đại đội 22 trinh sát. Ba đại đội này biệt lập dưới sự điều động của phòng nhì và phòng ba sư đoàn. Chúng là những con cưng và đơn vị tôi - 405 TK - được vinh hạnh trong nhóm này.

Sau khi chức tư lệnh sư đoàn 22 BB được Thiếu tướng Triển bàn giao cho Đại tá Đạt - tỉnh trưởng Phước Tuy Vũng Tàu, thì bắt đầu có sự lúng củng giữa đại tá Đạt và Đại tá Lê khắc Lý tham mưu trưởng sư đoàn 22 BB – một sĩ quan tham mưu tài ba và phục vụ lâu năm tại Bộ Tư Lệnh sư đoàn 22, mà ai cũng nghĩ ông sẽ giữ chức tân tư lệnh, thay thế tướng Triển. Kết quả Đại Tá Lý được điều động lên Kontum nhận chức vụ tư lệnh tiền phương.

Bộ tư lệnh tiền phương là hậu thân Bộ Chỉ Huy Biệt khu 24 do Đại tá Nguyễn bá Liên chỉ huy, bị tử nạn rút trực thăng trong khi thị sát chiến trường. Lực lượng chính của biệt khu gồm có trung đoàn 42 biệt lập và ba đại đội thám kích 403, 404, và 406, nay được sát nhập vào sư đoàn 22. Kể từ khi Đại tá Lý lên nắm chức tư lệnh tiền phương, ông lần lượt đưa các sĩ quan nòng cốt của sư đoàn lên thay thế các đơn vị trưởng như trung úy Lê văn Sô - đại đội phó 401 TK lên làm Đại Đội Trưởng 403 TK thay Đại Úy Lâm

bình Sanh, Đại Úy Ngô đình Thiên - Đại Đội Trưởng 22 trình sát lên thay Đại Đội Trưởng 406 TK do Đại Úy Ngô Thanh và tôi, Đại Đội Trưởng 405 TK, lên thay Đại Đội 404 TK của Đại Úy Hồ Hữu và sau cùng là Trung Tá Nguyễn hữu Thông thay thế trung đoàn trưởng 42 do trung tá Hai chỉ huy.

Khoảng tháng 6 năm 1971 chiến sự vùng cao nguyên nở rộ. Những trận đánh khốc liệt, liên tục từ tam biên càng ngày càng lấn sâu nội địa. Dịch bao vây các căn cứ 5 và 6 là những tiền đồn phòng vệ của thị xã Kontum. Về hướng bắc và tây bắc, chúng đe dọa tiền đồn Banhet, chi khu Dakto và Tân Cảnh Bộ Chỉ Huy trung đoàn 42. Về hướng nam trên trục lộ 19 từ Pleiku lên Kontum, đèo Chupao là địa điểm trọng yếu, xương máu cả 2 bên đổ ra không ít. Hôm nay ta chiếm lại đèo, ngày mai đèo lại bị địch chiếm, giằng co qua lại gây thêm máu đổ, thịt nát cho lớp thanh niên sinh lâm thế kỷ cả Nam lẫn Bắc.

Đại tá Lý - tư lệnh tiền phương, phải chống trả hết mặt trận này đến mặt trận khác mà trong tay chỉ có một trung đoàn 42 gồm 4 tiểu đoàn và 3 đại đội thám kích, thỉnh thoảng được tăng viện vài tiểu đoàn của trung đoàn 47 hoặc 41, bứt chỗ này vá chỗ kia, tình trạng càng ngày càng tồi tệ. Địch thừa thắng xông lên lấn sát vào, lực lượng ta không còn đủ quân số phòng thủ cũng như tăng viện. Tiểu đoàn 1/42 do Đại úy Quỳnh tan hàng, kế tiếp đến tiểu đoàn 2/42 của Đại úy Vương thành Lân cũng rã đám. Trước một tình thế quá bi đát như vậy, không còn quân số bổ sung, Đại tá Lý đưa ra kế hoạch táo bạo là đột xuất đánh vào hậu cần địch ở Campuchia, mục đích là hủy diệt các kho lương thực, súng đạn, triệt hạ đường tiếp liệu, buộc lòng chúng phải giảm áp lực, và như vậy ta mới có thể vùng dậy hít thở lấy sức chống đỡ.

Trong phòng họp hành quân, tin tức tình báo cho biết các lực lượng chiến đấu địch đều bung ra các mặt trận, hậu cần chỉ còn ít lính duì, què, mẽ, sút, ta không cần lực lượng mạnh để tiêu diệt. Dao trâu chém ruồi phí công. Thế là đại đội tôi lại nhận cái công tác oan nghiệt. Theo kế hoạch, đơn vị chúng tôi sẽ được trực thăng thả vào ngay hậu cần,

vừa giết mấy tên lẻ tẻ này, vừa phá hủy các kho súng đạn, lương thực. Sau đó, trực thăng sẽ bốc chúng tôi ra. Chuyện dễ như lấy đồ trong túi!

Lệnh cho tôi sang phòng tư nhận chất nổ và máy chụp hình, phá đầu chụp ảnh đó để chứng minh công tác đã thi hành.

Hai ngày ngồi ở bãi đáp trực thăng chờ đợi. Những giả thuyết được đặt ra, khiến lòng chúng tôi càng đầy bất an dưới một bầu trời đầy u ám và mưa gió.

Nếu vì lý do nào trực thăng không thể bốc chúng tôi về thì sao? Đem con bỏ chợ, tự tìm cách về, mưu sinh thoát hiểm.

Lỡ tin tức tình báo sai, gặp lực lượng địch đông, thì đại đội tôi coi như chuỗi đứt miệng voi, làm sao chống trả? Khi ấy, chỉ có cách là áp dụng chiến thuật lấy ít đánh nhiều, nếu không xong thì dùng tam thập lục kế chém về bên tầu. Còn nếu có các ụ phòng không khai hỏa, thì, trực thăng đáp xuống đã khó và bốc lên lại càng khó hơn. Rõ ràng, chuyến đi này, rủi nhiều may ít, thập tử nhất sinh có thể bỏ xác trên đất người. Tôi không dám ra lệnh trực tiếp cho binh sĩ chỉ huy chế cho các sĩ quan trung đội trưởng mà thôi. Nhưng vẫn có dư luận xâm xì, nghi ngờ cuộc hành quân hơi đặc biệt vì có máy ảnh và chất nổ.

Từ hướng đông chiếc trực thăng từ từ đáp xuống, vị Đại tá tư lệnh sư đoàn 22 được tiếp đón đưa vào phòng thuyết trình, Đại tá LÝ chỉ lên bản đồ và trình bày kế hoạch hành quân của mình, đánh thọc sâu vào hậu cần địch, dùng một đại đội thám kích...

Đẹp. Đẹp... Anh đã chụm bao nhiêu tiểu đoàn rồi, bây giờ còn mấy đại đội thám kích anh định giết luôn hay sao?? - Đại tá Đạt la lớn và... kế hoạch được hủy bỏ.

Tôi đứng ngoài cửa sổ phòng họp rình nghe, người nhẹ như bông, mừng hết lớn, như chết đi sống lại và đại đội tôi thoát một đại nạn.

Kể từ đó không thấy Đại tá LÝ ở tiền phương và đích thân Đại tá tư lệnh trực tiếp chỉ huy mặt trận cao nguyên trong mùa hè đỏ lửa.

Phần tôi cũng gian nan không kém, thoát được nạn này lại gặp họa khác, tránh vô dưa gặp vô dưa. Tôi được lệnh khẩn cấp đi thay thế đại đội 406 thám kích do Đại úy Thanh chỉ huy đang tăng phái cho trung đoàn 53 sư đoàn 23, bấy giờ đang hành quân ở vùng rừng núi phía tây Pleiku.

Khi trình diện trung tá CHÀ, trung đoàn trưởng 53, tôi biết được Đại úy Thanh bị truy tố ra tòa án quân sự vì không tuân lệnh thượng cấp. Lý do mấy tiểu đoàn của ông tiến chiếm mục tiêu trên đỉnh đồi... bị thất bại, hy sinh quá nhiều, sẵn có con ghê tăng phái 406 TK của sư đoàn 22 tội gì không xài, ông ra lệnh cho Đại úy Thanh tấn công tiến chiếm mục tiêu. Nhưng Đại úy Thanh là sĩ quan từng trải dày kinh nghiệm chiến trường cao nguyên, đòi xin cho được pháo binh yểm trợ mới tiến quân, ông bảo anh là thám kích bằng mọi cách phải vào. Đại úy Thanh giậm chân tại chỗ không tiến được dưới hỏa lực quá mạnh của địch. Sau cùng ông bảo làm bãi đáp, máy bay sẽ bốc Đại úy Thanh về hợp bàn lại kế hoạch. Khi máy bay đáp, Đại úy Thanh vừa bước lên, liền bị cận vệ của trung tá Chà tước vũ khí và bị đánh ngay trên máy bay. Khi trực thăng đáp xuống Bộ Chỉ Huy trung đoàn tại ngã ba Phú Mỹ nằm trên trục lộ 14 đã có sẵn quân cảnh áp tải làm thủ tục truy tố ra tòa.

Sau khi trình diện, ông ra lệnh cho tôi vào thay thế và tiếp tục tiến quân. Tôi nghĩ thầm sư đoàn 23 có 7 đại đội thám kích, tại sao ông không xin, chúng tôi thuộc sư đoàn 22 lại được ông chiếu cố, xài con ghê này quá kỹ, kinh nghiệm trước mắt đã thấy, hở miệng là tù mà nhắm mắt thì hành là bỏ mạng, giữa chiến trường biết than thở cùng ai.

Cái khó ló cái khôn, tôi tức tốc gọi về hậu cứ, mang hết vũ khí nặng, súng cối, đại bác, đại liên 50, đại liên 30. Chúng tôi là những đơn vị đánh nhanh rút lẹ không bao giờ dùng đến vũ khí nặng xếp vào kho lâu ngày rồi quên, nay được dịp xài đến.

Trận chiến bắt đầu mở màn, súng cối và đại liên 50 bắt đầu khai hỏa, bắn xối xả lên mục tiêu, chứng tỏ cho địch biết đây là đơn vị cấp tiểu đoàn. Chúng tôi áp dụng chiến

thuật hù dọa như đuổi chim, cứ thế vừa bò lên vừa bắn và, không khó khăn mấy, chúng tôi đã chiếm được mục tiêu. Có lẽ đây là cái hên trời cho, địch đã rời bỏ vị trí trước khi tôi đến.

Lập tức báo cáo về trung tâm hành quân trung đoàn 53. Nhận được tin chiến thắng Trung tá Chà bay lên thị sát chiến trường, bảo tôi thả trái khố để xác định vị trí, ý chang tôi đã ở đỉnh đồi. Tôi đã để một điểm son trong mắt vị trung đoàn trưởng khó tính, nghiêm khắc. Ông lập tức đề nghị cho tôi huy chương anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc, tuyên dương trước sư đoàn.

Sau đó đơn vị chúng tôi được lệnh rút ra về đóng căn cứ giữ cầu 110 (hồ leo) ngoài tầm pháo binh yểm trợ. Đây là căn cứ nhỏ nằm bên trục lộ 14 nối liền Ban Mê Thuật và Pleiku giữa núi rừng heo hút. Tình hình lắng dịu, hơn nữa cuối tháng, tôi phải trở về hậu cứ ở Kontum để nhận lương cho lính. Sáng sớm hôm sau tôi nhận điện thoại báo trình diện tư lệnh gấp. Bước vào bộ tư lệnh tiền phương Đại tá ĐẠT la to, anh biết đơn vị anh khi hôm ra sao không?? Anh bỏ đơn vị đi có xin phép ai không?? Tôi ảm ớ trả lời dạ có xin phép Trung tá Chà. Ông bốc máy lên gọi nhưng không gặp Trung tá Chà, ông xi vào mặt tôi la lớn ĐẠI TÁ VỚI ĐẠI TÁ TÔI CÒN CHO VÁC CHIẾU RA TÒA CỖ ANH Ở TÙ MỘT GÔNG. (Tôi liền nghĩ Đại tá với Đại tá chính là ông với Đại tá LÝ) và ông bảo tôi trở về đơn vị gấp. Thật ra khi tôi về Kontum lãnh lương có ghé lại BCH hành quân trung đoàn 53 để xin phép nhưng không gặp. Tôi chỉ nói với Thiếu tá trưởng ban 3 rồi đi luôn. Khi trở lại đơn vị tôi ghé vào trung đoàn xin gặp Trung tá CHÀ ông vui vẻ giúp tôi là đã có xin phép nếu Đại tá ĐẠT hỏi, hơn nữa đại đội tôi khi hôm lại chiến thắng, do Trung úy đại đội phó chỉ huy đẩy lui các đợt tấn công của địch, gây nhiều thiệt hại, tử vong nên chúng hốt xác rút lui, đơn vị tôi an toàn.

Với quân số đầy đủ trên 100, nằm giữ an ninh chiếc cầu 110, nước trong leo lẻo, cá lội đầy sông, thả một quả lựu đạn, cá nổi trắng sông, cá đại đội ăn không hết, còn phơi khô, lính Thượng đem làm mắm.

Cứ chiều chiều ngồi nhìn những dãy núi trước mặt về hướng tây, nơi mà các tiểu đoàn của 53 bị thất trận, rồi đẩy thám kích chúng tôi vào, những bầy kên kên bay về đen một vùng trời. Có lẽ xác chết cả hai bên giữa rừng sâu không bên nào kịp mang đi. Thịnh thoảng có những thiếu phụ, ngừng xe ghé lại căn cứ tôi hỏi thăm tin tức chồng, tôi chỉ biết chỉ về hướng núi xa xăm, chia xẻ nỗi buồn và chính đơn vị tôi đã giẫm chân lên vùng đất tử thần ấy, may mắn trời thương còn trọn vẹn kéo ra, để nằm đây nhìn lại một góc trời tang thương theo bầy kên kên no mồi!!

Kéo dài hơn một tháng, quân số cứ giảm dần, vì bị sốt rét, mỗi ngày phải cấp cứu tái về bệnh viện 3, 4 mạng bị sốt rét cấp tính, có vài ba mạng cứu chữa không kịp bị chết. Khi được lệnh rút về quân số còn lại phân nửa không quá 60 tên, mặt mày tái xanh, tóc tai râu ria bơ phờ, đúng là tàn quân khi kéo về hậu cứ, mặc dù thắng trận trời cho, cũng có huy chương như ai.

Được nghỉ dưỡng quân, và bổ sung quân số, hằng ngày tã tã mở đường giữ an ninh trực lộ từ Kontum lên Tân cảnh. Một buổi sáng đẹp trời, sau khi rải quân và lục soát xong tôi ghé vào nhà dân bên đường, kéo theo vài sĩ quan trung đội trưởng lai rai tán dóc. Chiếc xe Jeep đậu bên đường, trên bánh xe reserve có vẽ con hắc báo dấu hiệu của đơn vị 404 TK. Một chiếc trực thăng bay dọc theo trực lộ vụt qua rồi vòng lại trên mái nhà tôi đang lai rai. Nghi có quan lớn, tôi phóng xe chạy giả bộ như đi kiểm soát các vị trí đóng quân, xe tôi chạy đâu trực thăng bay theo đó và cuối cùng hạ thấp đáp trước đầu xe tôi. Chắc có chuyện không lành. Bóng dáng vị tư lệnh đứng giữa đường vẫy tay gọi tôi lại. Tôi chưa kịp xuống xe trình diện Đại tá thì ông đã phốc lên xe bảo chở lên Dakto Tân cảnh. Trên đường đi ông bảo ghé vào các đồn bót của Địa phương quân, các căn cứ pháo binh ông han hỏi khuyến khích và an ủi binh sĩ và cuối cùng tôi đưa ông vào BCH trung đoàn 42. Trút được gánh nặng, không bị khiển trách, tôi nghĩ mới ngày nào ông đòi cho tôi đi tù mục gông, nay lại vui vẻ chặn xe tôi, không chịu đi máy bay đòi đi đường bộ, lại gặp lúc tôi có hơi men sợ ông quở phạt, nhưng ông phớt lờ vui vẻ. Ít có vị tư lệnh

nào lại xăm mình đi trên đoạn đường nguy hiểm trong thời kỳ chiến trường sôi động đầu năm 1972, có thể bị phục kích bất cứ lúc nào.

Cả vùng cao nguyên đạn nổ vang rền, khói súng mịt mờ các đơn vị thay nhau xa luân chiến. 81 Biệt cách dù rút ra, lữ đoàn 3 dù vào, Biệt động quân thay nhau liên tục và các trung đoàn 47, 41 của sư đoàn thay nhau trấn sơn bình hải, chỉ có trung đoàn 42 và 3 đại đội thám kích phải đưa lưng chịu trận từ đầu mùa đến te tua rồi tan hàng. Đầu tháng 3 năm 1972, đơn vị tôi (404 TK) và 406 TK của Đại úy Thiên có nhiệm vụ giữ an ninh vòng đai căn cứ pháo binh của 2 pháo đội, một pháo đội dù và một pháo đội sư đoàn, mỗi pháo đội do một đại úy chỉ huy. Căn cứ pháo binh đã chiến này do công binh ủi một vòng đai rộng nằm trên trục lộ từ sân bay Phượng hoàng lên Banhet 3 km để yểm trợ cho các cánh quân dù. Tôi được chỉ định làm căn cứ trường chỉ huy tổng quát về mặt an ninh. Sau những ngày vất vả xây dựng công sự phòng thủ xong, thấy tình hình hơi yên ổn, tôi gọi phone mời 2 Đại úy pháo binh và Đại úy Thiên 406 TK lại hầm của tôi lai rai giải sầu. Ngoài trời lạnh buốt chúng tôi phải choàng những chiếc jacket trùm đầu ngồi trên nóc hầm lai rai với mấy lát thịt hộp quân tiếp vụ, gần 12 giờ khuya đèn hết pin tối đen, chúng tôi dùng pin C25 của máy truyền tin, mất hứng, lại hơi men đã thấm, Đại úy pháo binh dù bốc máy gọi về khẩu đội bảo dựng nòng bắn trái sáng. Bịch bùm trên bầu trời sáng tỏa chúng tôi tiếp tục nhậu cười nói hỉ hả, liền sau đó mìn chiếu sáng ngoài bờ rào phòng thủ xa xa phụt cháy, chúng tôi thấy vậy bắt đầu bàn tán, coi chừng VC. Đại úy Thiên 406 TK nói trời lạnh cắt ruột đặc công cũng người chứ mình đồng da sắt gì chịu nổi. Đại úy pháo binh sư đoàn nói đây man nai nhiều lắm, biết đâu mình bắn đèn sáng nó giật mình nhảy bậy trúng mìn. Đứng đứng pháo binh dù nói, man nai tau bắn theo man nai, biết đâu ngày mai có thịt tươi nhậu tiếp, anh bốc máy gọi về pháo đội ra lệnh hạ nòng bắn trực xạ, pháo binh sư đoàn cũng tức khí đâu có thua gì dù, hai anh thi nhau bắn một nghỉ. Và cuộc vui tan theo, mang hơi men chìm vào giấc ngủ say vui.

Sáng ra lính tôi đi kiểm soát vòng đai và gỡ mìn bẫy, thì hơi ôi không còn một quả mìn nào! Bọn đặc công gỡ hết, máu me vung vãi đầy bờ rào. Kiểm soát kỹ thấy 3 xác te tua bầy hầy, mình mấy bô đen, chỉ mặc chiếc quần đùi rách ben. Chắc chúng tha đi không kịp đành bỏ lại. Đường đi của đặc công đã bò sát vào hầm của tôi vì chúng bò đến đâu cắt kềm gai, gỡ mìn, xong là đánh dấu cho bộ binh bò theo bằng những miếng bẹ chuối trắng cắt từng miếng lớn hơn con cờ domino. Bên góc hầm tôi được chúng ưu ái tặng cho mấy miếng. Qui luật của đặc công mặc dù đã lọt vào lòng địch rồi chưa tới giờ tấn công là phải ém quân chờ lệnh. Lệnh tấn công chưa ban, còn chờ các đơn vị bạn đề hiệp đồng tác chiến thì đã bị pháo trực xạ, phá vỡ kế hoạch đành hốt xác tháo chạy... Nhờ thế chúng tôi mới thoát chết.

Tôi báo cáo về BTL tiền phương bị địch tấn công chúng tôi chống trả mãnh liệt, chặn đứng những đợt tấn công biên người phải dùng đến pháo binh trực xạ và kết quả 3 vc bỏ xác tại chỗ và một số chất nổ beta.

Sau này tôi bắt được đặc công của chúng mới biết được lỗi gỡ mìn trong đêm tối. Xung quanh căn cứ chúng tôi giăng mìn la liệt, dùng sợi chỉ cước giăng dài, khẽ chạm hay vấp vào sợi chỉ là mìn nổ vậy mà đám đặc công lại tài tình tháo gỡ lấy hết không sót một trái. Chúng dùng một sợi lạt tre mỏng bò đến đâu chúng đưa sợi lạt từ dưới đất lên nhẹ nếu vấp phải sợi cước là chúng biết ngay và lần mò về 2 đầu sợi cước sẽ gặp quả mìn chúng gỡ ra và cột chặt bỏ vào từng đồng, xong rải bẹ chuối cho đồng bọn đi theo, bẹ chuối trắng ban đêm sáng như lân tinh.

Ai nói uống rượu là chết người? Riêng phần chúng tôi, nhờ rượu mà chúng tôi thoát chết! Có hơi men nên chàng Đại úy pháo binh dù ra lệnh bắn trái sáng để thấy đường nhậ tiếp. Muốn ngày mai có thịt tươi man nai thì ra lệnh hạ nòng trực xạ bắn tiếp... Ai ngờ mấy chú đặc công xăm mình đưa lưng đỡ đạn, sáng ra cho chàng 3 con nai đen thui 2 cẳng lạnh người. Thấy cảnh này nếu có thịt nai tươi thật chắc chàng cũng lắc đầu từ chối. Lại một chiến thắng RƯỢU cho. Chúng tôi được đề nghị thưởng huy chương.

Trận chiến ngày càng ác liệt. Đạn pháo 130 ly bắt đầu rót vào Tân cảnh. Căn cứ dã chiến Charlie thất thủ. Trung tá dù tiểu đoàn trưởng Bảo hy sinh. Con đường huyết mạch độc đạo Kontum Tân cảnh bị VC đóng chốt, bốn mặt đều bị vây hãm, nhìn chỗ nào cũng khói súng, tai nghe đạn bom nổ rền trời. Các đơn vị càng ngày co cụm về Tân cảnh bao quanh BCH trung đoàn 42 trong đó có Đại tá tư lệnh 22 và ban tham mưu sư đoàn.

Đơn vị tôi và chi đoàn thiết giáp của Đại úy GIANG đã chặn đứng các đợt tấn công táo bạo vc định tràn lên sân bay nhỏ L 19 trước kho đạn và cách BCH trung đoàn 42 chừng 300m đường chim bay, suốt ngày 23 tháng 4 năm 1972, phần đơn vị tôi chết 3 - trong đó có 1 trung sĩ - và 5 bị thương. Tất cả được đưa về hậu trạm kho đạn. Phân thiết giáp 2 chiếc M113 bị bắn. Tối hôm đó chúng tôi rút vào kho đạn phòng thủ. Vào khoảng 7 giờ tối, tôi được lệnh Đại tá ĐẠT gọi vào. Ông niềm nở bảo tôi đem lính vào đào cho ông 2 cái hầm tròn cá nhân, một cho ông và một cho Đại tá Vi văn Bình, tư lệnh phó đang ở ngoài trời bên cạnh trung tâm hành quân. Nơi đây khi sáng đã bị trúng hỏa tiễn AT3 gây thiệt hại đáng kể. Loại vũ khí này lần đầu tiên được thấy. Ban đêm nhìn quả đạn bay thật đẹp, màu sắc rực rỡ, vận tốc chậm có thể quẹo phải, trái hoặc lên xuống và rất hào nhiệt. Tôi cho lính vào thực hiện ngay và đích thân tôi kiểm soát. Xong tôi mời Đại tá ra xem để biết vị trí và chào tạm biệt trở ra vị trí phòng thủ. Không ngờ lần tạm biệt này trở thành vĩnh biệt vị Tư Lệnh.

Khoảng 9 giờ tối nhận điện báo có thiết giáp địch xuất hiện dưới khe suối trước mặt trung đoàn và không lâu sau đó 2 chiếc khác lù lù bò lên sân bay L19 nơi mà đơn vị tôi và thiết giáp đánh khi sáng rồi nằm im tại chỗ. Oan nghiệt thay đơn vị tôi không có một khẩu M72 chống chiến xa, Tôi cho lục khắp kho đạn, nhưng không có khẩu nào. Tôi gọi Đại úy Giang thiết giáp dùng chiến xa M41 bắn đi, tôi sẽ bắn trái sáng cho, nhưng anh vẫn ăm ờ chờ đợi. Nói về phòng thủ tổng quát chung quanh vòng đai trung đoàn 42, Tiểu đoàn 1 của Thiếu tá CỘI bị đánh te tua trên đồi Quang Trung kéo về thủ phía nam, tiểu đoàn 2 của Thiếu

tá SƠN cũng sút gọng gẩy càn phòng thủ dọc theo trục lộ hướng đông trước mặt, tiểu đoàn 4 của Đại úy TRÍ chặn ở hướng chi khu Dakto, đơn vị tôi 404 TK và thiết giáp án ngữ hướng tây bắc, cũng bị dập đầu lỗ trán chứ chẳng lành lặn gì.

Suốt đêm, tôi mở máy đủ các tần số phản liên lạc, nhận lệnh của sư đoàn và trung đoàn. Tôi được biết Thiếu tá NHU, trung đoàn phó 42, có lẽ ông giỏi về tham mưu hơn quân sự tác chiến nên đã bỏ mất rất nhiều cơ hội yểm trợ về không lực trong cơn hấp hối. Ông rất ngớ ngẩn về hướng dẫn máy bay đánh các mục tiêu thiết giáp địch, đang chuẩn bị tấn công. Tôi nghe các phi công đang yểm trợ nói: “Đ.M., bay ngu quá tau vào núi trút bom rồi về vì hết xăng”. Đau lòng thay, viên phi công bảo: “Tôi bỏ trái đồ này xuống và từ đó anh cho biết mục tiêu bên phải bên trái xa gần bao nhiêu và phương giác anh nhìn tôi sẽ đánh bom vào đó”. Nhưng tiếc thay ông chưa học cách điều chỉnh tác xạ làm sao biết chỉ điểm mục tiêu. Ông cứ hỏi anh thấy nhà thờ không? Thấy tháp nước tôi không? Viên phi công trả lời trời tối đen như mực làm sao mà nhìn thấy và như thế viên phi công tức mình chửi thề vào núi trút bom. Nhìn lên tháp nước có cầu thang sắt leo lên bị AT3 bắn cháy với những cọng sắt đỏ rực. Có lẽ Thiếu tá trung đoàn phó đã ngủ yên, vì tôi không còn liên lạc với ông được nữa. Nghe nói còn có một cổ vấn Mỹ nữa và cây đại liên 50 trên đó trở thành đồng sắt vụn.

Rạng sáng ngày 24 tháng 4 năm 1972, tôi nhảy ra khỏi hầm chỉ huy đến đứng bên cạnh Đại úy Giang đang tựa lưng vào chiếc M113 chỉ huy của anh ấy. Tôi bảo bắn đi, bắn đi khi hai chiếc thiết giáp địch đang từ từ di chuyển nhắm hướng BCH trung đoàn. Thiết giáp M41 của Đại úy Giang vừa rồ máy thì những tiếng nổ vang rền, khói lửa bùng lên đen trời, khi tan khói những pháo tháp của M41 bay đầu mất, mặc dù nó được núp sau bờ thành kho đạn. Tôi nói với Đại úy Giang coi chừng đơn vị anh có nội gián đặc công nên phá hủy thiết giáp. Tôi đâu ngờ AT3 lại nhanh đến thế.

Từ hướng bắc sân bay Phụng hoàng, thiết giáp địch cầm

cờ mặt trận giải phóng nửa xanh nửa đỏ chạy rầm rập trên trục lộ tràn vào vị trí đóng quân của tôi vừa chạy vừa bắn. Tôi bảo chạy. Vừa nhảy qua bên kia bờ đất, thì chiếc thiết giáp chỉ huy của Đại úy Giang bị bắn và anh ấy bị thương. Bộ binh địch theo sau thiết giáp, tràn vào lục soát tứ tung. Chúng bắt sống Đại úy Giang và khoe: “Tau bắn chết thằng Đại úy Hà Khôi, tiểu đoàn trưởng hắc báo chỉ huy căn cứ này rồi”. Tôi nằm bên nghe lạnh người. Làm sao chúng biết rõ tông tích, tên họ cấp bậc, chức vụ tôi một cách rành rõi. Tôi mặc bộ đồ bông ba mai đen may dính trên cổ áo, không tài nào tháo ra, giả bộ chết, nằm sấp, chen vào những xác chết của binh sĩ tôi bị tử thương ngày hôm qua không di tản được. Tôi nín thở, không dám cựa sợ chúng biết còn sống sẽ bắn bồi. Sau này tôi mới hiểu được tại sao chúng biết được tên họ cấp bậc vì chúng đã vào hầm chỉ huy của tôi thấy bộ đồ bỏ lại, nhìn vào áo là nó khai rõ, không một lời gian dối.

Trời sáng L19 bắt đầu bay lên chúng sợ có máy bay oanh kích sẽ bay theo ném bom nên vội vàng rút ra khỏi kho đạn, sợ kho đạn nổ, lợi dụng cơ hội này tôi sống lại lủi ra bờ rào và thu gom lính lại, hướng về phía Kontum, tìm đường thoát thân.

Thiết giáp địch tràn vào BTL tiền phương như chỗ không người, không còn lực lượng nào chống trả, không có M72, không có mìn chống chiến xa, mấy chiếc M41 của Đại úy Giang vừa nổ máy đã được AT3 tặng cho mỗi chiếc một cái hôn bốc lửa thành bại liệt, chết đứng tại chỗ.

Theo tôi được biết, tin tức tình báo viễn thám đã báo cáo có thiết giáp địch nhưng BTL sư đoàn không tin là chúng có thể bò đến Tân cảnh, cứ dự đoán chúng sẽ đánh Banhet nên tất cả vũ khí chống chiến xa ưu tiên cho tiền đồn này của BDQ Biên phòng.

Tôi thu gom được hơn 40 quân, vì còn bản đồ máy C25 truyền tin, tôi gọi BCH trung đoàn, nhưng ở đây im lặng vô tuyến. Tôi gọi trung tâm hành quân sư đoàn thì bất tấc. Tôi nghẹn ngào muốn khóc. Gần 10 năm mặc áo lính, tham dự các trận chiến ác liệt từ vùng hỏa tuyến Quảng Trị, Gio Linh, Cam Lộ, Ba Lòng, Khe Sanh, Lao Bảo

nhưng chưa bao giờ thất trận tan hàng, thảm bại như trận chiến cao nguyên này. Tôi lầm lũi dẫn lính chạy càng xa vùng lửa đạn càng tốt, bây giờ còn đánh đấm gì nữa, cấp chỉ huy mình chẳng còn ai. Phía trước mặt có ngôi làng Thượng nhỏ, tôi định cho lính vào đó kiếm chút ít lương thực mang theo đi đường và hỏi thăm tin tức, vào cổng làng gặp một bé nhỏ cỡ 6 tuổi đứng khóc. Tôi cho lính Thượng hỏi bé, được biết cha mẹ nó thất lạc, hỏi trong làng có ai, nó lắc đầu, trong làng có lính không, nó gật đầu, hỏi đông không? Đông. Hỏi lính có giống như vậy không? Không. Hỏi có đội nón sắt như vậy không, nó lắc đầu, chính thị VC rồi, nếu trước đây thì nhào vô kiếm chút chiến công bây giờ nghe hơi là phải chạy xa. Tôi ra lệnh bỗng đứa bé chạy luôn, đi hơn một cây số thì nghe tiếng xầm xì dưới bờ suối, được biết đó là dân làng sợ VC chạy xuống đó trốn. Tôi trả đứa bé cho dân làng và chúng tôi tiếp tục đi. Trời tối, không thấy đường bèn rải quân phòng thủ chờ sáng sớm tiếp tục. Khoảng 11 giờ đêm, bỗng xa xa những tiếng nổ vang rền, càng lúc càng rõ dần, khi nghe được những tiếng rít ghê rợn lạnh người của những quả bom xé toạc màn không khí lao đầu xuống đất ghê rợn hơn tiếng nổ, và rừng núi cũng đáp lại những tiếng la thất thanh của tiếng người sắp từ giã thế gian hận thù theo thân chết về địa phủ. Ai đã la thất thanh và đó là lời nói cuối cùng của đời người?... Xin trả lời: Đó là quân ta bị thất lạc và cả quân địch lớp lớp hăng say chực thu gom thêm những chiến thắng, nay banh thầy, mất xác trong rừng núi âm u của vùng cao nguyên này...

Tôi biết đây là B52 rải thảm. Trời kêu ai nấy dạ. Tôi bình tĩnh nằm nghiêng bên gốc cây miệng lâm râm Nam mô Quan thế âm Bồ tát cứu nạn cứu khổ... Có bao giờ tôi nghĩ đến kinh kệ, nhưng đứng trước cái chết cận kề tự nhiên nhớ lại. Một thoáng nghĩ trong đầu, có lẽ tôi cũng giống như ba tôi bị mất xác khi ông bị VC bắt từ năm 1946 sau ngày toàn quốc khởi nghĩa rồi mất tích vì thuộc thành phần trí thức VNQDD. Bỗng tiếng rít không hủ thêm và tiếng nổ im bặt, tôi nằm chờ hồi hộp 10 phút...15 phút trôi qua... Tôi vùng dậy, gọi mật khẩu để thu quân HẮC BÁO (1)

nếu có tiếng trả lời 404 là phe ta. Hơn 2 ngày không có hột cơm trong bụng, tôi nhớ sức tới khúc khoai mì khi băng qua rẫy dùng chân nhổ vài bụi lụi sơ ăn lót dạ, còn lại bỏ vào túi làm lương khô dự trữ, bây giờ rớt đầu mất tiếc đứt ruột hơn mất vàng. Lần hồi cũng gom được non 20 người lính phần đông là lính Thượng. Trời bắt đầu sáng, chúng tôi dò dẫm về hướng Nam. Nhưng chúng tôi ngửi được mùi thối từ những xác chết bốc lên và vấp phải những giây điện thoại, rải theo các giao thông hào tiền quân của địch. Tôi tức tốc cho rút lui và bọc sâu về hướng Tây. Tôi đoán đây là ngoài vòng đai căn cứ Charlie Dù bị thất thủ trước đây. Giờ này có lẽ địch đang tìm cách tràn về hướng đông ra quốc lộ để chặn đường rút lui hoặc đánh viện binh của ta. Cách tốt nhất là di chuyển về hướng tây càng sâu càng an toàn hơn.

Lần mò tôi cũng dẫn được đám tàn quân thoát vòng vây địch về đến gần Kontum. Từ trên sườn đồi nhìn xuống quốc lộ thấy có thiết giáp và lính bận áo rằn ri, tôi nửa mừng nửa lo. Cho ba tên lính Thượng xuống dò la tin tức. Hơn 2 giờ sau họ trở lại, súng đạn mất hết. Tôi hỏi tại sao?? Họ báo bị lính Biệt Động Quân thu. Vừa nghe BDQ biết là quân bạn tay chân tôi rã rời không bước thêm một bước, mặc dù có lính diu đi. Tôi bảo chạy ra báo có một Đại úy thám kích bị thương, cần tản thương. Một chiếc M113 chạy vào đưa tôi ra đường lộ và xe cứu thương đưa tôi về hậu cứ.

Giả sử lúc lính về báo cáo là địch chắc tôi co giò chạy tiếp để thoát thân chớ đâu dám xiu, hay nằm chờ chết hoặc chờ bị bắt làm tù binh.

oOo

Tôi không rõ ngày tháng khai sinh của Thám kích nhưng ngày khai tử nó vào tháng tư mùa hè đỏ lửa 1972. Các Đại đội thám kích được sát nhập vào các Trung đoàn.

401TK, 405TK vào trung đoàn 40 và 41. Các Đại đội vùng cao nguyên 403TK, 404TK, 406TK sát nhập vào Trung đoàn 42, riêng 402TK thuộc Tiểu khu Phú Bổn lại trở

thành một Đại đội Địa phương quân của tiểu khu này, và chắc Thám kích sư đoàn 23 cũng thế.

Thám kích nghĩ cũng oai hùng nhưng cũng lắm cay nghiệt, hòa chung trong giòng Quân sử QLVNCH Vinh quang và tủi nhục như hai mặt của tấm huy chương đi vào bóng tối 40 năm qua. Những sĩ quan từng là thám kích đã hy sinh trên chiến trường cho tôi một phút mặc niệm thương tiếc: cố Trung úy Phan văn CHẤN 405 TK, cố Đại úy Bùi toàn HẢO 405 TK, cố Trung úy Lê văn SƠN 405 TK, cố Trung tá Nguyễn tấn HANH 405 TK, cố Thiếu tá Ngô THANH 406 TK, cố Thiếu tá Ngô đình THIÊN 406 TK. Nay tuổi già, nhớ gì viết nấy, một nén nhang thơm thấp muện cho đồng đội tôi mang hai chữ THÁM KÍCH

...

HÀ QUẾ LINH.

Houston sau 40 năm già từ danh xưng Thám kích.

HÈ 2012

(1) Thường mỗi đại đội thám kích có một biệt danh riêng. 404 TK gọi là Hắc Báo, 405 TK gọi là Điều Hâu.

Chúng tôi xin được đăng lại bài thơ For My Scouts (Cho những người bạn thám kích của tôi) của một nhà thơ Hoa kỳ, qua đó, tác giả có nhắc đến đơn vị Hắc Báo này : *Many of my Scouts have lived there a long time...with a Black Panther painted upon their doors.*

(THT)

Charles Schwiderski

For My Scouts

I have built a house within my heart
where all of my Highland Scouts live.
Each one has a permanent room
though all of the windows
are draped in black

and the tenants are never coming back.
 Grief is mine...and I am selfish...
 I hoard their memories with relish.
 Inside are stored essences of each
 ...of good times and bad
 of all the things that have been.
 I can lift the curtains when I am lonely
 and they all laugh and live again...
 Many of my Scouts have lived there a
 long time...with a Black Panther
 painted upon their doors.
 Inside I can hear their laughter
 and my tears fall upon the floor

* Nhà thơ Charles Schwiderski nguyên cố vấn cho Thám Kịch Cao Nguyên, Biệt Khu 24 QLVNCH, Kontum từ 1967 đến 1968.

Charles Schwiderski

Cho những người bạn thám kích của tôi

Tôi xây trong tim tôi
 ngôi nhà cho những người bạn thám kích
 Mỗi người một căn phòng cố định
 Dù tất cả cửa sổ
 Đều phủ màn đen
 Và chủ phòng không bao giờ trở lại
 Nỗi đau là của tôi ... và tôi là một người ích kỷ
 Tôi say sưa gom góp kỷ niệm về các bạn
 Mỗi phòng chất chứa tinh hoa của chủ phòng
 ... của những chuỗi ngày vui buồn hay may rủi
 của tất cả mọi điều từ trước đến nay
 Khi cô đơn tôi có thể vén màn
 và các bạn sống lại cười vui trở lại
 Nhiều bạn thám kích của tôi đã sống trong ngôi nhà này
 rất lâu ... với hình con Báo Đen
 sơn trên cửa phòng của họ
 Bên trong tôi vẫn nghe giọng cười
 và nước mắt tôi sa xuống trên nền nhà.
 (THT phỏng dịch)

TRẦN HOÀI THU

Tin hay không tin

Trong bài hồi ký của Hà Quế Linh, có đoạn tác giả kể về lý do tại sao đơn vị anh lại bị thiệt hại nặng từ 100 người xuống còn hơn một nửa. Không phải từ loài người mà từ loài vật. Đó là đoàn quân muỗi rừng.

Kéo dài hơn một tháng, quân số cứ giảm dần, vì bị sốt rét, mỗi ngày phải cấp cứu tải về bệnh viện 3, 4 mạng bị sốt rét cấp tính, có vài ba mạng cứu chữa không kịp bị chết. Khi được lệnh rút về quân số còn lại phân nửa không quá 60 tên, mặt mày tái xanh, tóc tai râu ria bơ phờ, đúng là tàn quân khi kéo về hậu cứ, mặc dù thắng trận trời cho cũng có huy chương như ai.

Với một đại đội mà đa số là lính thiếu số, quen thuộc với khí hậu và phong thổ núi rừng mà còn bị sốt rét hành đến tàn mệt như vậy thì huống gì đối với những người lính Kinh. Vậy mà nhà thơ Quang Dũng đã vẽ nên một đoàn quân không mọc tóc – hậu quả của căn bệnh sốt rét vào thời kỳ nặng nhất là sốt rét ác tính, lại oai hùng, lại mắt trừng gỏi mộng, và lại còn đủ sức để mơ về người con gái Hà Nội, như thế này:

*Tây tiến đoàn quân không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Có thật vậy không?*

Sự mầu nhiệm của ánh sáng

Đơn vị 405 thám kích chúng tôi chuyên hoạt động trong bóng tối. Trong những lần di chuyển, để khỏi bị lạc nhau, chúng tôi phải di chuyển theo hàng dọc, kẻ trước người sau. Ba-lô mỗi người lính đều cột bằng sợi dây, để giữ lấy đội hình. Người trung đội trưởng phải luôn luôn ở vị trí thứ hai sau người tiền sát hay dẫn đường (thường là hồi chánh). Lý do, tôi phải xem bản đồ, coi địa bàn, phương giác để hướng dẫn người đi đầu biết hướng phải đi. Địa bàn phương giác chỉ cho chúng tôi hướng đến mục tiêu, nhưng không thể chỉ những hồ bom, hay vũng nước sâu dưới chân. Có khi chúng tôi hụt hẫng, người này kéo người kia lên giữa đồng nước ngập lụt bốn bề. Ngoài việc đột kích, đột nhập chúng tôi cùng với đại đội 22 Trinh Sát, đại đội 401 Thám Kích còn phải có trách nhiệm giữ an toàn cho Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 22 BB. Cứ hai đêm một lần - nếu không tăng phái cho các trung đoàn - chúng tôi phải xuống đồi nằm ngoài vòng đai ít nhất là từ 3 đến 5 cây số. Lúc này không có ai có thể che chở chúng tôi trừ những thành mả, những ngôi mộ và bóng tối. Tôi đã làm một bài thơ nói lên tâm trạng của một người lính trong cõi địa ngục vô minh này:

*Trong bóng tối có ai còn phân biệt?
 Có ai còn biết được người hay ma?
 Chúng tôi lỡ sinh trong thời oan nghiệt
 Chỉ chấp chùng những bóng tối tha ma
 Chúng tôi phải dùng tai thay đôi mắt
 Chúng tôi phải dùng mũi để nhìn trông
 Thần trí cứng, đuổi theo từng tiếng động
 Tim như chùng vỡ cả khối hư không
 Chúng tôi sống, ngày là đêm, bóng tối
 Trong hầm sâu, dưới địa đạo u minh
 Hơi hụt hẫng, theo từng cơn địa chấn
 Tai ù ù như bật vỡ âm thanh
 Chúng tôi đợi, từng giờ như thế kỷ
 Hóa châu vàng òa vỡ cả màn đêm
 Ngọn cứu rồi, nơi này không Phật Chúa*

*Chỉ ánh sáng lòe, thoáng thoát, mộng mênh
 Chúng tôi đã nghe nhiều hơn thấy
 Tiếng côn trùng rên rỉ, tiếng mưa rơi
 Cả tiếng mở cửa một người lính trẻ
 Rất an bình không thao thức suy tư
 Chúng tôi sợ nhưng kèm cơn sợ hãi
 Bóng đêm ời, cõi lụi của hồn âm
 Ngọn gió lạ, như nổi từ địa phủ
 Ông bà ời, xin phù hộ đàn con*

Đọc lại những câu thơ của một thời, thấy lòng mình bồi hồi, mắt muốn rung rung. Bài thơ chỉ nói về bóng tối. Bóng tối của vũ trụ và bóng tối của binh chủng thám kích chúng tôi.

Bây giờ, bóng tối xưa đã không còn nữa. Đêm bây giờ không còn âu lo nữa. Những ngày tháng bây giờ bình an và trôi qua cùng với những niềm vui bất tận. Mỗi ngày là một tặng phẩm của Thượng Đế. Vậy mà, khi ngồi lại trước máy computer, tôi lại nhớ đến bóng tối của thời xưa. Nhớ đến tha thiết. Cái computer của tôi là sản phẩm của kỹ thuật hiện đại, nhưng nó lại chứa đựng những gì của quá khứ, của bóng tối, của địa ngục. Để tôi còn cảm ơn Trời Đất đã cho tôi được sống sót. Để tôi còn thấy được sự màu nhiệm của ánh sáng từ trong bóng tối ấy.



đoàn xuân thu

Tôi chỉ mới vừa 19 tuổi!

1. Có những người làm thơ rất ít; nhưng bài thơ lại đứng lâu, rất lâu trong lòng người đọc. Trần Bích Tiên trong giai phẩm xuân 1972, trường nữ trung học Bùi Thị Xuân - Đà Lạt với bài thơ: ‘Nói Với Em Lớp Sáu’ là như thế!

‘Này em lớp sáu này em nhỏ. Em hãy dừng chân một chút lâu. Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ. Tóc em thơm ngát mùi hương cau... Hương cau vườn chị xa như tuổi. Ba má chị nằm dưới mộ sáu. Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa. Chị đi về hai buổi âm u!’

Tác giả bài thơ chắc cũng chừng 18, 19 tuổi thì thăm với người em lớp 6: ‘Giữ hoài cho chị tuổi hoa niên!’

Nhưng tuổi hoa niên của Trần Bích Tiên và người em lớp 6 đó cũng đã tàn theo binh lửa mất rồi! Cuộc chiến tranh tàn khốc đó, hủy hoại biết bao nhiêu là mộng ước một thời phải nói là đẹp nhất của đời người.

2. Những ngày thanh bình miền Nam xem chừng ngắn ngủi, chỉ vồn vện được vài năm dưới chế độ Đế Nhút Cộng Hòa cho đến khi Bắc Quân phát động cuộc chiến tranh, xâm chiếm Miền Nam. Mà một trong những cao điểm tàn khốc của cuộc chiến là Tổng tấn công và Tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Tổng tấn công thì có mà tổng nổi dậy thì không.

Dưới dòng nhạc Trịnh Công Sơn, ông hát trên những xác người trong trận đánh 68, Tết Mậu Thân, cố đô Huế:

‘Chiều đi lên đồi cao, hát trên những xác người. Tôi đã thấy, tôi đã thấy: Trên con đường, người ta bồng bế nhau chạy trốn... Bên khu vườn, một người mẹ ôm xác đứa con... Trên con đường, người cha già ôm con lạnh giá. Chiều đi qua Bãi Dâu, hát trên những xác người. Tôi đã

thấy, tôi đã thấy: Những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em...’ để những người mẹ, người cha mất con, người vợ mất chồng, người con gái mất anh, mất em, đến nỗi phải phát điên ...

‘Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh. Chị vỗ tay hoan hô hòa bình. Người vỗ tay cho thêm thù hận. Người vỗ tay xa dần ăn năn!’

3. Còn người lính, Linh Phương, ngoài mặt trận: *‘Em hỏi anh bao giờ trở lại? Xin trả lời mai mốt anh về. Không bằng chiến trận Plei-Me hay Đức Cơ – Đồng Xoài – Bình Giả. Anh trở về hàng cây nghiêng ngả. Anh trở về hòm gỗ cài hoa. Anh trở về bằng chiếc băng ca. Trên trục thẳng sơn màu tang trắng. Mai trở về chiều hoang trốn nắng. Poncho buồn liệm kín hồn anh. Mai trở về bờ tóc em xanh. Vội vã chít khăn xô vĩnh biệt. Mai anh về em sầu thê thiết. Kỷ vật đây viên đạn màu đồng. Cho em làm kỷ niệm sang sông. Đòi con gái một lần dang dở. Mai anh về trên đôi nạng gỗ. Bại tướng về làm gã cụt chân. Em ngại ngừng dạo phố mùa xuân. Bên người yêu tật nguyền chai đá. Thì thôi hãy nhìn nhau xa lạ. Em nhìn anh – ánh mắt chưa quen. Anh nhìn em – anh sẽ cố quên. Tình nghĩa cũ một lần trắng trời!’...*

Có người cho đó là những bài thơ phản chiến. Nhưng ai mà không phản chiến bởi con người sinh ra không phải để đánh nhau. Mà cầm súng là chuyện bắt buộc, chuyện chẳng đáng dừng vì phải đem thịt xương này ra để ngăn lại bạo tàn, chống lại tham vọng của một lũ điên.

4. Cái tham vọng của lũ điên đó cũng đã lôi kéo cả một người lính Úc từ Melbourne thanh bình, lên tàu về chôn lạ, tham gia cuộc chiến trong một thời gian cực kỳ ngắn ngủi, một năm; mà vết thương trong tâm hồn còn dai dẳng cho tới bây giờ:

‘Mẹ, ba, Denny nhìn cuộc diễn binh ở Puckapunyal. Cuộc diễn hành dài của những tân binh. Tiểu đoàn 6 tới phiên và tôi là người trúng tuyển. Tôi Canungra và Shoalwater huấn luyện thêm trước khi đi.

Townsville sắp hàng trên lối khi chúng tôi tiến ra bến cảng.

Chúng tôi trẻ, khỏe, sạch sẽ, tinh tươm in hình trên báo chí!

Đó là tôi, chiếc nón nhà binh, khẩu súng và quân phục màu xanh lá.

Trời ơi! Tôi chỉ mới vừa 19 tuổi! God help me, I was only nineteen.

Từ Vũng Tàu trực thăng vào bụi mù Núi Đất. Đã trèo lên, nhảy xuống trực thăng cả tháng trời. Lấy lều làm nhà, beer VB và hình gái khỏa thân dán trong tủ áo. Xuyên qua rừng bụi, trời hoàng hôn đậm màu độc chất da cam!

Thưa bác sĩ sao tôi không ngủ được? Đêm đêm về... cánh rừng đen... hòa tiếng M16? Sao những vết mẩn đỏ này cứ đến rồi đi?

Trời ơi! Tôi chỉ mới vừa 19 tuổi! God help me, I was only nineteen.

Hành quân dài bốn tuần và mỗi bước đi có thể chỉ còn lại một chân! Tôi chiến đấu cùng nỗi sợ! Nhưng không bỏ rơi đồng đội trừ phi phải nhắm mắt xuôi tay!

Thôi nhắm mắt lại, rán nghĩ ra điều gì khác!

Có ai đó la lên 'chạm địch!' Đồng đội phía sau bật lên tiếng chửi thề! Loay hoay cả giờ... rồi tiếng nổ... long trời lở đất. Frankie đặt chân lên trái mìn ngày nhân loại đặt chân lên tới mặt trăng!

Trời ơi! nó sẽ trở về nhà vào tháng sáu.

Vẫn còn thấy Frankie uống beer khi đi phép 36 tiếng ở Vũng Tàu. Vẫn còn nghe Frankie nằm thét lên vì đau đớn giữa cánh rừng mênh mông nhiệt đới! Cho đến khi thuốc giảm đau phát huy tác dụng và tiếng rên xiết đó chết đi! Huyền thoại Anzac không nói về bùn, máu và nước mắt. Và những câu chuyện ba tôi kể dường như là không thật. Tôi dính vài miếng vào lưng mà không hề hay biết.

Trời ơi! tôi chỉ mới vừa 19 tuổi. God help me, I was only nineteen.

Thưa bác sĩ sao tôi không ngủ được? Sao tiếng trực thăng của đài truyền hình số 7 làm chân tôi lạnh? Sao những vết mẩn đỏ này cứ đến rồi đi?

Trời ơi! tôi chỉ mới vừa 19 tuổi! God help me, I was only nineteen.

5. Cuộc chiến đó đã về tới Sài Gòn! Chiều qua, nhận thư anh viết từ Núi Ba Hô Quảng Trị. Những địa danh xa lạ: Khe Gió, Cam Lộ, Đông Hà, Ái Tử. Đại đội 1, Tiểu đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến. Anh đóng trên núi cao mà mùa này gió Lào khắc nghiệt, khô khốc! Phải bò, trườn, xuống thung lũng lấy nước... Nhưng rán học nha em! Anh dặn! Cuộc chiến này rồi cũng có lúc phải tàn chớ. Mình về xây dựng lại! Nhưng anh không về nữa. Thư anh đến chiều qua. Chiều nay đã có tin báo tử. Lên nghĩa trang Quân đội Biên Hòa nhận xác anh. Chiếc hòm gỗ sơn xanh có chữ thương trên đầu, phủ cờ vàng ba sọc đỏ. Nằm kế anh là Lê Định, chuẩn úy, và hai mươi người lính đại đội 1, tiểu đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến trong trận đánh chống Bắc Quân tràn ngập đỉnh Ba Hô.

Buổi chiều 20 tháng 8 năm 1971, nắng vàng cam thoi thóp thở chân mây. Má tựa vào ba từng bước chậm, theo sau là một đàn em lóc nhóc, lên nhà quản của Liên đội chung sự, nhận xác anh. Má khóc sung con mắt, đồ chạch!

Trời ơi! tôi chỉ mới vừa 19 tuổi! God help me, I was only nineteen!

đoàn xuân thu.

(4/72/SQTBTD)

melbourne

(Bài do tác giả gửi)

LÂM HẢO KHÔI

BIDONG, CHIỀU QUA KHU F

Về đây mưa ướt hồn năm cũ
 Nhớ bóng người in xuống Jetty
 Còn thương ván mục hàng đình sét
 Lũ xưa quen người chưa muốn đi

Bãi mù gió bạt chân ly khách
 Ngóng sóng Bidong đội bốn bề
 Đường lên khu F hồn ma gọi
 Tiếc một lần đi chẳng tới bờ

Khói nhang đèn ám chốn u tịch
 Thấp gởi người đi nhớ lối về
 Tiếng kinh siêu độ hồn lưu lạc
 Quanh nghĩa trang buồn bia đá kia

Rượu rưới sao nguôi lòng kẻ ở
 Mộ thấp rêu bò chạm vết đau
 Đôi khuya ầu núp bóng cô quạnh
 Đá khóc sợ mùa mưa tới mau

Bidong xương trắng tan thành muối
 Mặn lắm môi người đêm Jetty
 Câu kinh ở lại bên mồ lạnh
 Ấm chút hồn đi chợt trở về

Tôi lên khu F chiều mưa tạnh
 Thấp nén hương trầm hương Mã Lai
 Con mắt Bidong buồn quá đổi
 Sóng bạc còn nghe tiếng thờ dài...

Bao nhiêu năm nữa đòi khu F
 Đá nhạt tên người dấu Việt Nam
 Bidong xương dẫu tan về đất
 Hồn còn trên sóng nước mênh mông...

(Bidong tháng 5/2012)

Trần văn Nam

NGƯỜI THANH NIÊN VĂN-HỌC MỸ BÊN BỜ HẬU-GIANG

Năm một chín sáu tám
Tôi ở quận Trà-Ôn
Có những kinh-tốc-đỉnh
Hải-quân Mỹ đóng đồn.

Thấy một thanh niên Mỹ
Thời quân-dịch, đến đây
Trên tay cầm những sách
Thuộc văn-học phương Tây.

Mỗi ngày anh cùng bạn
Lên kinh-tốc, hành quân
Cù-Lao-Dung, Đại-Ngãi
Họ tuần-tiêu lắm lần.

B.40 thói tật
Người xạ-thủ xuống sông
Anh trở về róm lẹ
Trên bến chiều mênhmông.

Vẫn thường lẹm mê sách
Bây giờ anh đọc thơ
Có phải thò phẩn-chiến?
Thơ guyên ruã bã bờ?

Chỉ biết anh thường ngẫm
Dòng sông đêm mịt mù
Thương người bạn trở im
Về phía Cù Lao Dung.

TRẦN VĂN NAM

City of Walnut, California, tháng 9 năm 2012

Hội thoại

Văn chương miền Nam thời chiến qua mắt nhìn của những bạn trẻ

Được biết Thư Quán Bản Thảo số 54 mang chủ đề “Ba-lô mang thêm hồn thơ văn” dựa theo một câu thơ của nhà thơ Nguyễn Phúc Sông Hương. Với mục đích tìm hiểu xem các bạn trẻ sinh sau năm 1975 nghĩ gì về thơ văn miền Nam, cùng sự giúp đỡ của trang blog Phay Van*, chúng tôi đã làm một cuộc “hội thoại trên mạng” nho nhỏ với câu hỏi sau đây:

Với riêng bạn, bạn nghĩ sao về thơ văn miền Nam, đặc biệt của những người cầm viết là lính, khi các bạn có dịp đọc thơ văn của họ? Bạn có những chia sẻ gì không?

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến ý kiến của ba em: Nguyễn Tuấn Anh, Trần thị Bảo Vân và Võ Trung Tín thuộc lớp trẻ sinh ra sau năm 1975.

Em **Nguyễn Tuấn Anh** đã viết trong entry #12:

Có một ai đó đã từng...“định nghĩa” (?!):
- Chiến tranh là sự bắn giết nhau của những người không quen biết nhau, để phục vụ cho những người quen biết nhau nhưng không hề bắn giết nhau.”

Cuộc chiến tranh VN, nhìn ở góc độ của “định nghĩa” trên, ta thấy đúng như thế, và, dẫu biết rằng phe “chiến thắng” luôn tìm mọi biện pháp, thủ đoạn để viết lại lịch sử, nhưng, chân lý lịch sử bao giờ cũng là chân lý, cho dù phe “chiến thắng” có dùng mọi phương cách tận diệt, vùi dập một

cách thô bạo, như kiểu... “đốt sách chôn học trò!”, thì bản chất cuộc chiến này, vẫn được thể hệ hôm nay và những thế hệ mai sau nhìn ra được rõ ràng chân tướng, đó là:
 1/ Cuộc chiến tự vệ và bảo vệ nền Tự Do, Dân Chủ... của chính thể VNCH ở miền Nam.
 2/ Cuộc chiến xâm lăng, truyền bá cái chủ nghĩa ngoại lai vô nhân bản CNCS, được núp dưới chiêu bài: “đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào” giải phóng thống nhất đất nước, để làm “tôi thân” cho Tàu, Nga... của chính thể VNDCCH ở miền Bắc!

Cuộc chiến tranh Việt Nam đã kết thúc, nhưng, dù đứng ở góc độ đánh giá nào, chúng ta, những thế hệ trẻ hôm nay và mai hậu... cũng phải đau đớn, xót xa mà thừa nhận rằng: đây là một cuộc chiến mang đầy nội hàm “huynh đệ tương tàn” (của các thế hệ cha ông) khủng khiếp trong lịch sử dân tộc, cuộc chiến đã gây đầy vết tích thương đau, mang những vết sẹo không bao giờ lành trên thân thể lẫn trong tinh thần, đầy xót xa, đắng cay, thậm chí tủi nhục... cho cả dân tộc Việt Nam – Mẹ Việt Nam...này! Ai là thủ phạm, ai là tội đồ của cả dân tộc Việt Nam – Mẹ Việt Nam... trong cuộc chiến này? Câu hỏi, thiền nghĩ, trong mỗi người chắc chắn là đã có câu trả lời...rồi vậy...

THẾ HỆ CHIẾN TRANH

*Thế hệ chúng tôi mang đầy vết sẹo
 Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn
 Không phạm tội mà ra tòa chung thẩm
 Treo án tử hình ở tuổi thanh xuân*

*Thế hệ chúng tôi loài ngựa thồ bị xích
 Hai mắt buồn che bởi tấm da trâu
 Quá khứ tương lai, tháng ngày mất tích
 Đàn ngựa **ru** bờm, không biết về đâu*

*Thế hệ chúng tôi chỉ thấy toàn lệ máu
Chưa bao giờ thấy được một ngày vui
Thời chiến giày saut, lao vào côi chết
Hòa bình phận tù, trâu ngựa khổ sai*

*Thế hệ chúng tôi già như quả đất
Râu tóc mỗi ngày mọc những hoang mang
Ngoài phần nô, trong chán chương ẩn khuất
Đếm những nỗi buồn bằng lời nhạc Trịnh Công Sơn...*
(Trần Hoài Thư)

Tuấn Anh cũng đã dẫn thơ chúc Tết Xuân Mậu Thân – 1968 của Hồ Chí Minh và một đoạn bút ký Nhà văn trẻ ấy bị thương của Trần Hoài Thư trong entry #13 để nói lên rằng:

Đọc các câu thơ “chúc tết” như là một mệnh lệnh dẫm sặc mùi chiến tranh ở trên, ta thấy rõ cái bản chất dùng chiến tranh “nuống người”, hô hào, thúc giục, đẩy những “robot bộ đội” đầy tội nghiệp vào chỗ chết một cách vô nhân đạo... ngay ngày Tết cổ truyền của dân tộc!!! Với lý do: “thi đua đánh giặc Mỹ” Một tội ác mà lịch sử dân tộc Việt Nam muôn đời sẽ không tha thứ!!!

- “Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!”

Đối với đoạn văn...

- *Đừng sợ em nhé. Thế nào chúng tôi cũng chiếm lại và trả lại thành phố này cho em.
Chợt ở ngoài cửa sau nhà, nhìn ra đường rầy xe lửa, thấy địch chạy như bầy vịt về hướng đầm Thị Nại. Như vậy là ta đã thắng rồi. Và ít ra vết thương này cũng không đến nỗi vô ích...”*

Chỉ một bài thơ...và...chỉ với một vài đoạn bút ký, diễn đạt diễn biến sự kiện lịch sử Xuân 1968 ấy, người đọc trẻ (như tôi) có thể hiểu được thế nào là tính vô nhân và thế nào là tính nhân văn nhân bản... trong thơ văn thời chiến trước 1975...vậy!

Trong entry #15, em cũng nói thêm:

... Ở một góc độ nào đó, thế hệ trẻ tụi em cần phải có sự so sánh để có cái nhìn tương đối...khách quan, dù chỉ là cá nhân.

Bởi, không như thế hệ các bác và các anh chị trước 1975, thế hệ tụi em, nói thế nào đi nữa, dù muốn dù không, ít nhiều, cũng đã từng bị “nhồi sọ” và “định hướng” cảm thụ “văn chương mẫu” một chiều trong thời gian học phổ thông...!

Thì nay, với điều kiện thuận lợi thông tin rộng mở của internet, với sự khao khát tìm hiểu, cá nhân em đã dần dần “vén bức màn đen” và từ từ “khám phá” ra nhiều điều thú vị...

Trong phạm vi của một cái còm, không thể nói được hết mọi điều, nhưng, trong chừng mực nào đó theo nhận thức, cá nhân em đã thấy rõ được một số nét cơ bản, chẳng hạn:

1/ Với thơ văn của người lính miền Bắc trước 1975, các tác giả “bộ đội”, khi sáng tác đều phải tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc phục vụ cho công tác “nhồi sọ” tuyên truyền chính trị, hô hào thúc giục “robots bộ đội, cả nam lẫn nữ”, những thanh niên xung phong nam nữ... lao vào cuộc chiến như con thiêu thân...! Mọi cảm xúc, rung động, tình cảm cá nhân thật sự của văn thi sĩ đều phải gạt dẹp bỏ, họ, cuối cùng chỉ là những THỢ VIẾT THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG, nếu không muốn mình bị ghép vào thành phần... “dao động”, “xét lại”, thậm chí là... “theo địch”, là “phản động”!?

Tất cả (cái gọi là) sáng tác thơ văn đều phải đi đúng quỹ đạo của “quan văn hóa văn nghệ nhồi sọ tuyên truyền chính trị”, ai dám cả gan viết chệch ra... dù chỉ là một chút thôi, thì ngay lập tức, họ sẽ bị “đánh” toi tã, bầm dập ngay,

dù có là ai đi nữa!!!

Diễn hình như Phạm Tiến Duật “cả gan” chệch hướng với bài... VÒNG TRẮNG, và Ngô Văn Phú “cả gan” với bài... SẼO ĐẤT...

2/ Trái lại, với nền thơ văn của người lính miền Nam trước 1975, các tác giả hoàn toàn tự do trong bất cứ lĩnh vực và phong cách sáng tác nào, họ không bị và không chịu bất cứ một sự ràng buộc, một sự bó buộc, một sự chỉ đạo, một sự định hướng sáng tác... của bất cứ một “ông quan văn hóa văn nghệ” nào; các tác giả lính miền Nam, hoàn toàn chủ động thể hiện những cảm xúc cá nhân thật sự của riêng mình, những rung động cá nhân thật sự của riêng mình, những sáng tác ấy đều xuất phát từ những rung cảm trong những trái tim đầy mỹ cảm tri thức, những sáng tác ấy uơm và vun đắp đầy những Chân Thiện Mỹ cuộc sống, nó bằng bạc lan tỏa dịu nhẹ nhàng nhưng thấm đẫm tính nhân văn nhân bản trong tình yêu quê hương đất nước, trong tình yêu đôi lứa, trong tình “huynh đệ chi binh”, và tình “quân dân cá nước”...

Những tác phẩm thơ văn mang ý nghĩa và tinh thần như đã nói ở trên... thì rất nhiều...

Nhưng, trong phạm vi cái còm này, em xin được mạn phép chọn 2 bài thơ mà em thấy rất rung động... khi gặp đọc...

1/ *Mùa mưa lần trước tôi theo đơn vị
Đến tiếp thu vùng đất nhỏ điêu tàn
Lối hẹp nhà em lầy lội dấu chân
Những mái tranh nghèo ôi sao cô tịch
Vườn chuối bỏ hoang cỏ lên xanh biếc
Ruộng lúa bom cày đạn phá đêm đêm
Trăm gian nan thống khổ với truân chuyên
Người người chỉ nguyện cầu trong sầu não.
(Phan Bá Thụy Dương – 1967)*

2/ *Tạ từ em với sương mai
Anh lên tay súng cất lời hô quân*

Tàu đi sông nước chập chùng
 Nẻo quan san đỏ gian truân đã chờ
 Trước sau cờ rợp bóng cờ
 Ngoài kia chiều rắng nắng mờ hắt hiu
 Em về mây gió trôi theo
 Nhớ nhau? Thôi cũng chắt chiu kiếp này
 Bên anh đạn rổ tên bay
 Trăm binh đao với tháng ngày bỏ quên
 Quê mình còn đó không em
 Cho anh gởi gắm trái tim ngọt ngào.
 (Phan Bá Thụy Dương – 1968)

Trần thị Bảo Vân trong entry #22 cho biết:

...khi Út vào nhà chị chơi và bắt đầu làm quen tiếp cận đọc những sáng tác của... Võ Hồng, Hoàng Ngọc Tuấn, Mai Thảo, Nguyễn Tất Nhiên, Võ Phiến, chị Cam Li, chị Nguyệt Mai... ở trang nhà của chị Năm, sau đó tới phần thơ văn về lính thì Út vào blog's Trần Hoài Thư đọc những sáng tác của Trần Hoài Thư, Nguyễn Bắc Sơn, Vuông chiều Luân Hoán...

Tất nhiên là Út đọc cũng chưa được nhiều lắm vì bận học nên ít thời gian quá, nhưng điều mà Út thật sự cảm nhận rõ được, đó là: Các sáng tác ấy đều... khác hẳn cái tinh thần văn phong rập khuôn, đầy tính nhồi sọ mẫu, luôn ra rả giáo điều, định hướng chính trị tuyên truyền cổ tình được lồng vào trong cái gọi là “nền văn học hiện thực xhen”!!!

Những sáng tác của các tác giả miền Nam mà Út có dịp đã đọc ở trên, theo cá nhân Út: nó mang đầy chất tự do trong tư tưởng và quan điểm sáng tác, mỗi tác giả một phong cách biểu đạt thể hiện đề tài, nhưng tất cả đều có một điểm chung nhìn thấy rất rõ ngay, đó là nội dung các sáng tác đều thể hiện rất cao và rất rõ tính giáo dục con người thật sự, luôn chú trọng tính nhân văn nhân bản và đạo làm người cũng như luôn thể hiện tính Chân, Thiện Mỹ... trong mỗi sáng tác của mình.

Văn phong của các tác giả luôn trong sáng, lưu loát trong diễn đạt, hình thức hành văn và chính tả luôn chín chu...

Các tác giả, như trong ý thức đã luôn thật sự tôn trọng những độc giả của mình...!

Còn em **Võ Trung Tín** đã góp ý trong entry #31:

Đọc chưa nhiều, nhưng khi gặp đọc một số (cũng không ít...) những bài văn thơ cũ của các tác giả khoác áo lính miền Nam viết về cuộc (nội) chiến, viết về thân phận con người nhỏ nhoi trong cuộc chiến, viết về thân phận những thế hệ thanh niên khoác áo lính miền Nam nói riêng, và những thế hệ tuổi trẻ đã bị “hứng chịu” trong cuộc chiến trước 1975 ở miền Nam nói chung... Nó cho tôi, thế hệ tuổi trẻ hôm nay – 2012 – như thấu và đồng cảm được cái hơi thở của những thế hệ tuổi trẻ một thời khoác áo lính đã qua, bởi, tuổi trẻ thời nào, bao giờ và trước tiên cũng nhìn đời với một tâm hồn...đầy trẻ trung đầy “vô tư lự”...

*bỏ lệnh gọi trong túi quần
tôi đi qua từng đường phố
không biết phải làm gì
tôi trở về rửa mặt*

.....

*bỏ lệnh gọi trong túi quần
bắt tay bác cảnh sát
tôi vui vẻ đứng cười
đêm bắt đầu vây phủ
tôi hoàn toàn vô tư
(Luân Hoán)*

Tuy nhiên, khi “nhập cuộc chơi” thật sự, thế hệ những người lính miền Nam họ có... “tôi hoàn toàn vô tư”...không?

Tôi đọc, và như thấu cảm cuộc sống thường nhật trong quân ngũ của họ, thấu cảm cái Tôi với những suy tư, trần trọc đầy nổi niềm xáo động, bấp bênh trong cuộc sống quân ngũ. Người lính họ sống và hiện hữu với hơi thở đầy dồn nén bức bối, họ trực diện cái bối cảnh của một đất nước đang diễn ra chiến tranh. Với người lính, sự sống và

cái chết, cũng như bị thương, lúc nào như cũng rình rập, bủa vây quanh họ, “Sống – Chết” như một lần ranh vô hình, một sợi chỉ mỏng manh dễ bị tan biến và đứt vỡ:

*bôi mặt vẽ mày mời các người xem
tôi vắng tục luôn như thẳng mắt dạy
đã thế thì đừng cố gắng ngạc nhiên
khi mày không hơn gì tao mấy tí
lính tráng bây giờ như chiếc đinh đen
đóng chặt đời vào động cơ và nổ
bắn giết bình thường như bài tiết như ăn
vậy hỏi làm chi lương tâm bốn phận
bôi mặt vẽ mày đi đứng vô tri
đó chính là tôi
tôi là người lính trận
(Luân Hoán)*

Mỗi tác giả lính miền Nam như vắt máu từ tim và lấy mồ hôi nước mắt của mình như để hoà chung làm mực mà viết, mà trải những nỗi lòng, những tự sự, những u uẩn, những u uất, thậm chí là những bất mãn, những phi nhỏ, những lên án về một cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn... vô nghĩa!

Mỗi sáng tác, mỗi thi phẩm, mỗi văn phẩm, như đã phần nào phản ánh một cách trung thực những tâm tư, suy nghĩ, trăn trở về thân phận người lính bị xoáy và cuốn vào một cách trực diện của cuộc chiến. Mỗi bài thơ như là một nhịp thở như ẩn chứa đầy chất thán khí của một thế hệ, như là một sinh mệnh của mỗi cá nhân tuổi trẻ trong cuộc chiến vậy...

• *Buổi sáng xuất quân về hướng Bắc
Âm thầm sương sớm toán quân ma
Qua cầu sông Lũy nhìn quanh quất
Nước đỏ cầu đen chột nhơ nhà
Nước reo bèo dạt mặt trời lên*

Khói núi lời ca chủ để mèn
 Có gió cao che đầu chiến sĩ
 Thanh cầu gỗ sừng nhạc leng keng
 Vì sao ta tới đây hò hét
 Học trò bẻ bút tập mang guom
 Tập uống máu người thay nước uống
 Múa may theo lịch sử điên cuồng
 Vì sao người đến đây làm giặc
 Đổng trò tráng sĩ loạn Xuân Thu
 Giận đòi ghê những bàn tay bẩn
 Đưa đẩy người trong cát bụi mù
 Buổi chiều uống nước dòng Ma Hỷ
 Thăng Xuân bắn chết thăng Mang Khinh
 Hồi ơi sống chết là mưa nắng
 Gió tới mưa đêm chó lạnh mình
 Đốt lửa đòi cao không thấy ấm
 Linh Châm giận ghét Chế Bồng Nga
 Chiến chinh chinh chiến bao giờ dứt
 Sắt đá ồ sao lại nhớ nhà
 (Nguyễn Bắc Sơn)

Tuổi trẻ là mùa Xuân của cuộc đời với bao ước mơ tươi đẹp!

Nhưng, thế hệ tuổi trẻ khoác áo lính miền Nam trước 1975, có thể nói không quá lời (qua văn thơ), đó là...thế hệ tuổi trẻ khoác áo lính, mang ba lô chứa đầy những ưu tư, những tự vấn, những trăn trọc, những trăn trở...đến triền miên trong thường trực...

Kẻ thù ta ơi những đũa xăm mình
 Ăn muối đá mà điên say chiến đấu
 Ta vốn hiền khô ta là lính cẩu
 Đi hành quân rệu để vẫn mang theo
 Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
 Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
 Ta bắn trúng người vì người bạc phước
 Vì căn phận người xui khiến đó thôi
 (Nguyễn Bắc Sơn)

Một thế hệ tuổi trẻ mặc áo lính “chiến đấu” trong tâm thức đầy... “bi thương”, nhưng cũng không kém phần “bi hùng” lẫn “bi tráng”...vậy...!

- Tư cách và đạo đức sáng tác của các tác giả miền Nam trước 1975, thông qua tác phẩm, chúng ta thấy nổi bật cái nhân cách sáng tác...KHÔNG SỢ và KHÔNG HÈN ! Ở họ, thông qua các sáng tác, đều là sự tự do tư tưởng! Tư cách và đạo đức sáng tác của họ luôn minh chính, các tác giả, ở họ thông qua tác phẩm, chúng ta có thể khẳng định là họ không bao giờ bẻ hoặc uốn cong ngòi viết của mình, làm bôi bút, nhằm phục vụ cho giai cấp lãnh đạo của chế độ...

Rồi em có cái cảm nhận trên, bởi lẽ, so với các “đồng nghiệp sáng tác” của họ ở miền Bắc, thì các “thợ viết” miền Bắc... chưa và không bao giờ có đủ tư cách và đạo đức của một người cầm viết chân chính, chứ chưa nói đến cái danh xưng rất cao đẹp là...VĂN SĨ, THI SĨ ! Rồi em dẫn chứng nhé:

1/ Hồi Ký Của Một Thằng Hèn – Tô Hải

<http://quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26787>

2/ – “Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu hèn? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn. Vì thế mà từ xưa tới nay có bao nhiêu nhà văn nhà thơ đã đi ở ẩn ngay trong tác phẩm? Chúng ta vắng thiếu những cây thông đứng sừng sững. Có một nhà văn đàn anh nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: “Tao còn sống, còn cầm bút được đến bây giờ là nhờ biết sợ!”, nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giường, nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng. Có người cầm bút

đến lúc sắp bước sang thế giới bên kia vẫn chưa dám thốt lên một lời nói thật tự đáy lòng, không dám viết hồi ký thực, vì sợ đề liên lụy đến đời con cái...(....) Sao mà khổ vậy?!”

(Nguyễn Minh Châu)

Cô “chủ nhà” Phay Van cũng đóng góp ý kiến:

Thế hệ sinh sau 1975 hầu như không biết đến việc đã từng có một nền văn chương miền Nam (1954-75) phát triển rực rỡ. Nguyên do vì sách vở bị đốt trong (cái gọi là) phong trào bài trừ văn hóa đồi trụy của Mỹ-ngụy (sic). Một nguyên nhân nữa như là kết quả tất yếu của quá trình giáo dục nhồi sọ của nhà trường xhcn. Em may mắn kịp đọc vài tác phẩm trước khi bị đốt, nên tự giữ cho mình miễn nhiễm. Cái giá phải trả là 5 - 6 điểm cho mỗi bài luận văn cộng với học lực trung bình (tất nhiên), và em hải lòng về điều đó.

Ngày nay, nhờ vào internet, lối truyền thông một chiều đã lạc hậu, nhưng con người đã hỏng. Người trẻ có nhiều mối bận tâm khác hơn những điều mà các nhà giáo dục có tâm huyết mong mỏi. Người hỏng thì lấy gì mà sửa hờ Chị?

Thế nên khách quan mà nói, việc có được những ý kiến phong phú của người trẻ về vấn đề này là điều khó thực hiện. Được như nhóm Kiến, chắc cũng hiếm.

Riêng phần chúng tôi, chúng tôi không quá bi quan như cô em Phay Van. Như ai đã nói: “Thời gian là người phán xét lịch sử tuyệt vời”, hoặc “Cây kim trong bọc lâu ngày cũng sẽ lòi ra”. Với phương tiện truyền thông hiện đại, những bạn trẻ ngày nay không dễ dàng bị lừa bịp, bị che mắt như những bạn trẻ miền Bắc cách đây 40 – 50 năm về trước, khi nghe tuyên truyền rằng: “Dân chúng miền Nam rất đói khổ, bị Mỹ Ngụy kềm kẹp, cơm không có ăn, chén ăn cơm cũng không có, phải dùng gạo dứa” (sic), đã nô nức đăng ký đi bộ đội với mong ước “giải phóng” cho đồng bào miền Nam thoát khỏi sự “kềm kẹp”. Sau ngày 30-4-1975, đặt chân vào miền Nam, họ mới ngã ngựa ra là lâu nay đã

bị lừa bịp. Nhà văn miền Bắc Dương Thu Hương cũng đã thú nhận trong một cuộc phỏng vấn do Đinh Quang Anh Thái thực hiện và phát thanh vào tháng 4 năm 2000 trên làn sóng của đài Little Saigon Radio ở California:

Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lỗ tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người ta có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ . . . nếu người ta muốn. Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lảm lẩn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhảm lẩn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải.

(nguồn:

<http://nguoivietblog.com/dinhquanganhthai/?p=285>)

Chúng tôi tin tưởng vào tuổi trẻ Việt Nam và đóa hoa nhân ái sẽ luôn vĩnh cửu.

Nguyệt Mai tổng hợp

22-9-2012

*<http://123hoang.wordpress.com/2012/09/10/viet-duoi-troi-khoi-lua/>

Chủ đề: Ba lô mang thêm hồ thơ văn



Đinh Cường

KHI VỀ LẠI THỦ DẦU MỘT

Tôi ra trường Bộ Binh Thủ Đức khóa 5-68
được kê trong danh sách đi học trường Công Binh - Bình
Dương

thật lạ tôi lại trở về nơi tuổi nhỏ tôi, tôi nhớ ngày xưa từ
Quảng Lợi, Hớn Quản

ra đó như từ quê ra tỉnh, mà ra tỉnh thật khi vào học tiểu
học ở trường Nam - Thủ Dầu Một, để rồi sau đó thi đậu
vào Trung Học Petrus Ký – Sài Gòn, được coi như là may
mắn hiếm có.

Sau này Thủ Dầu Một có trường trung học Trịnh Hoài

Đức, Thanh Tâm Tuyền
 về dạy. Có chùa Tây Tạng ghi bao kỷ niệm của chúng tôi
 với Thầy Tịch Chiếu trụ trì
 lâu năm. Đám cưới Nguyễn Đức Sơn và Phượng ở đó.
 Nguyên Giác Phan Tấn Hải
 xem Thầy Tịch Chiếu như bổn sư của mình. Nay Thầy đã
 già lắm, và tôi nhớ Phùng Ngộ, một vị sư trẻ hay ra đón tôi
 cuối tuần ở trường Công Binh cùng đi bộ về chùa, nay
 Thầy ở đâu...

Trong ba-lô tôi luôn có một, hai cuốn sách ruột, loại livre
 de poche, tôi còn nhớ như Le repos du guerrier của
 Germaine Beaumont, Paroles của Jacques Prévert... tôi ghi
 chằng chịt trên những khoảng trống của trang sách những
 ý nghĩ của mình. Trưa nằm trên nền xi-măng mát lạnh bên
 cạnh chiếc đại hồng chung ở chùa đọc vài trang sách, viết
 vài trang thư gởi về Huế nhớ vợ nhớ con vô cùng.

Nhớ Cao Đông Khánh, nhà thơ miền Nam, thơ anh làm ra
 và chính giọng đọc của anh mới nói lên được hết cái ngang
 tàng. Nay anh đã mất. Khi biết tôi sinh ở Thủ Dầu Một,
 quê của anh, anh đã viết: Từ Sài Gòn, Gia Định ra, nếu đi
 ngã cầu Bình Lợi, rồi, rẽ trái, đi về Bình Phước, Lái Thiêu,
 Bún... dựa theo bờ sông Cái Bè, có những lớp vườn trái
 cây, sầm uất, mướt màu, che bóng mát u tịch... Cái màu
 vàng, đỏ của trái cây chín tới, như tự nó phát quang. Trái
 cây đó, màu sắc đó, hương thơm đó, vị ngọt đó là tinh túy
 được kết hợp bởi đất đai khí hậu ngàn năm ở đó. Và từ đó
 mà đi, nhà thơ Bùi Giáng “vào đất rộng, kính chào Bình
 Dương” tức là vào sâu đến quận Phú Cường tỉnh Thủ Dầu
 Một

ngày xưa, tức là vào đến vùng đất sét, vào đến vùng nước
 suối, nước mội, vào đến vùng canh chua lá giang, vào đến
 vùng tiểu công nghệ, lò chén, lò gốm, vào đến vùng tranh
 sơn mài... Đến Thủ Dầu Một còn là, đến nơi chôn nhau cắt
 rốn của họa sĩ Đinh Cường. Với tranh của Cường, vật chất,
 như tự nó, tự phát quang (*Cao Đông Khánh - Ánh sáng tự
 phát của Đinh Cường tỉnh Thủ Dầu Một - Brochure Triển*

lăm tranh ĐC tại Đại Học George Mason, Virginia 1994).

Thủ Dầu Một với mặt trận An Lộc khét tiếng, những đêm cùng đại đội của trường Công Binh ứng chiến ven bìa rừng cao su, trong hầm trú ẩn, tôi đã nhớ và ghi lại :

Tiếng đại hồ cầm nào rơi trong hồn tôi
chiều nay
chiều muộn sâu trên hàng phi lao
tôi bước ngu ngơ cùng đá sỏi
mặt trời già từ
mặt trời bắt tay

Tiếng bom nào rơi trong hồn tôi
đêm nay
đêm hãi hùng như loài thú dữ
tôi bước lạnh người sợ hãi mình chông
nhìn vì sao sa thấy lòng tức tưởi
vì sao biệt tăm

Tiếng cười nào rơi trong hồn tôi
sáng nay
sáng mù sương trên đồi cỏ dại
tôi trở về còn đủ chân tay
con mưa đầu mùa trở lại
tôi gọi thầm em trong mưa mưa mưa...

(Một ngày – Văn số 131, Lệ đá đêm sâu, 6-1969)

Ra trường Công Binh, tôi được chọn về làm ở Cục Công Binh, phòng 5,
cùng phụ trách tờ báo Công Binh, sau đó biệt phái về dạy lại trường
Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế ... Nhớ lại một thời, rừng cao su đầy bom đạn, mùa hoa vẫn nở trắng. Nhớ chiếc ba-lô chứa đựng những câu thơ của Prévert:
Oh Barbara

Quelle connerie la guerre...

Virginia, 22 Sept. 2012

Đình Cường



NGÔ ĐÌNH KHOA **Người Lên Mặt Trận**



Tranh Thảm Nguyễn – Báo Trẻ Online

Chiếc tàu thuốc gõ gõ lên hư không trong đầu tôi những âm thanh khô. Buổi sáng trắng những bụi nước, có thể một ngày đẹp trời và cũng có thể một cơn mưa bão. Những

vũng nước trải mỏng trên sân lấp loáng trong gầm những chiếc xe không trùng trùng trong bến còn lại trong trận mưa đêm và những vệt ánh sáng mềm như sương trên bức tường trơn thẳng những mái cao. **6 kém 5.** Chuyến xe đầu đã chật cứng hành khách đợi giờ chuyển bánh. Tôi bắt đầu nhận ra hắt trong mù mù tối hình người bẻ gập về phía trước, thờ rất nhỏ lẩn trong tiếng máy nổ lẩn trong mùi thuốc ăm. Chiếc tàu lại gõ lên hư không trên một đốt xương lỏng tay hay của một bàn tay lật úp. Hai bàn tay tôi run giá ngắt trong đôi găng ăm. Những giòng nước chảy ngoằn trên tấm kính xe trước mặt một quán nước như lật nghiêng, nhòe nhoẹt cổ quái và hỗn độn. Mọi chiều cao như thấp xuống và lớn ngang như treo trên một sợi dây mảnh không gốc ngọn. Tôi có thể nhìn thấy rõ gã đàn ông mặc đồ xanh đu đưa trong không khí chiếc ghế và hai chân gã khuấy trong một giọt nước, một ông lão có chiếc mũi ở ngoài khuôn mặt. Nỗi tuyệt vọng tôi ở trong một giọt nước mỏng manh, trong ngực tôi hơi thờ lặng lẽ của trái tim, sự sống tôi ở đó những người tàn tật chỉ mình tôi tưởng thấy. (Tôi đang thấy những sinh hoạt phía trước mặt qua tấm kính sũng hơi nước hay qua một ý thức điên rồ trên một chuyến xe sớm tất cả chỉ là những hình thức đáng thương). Bây giờ hắt bật lên một ngọn lửa vàng. Ngọn lửa cháy một thoáng bên vai trái tôi, chảy trong tấm kính trước mặt, chảy lên trong những kim khí sáng rồi tắt ngấm. Tôi nghe những tiếng bập bập và ngó lòng tay hắt đỏ óng mùi thuốc sặc sụa trong lòng xe. Một tiếng la lối đột ngột của người nào phía sau và tiếng máy nổ gừ gừ dữ dội, chiếc xe tách bến. Phố xá nhà cửa người ngợm và xe cộ tất cả như mặc một chiếc áo **bong** sương. Xe đã lên một dốc cầu. Những cơn gió đánh tạt vào mặt tôi những hạt bụi nước. Hắt đã ngủ? Chiếc tàu thuốc gài trên túi áo ngực ưỡn về phía trước thoải mái trong tư thế ngủ ngồi quen thuộc, một cảm giác tê dại nửa khuôn mặt bên phải tôi, cơn gió phả vào trăm mũi kim rất nhỏ, một cánh tay hắt bỏ thông hai ngón nhịp nhịp hư không. Tất cả đã ổn định, đời sống đã ổn định chóc lát trên ghế ngồi buông xuôi. Những cơn gió ù ù phân phật như chạm vào một vật cứng thối trên một lá cờ, một

cây phước. Người ta bắt buộc phải đi và về và không chắc chắn gì về sinh mạng mình trên chuyến xe sớm này. Trăm nghìn cái bất hạnh có thể chờ đợi trên con đường bốn bánh cao su bon chạy. Xe đã ra hết khu ngoại ô ghé vào một trạm kiểm soát, những người lính hiện ra như những bóng tối nhạt (lục soát gì trên thân thể chúng ta mang theo? Điều đáng cười là họ sẽ không thể thấy những điều muốn thấy – dù là những thứ phản động), những cây súng lạnh lùng trên tay, những cây súng để lỏng trong bao da đã mở, sẵn sàng. Sắt thép mà. Cánh cửa xe phía tay mặt đã mở ra lần lượt tiếng dội mạnh vào thân xe. Một người cảnh sát có đôi mắt lộ sâu vì thiếu ngủ dướn lên nhìn trừng vào từng băng hơi thở cuộn như khói. Hắt hơi của mình về phía trước, lưng rời khỏi thành ghế, tay rút lên, tiếng máy gừ gừ một chút như một đoạn phim đã qua tất cả rút lại phía sau như những tờ giấy. Phía đông trời ửng đỏ như máu tươi chảy từ vết thương còn mới loang trên những vùng xa tối thẫm, loang trên cây cỏ gần vũng nước có màu đỏ loăng. Bây giờ tôi có thể thấy hẳn rõ hơn: một người lính. Một người lính của sắc phục, tầm vóc vừa đủ lộ một sinh động thông minh, tay những ngón xương xây xước, những vết thẹo thay da non, những sợi râu đen nổi thô bạo. Bụi nước đã loăng trong không khí cùng hơi lạnh, tấm kính trong, mùa gặt đã qua ở đây, đã qua thật rồi trong tâm trí, những gốc rạ bờ cỏ tươi cây dại hồn nhiên trong cảnh tượng xa lắc. Con lộ đen thẫm mềm nhũn một cảm giác lún tôi xuống sâu, những vỏ đạn đồng vàng óng trong vũng nước chùi sạch, những thửa ruộng cỏ hoang ngời mộ mới. Xe đã qua bao nhiêu chặng đường, những chặng đường an toàn đã qua và tôi hiểu trong tôi những thứ gì đã hết. Ngoại cảnh vùn vụt trước mặt trong tâm trí tôi vùn vù. Hấn thức, không, nói theo một mình tôi hiểu, hẳn không ngủ trong tư thế một giấc ngủ ngồi dửng dưng và tham lam, đôi mắt hẳn nhắm lại chứa dấu dành dụm. Hẳn không ngủ. Bàn tay hẳn thức lẫn trên mép ghế, đôi giày trần hẳn thức cọ quây, chà xát và hơi thở hắt ra bất thường chứng tỏ một xúc động mãnh liệt đang diễn ra bên trong. Một chút thất vọng nào đó chọt căng lên trong lồng ngực tôi đầy cộm, tức thờ. Tôi

đã thấy trong lòng hai bàn tay (ngón mềm mại) những vết chai rạn, đôi giày mòn nứt rách nhem nhuốc, hắn đã giẫm xéo chà đạp bao nhiêu thứ dưới chân hắn? Hắn đã bắn bao nhiêu đạn? Những bề nát, nứt rạn quanh đây hắn không liên hệ gì thực tại này hết. Về tàn nhẫn mê muội, lạnh lẽo trước nguy hiểm biến động hắn lạ hoắc trong cái xã hội nhỏ bé trên xe này.

Tiếng nổ lớn đột ngột rung chuyển của một viên đạn trái phá lan rộng **âm âm** trong không khí xô lắc những tàn lá cây mặt ruộng thẳng tắp những gốc rạ chột dần ra rồi co lại gợn sóng như một viên sỏi ném xuống ao nước tù đọng, âm thanh lao xao lanh canh của kim khí vụn dưới sàn xe âm vang suốt thân thể tôi tiếng rớt bể của khối thủy tinh. Tiếng súng đã đánh thức những mê muội thù hận một ngày: cuộc bắn giết bắt đầu và tiếp tục. Đánh thức cái số phận khốn nạn quanh tôi những sự sống câm nín nhẫn nhục dưới sức nặng truyền đời thẳng thốt không dứt một ngày nào sẽ tan vào hơi thở của ngoại vật như ném trả một viên đất vào ruộng sâu, đá về núi, giọt nước về biển cả. Không kẻ nào cưỡng lại được. Nỗi tuyệt vọng từ đó đã nổ tung trong tôi những viên trái phá hiện tại, từ đó đời sống **váng vất** như những hình nhân, những tên múa rối không mặt mũi. Không còn ai nhớ được gì dù là trí nhớ mình. Xe như đùn lại một độ cong gấp trước tiếng lết của bánh cao su chà xát bồng trên mặt đường, vẻ hoảng hốt của người tài xế và tiếng rú đồng loạt không kèm lại được trong cổ họng hành khách, chiếc xe khựng lại nhiều lần trước khi ngừng lại hẳn. Mọi người xô lấn túa ra, vật vã chơi vơi như con lóc thỏ tung trên đồng lá khô cùng trong tiếng nổ gần sát bên tiếng thắt thanh đau đớn, tiếng sắt thép chạm nhau bụi và đất, phía trước mặt, rất gần chắc đang xảy ra cuộc chạm súng.

Mặt trời đã lên cao, những tia nắng nóng bật lên từ những mặt phẳng sáng bình yên, nỗi tuyệt vọng từ đó mỏng manh nhưng dai dẳng truyền đời trên lưng còn nặng trên đôi vai xây xước trong ngực mỏng trái tim không còn thờ những

số phận khôn nạn. Tôi lau mặt bằng chiếc khăn tay và quay lại chỗ ngồi. Tất cả cũng trở lại chỗ ngồi. Hắn vẫn ở đó tay quay một cây súng đứng đứng, hắn là cây súng hay cây súng đồng lõa, lạnh lẽo, mê muội, tàn nhẫn - một thỏi thép không nguy hiểm gì hết. Xe tiếp tục, cảnh tượng trước mắt thu gọn trong ô kính kéo lại gần như một miếng bia cứng mỗi phút mỗi đập vào mặt. Những cuộn khói đen cao đùn như chiếc nấm dưới chân những chấm li ti di động. Đã nghe thấy mùi thuốc súng trong không khí, mùi máu người lẫn cùng hơi đất ẩm rải rác dọc theo hai ven lộ những vỏ đạn còn mới như bốc hơi, những vết đạn cày suốt trên mặt lộ máu trộn lẫn với bùn đất và nước quánh sệt, một vài người lính đứng sững còn trong tư thế phòng thủ. Xe như ngừng hẳn lại khi vượt “mô” những cây, gạch ngói và đất bùn, phía trong họ đang tìm kiếm thu nhặt vũ khí của kẻ bại trận bỏ lại xác chết cũng được mang kiểm nhận tại chỗ để nằm vắt ngang ven lộ. Những tên ngu xuẩn cuồng tín đáng thương nằm kia tênh hênh troi troi với nỗi thù hận những giòng máu còn rỉ rả từ mỗi vết thương trên nước da vàng nghệ (những vết thương sưng lên từ khuôn mặt lời nguyên rửa phi báng). Những thân thể trần trụi, vạm vỡ, những bàn tay, những bắp thịt tạo dựng, đôi chân trần chắc nịch theo sau trâu trên luống cày, mùa gặt đã qua trong tâm trí thật rồi, đã phung phí những hạt thóc giống, đã phung phí máu xương. Tiếng xe cấp cứu ré thảm thiết ngọn cờ trắng chữ thập đỏ run phần phật gấp rút. Họ tải thương và thân xác các chiến hữu của họ chỉ còn thấy những đôi giày trần bê bết bùn đất lú ra đầu những chiếc băng ca cá nhân thân thể đã bọc kín không còn gì cả dù ước vọng của riêng họ. Hắn vẫn tiếp tục với cây súng quay trên tay những vòng vô nghĩa trong một tư thế không thay đổi đôi mắt như thèm ngủ mà không phải ngủ. Xe đã tới khoảng trống rộng (có thể thấy được chiếc tháp, tháp nhà thờ cao sáng bạc dưới nắng và những cơn gió ẩm) bỏ lại máu và những xác chết cũng có gia đình quê hương và tuổi trẻ quả cảm. Một ngày nào cơn mưa lũ sẽ cuốn đi những vết máu bầm đọng tây rữa con lộ sáng trơn dưới nắng trong buổi sáng chợt rực rỡ khi thân thể họ đã thối rữa trong đất không còn chút

dấu vết gì của hôm nay (còn chăng trong tâm trí chỉ là những hình họa thê thảm) như tuổi trẻ cùng mọi thứ khác chúng ta đã mất tuyệt vời như thả một nắm muối xuống biển mặn và tôi đang tiếp tục một đời buồn phiền, một đời sống trách nhiệm định đặt trong những công thức ước định và trói buộc như đã làm dấu sẵn bằng bút chì màu trên thời khóa biểu luồn trong tấm kính bàn làm việc ghi ngày nghỉ và ngày làm việc: 4 ngày ở đó và ba ngày nghỉ ở Sài Gòn. Ở Sài Gòn tôi có những bữa cơm đủ mặt người thân, những đêm no ngủ sung mí mắt, những buổi chiều đi dạo thênh thang cuộc vui được ngưỡng mộ tán tụng để được thấy tuổi trẻ Kim quý. Khách quan chỉ như thế đó, tôi không dối gạt ai hết. Và mỗi buổi sáng, nhất định khi chui vào lòng xe chờ đợi chuyển xe đưa tôi xa thành phố bỏ Sài Gòn sau lưng bỏ đời sống tôi không thương yêu không thù hận. Tôi là tôi. Kim, hai mươi sáu tuổi, giáo sư, đẹp, gia đình trưởng giả, ngân ấy nhân hiệu đủ cho tôi chọn được đời sống. Và cũng có thể nói Kim khôn nạn đủ rồi. Tôi không lừa gạt tôi được. Tôi đang ở giữa sự sống và cái chết, giữa nhân phẩm và sự chà đạp tột cùng. Người ta chỉ thấy tôi ở một bề mặt. Như bề mặt hiện tại, như tôi và hần, những người đồng loại trong cái xã hội nhỏ bé trên xe này một định mệnh, chung một cảnh tượng một sự sống có thật nhưng đã cách chia đã chết cứng lạnh lẽo trong tuyệt vọng, cô đơn (điều tưởng như một hạt cát tro rơi trong sa mạc mà có thật). Hần vẫn tiếp tục những cử động vô ích riêng tư cho một mình hần - Bập bập tàu thuốc và chà xát nghiêng cây súng dọc theo hông thở và nhả khói xanh um, một mình hần trên chuyến xe, nghĩ xa hơn nữa có thể một mình hần trong tập thể đồng phục, một mình hần trong cái xã hội đang chuyển động những cơn lốc lật sấp. Một người lính với cây súng trên tay thôi thép không nguy hiểm gì hết. (Thôi thép vô nghĩa có thể giết đi một mạng người, trăm người, nghìn người, có thể tàn phá nhà cửa, ruộng đồng cây cỏ và những sinh vật khác, hết thảy) nhưng thôi thép không giải quyết được gì? Nỗi tuyệt vọng từ đó, tôi trôi nổi vật vờ trong một thế giới lạ mặt thù hận, tù đầy trong trạng thái mê tỉnh lơ nhố những người chết bên kẻ sống như trên

một màn ảnh ký ức mê muội và sáng suốt. Xe vào một khoảng đường hẹp, khô, cong (mặt trời đã cao đứng bóng) những tia nắng gắt lấp lóa nhọn hút những mũi kim cứng xuyên qua đầu xe và tấm kính trước mặt. Tôi che tay lên trán tránh một quãng đường hắt ngược ánh sáng chói lòa cành lá mọc chĩa dọc lộ phía tay mặt. Những nhà cửa mới cất (vách đất mái tôn) ẩn cong xuống như trong một bức tranh trừu tượng nhức mắt, những đứa trẻ trần truồng nô giỡn trong sân đất nắng trơn trượt vô duyên không một cụm cỏ, bóng cây, những bà già gầy gò lưng nhùng trong bộ đồ màu sặc lạ mắt thất thần như những bộ xương bọc trong **giẻ rách**, những con chó cái lang thang, tất cả phơi bày dưới ánh nắng mặt trời, trước mắt tôi thấp thoáng một quê hương đang được thay thế bằng những thứ khác. Đời sống đang cho chúng ta những thứ hạnh phúc cay đắng. Như cô bác đang có nhà cửa, cơm gạo, áo ấm, như tôi đang có nghề dạy học cao quý, người lính có cây súng và quê hương, con ngựa có hai miếng da che mắt để nhìn về phía trước mặt và đi theo ý muốn của người xà ích. Người xà ích cho mỗi chúng ta...

Tôi như bị bật ngựa ra sau trùng trùng tiếng va chạm kim khí rung chuyển của hàng trăm thanh sắt và rớt hẫng vào một khoảng trống không khi xe lên và đồ dốc cầu. Thấp thoáng những người lính ở trần bên những hầm phòng thủ nổi đắp bằng bao cát, những cây súng lớn lú đầu vào những lỗ châu mai trông xuống dọc ven sông và mặt lộ trông dẫn lên dốc cầu, dưới sông tiếng máy nổ âm ỉ và mùi khói dầu bốc lên từ những giang thuyền lớn cuộn sóng ào ào những lời nói tắt trong gió và tiếng động, những người lính Mỹ phơi nắng trên những chiếc phao nổi tênh hênh trên mặt sông. Tôi nhìn ngang sang hắt nắng nóng trên tấm kính trước mặt và một nửa thân thể phía dưới. Bây giờ tôi có thể nghe lời xì xầm từ phía sau những hàng ghế (tôi ngồi ở băng đầu) và giọng ho khan của một người đàn bà có tuổi nào đó, người ta nói về sự mới có mặt của một đơn vị Mỹ tăng cường phòng thủ cho chiếc cầu này (chiếc cầu này đã bị giật sập hai nhịp cách đây mấy tháng một đơn vị

công binh Mỹ sửa chữa xong rút đi và một đơn vị khác mới đến thay thế). Hoặc một vài câu chuyện phiếm lạnh lẽo về cuộc chạm súng vừa qua. Hắn trầm tĩnh bí mật như một con cọp ngủ giấu hết móng vuốt chỉ còn bộ lông. Tiếng nói đầy từ một dĩ vãng mơ hồ những thảm họa lung lay thực tại chút hạnh phúc mỏng manh thổi tắt cái sinh khí chột sáng lên những khuôn mặt lặng lẽ câm nín. Một chút giao động nồn nao trong tôi. Ông xuống đây, hấn búng hai ngón tay giữa và ngón cái vào nhau một tiếng khô khan. Ông xuống đây, hấn lắc lắc tiếp búng những tiếng nhỏ hơn, cây súng ở bên cánh tay mặt thông xuống một trọng lượng, người tài xế tiếp tục nói một mình. Người tài xế có tuổi già trên tay bánh, hấn có cây súng, những người đàn bà vô danh trên xe có nỗi sợ hãi. Chiến tranh có trái mìn sữa soạn nổ trên đường dưới gầm xe, tôi có học trò, lũ học trò già yếu trước tuổi có sách vở, người lớn có quyền thế và lũ trẻ nhỏ èo uột có sự bất hạnh. Hết thấy chúng ta đều có hai miếng da trên mắt ngựa trên những thứ đang có.

Tôi là Kim giai cấp trí thức ưu đãi ở Sài Gòn, tôi là kẻ khốn nạn vật vờ trên xe, tôi là một thứ gì ở đó? Mỗi buổi sáng thức dậy làm công việc vệ sinh nhằm chán của một thân thể còn thờ, tự tay pha một ly cà phê sữa nhấm nháp và ngồi vào bàn trang điểm trước khi đi dạy. Tôi phải trang điểm cho tôi một kiểu cách, một hình thức của một nữ giáo sư - của một giai cấp phải có (một cái bình yên còn sót lại trong cái quận lỵ nhỏ bé xơ xác sợ hãi nín thở trong chiến tranh). Tôi phải “kịch” với cục phấn trắng, “kịch” với bảng đen, “kịch” với lũ học trò lơ lảo, “kịch” với đồng nghiệp và ngay chính tôi để cố giữ một thể thống nghề nghiệp, giai cấp.

Tôi hiểu nhưng không thể làm hơn được. Tôi sống cho tôi hay cho họ lúc này thực không thể phân biệt. Buổi trưa về ăn một bữa cơm tập thể (nơi tôi trọ có 4, 5 nữ đồng nghiệp cùng trọ) ngủ chợp một giấc dửng dưng hay chỉ là một thói quen nhắm mắt (làm như ngủ) gửi tâm hồn mình đến một cõi khác đâu đâu, trở dậy làm vệ sinh, đi dạy, trở về ăn, làm vệ sinh, ngồi coi tiểu thuyết kiếm hiệp đăng trang

trong nhật báo nơi băng đá sau vườn trông ra con sông nước mặn căng phồng (có thể một ngày nước rút cạn khô như xác chết một con rắn lớn thối rữa, tanh tưởi) hơi nước mặn thổi lên từ đó, bên kia sông con đường liên tỉnh nhìn nghiêng những khúc vặn cong lên bóng thẳm, một chuyến xe đò về muộn màu đỏ loang trên nền trời bầm dập, ở đó chuyến trực thăng mỗi buổi chiều trở về đổ quân và buổi sáng hôm sau lại đến đón đi, hai chiếc võ trang chúi xuống những vùng cây cối nghi ngờ ở xa, mười chiếc khác từ từ đáp xuống dọc theo lộ, hơi gió phát ra từ những chong chóng sầm sập như trận bão đè bẹp cây cỏ thổi bật lên bụi cát mù mịt, ẩn con người lính xuống sát mặt đất, rồi tất cả nhẹ tênh vùn vụt chỉ còn những cái chấm trên cao, xa.

Trang báo tôi đọc không biết bao nhiêu lần khi màu mực những giòng chữ đã lặn vào đêm đen, phía bên kia sông những góc hình rõ rệt nhất cũng đã biến mất và thấp lên những chiếc đèn bão nhỏ treo trước cửa mỗi căn nhà (tôi tưởng tượng chứ không thấy) đu đưa lay động hiu hắt những vệt sáng lấp loáng trên sông. Và tôi trở vào mang tôi ném vào một góc tối nào đó mở mắt ráo hoảnh, tôi có thể thấy (cũng trong tưởng tượng) những đồng nghiệp của tôi đang ngồi làm việc chung một chiếc bàn rộng bên những tách trà ấm nóng, ngoài con lộ phía trước nhà, những người lính ngồi lắc lư trên những chiếc nón sắt khum mặt sụp xuống những đóm lửa đỏ rực trên môi, ba bốn tên đứng trước sân bật ngọn đèn pin nhỏ dí sát mặt vào bản đồ ánh sáng chạy quanh khu đóng quân đêm, một tên mang súng ngắn bên hông, một tên ti khuỷu tay trên giá súng chống ngược mũi súng dựng trên giấy trận và nhất định sẽ có những tên ngủ ngồi đầu gục xuống hai cánh tay khoanh gọn tì trên hai đầu gối.

Tiếng máy sè sè và lời chửi tục, tiếng lách cách kim khí **của cơ bầm súng** được kiểm soát lại đã lên nòng chưa. Họ đợi lệnh vượt tuyến xuất phát, cùng trong giờ khắc ấy những loạt đạn trọng pháo từ một căn cứ Mỹ ở xa bắn quấy

rồi yểm trợ Quận và các đơn vị bạn “làm ăn” đêm nỏ rền **âm âm**, tiếng rung chuyển vang vọng gạch ngói, cửa kính thốn trong đầu óc tôi lòng bùng hai lỗ tai những trái đạn rớt gần. Tôi vẫn có thể thấy (vẫn trong tưởng tượng) về vội vã hấp tấp cùng giọng khản thiết của tên mang máy kêu gọi các “thẩm quyền” của họ về họp tại Bộ Chỉ Huy Đại Đội.

Tin tình báo từ B2/TRD cho biết có mấy trăm “bê bối” đang di chuyển từ “sổ nhà”... đến... Họ hò hét ra lệnh cho “con cái” phải thận trọng khi di chuyển và canh gác cẩn mật đặt thêm những toán “kích” “tiền đồn” báo động. Tên Đại Đội Trưởng nhỏ bé khôn ngoan, tên to lớn thẳng, tên cao ốm đen đúa lì lợm. Buổi sáng họ trở về xôn xao bên quán chợ mở sớm đợi chuyển trực thăng tới “bốc đi”.

Tôi đã thuộc từng tên họ, quen từng mặt mũi, nhận ra từng giọng nói, thuộc từng tiếng “lóng” truyền tin thông thường sử dụng trong đơn vị họ từ cửa miệng của những người lính. Khi ném tôi vào một xó tối trong hầm trú ẩn đêm ngọn đèn dầu lung lay hắt đội những cái bóng lớn hơn người gấp bội cùng những tiếng rung chuyển nạt nộ sinh mạng mình. Tôi vẫn có thể tưởng thấy khuôn mặt những kẻ chết trong trận chạm súng S trong vụ tấn công C kẻ mất tích thuyên chuyển. Tôi thấy rõ như chính tôi đang sống đời sống một chiến sĩ.

Tôi ngó ngang hấn một lần nữa khuôn mặt căm căm lù lù cặp mắt lớn phồng lên một cách đáng sợ những sợi gân xanh vằn trên thái dương mồ hôi sắp giọt một sự căng thẳng nào trong tâm trí hấn sắp sửa đứt, một sự đột ngột kích động trong đầu óc chợt có khuôn mặt ấy biến dạng dị thường những sợi râu đen run trên cằm trên cánh tay cầm súng bóp thịt nổi phồng một trạng thái chuyển động tưởng tượng làm tôi chóng mặt, muốn nôn, tôi muốn la lên hay làm một cử động mạnh bạo để làm đứt đi sợi dây căng vô hình khó chịu giữa tôi và hấn ít nhất cũng là hai hành khách đồng loại trên xe. Hai má tôi nóng đỏ vì giận

dữ hay vì cơn nắng cháy giữa trưa; một cơn gió chạy rất xa như một con ngựa vằn hất tung bụi trắng kéo theo những cây cảnh mềm lả ngọn.

Hắn có cây súng, giả như lúc này, nếu được chết, cái chết của hắn được gọi là một chiến sĩ, chúng ta chỉ là nạn nhân. Có phải thực sự chúng ta chỉ là nạn nhân không? Chúng ta chỉ là nạn nhân đáng thương được chết trên quê hương bằng cái chết những giọt máu vô giá trị như súc vật đang làm nạn nhân cho sự tàn bạo con người.

Tiếng súng đột ngột chát chúa ngay trên xe, người tài xế già hoảng hốt đạp thắng người xô về phía trước tôi cũng chúi về phía trước đầu va vào thành xe gượng lại một cảm giác đau điếng một vài tiếng rú lạc giọng phía sau rồi im bật. Cây súng còn bốc khói nơi bàn tay hắn còn run rẩy trong một thoáng hắn như trút bỏ được lột cũ về mặt dịu lại xúc động trên hai viên mắt ửng đỏ một giọt nước mắt. Viên đạn bay sượt qua chân hắn xước một miếng da dòng máu đỏ và lỏng xanh.

Xe lại tiếp tục chạy, tôi nghĩ đến số phận hắn, số phận những tên như hắn ngồi ở bãi đáp trực thăng, ngồi đợi đến phiên mình. Mỗi ngày vội thức dậy, vội uống một ly cà phê, vội ăn nắm xôi, vội đến tuyến xuất phát, vội đi, vội ăn một miếng cơm, vội ngủ giấc ngắn ở mục tiêu an toàn, vội sống từng ngày để vội chết. Trong tim óc họ phải có một điều gì muốn nói, thân thể họ phải có một chút gì của riêng, những thứ đó nín nhịn hoai trong ngực không thể thốt ra cửa miệng. Ông xuống đây, chiếc xe như khựng lại; ông xuống đây, chiếc xe ngừng lại hẳn.

Hắn với tay tự mở lấy cửa loạng choạng khi hắn bước xuống mặt đất, quay đi, đôi vai rung trơn trượt trên bờ đất lún. Một vài lời tục tằn thô lỗ nguyên rửa khi xe tiếp tục chạy nốt quãng đường còn lại. Đồ điên khùng. Tôi thấy một chút xót thương hắn hay cho chính mình, nỗi tuyệt vọng trong chúng ta khởi từ những nín nhịn không thể thốt

ra cửa miệng, không thể nói cho kẻ khác thấy cho nguôi vơi.

Khi ngó xuống chiếc vỏ đạn đồng ong óng lẫn lóc trên băng xe, tôi nghĩ đến hân; thiếu gì kẻ còn ăn còn thở mà như đã chết, thiếu gì đời sống trong chúng ta như viên đạn được bắn đi vô tình hay cố ý chỉ còn chiếc vỏ như chiếc vỏ vô dụng kia. Và chuyến xe đưa tôi tới đó như một định mệnh du tôi gần về cái chết ở cả hai định nghĩa đều được cả.

Khoa Hữu

(Khởi Hành Số 18 ra ngày Thứ năm ngày 28 tháng 8 năm 1969)



LÊ BÁ LĂNG **Buổi dừng quân**

Thằng Nuôi cầm chai "33" vừa múa vừa gọi tôi: Thiếu úy, thiếu úy. Tôi định bỏ đi thẳng nhưng thằng Bầy đã rời bàn rượu chạy kéo tôi vào:

- Ngồi với em út cho vui đi đại ca.
- "33" nghe đại ca.
- Ủ, chi cũng được.

Buổi trưa trời nắng gắt, con nắng như muốn làm khô đi lượng nước đã ngập đầy những cánh đồng sau mấy tuần mưa lụt. Trên mặt bàn, mấy gói mực khô Đại Hàn xé dở; gương mặt thằng Nuôi chưa tái nhưng cặp mắt hân đã đỏ kè. Thằng Bầy vừa rót rượu vào cốc vừa réo người đàn bà chủ quán:

- Thêm nhiều "33" nữa đi chị Hai.

Mụ Hồng vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán, liếc tình thẳng Nuôi:

- Mấy chai nữa anh?

- Chùng nào say thôi.

Thằng Nuôi vỗ vỗ túi áo trả lời. Trời vẫn im gió, mồ hôi thấm ướt lằn vải mỏng sau lưng áo mụ Hồng, để lộ khoảng da trắng muốt. Bên kia cánh đồng, dòng sông Lại Giang trải dài bao quanh con đường đá đỏ gồ ghề dẫn lên Quốc lộ Một. Con đường đã mang tôi về phở những giờ phép ngăn ngủi hiem hoi, con đường nhắc tôi những mất mát ngày một nhiều, một cuộc tình, một căn nhà cũ, đồ nát, tan hoang; những bạn bè mỗi tháng một nẻo... tôi không còn gì ngoài nỗi buồn mỗi lần trở lại nhìn những thềm gạch vụn, những chỗ ngồi của Lữ, của Hùng, của Xuân, của Ngọc... những kỷ niệm dập dờn nổi sóng. Tôi thấy mình bất lực và đã bao lần muốn trốn chạy, muốn bỏ đi.

Thằng Bảy đưa ly cụng vào ly tôi nói thiếu úy cứ uống. Tụi em chịu chơi lắm mà. Uống đi ông. Tôi nhìn thằng Nuôi rồi nhìn mụ Hồng. Gần ba mươi mấy tuổi rồi, mụ vẫn chưa tìm được người đàn ông chung thủy.

Thằng Nam bảo trước kia mụ làm điếm ở Sài Gòn có tiếng, sau về đây chôn ông già bị Việt Cộng giết rồi gặp lúc quân đội về bình định quận này, mụ ở nán lại mở quán nhậu luôn. Những lời đồn đại về mụ cũng nhiều nhưng không vì vậy mà quán mụ ít khách. Những buổi dừng quân như thế này, ngoài đám khách hàng quen thuộc thường ngày gồm mấy toán nghĩa quân, mấy nhân viên hành chánh quận, còn có chúng tôi nên quán lúc nào cũng có người, có tiếng cười, tiếng nói. Mụ Hồng cũng khôn ngoan, biết chiều khách nên đã hơn năm trời buôn bán ở đây mà chẳng ai ăn lường hay có ý định phá phách quán này. Tôi bấm thẳng Nuôi hỏi nhỏ :

- Có vụ hủ mày?

Hắn kề miệng vào tai tôi:

- Dạ, đại khái thôi thiếu úy.

Thằng Bảy được dịp chen vào:

- Thật tiếc quá, bữa nay tôi còn tiếc.

Tôi bảo mày lại định nhắc chuyện cũ à. Hắn tợp một ngụm bia rồi ra dấu tiếc rẻ nói:

- Thì cái vụ thắng chả bữa hôm ở Lang Xá bầu đó, ông đừng đưa vội lên Đại Bàng thì tui tui giàu to biết mấy. Chỉ cần hai thùng nước lã là nó chỉ, nó khai hết. Ông để tui Quân Báo mập quá trời...

Tôi nói thôi dẹp cha chuyện đó đi, khai thác tù binh là bổn phận của tiểu đội, đâu phải quyền tao. Tui mày than phiền mãi, chán phèo...

Thằng Nuôi vẫn lè nhè, chắc lưỡi:

- Hai trăm ngàn? Hai trăm ngàn tui chỉ nạp thiếu úy một nửa, một nửa tui nhậu lai rai với bạn bè, sức mấy Đại Bàng biết được. Tui tác chiến mấy năm rồi, lên lon xuống cấp mãi cũng vì mấy thằng kinh tài Việt Cộng đó. Ông mới ra trường, xin lỗi ông đừng giận, ông đâu kinh nghiệm bằng tui.

Tôi cầm chai "33" dẫn mạnh xuống bàn hét im đi - rồi tu một hơi và đứng dậy bỏ ra khỏi quán. Sau lưng tôi, tiếng thằng Bầy vọng theo: Thiếu úy, thiếu úy, hắn say nói bậy, ông giận tui tui làm gì. Tôi nghe như một chuỗi âm vang từ cõi lạ nào. Trời vẫn nắng gay. Một vài tên lính lang thang gặp tôi đưa tay chào. Tôi mỉm cười với chúng, đi thẳng về phía quận, tôi muốn tìm một giấc ngủ để nguôi quên, để đuổi xua những mệt mỏi sau mỗi lần hoạt động trở về. Trước mặt tôi, bộ chỉ huy hành quân trung đoàn chờn vờn nhảy nhíp. Tôi gục xuống cửa "tăng-xê" và có cảm giác được diu lên vồng nằm.

oOo

Cuộc lục soát bắt đầu từ mười giờ sáng đến mười hai giờ trưa nhưng vẫn chẳng thấy dấu vết gì ngoài những căn hầm trú ẩn đã bị phá, những ngôi nhà đổ, vườn tược bỏ hoang. Đại Bàng cho lệnh tạm ngừng để cơm nước. Tôi nghĩ thầm phải chăng vùng này đã hết Việt Cộng? Những cuộc hành quân lục soát cấp tiểu đoàn trước đây năm sáu tháng đã thành công đến thế sao?

Tôi chọn một căn nhà tranh gần con lộ nhỏ, chia vị trí canh

phòng cho các tiểu đội rồi bảo thằng Nam đem thức ăn nguội kiểm bếp hâm. Căn nhà không có ai ngoài một người đàn bà cùng ba đứa bé. Tôi hỏi lúc người đàn bà bước ra cửa:

- Đì đâu hết chị?

- Dạ chỉ có mấy mẹ con em đây thôi.

- Chồng chị đâu?

- Dạ vào làm ăn trong Đà Nẵng.

- Đà Nẵng? Tôi hỏi lại và nhìn kỹ bốn góc nhà. Thằng Bảy cầm sẵn lưỡi lê đưa vào bụng người đàn bà uy hiếp:

- Làm ăn con mẹ gì? Đà Nẵng hay lên bụng?

Người đàn bà vẫn bình tĩnh lặp lại:

- Dạ ảnh lái xe trong Đà Nẵng thật mà.

Tôi giật tay thằng Bảy nói thôi được, để tụi này ăn xong hẳn rồi. Thằng Nuôi háy tôi bảo coi bộ bà này khó tin quá thiếu úy. Thằng Bảy cũng lộ vẻ nghi ngờ. Mấy đứa bé thấy chúng tôi ôm nhau ngồi nép dưới một góc tường, vẻ sợ hãi. Mái tranh nhiều nơi đã dột nát. Người đàn bà giúp chúng tôi dọn thức ăn ra chiếc phản một giữa nhà. Tôi vừa ăn vừa hỏi tiếp sao chị không đem con vào Đà Nẵng theo anh cho tiện? Ở đây yên lắm sao chị chẳng chịu đi. Người đàn bà ngồi mân mê chéo áo dài đen đã bạc màu nói dạ dạ có đi rồi mà phải về lại, ảnh không thích ảnh nói về đây chịu khó chịu cực khổ chi cũng được, sống qua ngày, trong nó vật giá mắc mớ, làm sao cho đủ ăn. Và lại còn ngày đơm tháng kỵ còn nhà cửa ruộng vườn, mồ mả.

Thằng Nuôi trợn mắt ý chừng muốn chửi thề hay rửa một câu gì, chợt nghe tiếng thằng Hải tiểu đội một hét phía hông nhà:

- Lên! Lên không tao bắn nát óc ngay.

Cả bọn chạy ủa ra. Tôi mở khóa an toàn cây M.16 và cho lệnh giữ người đàn bà tức khắc. Tiểu đội thằng Hải đã bố trí mặt sau nhà.

Tôi hỏi lớn:

- Gì thế Hải ?

- Vi-xi. Vi-xi lại đây mau thiếu úy!

Trong lùm tre rậm, dáng một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đang lồm cồm bò lên từ vũng nước. Thằng Hải

cười nói :

- Đ. m, cha nội đội bèo có lẽ từ sáng giờ, ngộp quá nên ngoi đầu lên, gặp lúc tôi đi cầu, thật rủi cho ông bà nó quá. Tôi chỉ người đàn ông bảo tới đây coi cha nội. Khuôn mặt hần tái bầm vì lạnh, trên lưng trần, mấy con đĩa no tròn còn đeo cứng. Thăng Nuôi móc túi quần lấy dây vừa trôi vừa nạt :

- Súng đâu mày?

- Dạ em không có súng.

- Em em gì, mày muốn chết hả?

- Dạ không.

- Vậy hàm bí mật đâu?

- Dạ em không biết, em nghe bộ đội lên, chạy không kịp, em trốn đại dưới này chứ em không làm gì hết.

Thăng Nuôi tát ngay mặt hần một cái:

- Đ.m., mày láo hả ?

Rồi quay sang người đàn bà đang ôm mặt khóc, hần hỏi :

- Mẹ mày đây phải không?

- Dạ... không, vợ em.

Tôi gạt thăng Nuôi qua một bên, châm cho người đàn ông thuốc, nâng cằm hần lên, nhìn và bảo :

- Mày giữ chức vụ gì ở đây? Thuộc đơn vị nào? Súng đâu? Biết gì hãy nói đi, lập công chuộc tội, tao sẽ đề nghị cho chiêu hồi, bị bắt rồi, đừng dối quanh, vô ích.

Hần vẫn chối dài, bộ thiếu não :

- Dạ em không biết chi hết, thật mà.

- A, lại ngoan cố.

Thăng Bảy vừa khoa chân định đá một cú "genou" vào bụng tên Việt Cộng, nhưng tôi đã kịp cản lại. Cùng lúc, lệnh di chuyển cũng bắt đầu. Mấy đứa nhỏ đã bỏ nhà chạy ra đứng vây quanh người đàn bà khóc ngất. Tôi bảo thăng Đắc hiệu trưởng viên gọi máy xin ý kiến Đại Bàng :

- Hãy cho dẫn đến gặp tôi. Cả hai vợ chồng.

*

Buổi chiều, lúc chúng tôi đã lục soát xong mục tiêu kẻ cận trở về, ngang qua căn nhà buổi sáng người đàn bà đã được trả tự do đang ngồi ôm mấy đứa con ngó mông xuống ngã

quận, đôi mắt đỏ ngầu. Thằng Nuôi nói lớn với lũ bạn sau lưng.

- Đ.m., đã theo Việt Cộng còn nói lái xe trong Đà Nẵng. Cả bọn cười ồ. Tôi xếp tấm bản đồ nhét vào bụng và liên lạc máy với thằng Ba, trung sĩ tiểu đội trưởng quân báo ở toán tiền sát :

- Có gì không Ba?

- Thằng hồi trưa hả?

- Cảnh giới kiểm du kích địa phương, cũng xoàng thôi.

- Thế hằm ?

- Có chứ, hằm mới chịu dẫn đi chỉ đó. Bắt thêm một thằng huyện đội và hai tên tiểu đội trưởng bị thương. Lấy một colt Trung Cộng, hai tiểu liên Tiệp Khắc, một súng trường Nga.

- Mông tại hay cổ tại? ...

- Hai trăm thiên. Đã trình Đại Bàng.

- Vậy là mày đồ ngực nữa.

- Cũng nhờ anh đó.

Tôi nghe tiếng hằm cười cùng lúc với tiếng Đại Bàng bảo di chuyển nhanh kéo trời tối. Tôi nhìn đồng hồ và chợt thấy lòng buồn nản lạ. Xuân giờ này chắc đang bãi lớp.

Hai bên đường, nước mưa đã làm trôi nhiều lớp đất cát để lộ những hố chông đã mục. Cuộc chiến đã quá dài ngày. Hy vọng hòa bình vẫn như đóm lửa hạnh phúc của chúng mình, lóe lên rồi phụt tắt hoài mãi phải không Xuân?

*

Khi hai chiếc xuống máy chờ chúng tôi vừa cập bến thì toán Việt Cộng bên kia làng cũng vừa vượt khỏi con kinh trước mặt. Cuộc đột kích đã bị lộ. Tôi nhảy lên bờ, khoát tay làm hiệu, hét :

- Xung phong!

Thằng Bảy cầm cây M16 dẫn tiểu đội vừa chạy hàng ngang vừa bắn như điên ở cánh trái, tôi, tiểu đội thằng Hải, thằng Nuôi chạy cánh phải. Tiếng hò hét, tiếng súng át cả tiếng máy C.25 ra lệnh của Đại Bàng, nhưng chỉ mười phút sau, tiếng súng im hẳn, nhiều xác chết đã nằm phơi trên cỏ. Thằng Bảy vừa thở vừa dẫn một lúc bốn thằng bị trói cặp

cánh đến trước mặt tôi:

- Một mình em hạ hai thằng, bắt sống hai tên, phân thắng Nuôi hai tên đó.

Tôi nhìn lui hai chiếc xuống, bảo mày dẫn xuống giao cho thằng Nam giữ, chúng ta tiếp tục lục soát. Bỗng thằng Hải ở đằng xa vẫy tay tôi gọi lớn :

- Súng, súng đây thiếu úy ơi.

- Đâu?

Tôi chạy đến chỗ hẩn vừa chỉ, dưới bờ kinh, một cái xác lênh bênh nằm úp mặt xuống nước, hai tay còn ghì chặt một cây M16 bên cạnh năm khẩu tiểu liên 47. Thằng Hải nhắm cái xác bốp cò; một băng đạn nổ, hẩn cười :

- Thế cho chắc ăn, thiếu úy.

Tôi nói thôi, xuống lật xác đi. Hải vươn mình nhảy ùm xuống nước. Bỗng hẩn bung mặt thét :

- Trời! Thằng Nuôi sao lại nằm đây thiếu úy?

Tôi thất thanh hỏi lại :

- Ai?

- Dạ, thằng Nuôi!

*

Tám giờ đêm, lúc cái xác thằng Nuôi đã được chở về quân y viện tôi bỏ bữa cơm tối, ra đứng trước bờ sông, gần phòng hội nhìn vợ vẫn. Đã qua mùa Đông nhưng trời còn lạnh. Lượng nước mưa trên mấy cánh đồng sau lưng quân và trước quán mụ Hồng lúc chiều ngồi uống rượu tôi thấy đã cạn nhiều. Con đường đất đỏ dẫn lên Quốc lộ Một nhập nhòa trong bóng tối vẽ một nét mờ trên mặt sông đêm. Tôi lại thấy nhớ Xuân, nhớ Lữ, nhớ Hùng... Không còn gì nữa: những cuộc đột kích như đùa giỡn với tử thần tôi đã quen nhưng sao trưa nay thằng Nuôi có thể chết âm thầm và dễ dàng như vậy được? Sao không là thằng Bảy, không là tôi? Trong “tăng-xê” thằng Nam vẫn đốt đèn ngồi cùng bọn thằng Hải, thằng Đắc. Trên một tấm ván thông vừa mới dựng, thằng Nam đã đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo Mỹ, cắm mấy chân hương. Chỗ ngồi của mày đó Nuôi. Chỗ ngồi không bao giờ mày còn thấy, còn nhìn tao, còn say rượu nói tao mới ra trường chưa kinh nghiệm, chưa biết lấy tiền Việt Cộng đem xài...

Bên tai tôi, giọng thằng Nam từ tốn đọc bức thư tìm thấy trong túi áo thằng Nuôi lúc chiều :

“ Em Soạn. Anh đổi ra xứ Huế này gần trọn một năm nhưng vẫn chưa có phép về Sài Gòn để thăm em và các con, thăm tia má, bởi đơn vị bận hành quân mãi.

Tháng trước, thằng Tỉnh bạn anh đã về Sài Gòn bảy hôm nhờ nó tìm được một hầm súng của Việt Cộng. Anh thấy thế mà thêm.

Anh vẫn khoẻ mạnh, còn hơn dạo ở Pleiku nữa. Dạo đó, anh gặp hầm luôn, có tiền lại có phép nữa, bây giờ nghĩ lại, anh thấy anh tội quá, nhất là để em phải khổ một mình. Tuần trước, nếu ông trung đội trưởng anh chịu chơi một chút, anh đã kiếm được cả phép lẫn tiền rồi. Ông nhân đạo quá. Đ.m., Việt Cộng nó giết mình như ngóe mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.

Nãy giờ anh nói nhiều vậy chắc em cũng khó hiểu. Thôi để lúc nào về phép được anh sẽ kể rõ hơn...”

(Văn 121, năm 1969)

Sơ lược tiểu sử. Lê Bá Lăng là tên thật. Sinh năm 1943 tại Huế. Tốt nghiệp sư phạm Qui Nhơn. Động viên vào Thủ Đức. Phục vụ ở đơn vị tác chiến một thời gian, rồi được biệt phái trở về dạy lại. Mất năm 1989, thọ 46 tuổi.



LÊ VĂN THIÊN

Một lối tiện lợi

Ngự đến ngồi bên trái tôi, chị kín đáo ngó xuống hai gò mình, vuốt nhanh mấy sợi tóc phủ trước trán rồi mới cầm đũa. Bà cụ bụng cây đèn lớn từ nhà trên đem đặt lên tủ ăn. Độ này điện hay cúp bất thường nên phải phòng hờ. Tiền đang xóc đũa lọc xọc, thấy vậy la lên:

- Cụ lo xa quá, chắc chỉ điện tắt mà cụ lo.

Phàm trừng mắt:

- Lo thì sao. Mà chọn gì trong bó đũa dữ vậy, ồn ào.

- Tìm hai chiếc đũa đồng nhau, ăn đũa so le xóc hông – nó cau mặt – đùa tí, gì mà ồn ào bà.

- Mà đùa với cụ hử? - Phàm sùng sộ.

Viết bụng chén xới xới cho cơm rời, la:

- Thôi giăng hòa đi. Mời anh Trọng, mời quý vị.

Bà cụ ra ngoài, Tiền thấy, kêu đón:

- Ô, cụ không dùng cơm luôn.

- Tối tao ăn sau. Mới làm miếng bánh lúc xế, giờ còn nằm trong cổ.

Chị Ngự nói:

- Lâu lâu lại nghe bảo thức ăn nằm nơi cổ. Bánh chặn cổ mà cụ thở được.

- Có lý chứ. Miếng bánh chỉ kẹt dính một nửa thực quản thôi, bên nửa còn lại trống tha hồ thở – Tiền nói xong cười hích hích.

Cái bàn rộng bằng hai chiếc mâm, vừa dùng làm bàn vừa làm mâm. Chân nó quá thấp nên người ngồi thật khó tìm một lối ngồi thích hợp. Lần đầu ăn chung với tập đoàn này, tôi cố tạo cho mình một tư thế vững vàng, đẩy sự ngượng ngập đi xa, để khỏi mất mặt. Dù gì mình cũng là phái mạnh. Lại nữa là lính, lính tráng yếu chúng cười vào mũi. Tôi cẩn thận lựa cơm, cẩn thận gắp cá, và từ tốn mức canh chua. Tiền vẫn giữ tính làm rộn của nó:

- Ngày nay có mấy người dẽ, chị Phàm?

Phàm giả lơ, chăm chăm ăn, dù hai người ngồi gần, tay muốn thúc vào hông nhau.

- Mùa lạnh thiên hạ gieo giống, để mùa nóng gặt. Bây giờ còn là mùa nóng – Tiên gặt gù như ngẫm nghĩ, rồi thêm – trách gì thấy chị Phàm làm phờ người ra.

Viết xì:

- Tiên sư, bà dốt. Sắp tháng chín mà kêu mùa nóng. Trời sụt sịt muốn trút nước đến nơi kia.

Chị Ngự ăn uống chậm rãi, không chú ý đến bọn nhỏ.

- Mùa mưa lính khổ lắm anh Trạng hỉ? – Viết hỏi.

Tôi ậm ừ:

- Khổ, thường bị ướt.

Tiên bắt bẻ:

- Như anh ai nói không được. Khổ là khổ làm sao chứ. Khổ thường bị ướt, dở quá, hì!

Hai đứa, Tiên và Viết, xòa ra cười. Tôi cũng cười.

- Khổ lắm, nhưng thấy không có gì đáng nói. Ai cũng khổ cả. Như mọi người đang túng đói vì lương quá ít, mà mấy ai kêu than. Họ sao mình vậy.

Tôi lừa miếng cơm chót chén thứ ba xong đứng dậy, chị Ngự khẽ hỏi:

- Thôi à.

- Thôi.

- Anh mắc cỡ hả? – Viết ghẹo.

Tôi nheo một mắt, làm như nguýt. Mấy đứa nhỏ dẽ làm người ta mất bình tĩnh.

Xong bữa, trừ bà cụ, mọi người dời lên nhà giữa.

Phàm đem ra cho tôi hai tờ nhật báo và tập truyện. Ngự mang chiếc xách đồ bày giữa nhà để làm thêm một ít, theo thói quen trước khi ngủ. Chị soạn vung vãi những dao kéo, bột hồ, cùng từng xấp giấy báo lấy từ tạp chí cũ của Mỹ. Chị cắt, xếp, dán rất nhanh được hàng loạt túi vừa nhỏ vừa lớn. Túi dùng chứa nhiều món tạp nhạp tại mấy sạp hàng lề ngoài chợ.

Phàm kể hôm nay trực nhưng rất nhàn, chẳng có bà thân chủ nào lê tới làm rộn. Chắc hẳn nhằm ngày xấu nên thiên hạ không thềm dẽ. Nghề nào cũng lúc khổ lúc sướng. Có

hôm từ sáng tới tối làm bù đầu, chẳng rồi để dùng com nữa. Một lúc đến ba bà sinh, năm bà chuyển bụng, và hàng tá đang thập thò đợi thăm thai. Tôi biết Phàm có mấy cô bạn đồng nghiệp khá xinh, tôi hỏi:

- Trông bà con sinh nở khôn khổ như vậy, quý vị chắc ngán vụ lấy chồng?

Phàm nhú mũi mấy cái liền, nhún vai:

- Sao lại ngán?

Như để nghĩ chín chắn Phàm không tiếp ngay, tôi thích thú chờ.

- Ai cũng rõ chuyện đấy, nhưng rõ chỉ để mà biết rồi lo tí tí thôi. Nếu sợ thì nay dám không còn người để ... để đáp ứng nhu cầu chiến tranh.

Tôi cười cười. Phàm bạo dạn và ranh mãnh. Không hiểu do bản tính hay ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Bữa trước Phàm hỏi tôi:

- Tháng rồi về phép anh bắt cái vợ chưa?

Tôi lắc đầu. Phàm tỏ ý không tin.

- Tôi nghi sẽ phải lấy vợ miền này quá.

Tôi vờ nói với giọng nghiêm trang:

- Có triệu chứng gì chưa mà nghi đấy? Nhưng anh đùa, sức mấy mà chê gái quê mình. Trâu ta ăn cỏ...

Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở về chuyện này. Mẹ nói vụ vợ con để trong nhà mẹ liệu cho. Hễ mày ừ là khi về có sẵn vợ mà dùng. Đừng lấy gái người – không hiểu vì sao mẹ chú trọng chuyện ấy. Mẹ bảo, sống phải biết tùy thời, mẹ ngại tôi chân chừ gia tộc sẽ tuyệt tự. Con một như sao treo bằng chỉ mảnh, dễ đứt dễ rơi. Mẹ làm như chuyện mua bán không bằng, thích lúc nào tậu ngay lúc đó.

Phàm bảo:

- Anh cũng chẳng lo gì, trai tráng sướng, không sợ muộn. Cực thân đàn bà con gái. Như bà Ngự bây giờ, hăm thiu ế ầm ngó mà ngán... nay đến nước cùng chưa chắc beo mà lấy.

- Cô bi thảm hóa vấn đề.

- Thèm bi quan. Tính toán thực tế đấy chứ. Nay, bấm đốt ngón tay làm con tính nhỏ thì biết. Các ông thì nhau ngòm...

Tôi kêu:

- A! Phải rồi, con trai cũng có cái lo lớn đó chứ, lo ngóm...

Im một lúc, Phàm nói:

- Nghĩ thật kỳ, sao lại cần đàn ông đến như vậy hỉ. Sống son son một thân không nổi, không kham.

Rồi tán phét:

- Thời trước, thiên hạ nói, có vùng nọ toàn đàn bà ở một nơi rất cách biệt với các xã hội loài người khác. Họ cũng tổ chức quy củ, có vua quan thần dân dằng hoàng. Họ sống với nhau độc lập tự chủ như thế được khá lâu. Nhưng bỗng một ngày, có lẽ một ngày giống bão mưa to gió lớn, vị vua không phải là đàn ông ấy ra lệnh cho đám thuộc hạ rằng trong vòng bảy ngày phải tìm cho vua một tên phái mạnh. Quá hạn không có sẽ lãnh tội mất đầu. Lần lượt ra đi từng người. Nhưng rồi lần lượt những kẻ đó được xem như mất tích. Chẳng rõ chúng bị lạc đường, chết theo bờ bụi. Hay tìm không được sợ, nên trốn. Hoặc giả, các y thị tìm thấy mà lười mang về vua, để riêng một mình khai thác. Chỉ biết vương quốc sau đó cạn người. Nữ hoàng buồn vỡ văng rồi tịch... Tóm tắt, thì đàn bà sau trước cũng giống u mê, bụng luôn thích đòi bị trị.

Chị Ngự làm có vẻ không chăm lắm nhưng đều đặn. Trông Ngự ngồi có cái dáng cần cù nhẫn nại. Chị đã ngồi như thế trong bao năm với sạp tạp hóa ngoài chợ. Hồi mới quen Hiếu, một lần tôi thấy ảnh chị Ngự trong ví nó. Tôi tưởng bậy ngỡ là bỏ nó. Chị Ngự đẹp nhất nhà, chị trẻ, dáng điệu quý phái. Thấy thật không hợp chút nào với số tuổi lớn lao mà chị phải mang. Thằng Hiếu thương chị nhất. Bởi chị làm có tiền.

Hiếu thân tôi trong những ngày còn ở quân trường. Sau ra tôi được đổi về quê nó, nhưng nó thì lại theo một đơn vị ở xa, quá xa nếu phải về thăm nhà theo đường bộ. Con đường bị cắt đứt từng đoạn, như sợi cao su răng cưa chẳng chịt, tưởng không xài được nữa. Ba năm Hiếu chỉ về được một lần bảy ngày. Mỗi lần tôi ghé thăm, bà cụ lại nhớ Hiếu, và buồn. Sau đó tôi đi. Bà khóc. Bà cụ nói nhà đông

người nhưng thật ra thì bên trong trống rỗng. Nếu chị Ngự không muộn màng chị đã theo chồng con từ lâu, chỉ còn mỗi một Việt. Chị em Phàm thì sống tùy ý thích, khi buồn thì hai đứa lại kéo nhau về nhà ở với mẹ. Bà cụ nhận xét lũ con gái chúng nó chỉ tạo nên một sự nhộn nhịp vui vẻ từng đợt. Có lúc thì ầm ĩ vang vầy, nhưng sau đó vắng ngắt, buồn lạnh. Nhà thiếu bóng đàn ông. Tôi nghĩ, chắc là đúng. Đàn bà con gái sống với nhau có lẽ khó tìm được sự thương mến thân mật thật tình. Ngày mới quen, một lần Phàm dịu giọng nói với tôi:

- Bà cụ em ruột mẹ Phàm. Tụi con Ngự là em, vai em, nhưng chúng ư làm cha lắm đấy nghe.

Tôi không hiểu ư làm cha ra sao, tôi vẫn gật tỏ rằng đây hiểu. Tôi thừa rõ nếu chẳng cần nhờ vả thì chắc Phàm không trọ bên dì.

Nhà Phàm trước ở làng quê, cách với tỉnh lỵ. Thời này nằm ngay trong ruột phố may ra, chứ có gần chẳng nữa cũng vẫn dễ ngại. Làng quê gần thành phố, hay xa thành phố, cũng là làng quê. Nơi chứa sẵn ít nhiều khuấy động, bất an. Nay sợ giặc, còn trước kia thời mới xáo trộn thì sợ lũ độc mồm. Người mạnh khỏe rục rịch đi hết, nên những đứa chức phận chút đỉnh còn rúc lại được dịp lên chân. Có những đứa lên đến nỗi đám bô lão, đàn bà, con nít nằm lại đã kiêng dè chúng còn hơn kiêng dè đám giặc núi. Làng xa quận nửa ngày đường bộ, cộng thêm rừng cây, truông cát cùng sự ngu dốt của đám dân. Nên chỉ những giấy tờ muốn xin được mau phải nộp tiền, tiền trăm hay ngàn, gọi là lộ phí trả công các ngài chức việc. Công đập xe đi làm giấy cho. Thư người xa gửi về có thể sẽ không được nhận một cách bình thường, nếu trước đã làm các vị mịch lòng. Ai có con đi lính Quốc gia được nể một ít. Nhưng thành phần ấy cũng chịu phép lắm. Bởi ngại là nếu sau gặp buổi mặt, con tử trận thì vẫn còn có thể sống yên được. Quyền thế ấy muốn giam nhốt thiên hạ lúc nào tùy hứng. Ai mở mồm lớn hơn người khác thì kẻ ấy chính là địch nằm vùng. Cách thế yên thân, là im lặng dọn đi, bỏ nhà, dời lên phố trú ngụ. Phàm sợ một hôm nào sẽ bị gán ghép chức vụ này nọ, đại loại nữ giao liên, hay rắc tâm dụng kế mỹ nhân phá hoại.

Nên giục mẹ đùm túm đi trước. Vội lại, lên đây gần sờ làm.

Trầm ngâm vài phút, Phàm lại nói về Ngự. Nói theo giọng tâm sự, nhỏ:

- Quanh năm lết ở chợ mòn dít. Sắp-ba-mươi đến nơi chẳng ai chịu khó rước cho xong.

Nhiều ngày tôi đã nghĩ mông lung về cái sắp-ba-mươi của Ngự. Ngự thật ít nói. Hay phải nói quá nhiều với đám đông hỗn độn từ sáng tới sẩm, rồi về chị không còn thích nói nữa. Ngự có nụ cười thật đẹp, nhưng Ngự không mấy khi cười. Hay là cái sắp-ba-mươi đã khiến Ngự chẳng thể nào cười được.

Tiền rủ Phàm ra quán. Nhường chị đi trước, Tiền lùi lại tới rí tai tôi:

- Có một chuyện đại bí mật

Nó liếc chừng chị Ngự, véo tai tôi một cái:

- Muốn đây tiết lộ không?

Tôi ngờ vực, sợ mắc lừa. Tiền nhắm tít một mắt, cái miệng đẹp của nó chun lại nghịch ngợm.

- Đây, mấy tháng vừa rồi ông lính không ghé thăm con Việt nó nhớ, nhớ muốn phát đau. Báo hại phải nghỉ học gần tháng.

Tôi nạt:

- Suyt, đa sự, bậy!

Cô nàng vụt chạy và cười đắc chí.

Đêm mai giờ này không rõ mình sẽ nằm ở đâu. Trên một ngọn đồi không cây, cỏ tranh phủ mịt, cuộn áo mưa lạnh ngủ đất. Hay trong một ngôi nhà sụp đổ nào của những xóm làng bỏ hoang. Hai ngày nghỉ qua lệ không ngoái theo kịp. Trọn ngày ngủ yên trí chẳng ngại bị đánh thức bất thân, vì chó sủa, vì súng nổ, vì di chuyển. Đêm được quyền cời bỏ đồ ngoài, chỉ mặc quần cộc áo thun. Nằm ngủ mà tai còn mơ hồ nghe tiếng máy hát nhà bên cạnh, tiếng chiếc đồng hồ bàn gỗ nhẹ và đều, bày ngổng sau chuồng kê bắt chột. Những thứ ấy tầm thường quá mà lâu lắm mình mới được gần.

Tay chị Ngự đưa lên đưa xuống, chồng bao giấy thành

hình được xếp ngay ngắn cạnh lon hồ. Tôi sung sướng được sống những ngày thanh nhàn nơi đây. Bà cụ thương tôi như thương Hiếu. Hôm tháng Giêng sau lần đụng giặc dữ nơi làng nhỏ sát vách tỉnh lý, chúng tôi được nghỉ một ngày. Bà cụ sai chị Ngự ra thăm xem tôi yên lành không. Ngự đi xe đạp, đem thêm mấy phong bánh với bốn tập truyện. Gặp tôi Ngự mừng rỡ nhưng hơi lúng túng. Lũ bạn đồng đảo của tôi lấp ló đằng sau làm chị nhất nói. Tôi cảm động, lần đầu tôi thấy Ngự ngượng ngịu. Tay mân mê bọc giấy làm như sợ mấy sợi cao su bong mất, chị thường phải quay nhìn nơi khác. Trưa đó, dù chị từ chối tôi cũng kéo được vào một ngôi nhà gần đó, bắt chị ăn một bữa cơm lính. Lũ anh em tỏ ý nghi ngờ, Ngự không có vẻ gì là chị tôi cả.

Bà cụ xem tôi như người nhà. Cụ thổ lộ, không hiểu đường tình duyên của Ngự ra sao mà gian nan bạc bẽo vậy. Từ mới lớn đến giờ cũng có vài nơi đánh tiếng, nhưng tất cả bất thành. Con nhỏ lạ, nó không chịu ai hết. Nồi ngu độn, còn nằm chờ chi nữa. Từ ấy, đã mười năm hơn. Hay do cái tuổi Dần nó trót đa mang. Sách chép đàn bà tuổi Dần cao số. Kỳ tháng Chạp có người muốn thăm dò con Viết. Nhưng đâu được, để nó học. Với tiện thể để chờ chị nó ít lâu – mười năm nay. Mười năm. Một thời gian đủ để người ta thực hiện được vài chương trình thuộc phạm vi quốc gia, quy mô dài hạn. Bao nhiêu dâu bể. Từng ấy ngày đủ để những nhà cách mạng hoàn thành nghiệp cả. Nhưng, cũng số năm tháng đó đã không đem lại cho Ngự được một tấm chồng.

Chị em Phàm mang về bốn ly chè đá. Chị Ngự kêu còn no. Tôi cũng lắc đầu. Nhưng Phàm đã kéo tay tôi ra, nhét ly chè vào, ép buộc. Tôi kêu ép dầu ép mỡ ai nỡ ép chè. Tôi không cầm ly chè, mà bóp nhẹ tay Phàm. Mấy ngón tay thon và xinh. Tiền thì bỏ nhỏ:

- Ăn đi nào, chờ người ta dứt từng muổng sao... Ồ, mà có làm vậy cho nhau cũng chờ lúc vắng vẻ đã chứ.

Điện phụt tắt. Tiền kêu ồ thích thú. Phàm xuống mời đèn xong bỏ đi ngủ. Chị Ngự dời lại gần tôi hơn, gần ánh đèn, làm li tiếp tục công việc. Tôi ngắm chiếc áo cánh trắng

điểm rải rác những hoa nhỏ xanh nhạt, cái gáy trắng nhờn nhợt màu đèn, mấy sợi tóc đi lạc. Bất thần Ngự ngừng lên, bắt gặp hai mắt tôi. Ngự cúi mặt ngay, và chớp mắt.

- Khuya rồi, ngủ chứ Ngự – tôi nói, giọng dại đi, mơ hồ.

- Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự sẽ nói “Tôi không buồn ngủ”. Ngự thu dọn đồ lại một góc. Tôi vặn thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hướng lu nước. Nhanh hơn, tôi tới giựt lấy chiếc gáo, đem móc lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn lên nơi làm ra nụ cười đó.

Một tay vòng sau lưng tôi, bầu chặt bên hông phải, Ngự nói như hơi thở:

- Chúng nó sẽ cười anh... anh Trọng.

Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới chuyện cười chê mà chợt lại thoáng nhớ đến mẹ tôi ở nhà. Và nghĩ rằng tôi mai chắc mình chưa phải ngủ núi hay ngoài làng quê. Tôi sẽ còn ở đây, còn ở lại nơi bình yên này vài hôm nữa.

Giới thiệu tác giả: Sinh ngày 10.5.1947 tại Giã, Khánh Hòa. Học trường trung học Võ Tánh, Nha Trang. Tốt nghiệp trường Sĩ Quan Trừ bị Thủ Đức. Đã từng có mặt trên khắp các chiến trường ác liệt nhất từ rừng núi Trung phần xuống vùng U Minh Đồng Tháp. Truyện ngắn đầu tiên, **Ngoại Lệ**, đăng trên tập san Văn số 47, 1.12.1965, ký bút hiệu Văn Lệ Thiên.

Hiện tại: Làm ruộng

Tác phẩm đã xuất bản:

Một cách buồn phiền 1969

Sao không như ngày xưa 1971

Chuyện đời 2004

Mưa Lạ 2006

Quế 2007

Triuyện ngắn Lê văn Thiện toàn tập (Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ 2010)

THẾ HOÀI

Mùa Thu Gió Linh

Tặng tiểu đoàn 1 Nhảy Dù.

2.

Bây giờ là ngày cuối thu. Những cơn mưa bất chợt kéo về thật đột ngột. Anh đã xa Sài Gòn thật lâu rồi. Nhưng anh cũng chưa quên những ngày vừa qua. Hình dáng em với nụ cười say đắm hôm nào trước khi anh lên đường. Em đến với anh thật bất ngờ như cơn mưa ở đây đến với võ đồ xuống vùng chiến địa khô cằn vì bom lửa vì đạn đại bác của đôi bên cháy cỏ cây. Rồi chúng mình lại xa nhau không hẹn ước. Rồi anh lại lên đường, những tháng, những ngày thật dài. Để khi anh trở lại nét mặt lại sạm đen với bộ chiến phục thêm bạc màu nắng gió chiến trường. Nhưng em vẫn chưa quên và chúng mình lại tìm đến với nhau thật đẹp như thuở gặp ban đầu.

Mùa thu thật sự đã về ở nơi đây với những cơn gió heo may lạnh đến da diết lòng người. Mùa thu mà anh đã đánh mất từ mười ba năm qua. Kể từ một ngày cuối thu năm 1954, anh và ba người bạn thân từ già Hà Nội lên đường vào Nam, miền chỉ có hai mùa mưa nắng mà thôi. Anh đang ở đây, miền Gió Linh với những ngày khói lửa. Đơn vị anh đang đóng tại một căn cứ đối diện với cầu Hiền Lương, một tiền đồn tại địa đầu vùng giới tuyến. Anh tới nơi đây vào những ngày đang xảy ra các cuộc pháo chiến ác liệt nhất của cả đôi bên. Xuống xe từ thị trấn Đông Hà, các anh đã phải đi bộ một đoạn đường dài trên mười cây số để vào vùng máu lửa này. Từ xa các anh đã trông thấy cả một hàng rào khói đen bốc lên dày đặc, đó là hàng loạt đạn đại bác đủ loại từ bờ Bắc pháo kích sang. Tiếng súng địch chưa ngưng thì những dàn đại bác của ta bắn trả lại. Tiếng nổ kéo dài từng loạt như bất tận. Rồi khi tiếng súng đôi bên vừa ngưng thì từng đoàn phi cơ phản lực vun vút bay

từ biển vào đâm chúc xuống miền đất bên kia. Tiếng nổ lại rền trời rung đất. Những cột khói khổng lồ bốc lên cao với những đám mây mờ phía xa. Đó là những hình ảnh đầu tiên mà các anh trông thấy như đón tiếp như chờ đợi và hứa hẹn nhiều cho những ngày sắp tới.

Đơn vị anh vẫn tiến vào vùng lửa đạn đó. Mỗi bước đi anh thấy như mình càng tiến gần về quê hương. Quốc lộ số 1 kéo dài thẳng tắp, từng đoạn đường cày lên vì vết mìn nổ còn mới nguyên. Đó là những vết thương lở lói đã bao năm qua làm đau đớn đất nước đau thương này. Những cột cây số cứ lùi dần, lùi dần và chữ Hà Nội với hàng chữ số bên dưới đã có lúc hiện ra như một hình ảnh từ lâu chợt quên trong tiềm thức. Quê hương miền Bắc của chúng mình ở bên kia dòng sông. Con sông Bến Hải ngăn cách đôi bờ đã bao năm qua. Miền đất bên kia mang bao nhiêu là kỷ niệm của tuổi ấu thơ và những ngày anh đầu tiên bước chân vào cuộc đời.

Bây giờ thì các anh đang làm những người lính trấn giữ miền đất Gio Linh này. Vùng đất địa đầu nhất định không để lọt vào tay giặc và các anh cũng nhất định cản ngăn bước tiến của quân thù muốn xâm nhập qua đây. Vùng đất hẻo lánh khô cằn giờ đây tràn ngập bóng những người lính chiến áo hoa mũ đỏ. Mặc dù mức độ pháo kích càng ngày càng nặng nề ác liệt nhưng những người lính nhảy dù ngày đêm vẫn hoạt động thường trực chung quanh khu vực để bảo vệ căn cứ.

Mỗi lần ngồi trên đài quan sát, anh chiều ông viễn kính bao quát chung quanh. Tự nhiên anh nghĩ giá có em ở đây anh sẽ chỉ cho em thấy dải đất xanh ngút ngàn phía bờ Bắc con sông Bến Hải. Chúng mình sẽ thấy gần quê hương hơn bao giờ. Quốc lộ số 1 chạy ngoằn ngoèo lượn khúc rồi mất hút. Ngày nào, phải, ngày nào em nhỉ chúng ta sẽ được thanh thản trở lại quê hương yêu dấu ngàn đời. Thành phố Hưng Yên nhỏ bé đầy kỷ niệm của chúng ta. Giờ đây miền đất thân yêu ấy chắc cũng đã vào thu. Hồ Bán Nguyệt sẽ dịu hiu trong cô quạnh vì những cơn gió lạnh đã ào ào thổi về làm xơ xác hàng liễu bên bờ. Đám sen trên mặt hồ liệ

còn bông sen cuối mùa nào nở muộn không. Và cây Đa Voi cổ thụ bên trường trung học Phạm Ngũ Lão nghèo nàn xa xưa liệu có còn đứng vững với thời gian mười mấy năm qua. Tình yêu quê hương càng làm anh thấy xót xa vì anh nghĩ rằng vùng trời ruột thịt đó giờ đây còn nằm trong tay ngự trị của quân thù. Đó cũng là một lý do tại sao ngày xưa anh lại lên đường vào Nam. Tất cả gia đình anh ở lại. Anh ra đi với hai bàn tay trắng và mang tâm trạng của kẻ mất quê hương. Nhưng chính sự ra đi là để sửa soạn cho một ngày trở lại trong thanh bình. Ngày ấy quê hương chúng ta sẽ đẹp hơn bao giờ và chúng ta sẽ làm lại được cái khí hậu hiền hòa của nắng gió miền trung châu có sông Hồng mãi mãi mang đất phù sa bồi đắp đôi bờ.

Còn bây giờ quê hương thật xa vời chỉ còn lại một ảnh hình thương yêu trong trí nhớ. Anh đã bỏ quê hương, bỏ gia đình bỏ trường để trở thành người lính chiến nhảy dù. Mười năm qua trong quân ngũ, anh đã có mặt trên khắp chiến trường miền Trung và miền Nam, nhưng anh vẫn nuôi trong lòng mộng ước ngày trở lại giải phóng miền Bắc. Các anh sẽ là những người trai đầu tiên nương theo bao cánh hoa dù nở giữa vùng trời yêu dấu cũ. Ngày đó, anh nghĩ sẽ chẳng còn bao xa; vì hôm nay biết bao người trai đã lên đường tự nguyện chiến đấu cho sự mất còn của phần nửa đất nước miền Nam này. Ngày chiến thắng cũng đã sắp đến gần. Vì thế anh đã phải xa em từng tháng ngày trong gian khổ hiểm nguy, nhưng anh tin rằng em đã hiểu nỗi lòng của những người con trai như anh đang làm nhiệm vụ giữa mùa chinh chiến. Như những lần ngồi bên em trong một quán nước ở đường Tự Do. Trong máy lạnh trong tiếng nhạc gọi cảm êm đềm nhìn dòng người thanh thân đi qua lại hay những đêm trong một khiêu vũ trường âm cúng có ánh đèn mờ nhạt, có những màn vũ khêu gợi thì làm sao em có thể hình dung được bộ mặt thật của cuộc chiến hiện tại. Vì thế bây giờ anh muốn gọi về em những cảm nghĩ, những hình ảnh trung thực nhất của một mặt trận đã nổi danh: Gio Linh - vùng đất địa đầu miền giới tuyến với những ngày dài nhất trong khói lửa, trong tiếng đạn rít xé ngang đầu của các cuộc pháo chiến ác liệt nhất

trong cuộc chiến hiện tại.

Cũng từ đài quan sát, anh nhìn sang trái, ngang với căn cứ trú quân của anh là đồn Cồn Thiên. Một địa danh ngày xưa chưa ai biết đến nhưng ngày nay tên Cồn Thiên đã được nhắc đến từng ngày.

Cứ điểm đó do những người lính Hoa Kỳ trấn giữ kể từ ngày khu phi chiến đã trở thành khu chiến với những trận đánh đẫm máu cho cả đôi bên. Hàng ngày trăm trái đạn đại bác rơi phủ mờ đồi Cồn Thiên cũng như đồi Gio Linh nhưng những cứ điểm này vẫn vững bền như những cứ điểm thép đứng ngạo nghễ thách đố về bờ Bắc.

Nhìn sang phải, anh trông thấy rõ dòng nước bạc chảy từ con sông lịch sử đổ xuôi ra cửa Tùng. Ngoài ra nữa là biển cả mênh mông nổi bật đoàn chiến hạm với những dàn hải pháo sẵn sàng yểm trợ cho Cồn Thiên và Gio Linh để phản pháo.

Ngày ở đây thật dài, dài như những ngày mấy năm về trước khi anh còn tham chiến ở chung quanh đồn Đức Cơ. Vì ngoài những lúc tung quân tuần tiễu để bảo vệ căn cứ, tất cả đều sống trong tình trạng báo động thường trực. Mọi sinh hoạt đều diễn ra trong những căn hầm xây ngầm dưới mặt đất và được che kín bằng những lớp bao cát thật dày.

Từ trong hầm anh đã nhìn mùa thu Gio Linh qua đi bằng lỗ châu mai. Ở đây chỉ có gió heo may lạnh buốt và tiếng đạn rít ngang đầu hay tiếng nổ rung chuyển cả đất hàng đêm bởi những cuộc oanh tạc dữ dội của từng đoàn pháo đài bay B.52 dội bom xuống địa điểm trú quân và vị trí pháo của địch phía bên kia bờ Bắc.

Từ lâu anh thấy nhớ không khí của một mùa thu nhưng ở đây không có hình ảnh đẹp của những chiếc lá vàng rơi từ hàng cây cao dọc bờ đại lộ của thành phố. Đất ở đây đã khô cứng vì sỏi đá, cây ở đây đã ngã gục cháy đen vì đạn đại bác của đôi bên cày từng vuông đất.

Chiến tranh là vậy. Thê thảm khôn cùng. Không một ai trong chúng ta thích chiến tranh. Nhưng các anh đã thực sự đối diện với chiến tranh từ bao năm qua. Các anh chiến đấu để bảo vệ quê hương thứ hai miền Nam này và để sửa soạn cho một ngày trở lại nơi chúng ta đã sinh trưởng hiện

đang quần quai điều linh trong tay quân thù. Các anh cầm súng chiến đấu chỉ vì quê hương và để cho những người như các em được sống an lành chờ đợi ngày các anh trở lại.

2.

Sau mấy tháng trời hành quân, Luận theo đơn vị trở lại Sài Gòn. Những chiếc phi cơ vận tải khổng lồ C.130 lần lượt hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ngày Luận về Sài Gòn là mùa nắng bây giờ trở lại trong những cơn mưa xối xả đến bất chợt. Chiếc Jeep đưa Luận về đến trại Nguyễn Trung Hiếu đã gần chiều. Đơn vị được nghỉ bảy ngày. Luận nghĩ đến bạn bè thân lâu ngày chưa gặp. Có lẽ phải đi thăm hết không thì gặp thằng nào cũng lại bị trách móc. Người đầu tiên Luận nghĩ đến là Chí.

Phải, nó tên là Nguyễn Hồng Chí. Thằng bạn thân nhất và chơi với nhau cũng lâu nhất trong số bạn hữu hiện tại của Luận. Biết nhau những ngày hai đứa ngồi chung một ghế tại trường trung học Chu Văn An - Hà Nội. Tính Luận thì hay đùa nghịch, còn Chí thì chín chắn mang cái vẻ đăm chiêu của người lớn. Thật sự thì Chí cũng hơn Luận vài tuổi thật. Nhưng không phải vì thế mà Chí trở thành một người lớn trong bọn Luận. Những ngày xa xưa đó, Luận thì sống trong một gia đình sung túc lúc nào cũng được nuông chiều. Còn Chí mồ côi cả cha lẫn mẹ thật sớm. Chí được người chị cả đã lấy chồng đưa Chí về nuôi ăn học. Không lúc nào Luận thấy Chí đi chơi rong phỏ hay gặp Chí trong các rạp chiếu bóng vào ngày nghỉ. Chí học hành chăm chỉ và luôn luôn là một người học trò gương mẫu. Luận là người duy nhất trong lớp được Chí tâm sự về gia cảnh và Luận đã cảm thông được nỗi lòng của Chí. Điều ao ước duy nhất của Chí là cố gắng học để thi xong tú tài rồi đi làm để có thể tự lập. Chí không muốn nhờ vả người chị cả, gia đình chị cũng không được dư dả cho lắm. Mặc dầu người anh rể rất tốt lúc nào cũng săn sóc Chí như người anh ruột.

Một buổi học vào giữa năm đệ tứ, trong một giờ toán được

giảng dạy bởi một giáo sư nổi tiếng là khó. Lúc nào ông cũng sẵn sàng la hét, sẵn sàng cho điểm không và phạt công-si. Bàn Luận có bốn người. Chí thì lúc nào cũng nghiêm trang theo dõi lời giáo sư và rất ít khi tham dự những trò đùa nghịch của bọn Luận. Nhưng Luận và Khải, Luận thì sẵn sàng tìm những trò ngộ nghĩnh để phá giáo sư. Nhất là chọn những ông nào có tiếng là hóc búa. Những lần trước, các giáo sư không tìm ra thủ phạm nhưng chẳng may giờ toán này bọn Luận bị bắt gặp. Giáo sư phạt tất cả bàn hai chủ nhật liền phải đến trường ngồi chép phạt. Luận, Khải, Trụ đứng dậy nhận lỗi nhưng xin tha cho Chí vì anh ngồi cùng bàn nhưng không tham dự. Giáo sư vừa bằng lòng, thì Chí đứng dậy xin chịu lỗi cùng vì anh nhận có tham dự trò đùa nghịch đó. Giáo sư ngơ ngác. Nhưng cả lớp hiểu và bọn Luận hiểu Chí. Sau giờ đó Chí cự nự bọn Luận rất nhiều. Chí nói đòi học sinh có học cũng có đùa nghịch, đó là những kỷ niệm sâu đậm nhất của những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường. Mai đây, chia tay nhau đã chắc gì tìm lại được những kỷ niệm đẹp ngày xưa. Thế là hai chủ nhật liền cả bàn đều chịu phạt cho có nhau. Nhưng từ đó tình thân càng trở nên mật thiết. Nhất là tình bạn của Luận với Chí. Ngày vào Nam, bọn Luận vẫn đủ bốn đứa như cũ theo học năm cuối cùng. Thi xong, Khải được gia đình cho sang Pháp học. Trụ theo đại học y khoa. Chí thì vào một trường cao đẳng chuyên nghiệp để sớm được đi làm. Gia đình Luận ở lại tất cả ngoài Bắc. Luận cũng bỏ trường đi dạy học một năm, rồi anh quyết định xin nhập ngũ. Luận theo một khóa học sĩ quan ba năm tại trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt.

Trong thời gian này Chí và Luận vẫn nhận được thư của nhau hàng tuần. Chí ra trường trước Luận một năm. Ngày Luận mãn khóa, Chí lên tham dự. Hai người ở lại Đà Lạt một tuần để chơi. Luận tình nguyện về phục vụ tại binh chủng nhảy dù, đơn vị anh đóng ngay tại Sài Gòn. Vừa lúc đó, Chí cũng từ nhiệm sở tại Bến Cát - Bình Dương đổi về. Hai người thuê chung một căn nhà để ở. Với những tiện nghi tối thiểu. Luận và Chí đã làm gần tròn những mộng ước ngày xưa. Một tủ đầy sách quý của Luận, một quầy

rượu đủ loại của Chí.

Trong những ngày ở chung đó, Luận lại có dịp nhìn thấy sự thực của con người trong sạch như Chí. Trong sở, Chí được trao phụ trách công việc đấu thầu. Anh đã làm việc thật thẳng thắn và công bằng. Nhiều lần, Luận đã thấy những người thật sang trọng đến tận nhà riêng của hai người để điều đình các áp-phe. Họ mang tiền bạc và cả gái đẹp ra sẵn sàng dâng hiến nhưng Chí đã từ chối. Đã có lần Luận muốn thử lòng Chí:

- Này nhận cho họ vụ thầu này là tội mình có xe hơi đi rồi đó.

Hoặc là:

- Mày thấy đấy. Trong cuộc sống hiện tại thiếu gì thằng lợi dụng chức tước để cho vợ chạy áp-phe, cho đàn em buôn lậu. Để rồi họ từ một thằng chẳng biết gì cả thế mà bây giờ cũng học ăn, học mặc, học nhảy cũng ra điều ăn chơi nay Tự Do mai Văn Cảnh, Maxim's. Đối với cấp trên thì nịnh bợ, luồn cúi để che đậy công việc làm nhơ bẩn, còn đối với cấp dưới thì hống hách tự coi mình như mặt trời riêng của một vùng đất nhỏ bé biệt lập.

Những lần nghe như vậy, Chí đều cười nói với Luận:

- Mày muốn thử tao phải không? Chính vì tao không làm như vậy được thì tao mới là bạn mày. Tao mới không bị chúng mày khinh bỉ. Tao không thẹn với lương tâm. Mặc dù tao biết tao không làm những việc đó thì sẽ không thiếu gì những thằng sẽ làm. Chúng nó làm được, nhưng chắc chắn tao không làm được, mày không làm được. Và tất cả những thằng còn chút lương tâm, còn biết có danh dự thì cũng sẽ như chúng mình.

Thế rồi, những ngày tháng đậm ảm của tình bạn cứ đều trôi qua. Nhưng cuộc chiến bắt đầu vào giai đoạn khốc liệt nhất. Luận phải theo đơn vị lên đường hành quân dài hạn từ hai đến ba tháng một lần. Khi thì Pleiku, Kontum, khi thì Tuy Hòa, Bình Định. Rồi vùng Thừa Thiên, Quảng Trị, Đông Hà...

Nhiều thanh niên được gọi nhập ngũ lớp sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Chí cũng ở trong lớp người sẽ bị gọi đó. Trong khi một số người hèn nhát tìm đủ mọi cách để xin hoãn dịch

hoặc miễn vĩnh viễn thì Chí hăng hái thu xếp công việc để sẵn sàng khi có lệnh gọi sẽ lên đường. Chí bảo với Luận:

- Dù trên cương vị nào thì cũng là phục vụ cho đất nước. Nhưng tao thấy chúng mày, những thằng lính là những người hy sinh gian khổ nhiều nhất. Không lẽ để chúng mày chiến đấu thay cho kẻ khác mãi. Chúng tao phải có bổn phận góp mặt chung dưới cờ với tụi mày. Mai đây sau thời gian phục vụ theo pháp định, chúng tao sẽ giải ngũ và như vậy tao sẽ không có mặc cảm nào đối với cuộc chiến hiện tại.

Rồi Chí kể cho Luận nghe những bộ mặt sợ hãi, những kiểu cách xin miễn dịch của một số bạn đồng sở. Luận cũng kể cho Chí nghe một trường hợp:

- Tao vừa được một thằng bạn kể lại - thằng trung úy Hòa chắc mày cũng biết chứ gì - nơi nó làm có một thằng em của một ông đơn vị trưởng. Thằng này đang dạy học tại Sài Gòn. Mỗi lần vào trại thăm anh, nó lên mặt với tất cả các sĩ quan trong đơn vị, nó muốn mọi người cũng phải sợ nó như ông anh nó vốn có tiếng hách nổi tiếng nhất. Mà ông anh nó mỗi lần họp các sĩ quan đều đập bàn rầm rầm để chỉ dẫn các thuộc hạ đủ những danh từ đẹp đẽ nhất nào tuổi trẻ, nào hy sinh, nào tổ quốc. Thế mà khi thằng em trai có lệnh gọi đi Thủ Đức thì sợ hãi cuống cuống làm như đi là chết ngay. Còn ông anh thì hình như quên những điều thường nói với các sĩ quan thuộc quyền, ông ta bắt thằng Hòa mang đồ lễ đi mọi nơi để xin xỏ hoãn dịch cho thằng em ông ta từng khóa một. Cuộc đời tầm thường như vậy đó.

Chí lên đường nhập học khóa 13 Thủ Đức. Sau bốn năm chiến đấu trên khắp các chiến trường. Anh giải ngũ với cấp bậc Trung úy với bốn anh dũng bội tinh với nhành dương liễu và một chiến thương bội tinh.

Chí trở lại nhiệm sở cũ và sau một thời gian ngắn anh lập gia đình với một người con gái miền Trung. Chí quen Hương và yêu nàng những ngày anh theo đơn vị lưu động tại vùng giới tuyến. Hương rời Huế, xa dòng sông thơ mộng, xa những đèn đài lăng miếu cổ kính, để theo chồng vào Nam. Gia đình Chí thật hạnh phúc vô cùng. Luận nhận

đỡ đầu cho đứa con trai đầu lòng của Chí cũng như Chí đã đặt tên cho đứa bé. Điều đó chứng tỏ lòng quý mến của vợ chồng Chí đối với Luận. Vì thế sau mỗi lần hành quân trở lại hậu cứ, Luận nghĩ ngay đến việc đến thăm vợ chồng Chí trước tiên. Ở đây, Luận có thể tìm thấy khung cảnh ấm cúng của một gia đình hạnh phúc, một tình bạn thiêng liêng đủ làm Luận quên những ánh lửa vừa trải qua. Mỗi lần đến như thế, Luận lại kể cho Chí nghe những mất trận mà anh vừa mới trải qua, những chiến thắng đơn vị anh đoạt được. Những ly rượu cứ vui dần và Hương thì bận rộn nhiều nhất vì phải sửa soạn bữa tiệc cho hai người. Hương đối xử rất khéo léo mỗi khi Luận đến thăm vì nàng đã được Chí kể cho nghe tình bạn thân thiết của hai người. Rồi vợ chồng Chí thấy Luận cứ kéo dài đời sống độc thân mãi, đã có lần nàng hỏi Luận:

- Anh và Chí chơi thân với nhau. Bây giờ Chí đã có hai cháu rồi. Bộ anh định ở vậy mãi hay sao.

Lần nào cũng vậy, Luận đều cười:

- Thì gia đình của anh chị là gia đình của tôi. Hai cháu là con tôi. Đời lính suốt tháng năm ngoài chiến trường đâu dám nghĩ đến chuyện vợ con. Lấy ai, tôi chỉ sợ làm người ta khổ. Và chị Hương nhắm xem có ai dám lấy tui tôi không.

Tiếng Chí vang lên:

- Hương đừng nói chuyện vợ con với thằng đó. Nó cãi bài bày cho mà xem. Hôm nào em xem trong số bạn gái có cô nào xinh mà thật dễ thương giới thiệu cho nó một cô. Chỉ sợ tới lúc đó nó lại phải năn nỉ vợ chồng mình đẩy thôi. Anh chơi thân với Luận lâu, biết tính nó chả ai khuyên nài nó đâu.

Nhã, em gái nhỏ của Hương, vội nói láu táu:

- Chị Hương có nhiều bạn gái dạy cùng trường, người bạn thân thiết là giáo sư Việt văn của em. Tui em là con gái mà cũng phải mê. Đã đẹp lại dễ thương vô cùng. Trong những giờ dạy, lúc nào rảnh rỗi chị lại kể cho chúng em nghe về những kỷ niệm quê hương cũ. Chị ấy tả về thành phố Hưng Yên ngày xưa của chị...

Luận vội ngắt lời:

- Nhã nói sao? Cô ấy thường nói về thành phố Hưng Yên à.

Chí hỏi Hương:

- Cô nào ấy em. Luận nó cũng ở Hưng Yên đấy. Nói tên xem chàng ta có biết không?

- Linh Phương, anh Luận ạ. Hoàng Thị Linh Phương, anh có biết không?

Luận im lặng suy nghĩ. Những người con gái đẹp của Hưng Yên ngày xưa anh biết rõ. Trong đó có Tuyết Mai với mối tình đầu của anh. Có lẽ ngày đó Linh Phương còn nhỏ, và lại anh theo học ở Hà Nội chỉ về Hưng Yên mỗi khi nghỉ hè. Luận trả lời Hương:

- Chắc tôi không biết đâu chị ạ. Chị quen cô ấy từ hồi nào?

-Từ dạo còn theo học ở ngoài trường Đồng Khánh. Phương di cư từ Hưng Yên vào thẳng Huế. Chúng tôi cùng đỗ, cùng vào sư phạm một năm. Phương theo gia đình vào Sài Gòn trước tôi. Tôi lấy Chí vào đây không ngờ gặp Phương cùng dạy một trường. Anh chịu không tôi làm mối cho.

Luận cười nhìn Chí:

- Để xem đã chị ạ. Nào bây giờ chúng ta ăn uống đi chứ?

Hương mỉm cười nhìn hai người:

-Thôi ông tướng uống vừa ở nhà thôi. Rồi kéo nhau đi chơi đâu đó thì đi. Nhớ đừng uống say quá rồi lái xe không nổi lại quên cả đường về. Tôi sửa soạn phòng cho anh Luận về đây nghỉ nhé.

Luận cảm động cảm ơn Hương. Còn Chí thì âu yếm nói:

- Anh đi chơi, em không ghen à?

Hương cười:

- Có anh Luận về em cho phép anh đấy. Hai anh đi riêng mà tâm sự. Kẻo khi anh Luận đi hành quân rồi cứ nhắc anh ấy hoài.

Luận nhìn đồng hồ tay. Mười bảy giờ chiều. Anh nhắc điện thoại gọi đến sở của Chí. Có tiếng người nữ thư ký ở đầu máy:

- Xin ông vui lòng chờ, tôi sẽ chuyển máy cho ông Chí ngay.

Tiếng Chí hét trong máy:

- A-lô, Luận đầu máy phải không? Mày về bao giờ vậy?

- Tao vừa xuống máy bay cách đây nửa giờ. Có gì lạ không?

- May cho tụi mình quá. Mà có nhớ ngày hôm nay là ngày gì của tao không?

- Thú thật tao chả nhớ gì cả. Ngày gì đó mà?

- Ngày kỷ niệm chúng tao lấy nhau. Vì thế tối nay tại nhà tao có buổi họp mặt của một số bạn thân. Tao và Hương đang tiếc vì không có mây. Chúng tao đều buồn vì thiếu mây thì coi như mất vui một nửa rồi. Bây giờ mây về là hoàn toàn. Tao lái xe đến đón mây nghe.

- Thôi tao còn thu xếp một ít công việc của đơn vị. Rồi còn phải thay quần áo đã chứ. Mà muốn tao mặc bộ đồ trận đây bụi đến mừng vợ chồng mây sao. Mà về trước phụ với Hương đi cho bà ấy bằng lòng. Cho tao biết mấy giờ bắt đầu?

- 20 giờ mà nghe rõ chưa? À quên báo cho mây biết trước để mà hồi hộp chơi. Hôm nay có cả Linh Phương đến nữa đây. Tao có gặp đương sự rồi. Điểm chúng mình phê bình các em ngày xưa khi còn đi học là 8/10. Tao nhắc lại là 8/10 nghe không. Xứng đôi với mây lắm. Được chứ Luận.

- Mà nói thì tao tin. Nhưng để rồi xem đã. Bây giờ tao chỉ cần gặp mây và uống rượu thôi.

- Xong rồi, tao để dành cho mây một chai rượu đặc biệt mà tao mang từ Phi Luật Tân về tháng trước. Hồi mây đi hành quân tao vừa đi công cán 15 ngày ở bên đó. Thôi tao cúp máy, đến sớm một chút nghe.

Luận đặt ống nói điện thoại xuống bàn. Anh cho lệnh vắng tất các nhân viên dưới quyền rồi trở về phòng riêng.

Từ trong phòng, Luận nhìn ra ngoài khung cửa sổ mở rộng. Cây khế trước hiên đã nở hoa tím đầy cành. Màu lá xanh ngắt còn lóng lánh ướt nước của cơn mưa vừa dứt. Màu tím phơn phớt của hoa khế như nhắc nhở Luận đến những mối tình đẹp đã đi qua trong đời. Thoáng nhẹ nhớ thương dâng trong lòng. Một làn gió thổi nhẹ đưa những cành hoa tím rơi đầy trên thềm nhà.

Đối với Luận, cuộc họp mặt này thật bất ngờ không định trước. Người con gái ngồi đó. Đối diện với chàng trong dáng điệu thật lạ lùng. Mái tóc xõa trên bờ vai thon nhỏ. Màu áo trắng đơn sơ điểm những bông hoa nhỏ màu tím xinh xinh. Tiếng nói trong và mang một âm điệu đặc biệt của người con gái sinh trưởng tại miền Bắc. Luận như ngỡ ngàng sống lại cái tuổi 17 ngày nào lần đầu đối diện với người yêu. Nhưng không phải người con gái đó là Tuyết Mai của môi tình non dại thuở học trò của Luận 13 năm về trước. Người con gái này là Linh Phương. Nhưng sao Luận vẫn mơ hồ tưởng như sống lại buổi tiệc mãn khóa hè ngày nào tại Phố Hiến của thành phố Hưng Yên quê hương yêu dấu cũ. Linh Phương như mang trọn hình ảnh của một Tuyết Mai bé nhỏ dịu dàng với một chút nũng nịu nụ cười má lúm đồng tiền trông duyên dáng vô cùng. Hiện tại đã kéo Luận về sự thực. Bầu không khí của buổi họp mặt trở nên mỗi lúc một sôi động. Tiếng nói của Chí vang lên:

- Luận uống đi chứ? Ly thứ mấy rồi?

Luận cười nâng ly với Chí trước khi uống cạn:

- Mới có ly thứ ba...

Chí quay sang nói với vợ:

- Hương, em rót cho Luận ly nữa.

Luận giơ tay vội nói:

- Xin chị cho từ từ, buổi tiệc còn dài coi chừng tôi say đó.

Tiếng Trụ ngồi cạnh Linh Phương:

- Chị Hương cứ rót đi. Luận mới ở mặt trận về phải cho nó uống thoải mái cho bỏ những lúc hành quân gian khổ.

Tiếng rượu chảy róc rách trong ly. Nhã, em gái Hương ngồi bên cạnh Luận, gấp thêm đá và đổ đầy sô-đa, rồi nói:

- Anh chị Chí giao cho em phải tiếp anh và chị Phương ngày hôm nay.

Ánh mắt Phương thoáng nhìn Luận, rồi cúi xuống.

- Cô làm như tôi là khách lạ không bằng.

Nhã giọng trẻ con đùa nghịch:

- Không lạ thì anh cũng coi chừng mọi người sẽ quên anh.

Luận nâng ly hỏi:

- Tại sao vậy Nhã?

Nhã nhìn Linh Phương như phân trần câu nói của mình:

- Chị Phương xem, anh Luận đi hành quân gì mà biến biệt cả mấy tháng. Chả chịu thư từ gì về cả. Mọi người chẳng ai biết anh đi đâu và bao lâu. Ấy vậy khi thoáng thấy anh đến chơi rồi lại biến mất. Anh Chí gọi điện thoại hỏi đơn vị của anh thì lại nghe nói anh đi hành quân rồi.

Tiếng Phương nhẹ nhàng:

- Nghe nói anh mới đi hành quân về. Vùng Thừa Thiên, Quảng Trị phải không anh? Tôi cũng xa Huế mấy năm rồi chưa có dịp nào trở lại.

Luận nhìn đôi mắt Phương:

- Gần ba tháng rông rã ngoài đó. Chúng tôi đi gần hết từ Phú Lộc, Phú Thứ, Nam Hòa, Quảng Điền và Phong Điền tới miền Hải Lăng, La Vang, Gia Đăng rồi trở lại Lương Mai, Lại Hà và Phá Tam Giang.

- Anh có dịp nào đi qua trường Đồng Khánh không ạ?

- Thừa có. Những lần về nghỉ dưỡng quân ở Đoàn Nam Giao, Long Thọ hay An Hòa, tôi có nhiều dịp đi qua trường. Bây giờ ngoài đó vào hè. Trường đóng cửa nhưng sân trường đỏ màu hoa phượng.

Giọng Phương như trở nên xa xôi:

- Đời tôi có hai kỷ niệm sâu đậm nhất. Đó là những ngày đầu bước chân vào trung học tại trường Phạm Ngũ Lão ở Hưng Yên quê hương tôi và sau này di cư tôi theo học tại trường Đồng Khánh - Huế.

- Như vậy tôi có chung một hình ảnh kỷ niệm đầu với Phương vì tôi cũng học tại trường Phạm Ngũ Lão rồi sau đó mới lên Hà Nội theo học tại trường Chu Văn An.

Phương trở nên cởi mở hơn:

- Tôi cũng nghe anh chị Chí nói anh người Hưng Yên. Không gì bằng được gặp người đã cùng sống trong vùng trời kỷ niệm thuở ấu thơ của mình. Tôi thấy nhớ thương quê hương khôn cùng. Mười mấy năm rồi anh nhỉ? Tôi muốn nói đến Hưng Yên và tôi muốn nghe lại chuyện Hưng Yên.

Suốt buổi họp mặt đó, Luận và Phương đã nói chuyện với nhau như quên cả mọi người xung quanh. Những đôi vợ

chồng bạn thân của Luận như Chí, Khải, Trụ đều đưa mắt nhìn nhau mỉm cười.

Hương nhìn Luận và Phương ngồi nói chuyện, rồi hỏi nhỏ chồng:

- Liệu lần này chị Phương buộc nổi chân anh Luận không?

Chí gật gù nhìn chai rượu:

- Xong rồi. Thăng Luận hôm nay say tỉnh chứ nhất định rượu không làm nó say nổi đâu.

Sau buổi tiệc, Luận lấy xe hơi của Chí đưa Linh Phương về nhà. Trên đường đi, từ Trần Quốc Toàn về tới Thị Nghè, dù xe chạy thật chậm mà cả hai người còn thấy đoạn đường đưa nhau về quá ngắn. Xe dừng trước cửa đã từ lâu, nhưng không một ai muốn nói tiếng từ biệt trước. Hai người ngồi im lặng như muốn thời gian ngừng lại. Nhưng rồi Luận lên tiếng:

- Phương đã cho tôi những giờ phút vui thật quý báu sau những tháng dài quên mình hành quân gian khổ ngoài chiến trường. Tôi sẽ xin gặp lại Phương. Tôi nghĩ rằng còn nhiều chuyện muốn nói với Phương. Thời gian tôi ở Sài Gòn thật ngắn ngủi. Tôi hy vọng chuyến đi sắp tới tôi sẽ mang theo một hình ảnh đẹp và một hy vọng của ngày trở lại.

Tiếng nói của Phương như lạc giọng:

- Phương sẽ chờ anh. Dù tháng năm khói lửa chiến tranh có dài đi bao lâu nữa...

4.

Đồi 46 là cao địa bao quát suốt vùng Gio Linh và Trung Lương. Căn cứ được thiết lập trên đỉnh đồi đã được san phẳng. Từ đó có thể quan sát rõ ràng phía bên kia bờ Bắc sông Bến Hải và là một điểm tựa vững chắc bảo vệ sườn trái của căn cứ Cồn Thiên.

Hầm chỉ huy được xây bằng xi-măng cốt sắt nằm chìm sâu trong lòng đất. Bên ngoài là những chồng bao cát xếp gọn gàng giữ chặt những cột ăng-ten cao đầy nhánh bay đi bốn phương.

Đơn vị của Luận trấn giữ ở đây đã tròn tháng. Trời cuối

thu mang gió heo may thổi lạnh. Luận kéo cao cổ áo sau bước vội vào hầm chỉ huy cùng thiếu tá Tịnh, Tiểu đoàn trưởng. Trước bản đồ toàn vùng hoạt động, Luận đã thấy các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy đều đủ mặt. Thiếu tá Chương - Tiểu đoàn trưởng, Trung úy Duy - sĩ quan an ninh, Trung úy Văn - y sĩ trưởng, Thiếu úy Hiền - sĩ quan tiền sát viên pháo binh và viên thiếu tá cổ vấn Mỹ. Kim đồng hồ vừa chỉ đúng 7 giờ sáng. Luận báo cáo kết quả cuộc chạm súng của toán phục kích đêm qua tại phía tây căn cứ. Toán giao liên của địch lọt ổ phục kích của ta hồi nửa đêm. Địch chết 6 bỏ lại 5 AK 47. Bên ta vô sự và vẫn kiểm soát được toàn vùng. Mọi người bắt đầu uống ly cà phê đầu tiên trong ngày.

Chợt tiếng keng dồn dập vang lên từ các pháo đài quan sát báo hiệu địch pháo kích. Tiếng đạn đi xé không khí, rít lên những tiếng rợn người. Tiếng nổ ầm vang rung chuyển cả mặt đất. Luận nghĩ đến cuộc pháo chiến đã bắt đầu mờ màn. Từ hộp loa khuếch thanh của chiếc máy PRC.25 vang lên tiếng báo cáo của đài quan sát. Hướng súng và tầm xa. Thiếu tá Chương chấm vị trí súng địch trên bản đồ và cho lệnh phản pháo. Luận đọc to tọa độ. Mọi người đã ngồi trước các máy liên lạc. Các pháo đội của ta và hải pháo bắt đầu bắn trả buộc súng địch phải ngưng tiếng. Thiếu tá Chương cho lệnh liên lạc xin các phi tuần phản lực lên vùng.

Từ loa khuếch thanh, tiếng các đại đội trưởng báo cáo kết quả vô sự sau đợt pháo kích vừa qua.

Tiếng phi cơ ầm ầm vang bầu trời. Mọi người rời hầm quan sát. Từng chiếc phản lực thân bạc lóng lánh dưới ánh mặt trời bắt đầu lao xuống vùng nghi ngờ có vị trí đặt pháo binh của địch. Từng cột khói đen nhánh ánh lửa bốc lên cao. Mọi người đắm chiêu suy nghĩ hướng sang bờ Bắc.

Luận rung mình theo cơn gió lạnh vừa thổi lộng về. Anh và tất cả mọi người có mặt tại đây đang thật sự đối diện với chiến tranh.

Duy gọi Luận chỉ về phía Nam căn cứ. Thị trấn Đông Hà trông nổi bật bên cạnh dòng sông. Một chiếc phi cơ vận tải vừa hạ cánh xuống phi trường. Luận nghĩ tới chuyện liên

lạc này chắc sẽ có thư của Linh Phương từ Sài Gòn gửi ra. Trong những ngày thật dài ở đây, Luận chỉ mong có vậy. Một người lính trẻ vừa cầm chiếc máy thu thanh chạy vội qua dưới chân đồi quan sát.

Mơ hồ thoảng trong gió lạnh cuối thu tiếng hát nghen ngào của Phương Hoài Tâm qua bài Thương Vùng Hòa Tuyên.

“...toàn dân thương Trung Lương, toàn quốc thương Gio Linh, thương Bến Hải, thương cầu Hiền Lương...”

Căn cứ Gio Linh cuối thu 67

(trích tạp chí Văn Học; vì quá cũ, bìa mất, nên không biết số mấy - phát hành vào khoảng 1967 ?)

Sơ lược tiểu sử: Không rõ



VƯƠNG THANH

Giờ Hưu Chiến

Hữu lái xe một vòng quanh thành phố. Người, xe cộ lố nhố trong một bể bụi. Từng cụm bụi đất đỏ tung lên sau những chiếc xe. Đường xá lở loét như những bàn chân gẻ. Những mặt phố trắng nhựa cho các loại xe tải thường đã không chịu nổi các đoàn quân xa hạng nặng của quân đội Hoa Kỳ. Đồ hộp, thuốc lá là màu sắc nổi bật nhất của một thành phố quân đội đồng minh, một thành phố gần với sự chết chóc nhất. Thường quân đội đồng minh tỏ sự giàu sang của mình bằng các vỏ đồ hộp và ruồi bọ. Những ngã đường dẫn vào thành phố được chất đầy những rác, vỏ hộp như những ngọn núi và ruồi bọ sanh sống ở đấy lúc nhúc. Mọi người nháo nhác trên nét mặt, co ro trong chiếc áo của cơn lạnh mùa đông đến chậm. Hữu thấy chán nản. Phố xá như đang có một cơn dịch. Thì ra đâu cũng vậy thôi, chẳng sung sướng gì. Minh cứ ức là không có dịp về xã xui.

Trang Thanh yêu, tối nay chắc em ngủ yên trong cánh tay của mẹ. Lớn quá rồi mà vẫn còn muốn rúc vào vai mẹ. Tiếng súng, tiếng bom sẽ không còn làm cho em lo sợ cho cái chết bất chợt nào đó, mà bất cứ một người nào có liên hệ đến kẻ đang chiến đấu ngoài mặt trận, thường nghĩ đến. “Anh yêu, cả đêm em không ngủ. Súng nổ nhiều quá, gần quá như ngay trước nhà mình. Em cầu khẩn cho anh cả đêm. Anh biết không, Trang Thanh đánh thức mẹ dậy và lại trước bàn thờ Phật lễ cho anh. Hai mẹ con ngồi nhìn nhau. Có lúc em đã khóc vì nhìn mái tóc của mẹ. Mẹ yếu quá mà anh thì ở xa quá, em con gái làm được gì?” Em yêu, phải cố đỡ cho những giấc ngủ bình thường. Đã mấy chục năm, các phụ nữ của chúng ta đã làm như vậy để cố quên đi một đe dọa bất ngờ nhưng thật tàn khốc.

Hữu ngược xe về phía phi trường. Con đường dẫn ra ngoại ô bốc lên một luồng đất đỏ dài trên không. Còn mười phút nữa người yêu mới về. Mình đậu xe chờ vậy. À, phải giấu cái xe đi và làm cho cô ả thật ngạc nhiên. Thử nào cũng nói nhớ anh mong anh về. Nghĩ vậy, chàng lui xe vào sân một xưởng thợ mộc. Chàng cười xã giao với người thợ sau khi nói ý định gửi xe.

Chàng đến chỗ người lính gác xin lửa châm điều thuốc. Người lính như một công bộc với quần áo trắng nếp, giày dép bóng lộn, một mẫu lính thành phố, lính các nhà quan không phải thứ lính ngoài chiến tuyến một bộ quần áo mặc cả tuần lễ không thay với bùn lầy và nước mưa đã nhào nặn không biết bao nhiêu lần nhưng không có thời giờ để giặt. Rít mấy hơi thuốc liên tiếp, chàng thấy ấm trong buồng phổi. Thử hai tay trong túi quần, điều thuốc cắn trên môi, chàng thần nhiên ngắm sinh hoạt của thành phố. Trang Thanh ra kia rồi. Vóc dáng ấy yểu điệu quá. Em yêu, em khóc từng đêm là phải. Một sự yểu điệu ẩn hiện sau tà áo như có vẻ rộng ra. Cô ả biết thế nào được “mình sẽ đi phía sau tán cô ả thử.”

Có tiếng guốc nhẹ ở sau lưng, một lát nghe êm. Cổ chàng lạnh buốt vì một bàn tay chạm vào. Hữu sụt cổ và quay lại. Trang Thanh thì thầm:

- Anh mới về hả?

Hữu mỉm cười. Mắt người con gái rạng rỡ, thật đẹp. Phải, anh mới về. Mong mọi quá phải không em?

- Trang Thanh xinh nhỉ?

Giọng nàng hờn trách:

- Anh ác. Nhìn kiểu đứng của anh em biết ngay. Sao không vào cho em biết. Định hành tội cho em khóc đó phải không? Khóc hết nước mắt rồi chứ bộ.

Hữu vỗ về:

- Anh muốn em ngạc nhiên vậy thôi. Ai lại ác với em. Từ bao nguy nan, anh về được đây chắc em đã hiểu.

- Không cãi với anh nữa, anh nguy hiểm lắm. Có anh về là được rồi. Em sẽ nhõng nhẽo cho anh biết tay. Lắm lúc mẹ

phải gắt em cả ngày chỉ “con lo cho anh ấy quá”. Nghĩ tức mẹ ghê vậy đó. Có bữa mẹ không hưởng ứng khi nghe nói mãi về anh, em hờn mẹ không ăn cơm, làm mẹ lại phải dỗ. Thật tội, mẹ chiều em đủ điều. Anh biết không mẹ bảo em hay hờn mát là tại ăn phải dứa của anh đó. Anh có hay hờn không anh. Mẹ đe hôm nào anh về, mẹ đánh đòn cả hai đứa. Nghe mẹ nói em thấy thích thích anh ạ. Giá giờ cả hai đều nằm xuống cho mẹ đánh nhĩ. Anh có chịu không?

- Về nhà rồi hãy tâm sự cô. Làm gì mà chơi chơi như con bê đòi bú mẹ thế kia. Ngó kìa, mấy cô bạn em họ đang cười đó.

Trang Thanh quay nhìn mấy người bạn. Nàng cười thật tươi, vẫy tay tỏ sự thông cảm.

- Kệ họ. Em phải nói để bù lại những ngày ngậm cóc chứ.

- Được rồi, anh sẽ cố gắng nghe hết. Lần này những bảy ngày lận, chỉ sợ máy nói hết chuyện thôi.

Trang Thanh reo như một đứa trẻ, khuôn mặt nàng bừng sáng. Gió làm những lọn tóc nàng bay phất phơ che nửa vàng trán. Minh sẽ không bao giờ làm cho niềm vui ấy được trọn vẹn. Em yêu, có những điều không bao giờ chúng ta muốn nhưng chúng ta vẫn phải chấp nhận.

- Bảy ngày cơ à? Vui nhĩ. Rồi anh sẽ được chim của anh hót cả ngày cho mà nghe, không bao giờ hết chuyện đâu.

- Được rồi. Giờ mời cô về. Cứ làm như còn bé lắm ấy.

Trang Thanh vén mặt, nhí nhảnh:

- Bộ em lớn lắm hả?

Hữu cười:

- Phải. Cô lớn lắm rồi chứ còn như ngày nào ở trường lê la nghịch đất nữa đâu. Đã đi làm được này, lại sắp sửa lấy chồng nữa. Nếu bé thì làm sao nội trợ nổi, nhất là săn sóc cho lính hơi khó đấy.

- Anh chỉ được châm chọc là tài. Em không thèm nói nữa cho anh biết tay. Cứ bắt nạt người ta hoài.

Hai người ra xe. Người con gái phụng phịu một cách đáng yêu, trẻ thơ nhưng cũng thật tinh tú. Xe chạy một quãng, Hữu quay sang bạn hỏi:

- Bé giờ chúng đó hả?

Trang Thanh làm nghiêm. Hai mắt đăm đăm, nhìn thẳng

như đang chú ý một việc gì, không nghe tiếng hỏi của chàng. Hữu thấy vui vui đã làm cho người tình giận. Con gái đẹp nhất khi hờn dỗi. Em yêu, cứ giả vờ đi. Giữa chúng ta phải có một kẻ lép vế chứ. Một lúc chàng bảo, thật nghiêm:

- Sáng mai anh đi vậy.

Mắt người con gái chớp chớp, quay lại chàng. Nước mắt chạy quanh, long lanh:

- Anh làm khổ em.

Hữu giảng hòa:

- Ai bảo hỏi không nói.

Trang Thanh ngưng nguẩy:

- Anh cứ chèn ép em mãi, chịu sao nổi. Anh chẳng thương em thì thôi. Em phải mách mẹ để mẹ trị anh mới được. Thấy người ta bé cứ ăn hiếp.

- Thôi! Xin lỗi. Được chưa! Cô đa sự.

- Được.

Chiếc xe chồm qua một vũng nước, lắc lư. Chàng vẫn có cái thú cho xe chạy tốc độ dù đường xấu. Gió tung từng cụm tóc, lùa xòa mặt người con gái.

- Chạy chậm anh. Em lạnh. Run đây này.

Qua ngã tư quốc lộ, kẹt đoàn quân xa. Từng xe đầy nhóc lính và súng ống, lem luốc như nhúng từ những vũng bùn lên. Chiếc xe như một con trâu lăn nhẩy chồm trên những chỗ đường lở lói như điên cuồng, làm những rác giấy và bụi cát tung mù mịt. Thành phố như một bãi rác. Những tiếng la hét, chọc ghẹo của những người lính ném từ trên xe xuống. Từng bọn vừa hát, vừa hưởng ứng. Trang Thanh nhìn họ, thấy vừa vui vừa buồn. Nàng làm lạnh:

- Ngày trước nhìn xe lính chạy qua phố em ghét thậm tệ.

Có nhiều cha khà ồ lắm anh ơi. Họ nói nhiều câu thô tục không thể chịu nổi. Ngôn ngữ của lính các anh thật ghê.

- Bây giờ hết ghét rồi hả?

- Hết ghét mà lại thương nữa chứ.

- Sao vậy?

- Ai mà biết. Anh thử hỏi anh xem. Thứ con trai gì đâu thấy gái là lăn vào như lân nghe pháo.

Hữu giải thích:

- Có thể em khát khe với họ. Không phải trong số đó có anh mà anh bênh vực đâu. Cô đa sự lại cho là anh nguy biệ. Em biết không, cả thág hành quân, mệt mỏi, đói khát, chết chóc, không hề có một bóng đàn bà dù cho là như mai em đi nữa, khi trở về nhìn lại thành phố thấy xa lạ với mình quá, thấy mình bị hy sinh nhiều quá trong khi mọi người vẫn nhớn nhó với những cái đau khổ thường trực của họ và họ biểu lộ. Dù biểu tỏ lòng cách nào đi nữa thì cũng chân thật cả. Ngay cả chính anh, sau những lần phá phách mà không ân hận. Các anh đã đánh mất những ăn năn cần thiết.

Trang Thanh bĩu môi:

- Phải anh không nguy biệ. Cứ làm như chỉ các anh chiến đấu đều gian khổ thôi. Nào cả thág thêm đàn bà, đói khát... để bênh vực cho mình.

Hữu thấy cần phải im lặng. Chàng biết người yêu không có ý trách. Một hình thức của biểu lộ tình cảm là nói lên những cái xấu của người yêu mình. Thái độ tố cáo nhưng che đậy. Thật ra chàng không muốn bi thảm cuộc chiến đấu này. Nhưng sự thật đã diễn ra. Từng phút, từng ngày lớp lớp thanh niên ngã xuống, không lý do, không hận thù. Cái đau xót của chúng ta đã chết đi không cho một hận thù nào cả. Có thể một người anh giết một đứa em, một người cha giết một người con, một người chồng giết một người vợ. Cái chết không hình thái, không đả đo, không từ chối, không phân biệt. Một viên đạn bắn đi, một khối chất nổ ném ra giữa những ràng buộc vây quanh, sự chết nằm xuống. Cái của chúng ta khởi lên từ đó. Trang Thanh yêu, anh không phê phán nhưng anh muốn bày tỏ những ý nghĩ thật của lòng mình. Những khuôn mặt sạm đen vì nắng gió, bão táp, cát bụi mà từng đoàn xe đã mang về những nỗi vui mừng của người mẹ của người vợ và cũng mang đi những nỗi lo âu, cắn xé...

Đoàn xe mang một nỗi kinh ngạc cho thành phố trong giây lát rồi sinh hoạt lại đầu vào đây. Những tiếng nổ âm nào đó, vây quanh họ từng ngày từng đêm như một âm thanh

cần thiết và họ đã quen tai. Chiến tranh không còn là hình ảnh của chết chóc và súng đạn nữa. Nó thân nhiên, chợt đến, chợt đi. Ngó thấy thì nghĩ đến, khuất mắt thì quên đi những tiếng nổ từng đêm nếu bật tiếng người ta mới hiểu là nó đang nằm yên tĩnh.

Những vật dụng từ trên xe cam-nhông ném xuống chợ phá những kẻ đi đường, kèm theo những tiếng hò hét thô tục, mới ngó chàng nghĩ là mất dạy nhưng Hữu thấy như thoải mái, một nỗi ám ức trong lòng chàng như cũng được bày tỏ. Đám người ngơ ngác giơ tay vẫy chào nửa rụt rè nửa sợ sệt.

- Anh, sao lại chạy lên?

Hữu bót ga, vào số rồi bảo:

- Qua bên cầu. Anh có hẹn. Mấy anh bạn chờ cả bên đó rồi. Anh mới gặp họ, mừng quá. Mai, anh Nguyễn vào Thủ Đức. Một bữa nhậu diễn hành. Đừng cho là khôi hài.

Trang Thanh giẫy nảy:

- Chờ cơm mẹ chửi chết. Hay anh tạt ngang về nhà cho mẹ biết đã.

- Yên chí, anh đã xin mẹ rồi.

- Anh kỳ ghê. Mẹ sẽ buồn đấy. Vừa về là có bạn bè liên.

- Anh biết. Em đừng khát khe quá họ sẽ cười tui mình. Anh hiểu bạn bè không lo cho anh bằng em bằng mẹ, nhưng anh không thể thiếu họ.

Người con gái hờn mát:

- Mấy ông bạn anh cũng tinh nhỉ? Bắt mạch giỏi nhỉ?

Hữu cười:

- Đừng có nói khích anh.

- Ai dám. Để anh dối anh bỏ đi à.

Hữu đùa:

- Ấy không phải dối đâu. Thật đấy chứ.

- Không nói anh nữa. Đi thì chờ về thấy mặt là trêu cho người ta giận.

Hữu thấy vui. Em yêu cứ làm nũng đi để bù lại những đêm nhung nhớ, “lấy chồng lính thật khổ. Lo sợ từng đêm.” Anh biết điều đó. Trên quê hương chúng ta, không một mình Trang Thanh khổ vì có chồng lính. Em biết không,

có người chỉ ăn ở với nhau từ ngày cưới vòn vẹn có 10 ngày phép rồi người chồng ra đi biệt tại một tiền đồn hẻo lánh nào, một năm hai năm chưa được phép về một lần, có người đã vội vàng mang một vảnh khăn trắng vì người chồng sau những giờ phút chiến đấu tuy can trường nhưng bất lực. Anh còn biết người cha ba năm chưa được nhìn mặt con kể từ khi nó ra chào đời, và cũng có người cha kém may mắn hơn chả bao giờ còn được nhìn giọt máu thân yêu của mình nữa. Anh còn thấy, một buổi sáng sau hôm đơn vị hành quân về, từng nét mặt thẩm não của người mẹ già, nét mặt ngây thơ “sầu của người vợ trẻ, cùng nét mặt ngây thơ của các con dại, bao quanh những cổ quan tài, kẻ vật vã khóc lóc, người kêu gào chửi bới”.

Nhìn các chiến hữu của mình gục ngã đã là điều đau xót, nhưng phải nhìn các người thân yêu của họ ở trong cảnh ấy, anh dù có vững lòng mấy cũng không khỏi xúc động. Thà mình chết đi, nhiều lúc anh nghĩ thế để cho đứa con duy nhất của người mẹ già, người chồng thân yêu của cô vợ trẻ được sống còn hơn phải nhìn họ khóc lóc kêu gào như thế. Trang Thanh biết không, anh vẫn tự nghĩ, cuộc chiến này đã cướp đi bao nhiêu nguồn hy vọng, thì thân xác anh còn lại đây, là điều may mắn rồi; cũng là một đãi ngọc còn lại của Trời Phật. Hãy cầu nguyện cho anh và hãy vững tâm nếu một ngày nào đó...

Sơn Kim ngày ...tháng ...

Trang Thanh yêu dấu!

Mấy ngày nay lạnh ghê em nhỉ. Cái lạnh của miền núi anh không thể nào tả nổi, nó như nứt từng mảnh thịt ra. Ban đêm, anh tính cho em nghe nhé: một áo lót, một áo lính, một áo len của em đan, hai cái mền, một cái đắp, một cái trải, anh vẫn không tài nào ngủ nổi. Cũng trong lúc đó, các chiến hữu của anh, súng ống trong tay, thu mình trong chiếc Poncho đang rình chờ kẻ thù từ những hố cá nhân, từ những hàng thép gai, trong cái giao thông hào. Một bóng đen vô hình nào đó sẽ xuất hiện cướp giật sự sống của họ. Đòi lính thú thật là tẻ nhạt. Sáng mở mắt đã bị bung bít bởi

lớp sương mù dày đặc, mãi gần trưa mới le lói chút ánh sáng mặt trời và khoảng bốn năm giờ chiều đồi núi đã âm u.

Nằm đây, anh mới thấy thấm thía những tách café với bạn bè. Thanh là gái nên không bao giờ hiểu hết bọn anh. Có lúc tụi anh chả có gì phải nói với nhau, nhưng nhất định phải tìm gặp nhau cho đã, quanh những ly café và chả có chuyện gì ngoài những lời đầu láo. Chính những lúc đó anh lại thấy vui, thấy mình thật vô tư. Như những tên đô vật, sau khi đã thi thố hết sức lực, chỉ còn giữ miếng trong sự dưỡng sức, phải không em. Giờ này nếu ở dưới đó, chắc Trang Thanh lại bực vì mấy ông bạn tới lôi anh đi. Nếu cô bé sợ lạnh không dám đi thì anh sẽ đi một mình vậy. Chả sao. Nhưng anh biết cô không dám để anh đi một mình đâu. Tụi bạn em vẫn gọi đùa “cái rờ-mọt của anh” mà.

Em yêu dấu,

Hai tháng xa nhau rồi phải không. Ở đây nếu anh ngồi đếm từng ngày chắc anh phải tự tử mất hoặc làm một cái gì khác. Tuần trước một người bạn của anh bỏ mình. Một cái huy chương đã được tưởng thưởng, nhưng thân nhân kẻ xấu số nhận được gì trong những vinh dự ấy? Anh có nên kể cho Thanh Trang nghe không nhỉ. Một sự thật rất phũ phàng và cũng rất là tủi nhục. Trong cuộc chiến của chúng ta anh tin còn không biết bao nhiêu trường hợp như thế. Một người nằm chờ chết với vết thương của mình, không một chiến hữu săn sóc, không một miếng băng cầm máu. Trong sự chống chọi với tử thần, người bạn anh đã cố gắng với tất cả sức tàn của mình với một hy vọng thật mong manh đã không bao giờ đến, giữ cho máu đừng chảy.

Chuyện khởi đầu như thế này, L đại đội trưởng của tiểu đoàn anh. Trang Thanh yêu, ngay khi viết những hàng chữ này, anh nghe cổ họng mình như có một sự uất nghẹn, như một cục đá mắc trong thực quản. Một bàn tay, phải, bàn tay ấy với một mảnh sọ, ôm lấy cái đầu, bất động. Chín giờ

tôi lệnh tiểu đoàn cho đại đội L đột kích và chiếm giữ một ngọn đồi cách đơn vị khoảng một cây số ngàn. Bằng mọi cách và bằng mọi giá phải trấn được ngọn đồi vì hôm sau một phái đoàn ủy lạo chiến sĩ đến. Nếu địch quân còn kiểm soát ngọn đồi đơn vị anh sẽ nhận những quả đạn pháo kích bất cứ lúc nào. Ở đây pháo kích của ta và của địch như cơm bữa. Từng thước đất ở đây và từng thước đất trên đó, đạn và bom đã cày nát từng đêm. Suốt đêm, tụi anh ăn ngủ trong những đường hầm mù tối. Ngay cả khi nấu cơm cũng phải nguy trang cho khỏi bốc lên. Địch sẽ rót đạn vào những nơi trú ẩn quá lộ liễu rất chính xác. Thành ra cả ngọn đồi, toàn là những ụ đất và hố trú ẩn. Chỗ nào địch cũng có thể ghi là lều trại nhưng thật ra địch không hề biết chính xác. Nếu kiểm soát được ngọn đồi mới có sự an ninh cho phái đoàn. Hai đại đội được tung ra trong số có L.

Em yêu, cùng với lúc xuất quân, một phi vụ oanh tạc đã làm cỏ ngọn đồi. Từng đợt mưa bom trút xuống, đứng ở xa ngó như một biển lửa. Mục tiêu đã được san bằng. Nhưng Trang Thanh a, ngọn đồi nham hiểm kia không hề chịu khuất phục dưới những trận bom bão táp. Các địa đạo, các hầm hố đã làm cho L thất bại, kẻ thù, từ những nơi an toàn đó đã đón tiếp L hết sức quyết liệt, hết sức tàn khốc. Như một mụn ngứa, bom đạn không chế ngự được ngọn đồi, chỉ làm xây xát mảnh da. Sự chết từ những ung nhọt ấy thoát ra chặn đứng sự xâm nhập của cánh quân L. Mười một giờ, máy truyền tin báo cáo địch đã tung toàn lực vào hai đại đội đột kích. Từ trong các hầm hố, địch đã nhắm bắn hữu L như những tấm bia rất chính xác, rất tài tình. L báo cáo xin yểm trợ hoặc cho lệnh rút. Phi pháo bắt lực, bạn và địch đã cận chiến.

Từng người, từng người ngã xuống, từng viên đạn bắn ra, đạn trong không gian những vệt lửa chi chít, L đã thua cuộc. Hai đại đội tán loạn không còn ai điều khiển nổi. Như một cơn hồng thủy, như một trận động đất, bạn hữu của L đã chìm xuống đó.

Trang Thanh yêu dấu,

Chiều hôm sau quân nhảy dù mới kiểm soát được ngọn đồi. Vẫn bị thảm, đêm trước tái diễn. Từng lớp người lại ngã xuống, từng lớp khác lại xông lên. Một giá thật đắt đã được trả, khi xác L được chở về đơn vị để chờ máy bay đem tử thi về, anh mới hiểu L. Chàng chết vì kiệt sức. L bị một viên đạn làm bể một miếng sọ nhỏ bằng mặt chiếc đồng hồ đeo tay. Một cánh tay trái chàng đã bị tiện sát bả vai, văng đâu mất. Trang Thanh ạ, phải nhìn vào đó em mới hiểu thế nào sự chết và sự sống. Giữa chết và sống L đã làm một cuộc vật lộn. Hai mắt chàng mở lớn, trừng trừng như ức một điều gì không thể nào nhắm mắt được. Không thể nào không uất nghẹn, L chết vì hết máu, vì không được đồng bạn tiếp cứu kịp thời. Sự chết khỏi ở kẻ thù, nhưng sự sống mất đi kết thúc do các chiến hữu của chàng. Mảnh sọ văng ra L đã tìm được. Trông năm ngón tay, chàng đập cái tan vỡ ấy vào chỗ mất đi trên đầu chàng. Một hy vọng dù mong manh, cầm cho máu khỏi chảy để chờ quân tiếp viện. Lúc gỡ bàn tay L ra, anh không tài nào gỡ nổi. Tất cả gân lực chàng đã dồn vào năm đầu ngón tay, như một cái kim cho đến tận lực với một mảnh sọ. Bàn tay khum lại, giữ miếng sọ, úp vào gáy chàng. L đã nằm và ôm như thế cho đến lúc không còn giọt máu nào trong cơ thể.

Trang Thanh yêu dấu,
Không bao giờ anh quên được bàn tay và đôi mắt ấy. Nó như một ám ảnh thường trực, như một một tảng đá, lù lù trước mặt anh khi anh bước đi, nếu nhắm mắt mà tiến lên, chắc chắn phải đập cái trán mình vào đó mà nếu mở mắt (một hình thức của chấp nhận) nhìn thì không thể nào vượt qua nổi. Cuộc chiến của chúng ta là vậy. Trước một vực thẳm và tự sát. Đường nào thì anh cũng không muốn, lối giải quyết nào cũng không tốt đẹp, cũng đổ vỡ. Từng giờ, anh biết từng nguồn hy vọng của chúng ta biến đi. Trang Thanh hiểu anh không? Từ những trái bom, từ những mảnh đạn, cái chết tiềm ẩn trong đó, rình chờ, rất bất ngờ và cũng rất êm ái. Dù một ảo tưởng để đạt đến một chiến thắng vinh quang, chúng ta cùng gặp nhau ở một điểm, sự chết. Đúng không các người anh em ruột thịt của cả hai

mảnh đất quê hương. Anh hiểu những kẻ ra đi, dù ở những nơi xa xôi nào tìm đến đều biết như vậy. Bàn tay của L từng móng vuốt ôm lấy thịt da chúng ta, ngắc ngoải. Em yêu. Vũ khí vô tội nhưng chúng ta có tội. Đáng ra quê hương này, đồi núi này phải là những đất đai êm ái cho cuộc sống của chúng ta. Từng làng xóm thân yêu, từng ruộng nương nuôi sống chúng ta đã chối bỏ. Trong một cuộc hành quân khác, anh khai một hầm trú ẩn và đã gặp ba người thanh niên, hai thiếu nữ với những vũ khí. Tất cả đều còn trẻ, thật trẻ, trên dưới hai mươi tuổi trời. Năm người ấy chung nhau một căn hầm chừng hai thước vuông. Họ đã vĩnh viễn ở lại trong đó, với đất của chính quê hương mình? Một trái phá được đặt giữa những người ngồi, đứng vây quanh. Tất cả họ đã tự sát. Hai thiếu nữ nửa phần dưới thân thể đã bị lột trần truồng, nửa phần trên được che bằng một mảnh yếm vải xanh. Tự nhiên, anh hiểu ngay họ là người đồng bào miền Bắc, có thể cùng làng xã chúng ta, họ hàng chúng ta, biết đâu, hai thể xác ấy không mang một tấm thông hành quê ở Hà Đông hay Phú Lý. Đọc đến đây chắc em nghĩ ngay đến một cảnh tượng dâm ô nào đó trên phim ảnh, một cuộc hãm hiếp chẳng hạn. Không phải chuyện giản dị như vậy. Hai thiếu nữ, có thể với bản năng sinh tồn nào đó, họ đã muốn sống, đã muốn thoát lên khỏi miệng hầm theo lời dọa nạt và kêu gọi của bọn anh vẫn làm khi tìm ra một căn hầm bí mật. Nhưng ba người thanh niên chắc không muốn thế. Chắc họ muốn tụi anh làm tướng gian hầm đã được bỏ hoang và dưới đó chỉ có một chiến công nào đó với tụi anh. Họ đã cưỡng bức hai thiếu nữ ở lại với họ để giấu kín sự bí mật. Tính e thẹn của phụ nữ đã được dùng đến, hai mảnh quần đã được lột ra bằng vũ lực để hai thiếu nữ không còn tính chuyện đến trước một đám đông bọn anh mà họ đã từng được tuyên truyền là tàn bạo và dâm ô. Họ đã ở lại với các chiến hữu của họ cho sự bí mật được an toàn.

Trang Thanh yêu dấu,

Một trái khổi cay được liệng xuống, rồi hai ba trái khổi liên tiếp mù mịt cả miệng hầm. Thật lâu, anh chưa nhận

được một hiệu quả nhỏ nào của những hơi cay, có người chui ra chẳng hạn. Rồi một tiếng nổ từ dưới hầm vọng lên, tiếng nổ thật ngọt tan loãng trong những tiếng súng của quân bạn. Trang Thanh hiểu chứ. Cuộc chiến của chúng ta rất nhiều hình thái, rất nhiều bất ngờ. Sao cái chết lại không xảy ra trong một lũy tre làng nào đó, một cái chết bệnh tật, một cái chết già yếu, có cha mẹ anh em, có bà con làng xóm, một cái chết được khóc than, đưa tiễn, cái chết để lại cho người còn sống một hình tượng như nắm đất an ủi biết bao nhiêu. Nhưng cái chết đã diễn ra ở một làng xóm xa xôi, ở một núi đồi heo hút, trong rừng thẳm âm u, trong một căn phòng chật hẹp, như một định ước, cùng bước tới, cùng gặp mặt và cùng mãn nguyện.

Trang Thanh yêu dấu,
Cái chết mạng cho người mẹ buồn rầu, người vợ khổ đau, đưa con thiếu thốn. Từng đêm Trang Thanh khóc à. Khóc có được gì đâu? Súng đó, đạn đó vẫn nhắm bắn từng phút từng viên. Đã hàng ngàn hàng vạn người khóc, nhưng cái gì đã mang lại, cái gì đã mất đi? Trước chúng ta đã có những người nằm xuống cho một lý tưởng nào, chúng ta đang đợi chờ cho một danh nghĩa nào và sau chúng ta lớp lớp sẽ nằm xuống cho một hận thù nào? Em yêu, giữa quê hương và tình đồng bào không có hận thù. Chúng ta chết đi không lý do.

Em yêu. Có những điều em không bao giờ hiểu nổi chính anh, người mang danh là đang tham dự cuộc chiến này, cũng không hiểu nổi. Chiến tranh thật là kỳ cục và cũng thật là ngu muội. Như một con vật điên khùng nó lăn xả vào bất cứ vật gì, không đắn đo suy xét. Nó làm những điều người ta muốn tránh nghĩa là nó đi ngược lại tất cả. Trong một cuộc càn quét, nhà cửa được phá hỏng bằng lửa đỏ. Lửa bao quanh xóm làng mù mịt. Đến trước một căn nhà có bàn thờ Phật, người lính lưỡng lự. Phải kiếm một ngôi chùa nào đó để pho tượng vào rồi mới được đốt, anh bảo thế. Để bảo toàn tính mệnh, một sợi dây được cột vào cổ pho tượng. Lạy Phật, điều xúc phạm chúng con không

bao giờ muốn, nhưng phải có phương cách an toàn. Tìm một chỗ nấp, người lính kéo sợi dây, pho tượng được nâng bổng lên, đu đưa như một món hàng mà thường ngày chúng ta vẫn thấy nó treo lủng lẳng trên sợi dây của cần trục ở bến tàu. Không có tiếng nổ. Anh thở phào nhẹ nhõm. Lạy đấng Từ Phụ, xin tha tội cho chúng sinh. Em biết không, ngay sau khi pho tượng được mang đi, cần nhà bùng lên như một ngọn đuốc. Nếu mẹ đọc những dòng này mẹ sẽ ghét anh lắm phải không em? Anh cũng chả biết nói sao. Có điều, khi pho tượng được mang xuống, anh nhớ mẹ vô cùng. Có thể nói giờ đó, bên quyển kinh, cái mõ, trước bàn thờ khói nhang nghi ngút, thật tôn nghiêm, mẹ đang cầu Trời Phật cho đứa con đang xông pha ngoài mặt trận. Lá thư trước gửi cho anh, em bảo: “Từ ngày anh lên tiền đồn, em bỗng trở thành người ngoan đạo một cách thành khẩn. Tối nào em cũng cùng mẹ làm lễ cầu an cho anh. Mẹ bảo, con trai của mẹ vất vả và nguy hiểm quá, phải lễ bái luôn cho nó thì mới tai qua nạn khỏi (Mẹ vẫn gọi anh là con trai đó. Sướng chưa!) Có lúc, hình như nhớ đến Ba, mẹ khóc và em cũng khóc. Đàn bà dễ khóc nhất phải không anh? Làm đàn bà con gái khổ quá anh ơi. Mẹ đã khóc cho Ba không biết bao nhiêu lần. Lạy Phật, em yếu đuối quá.”

Trang Thanh yêu dấu,

Chúng ta đã khóc một lần khi từ bỏ quê hương ra đi. Anh biết nỗi xót xa ấy chưa vơi trong lòng mẹ, nó như một nhắc nhở, khắc khoải trong tâm can tuổi già. Thật tội cho mẹ. Đáng ra với tuổi mẹ một lũy tre làng, một phiên chợ, sẽ âm cúng biết mấy. Cái tuổi gần đất xa trời luôn luôn nghĩ về cội rễ. Anh hiểu tại sao mẹ lại thương anh.

Em yêu, tất cả niềm tin của chúng ta đã mất, chẳng còn gì ngay cả phần đất còn lại trên quê hương này. Nếu một lần nào đó theo đoàn tiếp tế em lên đây, em sẽ nại lý do là em chịu vất vả được miễn là ở bên anh. Không phải giản dị như thế. Đúng ra có những điều mà đàn bà con gái không bao giờ nên nhìn và nghe thấy. Cứ giả dụ có em lên đây, anh sẽ cho em biết đâu là đất đai, làng xóm của đồng bào

mình. Có những cánh đồng chỉ một màu xanh của cỏ, nham nhở những hố bom và đạn, không một dây khoai, không một hạt đậu, không một cây lúa. Có những cánh đồng em sẽ đi cả buổi không gặp một cọng ngũ cốc. Anh không nói thêm. Ruộng đồng hoang vu, không có người cấy cây. Làng xóm không có người, không một lửa khói từ những mái nhà còn lại. Từng bờ tre, từng túp lều xơ xác sau những cơn mưa bom đạn. Có những thôn làng khi hành quân qua anh chỉ thấy toàn những ông bà già cả và trẻ thơ. Không có bóng dáng của phụ nữ, thanh niên. Em hiểu họ đã đi đâu chứ. Đoàn quân như không đối thủ trước những đối tượng đầu tóc bạc phơ và trẻ con vô tội, nhưng chính sự chết đã nằm sẵn trong đó khi đoàn quân vượt qua. Cái nguy hiểm của cuộc chiến chúng ta là không tìm ra đối thủ. Có thể địch ở trước mặt, ở sau lưng, từ dưới lòng đất mà chúng ta không thấy, nhưng sự chết thì rình chờ.

Từ những làng xóm hẻo lánh nào đó trên quê hương này, từ những đất đai xa xôi trên những phần khác, chúng đã đến cả đây, mảnh đất còn lại này, để đổi lấy một điều gì. Ai hiểu không? Một mảnh đất đã chia hai, núi sông đã đau xót, nhỏ lẻ, còn lại gì mà ghét nhau nữa, phải không em. Đừng ai nghĩ anh có tinh thần chủ bại. Mọi hình thức gán ghép chỉ là mồm mép và nguy tín. Không đem lại gì cho phần đất của tổ tiên này.

Trang Thanh yêu dấu.

Tết này gửi gì lên cho anh đây. Một ký mứt, một gói hạt dưa, một hũ hành, những thứ đó hồi còn nhỏ chúng mình rất nô nức thêm muồn trong những ngày cuối cùng của năm. Giờ đã xa cả rồi. Anh phải ngưng đây, em yêu. Lệnh hành quân của tiểu đoàn vừa đưa xuống. Viết một lá thư cũng dở dang, em sẽ nghĩ thế. Đừng trách anh Trang Thanh ạ, lệnh là vậy. Có những lúc vừa ăn, vừa đi vừa ngủ vừa lê suối trào dềo, thì ngồi viết được một lá thư, dù dở dang cũng là điều đáng quý. Em sẽ nghĩ ngay đến hình ảnh của ba-lô, súng đạn, cơm nắm và thuốc muối. Kìa rồi, đoàn trực thăng chuyển quân đã tìm bãi đáp do những trái khói

màu. Lần này hành quân xa. Mục tiêu, đòi A.T, một ngọn đồi máu, lửa mà trước đây một tháng anh đã tham dự ở một cánh quân tiếp viện. Anh em chúng ta, ruột thịt chúng ta, đã nằm xuống, ở đó, từng lớp, từng lớp. Anh ngừng nghe. Cho anh gửi lời thăm mẹ.

*

Tổng Y Viện Cộng Hòa ngày...

Em yêu dấu,

Em ngạc nhiên lắm phải không khi nhận ra kbc của ngoài phong thư: Phải, đúng là kbc 4600, nơi đã hơn một lần em đến đó với những giỏ cam, những lời an ủi, dù lần đó tiếng là nằm bệnh viện nhưng anh chỉ bị thương xoàng ở tay. Một mảnh đạn của một trái phá găm vào trong buổi thực tập. Một số bạn anh đã chết cho một chuyện rủi ro. Anh đã nghe sái lòng ngay từ ngày ấy. Trang Thanh lại an ủi anh: “Ồ quân trường mình bị xui rồi, ra đơn vị chỉ gặp may thôi”. Anh mang lời an ủi ấy trên khắp các mặt trận từ rừng núi cao nguyên xuống đồng bằng ven biển, ở đâu anh cũng gặp may thật. Rất nhiều lần tử thần chỉ chờ anh trong gang tấc nhưng anh đã qua khỏi và anh vững tin cho đến bây giờ thì ...

Em có hiểu gì không? Có nhận được lá thư thật dài anh viết chưa có đoạn cuối không? Lá thư đang viết dở dang thì có lệnh hành quân trực thăng vận ấy? Đây, chính lá thư ấy nên hôm nay Trang Thanh lại thêm những dòng này từ cái kbc mà anh nhớ em đã đùa bảo, không muốn nhận thư từ nơi ấy nữa, nó xui lắm. Chẳng biết có thật là nó xui hay không? Em cứ bình tĩnh mà đọc nhé: không có gì bi đát lắm đâu. Anh vẫn còn có thể cầm bút viết được những dòng chữ này, thì còn là điều may mắn. Em phải nghĩ như thế. Từng ngày trên mảnh đất thân yêu này biết bao nhiêu người vĩnh viễn không thấy mặt nhau, anh dù có phải nằm đây, với một thương tích nào đó trên mình, trên tay chân chẳng hạn, cũng còn có phước lắm, phước đức ông bà để

lại để bây giờ mình chỉ bán vớt đi một ít máu, một ít xương thịt, cũng chưa hại gì. Nay đừng có hoảng lên nhé, anh biết cô đọc đến đây chắc đã khóc rồi. Chắc lại vừa nhớ ra hình ảnh một cặp nặng, một bên cánh tay chỉ có tay áo buông rũ. Đừng vội gán ghép cho những thứ đó. Cứ nhẫn nại đọc đến đâu sẽ hiểu đến đâu. Anh biết còn biết bao nhiêu người vợ, người mẹ mong được nhẫn nại như thế, nhưng đã không đến với họ. Từ lúc vào đây anh cũng đã có sự an ủi, và ngay cả những chiến hữu đã nằm ở đây cũng đều có sự an ủi như thế - không biết đó có phải là sự lừa dối mình không - anh còn có phúc hơn biết bao nhiêu người khác. Vào nằm đây, còn có thể viết những dòng chữ này kể như là khỏe rồi. Ít ngày nữa, hoặc ít tháng nữa anh sẽ ra hội đồng y khoa phân loại để làm việc nhẹ, chỉ làm việc nhẹ thôi, nghĩa là lại trở về với bàn giấy, với sai bảo, với phiên toái, giã từ vũ khí. Nằm được cái giấy phân loại này kể như mình không lo sinh nghề tử nghiệp mà chỉ có thể vì tai nạn thông thường nào đó mới có thể làm cho anh chết đi, nhưng anh hiểu trong số các tai nạn rủi ro ấy còn hiếm xa những cảnh chết chóc trên chiến trường. Đọc tới đây, em thấy nhẹ nhõm rồi phải không? Nhưng mà...

Trang Thanh yêu dấu,

Bây giờ anh bắt đầu kể lại để cô bé hiểu nghe. Như em đã biết, lá thư anh viết đến đó thì được lệnh lên đường. Anh chả hiểu cái gì khẩn cấp đến thế mà bọn anh chỉ trong nửa ngày nữa có thể thông thả ăn chơi trong hai mươi bốn giờ. Giờ hưu chiến đó. Chỉ còn vòn vẹn có 5 tiếng đồng hồ nữa thôi, anh sẽ được hưởng một chút thanh bình cho dù là thanh bình giả tạo ngắn ngủi. Nhưng cái điều nhỏ nhỏ ấy cũng không đến nữa. Súng trên tay, ba-lô, gạo trên vai, rồi bản đồ địa bàn, anh đã từ thân tàu nhảy xuống trên một chiều cao gần ba thước, phía dưới là gì em cũng biết rồi. Chúng ta đã có bao nhiêu cuộc thanh bình giả tạo như thế?

Đôi A.T, ngọn đồi mà anh đã nói qua trong lá thư trước nhưng anh quên một điều, không, không phải anh quên mà anh thấy có nói cô cũng chả hiểu, vì nó không phải là điều

quan trọng đối với con gái, nhưng đó lại là vấn đề sinh tử đối với bọn anh. A.T là ngọn đồi chiến thuật. Anh có nói hết ra đây cô cũng chả cần hiểu nó chiến thuật ở chỗ nào, chỉ có anh mới là điều hệ trọng phải không? Đừng mỉm cười bảo anh là tự cao nhé. Anh biết rõ điều ấy mà. A.T, ngọn núi cuối cùng của dãy Trường Sơn, đứng cô độc, dân quanh vùng còn gọi nó với một cái tên dịu dàng lắm Núi Mồ Côi. Phải, nó mồ côi thật em ạ, nằm giữa 3 ngã đường, một dốc đèo khởi đầu lên cao nguyên, một thung lũng dài có con đường dẫn xuống cánh đồng bát ngát, và một nẻo đâm thẳng với con đường xương sống của đất nước. A. T quan trọng là nó nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, phía dưới và từ đó nó có thể nhìn mặt cũng như ngăn chặn các toán quân từ ngã biên giới muốn xâm nhập vào vùng đồng bằng. Cả ta và địch đều thấy cần phải chiếm A. T, vì thế một đơn vị đã được trấn giữ ở đó, và Trang Thanh đã hiểu, hơn một lần anh đã lên đó giải vây. Địch thường dùng chiến thuật biến người ở ồ ạt làm cò A.T để sau đó với hy vọng chúng sẽ kéo quân xuống các tỉnh lỵ phía dưới, nhưng chỉ sau vài giờ thất thủ, A.T đã anh dũng được giải vây bằng máu của các chiến sĩ. A.T không thể nào mất được. Mất A. T cả phần đồng ruộng phì nhiêu phía dưới sẽ lọt vào tay bọn chúng. Chúng chỉ chờ A.T ngã gục là tiến lên, nhưng A.T anh hùng quá và anh đã nói A.T có đôi lần thất thủ. A.T đã vui dưới chân nó cả hàng ngàn tên giặc và cũng hòa trong lòng nó rất nhiều chiến hữu của chúng ta.

Trang Thanh yêu dấu,
 Từ 3 giờ sáng địch đã ồ ạt tấn công A.T sau khi đã pháo kích những đạn nặng nề và trúng đích nhất từ trước đến nay mà chúng đã dành cho A.T. Một đại đội, đội bảo vệ A.T, không thể chịu đựng với sức mạnh gấp 8 lần nó. Cộng quân đã dùng 2 tiểu đoàn chủ lực với sự yểm trợ của một đại đội Sơn pháo, nhất loạt hướng về A.T. Sau 3 giờ giao tranh bằng tất cả sức lực và kiên trì, các chiến sĩ của chúng ta đã phải bỏ A.T cho địch tạm chiếm để chờ quân cứu viện. A.T quả như một con đĩ đắt giá, địch không thể không chiếm A.T, ta cũng không thể bỏ A.T và ngay 6 giờ

sáng hôm sau, một đơn vị thiện chiến của chúng ta đủ uy dũng nhảy từ trên đầu A. T xuống. Chắc em hiểu sự gì đã xảy ra rồi. Đơn vị bách chiến bách thắng ấy cũng không làm cho A. T vinh dự. Sau 7 giờ ác chiến A.T vẫn nằm trong lòng địch. Em phải hiểu là đơn vị của chúng ta chưa bao giờ chiến đấu hào hùng đến như thế. Anh chắc là vậy và cho đến khi đơn vị anh từ trên trực thăng nhảy xuống đầu A.T...

Trang Thanh yêu dấu,

Đừng có hồi hộp quá, bác sĩ đã bảo tim của em không được bình thường, cảm xúc dễ bị ngắt xui đấy. Hãy cố gắng giữ bình tĩnh để đọc hết lá thư, đọc rồi kể lại để mẹ mừng. Chỉ còn có năm giờ đồng hồ nữa anh có thể tạm yên, ngủ ngon một giấc để không nghe tiếng pháo kích, để không nghe tiếng đạn đại bác của mình bắn đi quấy rối. Anh quên nói ở đây tại anh thường ăn ngủ trong các đường hầm vì địch có thể pháo kích cả ban ngày, còn ban đêm thì chúng đánh trống cầm canh mà. Khi từ trên đầu A.T nhưng họ không tiến lên được. Đành phải rút xuống lưng chừng đồi. Và phi pháo lại được rót vào A. T những trái bom lớn nhất. Những trái Napalm đỏ ngút trời, ở xa nhìn A.T chỉ thấy lửa và khói, không ai có thể ngờ trong nó lại còn biết bao nhiêu con người vừa để cố thủ chờ chết, vừa vinh quang tiến lên tái chiếm cho kỳ được. A.T bị cày nát, nhưng A.T vẫn là cái lò sát sinh nguy hiểm, vì địch không có đường rút chúng được lệnh phải cố thủ A.T và chúng đã điên cuồng làm việc ấy để chỉ một hy vọng được chết sớm hay chết muộn.

Trang Thanh yêu dấu,

Anh hiểu rõ các chiến hữu của anh. Họ đã dành tất cả quyền sống cũng như sự khôn ngoan của họ cho A.T. Bọn giặc đã điên rồ cho mục đích của chúng để đưa quân xuống đồng bằng, lên vào các thôn xóm đào đường, giạt cầu. Các anh có nhiệm vụ phải phá vỡ cái dã tâm ấy. Và bây giờ thì em hiểu chứ, A.T ở trước mặt anh, một biển lửa mênh mông, khói cao ngút trời, anh làm sao có thể không vương

vấn cái lò sát sinh ấy, chỗ này một cái đầu bể nát lia khỏi thân mình, chỗ kia một cùm tay cùm chân treo lủng lẳng vắt vẻo trên các hàng rào thép gai, trên các bụi bờ. A.T đúng là cái lò sát sinh thật. Với lực lượng gấp tám lần đơn vị cố thủ, chúng ta thanh toán đơn vị này trong cực nhọc và bền chí, nhưng chúng không thể cố thủ với bom xăng, với đạn nổ trút trên đầu chúng từng phút từng hàng trăm quả. Dù cho một mưu đồ gì, tự ở lại để cố thủ A.T, chúng đã tỏ ra mất trí và hy sinh nhân mạng một cách oan uổng. Khi anh đặt chân lên A.T, chả hiểu lúc đó có phải là giờ phút vinh quang của một chiến sĩ không, anh hiểu A.T đã có một cái giá quá đắt. Hầu như địch đã bị tiêu diệt gần phân nửa khi chạm trán với đơn vị thiện chiến từ sáng sớm của chúng ta và phi pháo đã làm cái nhiệm vụ thanh toán nốt chỗ còn lại. Khi anh để bàn chân thân yêu lên A.T thì các tên giặc chỉ còn kháng cự trong tuyệt vọng. Từ trong các giao thông hào, xác chúng nằm ngổn ngang. Từ trong các hố cá nhân, chúng bắn lẻ tẻ vào bọn anh. Anh làm sao có thể nói cho Trang Thanh hiểu chiến trận nó khốc liệt như thế nào nhỉ? Trang Thanh chỉ biết vấn tất thế này: xác bạn anh và xác giặc đã chồng chất lên nhau, quanh A.T. Anh và các bạn thanh toán từng vị trí, chiếm từng mô đất, từng giao thông hào cho đến khi ...

Trang Thanh yêu dấu,
 Bây giờ anh nằm đây, Tổng Y Viện Cộng Hoà, Trang Thanh đã biết việc gì đến với anh rồi chứ, đến từ những mô đất, từ những giao thông hào ấy, đến từ viên đạn nào trên cây súng của kẻ thù, một viên đạn đã phá ngang bàn chân trái của anh. Lúc anh nghe nhức nhối thì vừa kịp ngã xuống và anh mơ màng còn nghe một tiếng nổ gần, ngay sát bên tai và anh thiếp đi. Trang Thanh hiểu gì không, chính lúc ấy là lúc phúc đức nhất đã đến với anh, anh nghĩ như thế. Vừa ngã xuống một giao thông hào, một trái lựu đạn đã tung vào đúng chỗ anh đứng, nhưng anh đã ngã xuống nên trái lựu đạn nổ ngang trên đầu và anh thiếp đi. Nếu một giây trước đó nó đã không đến, bằng cả một trái phá như vậy, thân thể này sẽ tan vỡ từng mảnh và hình ảnh

của chiếc Poncho lại thông dụng với chiến sĩ các anh lúc đó. Với chiếc Poncho, khi sống chiến sĩ làm áo mưa, lều che sương gió, làm phao để qua sông, nhưng khi một trái phá làm banh xác họ, thì nó là tấm vải liệm tiện lợi nhất. Ôi cái lỗi tiện nghi thật là tàn nhẫn.

Trang Thanh yêu dấu,

Em có nhận ra đó là giây phút an ủi nhất của cuộc đời không? Anh chỉ đi trên sợi giây mong manh của tử thần. Nếu không có viên đạn bắn vào chân làm anh ngã xuống, Trang Thanh chắc phải khổ rồi, mẹ chắc không sống nổi, phải vậy không? Thiệt ra trong chiến tranh, cái làm chết con người thật dễ nhưng anh tin còn một phút may mắn nào đó mà mình có thể vượt qua dù vô tình, như anh chẳng hạn. Giờ em yên tâm rồi chứ? Anh đã bảo từ đầu cứ bình tĩnh mà đọc, không có gì bi thảm lắm đâu dù chung quanh chúng ta hằng giờ hằng phút bị đất vẫy quanh như một mảng lưới khó mà thoát ra được. Có một điều anh vẫn còn áy náy, phải chi cái giây phút đó nó không đến, như bao lần khác anh đều tai qua nạn khỏi. Em có cho là số mạng không? Chỉ năm giờ đồng hồ nữa anh có thể tạm ngủ yên, gác súng, nhưng năm giờ ấy đã không đến. Đó có phải là điều ân hận lắm không? Bằng viên đạn ấy anh đã tránh được một trái phá và khỏi cần đến cái Poncho, chắc cô bé vui rồi phải không? Cho đến bây giờ, viết những dòng này cho em, anh vẫn cảm thấy vui mà không phải một điều oán trách dù chỉ quá năm giờ sau đó, chắc là anh đã không nằm đây. Nhưng Trang Thanh hiểu không, anh bảo mình còn phúc là có lý. Cũng chỉ trong những gang tấc, một số bạn hữu của anh đã bỏ mạng. Một người cầm lệnh kêu về trình diện quân đoàn để phục vụ tại phòng tâm lý chiến, trước giờ lên đường, cũng chỉ có nửa ngày, đơn vị hành quân. Người bạn đó đã trở về với một cái chân còn lại. Một trái mìn trên đường đi đã cắt đứt một chân bên phải của anh. Cũng một người bạn khác, sáng hôm sau trở về nguyên quán vì được lệnh giải ngũ, đêm hôm đó đã lãnh nguyên một trái pháo kích. Vậy! Cái chết có phải chỉ chờ chúng ta trong những giờ phút như vậy không? Tại sao trên khắp

các chiến trường anh chưa hề gì mà chỉ còn vài giờ nữa kẻ như tạm yên, viên đạn ấy nó đã đến bàn chân anh tuy không phải vút đi một cái chân nhưng ít ra thịt xương và máu anh đã mất? Nghĩ như vậy và anh không còn thấy ân hận gì cả Trang Thanh ạ.

Em yêu dấu,

Anh đã bảo trên đất nước chúng ta có hàng trăm ngàn nỗi bi thảm nó đến rất tình cờ như vậy, mình không thể nào thoát ra được. Bây giờ còn một nguồn vui duy nhất, Trang Thanh vẫn là của anh và chắc trong ít tháng nữa anh sẽ xuất viện với một mảnh giấy làm việc nhẹ. Bốn mạng anh đã nằm trong đó. Hãy chấp nhận như vậy đi. Âu cũng là ân sủng mình đã theo đạt được. Cảm ơn Trời Phật đã dành cho anh chút phần thưởng đó. Phải không Trang Thanh?

Anh ở đây cũng thấy buồn, thấy nhớ các bạn hữu của anh. Có thể ngay giờ phút này, trên một ngọn đồi, một khu rừng, một xóm nào đó, một cánh quân đang tiến lên, trong lửa đạn ngàn ngút và biết đâu, chả còn những người kém may mắn hơn anh cần một chiếc Poncho chẳng hạn. Trang Thanh cứ vui đi nhé. Cũng nên nói rõ để mẹ mừng. Từng đêm, tóc mẹ vốn đã bạc, đang rụng nốt những sợi còn lại. Thật khổ tâm cho mẹ. Chúng ta sinh ra, sống cho những điều đau khổ ấy. Anh ngừng ở đây. Nhớ gửi quà Tết vào cho anh.

XI-67

(trích Văn Học- vì mất bìa, nên không biết số và ngày phát hành)

Sơ lược tiểu sử:

Tên thật: Trần Hữu Huy, sinh năm 1943 tại Bắc Việt. Vào Nam năm 1954. Cựu sĩ quan QLVNCH. Khởi viết năm 1964. Mất năm 1990 tại Hóc Môn.



Y UYÊN

Bão Khô

Chợ ở khúc quẹo của con đường dẫn từ ngoài lộ vào giữa làng. Ở chợ nhìn ra, mặt lộ cao bằng những mái tranh lụp xụp dưới chân lộ. Con đường chạy lên lộ mấy năm trước lút bị nước phá bây giờ lởn ngổn những cục đá xanh. Những chiếc xích lô đón lính Mỹ lắc qua lắc lại vất vả mới vào tới chợ. Buổi sáng chợ họp lẫn ra cả ngoài đường, trên lộ nhìn xuống thấy một hàng dài những người quần áo đen nón lá san sát lấp lánh. Trưa đến, trên đường thỉnh thoảng mới có một chiếc xe xích lô buông mui dập dình hoặc một chiếc xe nhà binh sao trắng âm ỉ chở nước xuống bãi cát bên kia con đường làng.

Trời cao nắng bỏng mặt đá ra đường lộ, mặt cát đường trong làng. Bụi cuốn từng cơn đột ngột xoay tròn trên đường, tan vào bụi tre rậm. Chợ trống trơn mái tôn mới sáng lóa. Mấy con chó lẫn quần trong chợ, lưỡi thè ra thờ. Trước mặt chợ, sát bên đường, một dãy lều tranh mái lồm đồm hoa sần đông màu tím nhạt. Có vài người đàn bà ngồi bán những mẹt mận, ổi choắt cheo, bán bánh, đồ uống. Mấy chiếc xe xích lô quay đít ra chiều gió, đậu rải rác dưới những bóng cây. Những người phu xe nằm trong lòng xe vẫn thuốc hút hoặc ngủ lơ mơ. Đối diện với dãy lều, bên kia đường, tấm bảng gỗ hình mũi tên chỉ vào một mái nhà lợp rạ sau bụi tre với mấy chữ nguệch ngoạc “Laundry number one” chốc chốc lại khua lúc lắc lưng chừng một thân cây gòn cụt ngọn. Đường làng bên hông chợ mát hút sau những rặng cây trũng điệp. Bên kia đường, dưới sâu là bãi cát với làn nước cuối dòng sông tù hãm lấp lánh, với những chiếc xe sao trắng bên những chiếc lều màu cỏ thấp sát mặt đất bên những ruộng mía xanh non mới mọc. Một chiếc xe ba bánh bán giải khát có mui viền tua vàng rực rỡ, thùng xe kẻ đầy những chữ “Refreshment” nép khuất vào một bụi tre trên con dốc xẻ xuống bãi cát. Gió thổi từ bờ bề xa về lâu lâu lại ào lên như một hơi thở hắt.

Từ một lối rẽ sau rặng cây trũng điệp, một bọn học trò con

trai con gái hiện trên đường làng. Chúng đeo trên vai, xách trên tay những gà-mèn, những mo com, vừa đi thơ thần, vừa đọc cho nhau nghe những lời sấm truyền về tai họa sắp xảy ra ở vùng này. “Ngày hai mươi ba tháng ba năm Bình Ngô tới đây kể từ lúc trăng lên khỏi đám mây ngũ sắc ngoài mặt biển, trời đất không còn ngày đêm. Bốn phương mờ mịt âm u, ngang trời có khói màu đen bay tới đâu nghe có tiếng than khóc tới đó, núi phía tây tinh tú sa xuống tận mặt đất bốc cháy thành lửa. Cây gai lười long thây lớn lên gấp năm gấp sáu mọc chật đường, chật ngõ, bông gai thây thây nở thành bông lan, người tu hành mới hửi được hương thơm. Gà không còn gáy, chó không còn sủa, ngoài đường đầy beo cạp yêu tinh. Kẻ ăn chay làm lành thì biết đóng cửa ở trong nhà, kẻ không tin thần tin quỷ thì chẳng đặng ngồi yên, lòng như có than hồng lửa đỏ, ra đứng trước nhà mà chịu chết thảm. Như kẻ nào mà đọc được lời dạy này biết sao thành ba bốn đưa cho người khác thì cũng đỡ phần tai họa”.

Bọn trẻ kéo ra tới chợ, vào những túp lều bỏ trống dỡ com ra ăn. Mấy con chó lại gần chúng ngồi thè lưỡi châu chực. Ăn xong chúng xúm lại bên đũa trẻ có tờ sấm ngồi bệt xuống đất vây quanh một cái phán bán hàng lâm râm đọc và cậm cụi chép. Những cơn gió ào lên đứt quãng bị bờ tre bên kia đường cản lại nhưng vẫn thổi rạt được mấy ngọn sâu đông bên này. Những tờ sấm trên mặt phán gỗ trong lều rắc đầy những hoa tím nhạt. Vài đũa chép xong ép giấy sấm vào sách vở lại mấy gian lều bán hàng phát cho mấy người đàn bà, ra đường bịt mũi giả tiếng Mỹ làm mấy người phu xe choàng tỉnh, đưa sấm cho họ. Chỉ còn người bán giải khát bên cái xe ép vào bụi tre trên dốc cát. Chúng ủa chạy tới, đưa nọ sợ đưa kia giành mất. Người bán nước bỏ đi đâu, chiếc xe thì đầy bụi, lớp tua vàng viền bên mui thì đập phàn phật. Thấy một thằng bé ôm một mẹt hành đứng vờ vờ nhìn xuống trại lính dưới bãi cát, bọn trẻ nhào tới. Thằng bé giật mình quay lại hai tay vòng chặt quanh mẹt hành. Một đứa con trai gỡ bàn tay nó ra nhét tờ giấy vào, một đứa con gái sẽ sàng đặt tờ giấy trải rộng lên mặt cái mẹt. Thằng bé hốt hoảng vứt mấy tờ giấy xuống mặt

dốc:

-Tôi không biết chữ, không đọc được truyện đơn.

Đứa học trò con trai chạy lượm tờ giấy chia trước mặt thằng bé:

-Mày không đọc được thì mang về cho cha mày đọc, lời thần dạy mà mày.

-Tôi không có cha.

-Mày nói láo. Bộ gà vịt chúng đẻ ra mày chắc?

-Tôi cũng có cha mà cha tôi chết rồi.

Thằng bé vừa nói vừa ôm mệt hành đi. Đứa học trò chạy theo nhét vào túi áo nó. Thằng bé dừng lại nhìn mấy đứa học trò, có vẻ không hiểu. Bộ mặt cháy nắng của nó ửng lên. Nó móc túi rút tờ giấy xuống đường:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Mấy đứa học trò nhao nhao bảo nhau:

-Thằng bán hành phách lối.

Đứa học trò lượm tờ giấy rồi chỉ mặt thằng bán hành.

-Có thiệt mày không cầm?

Thằng bé bán hành nhìn bọn trẻ, giọng bối rối:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Đứa học trò bật lên một tiếng chửi, cả hai bàn tay móc vào mệt hành giật xuống. Những củ hành vỏ tía, những trái ớt, trái chanh rơi vung vãi bắn vào bụi tre, lăn xuống dốc cát.

Mắt thằng bé bán hành mở lớn, môi cắn chặt. Nó nhào sang bên kia vệ đường, lượm một cục đá. Lúc ngẩng lên, nó thấy bọn trẻ bên này đứng rải rác bên những bó hành. Đứa học trò gây với nó đá vào cái mệt trở sang:

-Mày mà chọi đá, tui tao bẻ gãy cẳng, giậm nát cái đống hành này. Chọi thử coi.

Thằng bé bán hành lưỡng lự trông sang, tay vẫn nắm chặt cục đá. Bên này, bọn trẻ nhìn nhau cười. Một đứa vạch quần tiểu trên những bó hành. Thằng bên kia nhìn ngược nhìn xuôi. Thấy từ phía đầu đường có một người đi lại, nó cầm cục đá chạy sang húc đầu vào bụng thằng học trò cầm đầu. Đứa học trò bất ngờ lộn nhào xuống dốc nhưng những đứa kia đã xúm lại. Thằng bé bán hành bị đè xuống đất, cục đá nơi tay bị đánh văng đi. Những quả dấm đập tới tấp trên mặt nó. Đứa học trò từ dưới dốc nhảy lên lượm lấy

cục đá nhào vào:

-Đập nát ống chân nó ra nó mới sợ.

-Đề tao tiểu lên mặt nó coi nó làm gì tao.

Một đứa khác kêu. Người mà thằng bé bán hành thấy ở đường đã đi tới. Đó là một người lính râu lởm chồm, lệch vai. Bọn trẻ thấy có người vội vàng ùn ùn bỏ chạy. Thằng bé bán hành chống tay ngồi dậy nấc lên khóc. Người lính dừng lại hỏi:

-Chuyện gì đó?

-Tụi nó muốn bẻ gãy cẳng tôi.

Người lính cúi xuống nhìn những vết sưng trên mặt thằng bé. Anh ta dùng hai tay mở nút áo nó, nhìn vào trong xem xét rồi sờ nhẹ lên hai cẳng nó:

-Có nhức không?

-Không.

-Vậy thì chưa hề gì.

Người lính kéo ống quần lên, rút trong ống quần một lưỡi dao sáng loá, một tay đỡ lấy ót thằng bé, một tay cầm dao lấy sống giáp giáp trên những vết sưng nơi mặt nó. Thằng bé nhắm mắt lim dim. Thỉnh thoảng lại nhăn mặt, rên nho nhỏ. Nó thuật lại chuyện cho người lính nghe. Lát sau, người lính nhét dao vào ống giày, cúi xuống ôm lấy hai bên nách nó đưa người nó đứng lên. Nó khập khiễng xuống dốc lượm lần những quả chanh, quả ót, bó hành.

-Không hề gì mà.

Người lính nói và đứng sát vào bóng tre.

-Mây ở làng này?

-Tôi ở làng Hoà Mỹ.

Người lính nhìn xuống những túp lều dưới bãi cát như tìm kiếm.

-Mày tới đây chi?

-Đổi hành cho lính Đại Hàn lấy đồ hộp, thuốc hút rồi bán lại cho mấy người trong chợ. Bữa nay cầm không được tới hàng rào tới giờ vẫn không có người đổi.

Người lính trở xuống bãi:

-Dưới này cũng có Đại Hàn?

-Đại Hàn ở đồn ngoài lộ.

Người lính thè lưỡi liếm hai bên ria mép, bật nút áo ngực

kéo cổ áo ra sau gáy, ngoắc tay ra gãi. Dáng người lệch vai của anh ta nhích mãi xuống bờ dốc cát, bóng anh ta nhích dần ra khỏi bóng tre. Thằng bé bán hàng ngừng lên tò mò nhìn anh ta. Đường như anh ta vừa cất tiếng chửi tục. Anh ta móc túi lấy một điều thuốc ngậm miệng, vừa quẹt lửa vừa lùng bùng hỏi:

-Nghe nói ở đây có chiếc xe đồ Vạn Hưng bán đồ uống cho Mỹ mà sao không thấy?

-Bữa nay chưa thấy tới.

Người lính nhìn thằng bé lê trên mặt đất với cái mệt trước mặt.

-Mày có biết mấy người con gái bán trong xe đó không?

Thằng bé lắc đầu chỉ cho người lính thấy vùng đất bên dưới dốc ngồn ngang những vệt bánh xe.

-Làm sao thấy mà biết. Cửa xe có vải đỏ che kín, đậu dưới đó ai mà dám xuống.

-Con đi.

Tiếng người lính nguyên rủa giận dữ. Anh ta bỏ đi vào phía chợ. Bọn học trò ngồi chếp sấm trong lều thấy anh ta, tản mát đi chỗ khác. Trời nắng gay gắt. Anh ta toan vào cái quán đầu dãy, thấy có người đàn bà chít khăn tang ngồi đó, lại bỏ sang căn lều có mấy người ngồi nhậu với bánh trắng. Điều thuốc trên miệng anh ta bốc khói hỗn loạn. Tay anh ta luôn luôn ngoắc ra sau gáy gãi sồn sột. Anh kêu cà phê phin. Người đàn bà áo dài đen bán quán cười nói không có. Anh ta lắc đầu chán nản, kêu la-de, mặt héch lên nhìn một gã lính Mỹ da đen cao lớn bụi bặm ngồi phơi nắng trên bậc gạch cửa chợ cúi đọc những chữ số trên những tờ giấy bạc Việt Nam, đếm tiền. Người đàn bà đặt ly-la de trước mặt, anh ta cầm lên lắc lắc rồi cau mặt hỏi:

-Sao không có đá?

Người đàn bà cười xoa hai tay:

-Dạ hồi này đá hiếm lắm, không có mua được. Anh vui lòng uống đỡ.

-Không có cà phê, không có đá, không có chi ráo cũng bày đặt bán giải khát.

Người lính cầu nhậu rồi chỉ chai rượu đế:

-Cho một xi pha uống đỡ vậy. Ai mà uống la-de không đá.

Tôi đâu phải là người không rành chuyện ăn xài. Thằng này đã từng uống huyết-ky Mỹ rồi mà.

Một ông già trong mấy người ngồi ăn bánh trắng cười bả là đặt một miếng bánh trước mặt người lính:

- Ăn miếng bánh, chú. Chú từ miệt trên xuống đây có nghe gì về vụ mìn nổ hôm trước ở bờ sông. Nghe nói có người mất chân, mất tay, mò hoài không thấy?

Tiếng ông già nói lớn làm người đàn bà chít khăn tang ở quán đầu dãy nhìn sang. Người lính vươn cổ gãi không đáp. Từ phía dốc cát, một người lính Mỹ da cổ đỏ vắn, quần áo dày cộm rộng thùng thình dắt thằng bé bán hành vào quán có mấy người đàn bà khăn tang. Người lính kéo hai chiếc ghế dưới gầm bàn, ngồi đối diện với thằng bé. Ở bên này, ông già vẫn cười bả là với người lính lệch vai. Ông nói với anh ta những thiếu sót của quán giải khát miền quê, nói mình muốn cất một cái quán đang hoang ở đây mà quận không cho phép.

-Từ ngày quân đội đồng minh tới đây thiếu gì những người muốn cất quán mà không được. Chỉ có chiếc xe đồ Vạn Hưng là tự do hốt bạc. Thiệt là một thứ phòng ngủ lưu động. Giang hồ lãng mạn quá mà.

Người lính chăm chăm ngó ông già nghe ông nói. Anh ta hỏi:

-Sao bữa nay chưa thấy tới?

-Có khi chiều mới được phép xuống, chiều mới thấy tới.

Người lính co chân lên gãi rồi cầm ly la-de pha rượu để uống một hơi lớn. Anh ta bắt đầu nói nhiều với ông già. Giọng người Mỹ ở bên kia kêu “giời ôi” vọng sang. Thằng bé bán hành mặt nhô khỏi mặt bàn ngồi trước người Mỹ yên lặng nhai bánh. Trước mặt nó là một đồng lá với một ly cam tươi. Trước mặt người Mỹ là một ly la-de lớn và vòng tay lông lá của anh ta. Anh ta nếu không đột ngột kêu “giời ôi” với nó thì yên lặng dựa vào lưng chiếc ghế mây, vòng tay nhìn nó ăn. Có lúc thằng bé cười rồi liếc nhìn thấy anh ta không hưởng ứng. Mặt anh ta lúc đó tỉnh như một người ngủ mở mắt.

Người lính lệch vai càng uống càng ồn ào, yếu đuối. Về gây gổ của anh lúc mới tới mất dần khi thấy mấy người

trong quán chú ý nghe chuyện của mình. Anh ta nói vợ anh ở trên chiếc xe đồ có che màn đỏ đỏ. Anh tới đây để đâm nó chết. Hồi mới cưới, vợ anh không bao giờ làm mẹ con anh phiền lòng. Trong nhà không có chuyện gì nó không biết, không lo. Nó thuộc cả từng sợi tóc sâu trên đầu má anh, lấy than viết lên tường ghi cả ngày gà khởi ấp. Nhưng lần lần những sản sóc, chăm lo của nó thành những lời thôi thúc âm thầm muốn anh phải như thế này, thế nọ. “Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa”. Những ngày anh đồn trú ở ngoài quận địa đầu tỉnh, anh nghe nó thường theo những người đi lấy lúa ở vùng địch. Mấy bữa vừa rồi, về tới nhà anh nghe nó chỉ mượn cớ đó để đi cho thỏa tính hoang. Có người nói chắc nó vẫn theo chiếc xe đồ Vạn Hưng đi bán giải khát. Nó giấu mặt trong những tấm màn đỏ nhưng ai cũng biết hết. Anh tìm tới đây, giết nó rồi đi ở tù. Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa thì lúc này xa anh nó cũng chẳng sung sướng chi. Lưỡi dao anh mang theo đây sẽ giúp anh khỏi buồn vì nó và cho nó khỏi buồn vì cả đời không đây được nổi khát khao tự bày đặt cho mình.

Buổi trưa như một giấc ngủ trần trọc nực nội. Người lính lệch vai vừa hung dữ vừa yếu đuối mặt mũi bơ phờ cuối cùng cũng im lặng uể oải. Còn tiếng gió lũng bùng thổi từng chập trên ngọn cây làm rụng từng lớp hoa sầu đông xuống hai bên dãy lều. Từ ngoài lộ, có hai ông thầy tu đạp xe vào chợ. Chân họ đạp thoăn thoắt nhưng chiếc xe lảo nhấp nhồm, chậm chạp. Hai người đều đã có tuổi, tóc búi sau lưng, vận hai tấm áo dài xanh màu da trời óng ả, cổ đeo râu chuối đen. Nơi tay lái xe, đeo lưng lủng cái khăn gói. Họ mang dép đế dày và cong của những người miền núi. Ở gian quán đầu dãy, người đàn bà chít khăn tang, đội nón bước ra đường. Chị ta đi xuống phía làn nước cuối dòng sông dưới bãi cát. Người lính lệch vai đã ban hết nút áo, mồm ngậm ướt điều thuốc đứng dậy ngó lên phía mặt lộ. Ông già và mấy người ngồi cùng với anh ta nhỏ to bàn tán về hai ông thầy tu áo xanh vừa vào một cái lều trống nghi chân. Người ta nói màu áo nom lạ mắt. Có người nói chắc họ ở Bình Định đi thuyền men theo bờ biển vô đây. “Phải là người gan dạ, võ nghệ cao cường mới dám xem

thường nguy hiểm”. Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp ở 9 vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người này. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hốt thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người trong bọn chuyên môn đổi đô-la và buôn lậu bò sang bán bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.

Người lính lệch vai mỗi lúc như mỗi thêm nóng ruột. Anh ta bỏ ra giữa đường, đáng điệu bứt rứt. Những điều thuốc trên mồm anh ta không bao giờ cháy đều, không lần nào khô đầu ngậm. Lẽ nào đứa vợ hoang giấu mặt hổ thẹn trong những tấm màn đỏ biết được anh đang ở đây chờ nó. Nó vẫn chưa bao giờ nghĩ nó đáng chết sao. Từ lúc da thịt nó mang một mùi đàn ông khác với mùi da thịt anh, nó chết rồi đó. Thân xác nó lúc này đâu còn tươi mát như trước nữa. Nó mãi mãi không còn cái nhan sắc hồi cầm than viết trên tường ghi ngày gà khởi ấp. Nó chỉ còn vẻ tươi của vòng môi son tô vụng về và những tia máu phun có vôi lúc lưỡi dao của anh ngập trong da thịt.

Anh ngoắt tay ra dấu cho thằng bé bán hành ra đường. Thằng bé lắc đầu. Nó cười với vẻ giận dữ của anh rồi lại ngồi yên. Trước mặt nó vẫn là đồng lá bánh, ly bia và người lính Mỹ. Lúc này người lính Mỹ ngủ thiếp sự. Hai tay khoanh trước ngực, lưng tựa vào thành ghế, mũi úp xuống tới mũi. Thằng bé bán hành chỉ nom thấy cái mồm môi nhỏ và hồng khô, cái cổ ngựa lên, đỏ vằn. Nó nhìn hoài các thứ đó trước mắt và chưa dám bỏ đi. Người Mỹ đã nhặt được nó ngồi lê lợm những bó hành ở dốc cát giữa lúc anh ta có vẻ buồn. Bây giờ nó phải ngồi yên canh chừng nỗi buồn của anh ta. Nó mong anh ta ra khỏi quán để nó ôm mệt hành trở lại đồn Đại Hàn xem có đổi đỡ được ít bó nào không. Tay nó vẫn xua những con ruồi bay qua bay lại trên mặt bàn.

Người lính lệch vai ra đầu đường làng gặp với người chủ

xe giải khát về tội không có đá cục. Người chủ xe chỉ cười và xin lỗi luôn mồm. Chán ngán, anh ta đứng trên dốc cát ngắm những vết xe hỗn loạn thẳng bé bán hành chỉ anh lúc mới tới. Phía những làn nước lấp lánh cuối dòng sông, người đàn bà khăn tang tay giữ nón đang bước lờ lờ như một con chim kiếm mồi. Thấy một đám học trò ngồi dưới bóng bụi tre bên đường, người lính nạt một tiếng lớn, rút dao cầm tay múa một vòng. Bọn trẻ hè nhau ùn ùn chạy trốn. Người lính cúi xuống cắm dao vào ống giày và ngửa mặt cười.

Trời chiều dần dần, gió không còn dứt quãng, thổi ào ào liên tiếp. Bụi cát bay hỗn loạn vào lều vào lòng chợ mù mịt trên đường. Một vài tấm liếp dựng ngang mái lều che nắng được hạ xuống. Con buôn ngủ ráo khô trên những bộ mặt ngồi ở chợ không còn vẻ uể oải nhưng tỉnh táo đến thẳng thốt. Mấy người ngồi trong lều với người lính đã đi vào đường làng. Người lính trở vào ngồi sau tấm liếp che với mặt đường. Một vài chiếc xe âm ỉ kéo rờ-một chở nước chạy qua đều làm anh ta giật mình. Chiếc xe đồ Vạn Hưng vẫn chưa tới. Anh ta kêu thêm xá xí và rượu đế. Người đàn bà bán quán tóc búi, áo dài đen chân đất quen dần với vẻ bất thường của người khách độc nhất còn lại. Từ dưới bãi cát người đàn bà khăn tang trở lên, hai gấu quần ướt và quệt đầy bụi. Người lính hỏi bà chủ quán:

-Chồng chết?

-Chết mìn hôm trước đó. Một cái xe lam, một cái xe nhà binh, chết sáu mươi mấy người.

-Kiếm gì dưới đó?

-Cánh tay có mang cà rá của chồng. Lúc điên, lúc tỉnh, lúc dại lúc khôn, biết sao mà tin.

Người lính làm bầm chửi tục, trề môi:

-Chồng chết lấy chồng khác mắc mớ gì mà điên.

Anh ta dùng cùi chỏ đẩy mạnh tấm liếp ngó lên mặt lộ rồi lấy lưỡi dao làm lì bào những lớp bụi trên tay, trên ngực.

Người đàn bà nhỏ giọng:

-Giờ chưa thấy tới, chắc bữa nay xe đi bán nơi khác.

-Tôi chờ tới tới.

Người lính nói và đưa tay chặn ngực “ợ” một tiếng lớn.

Hai người tu sĩ áo xanh ở căn lều bỏ trống lên xe dưới người đạp vào đường làng. Người đàn bà khăn tang đến đứng trước lều có người lính, nên mắt đỏ, mặt ngơ ngẩn.

-Tôi đây từ hồi sớm, mấy mươi lần xuống bãi cát rồi đó.

Người đàn bà bán quán nói rồi lớn tiếng hỏi:

-Có thấy gì không?

Không có tiếng trả lời. Người đàn bà có tang vào quán, mặt nhìn thẳng, ngồi xuống tấm băng, tay mân mê vành nón. Người lính nhìn, mắt ngó chăm chăm. Người đàn bà bán quán nhìn trước nhìn sau, mặt thoáng bối rối.

-Chết ở trên, kiếm dưới này làm sao thấy?

Người lính hỏi. Người đàn bà có tang vẫn ngẩng mặt, giọng thì thầm như nói một mình:

-Đây cũng không có biết kiếm đâu giờ.

Người lính “ơ” một tiếng, nhăn mặt:

-Người chết nhiều vậy, thịt xương nát hết, cánh tay cũng ở đồng đó chớ đâu.

“Không có, không có”, giọng người đàn bà nho nhỏ như một tiếng cánh chim run. Người đàn bà bán quán lắc đầu. Chết vậy mà chỉ tét bụng, đứt chân, mất đầu chứ không nát bấy như hồi ở Dốc Đá. Mấy xác người vô thừa nhận có một người đàn bà đầu văng xuống sông tới hồi vớt lên mới tóc dài vẫn còn như cũ.

Người lính cau mặt, nhấc ly rượu uống ừng ực.

-Chết là hết rồi nói qua nói lại chi cho mất công.

Anh ta vịn vào cọc lều đứng dậy, lão đảo ra đường, nhìn lên phía mặt lộ. Bụi kéo thành đám phủ xuống người anh. Anh đưa hai tay lên chụm mặt, quay lưng về hướng gió. Sao chiếc xe vẫn chưa tới? Sao nó chết cũng bắt anh chờ đợi nôn nao như hồi sắp cưới nhau? Người đàn bà nào chết ở trên mà vô thừa nhận? Cũng có đứa đàn bà trốn mẹ, giấu chồng đi lấy lúa như nó hồi trước sao? Người lính không muốn trở vào quán nữa nhưng anh cũng biết mình không thể đi đâu lúc này. Sóng lưng lạnh khô và như có cát bám từ gáy trở xuống. Mắt anh nhức nhối, hai màng tang máu đập dồn đập. Năng vẫn chói lòa nhức nhối. Như có những đóm hoa sâu đông bằng bạc hỗn loạn trên không.

Len vào bên tấm liếp, người lính buông người trên mặt

ghê. Hai tay ôm mặt, anh ta gục xuống mặt bàn. Có tiếng cử động sê sàng của một người đàn bà. Rồi một bàn tay đập nhẹ trên vai anh. Giọng người đàn bà bán quán:

-Có nước chanh. Uống chút cho tỉnh.

Người lính mở mắt ngừng cổ uống một hơi rồi đột ngột hỏi người đàn bà có tang:

-Người đàn bà vô thừa nhận đó ra sao? Chết mà không nát mặt sao chứ?

Người đàn bà hai tay thủ bọc, giọng buồn:

-Tay anh có mang cà rá mà. Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung.

Người lính lắc đầu. Người anh chấp chới. Người đàn bà khăn trắng đỏ cũng chấp chới theo. Người lính đột nhiên hoảng hốt. Anh cầm miếng vỏ chanh chà lên mặt, cố tỉnh trí. Nỗi sợ hãi thiết không hình dạng. Đột ngột như cái rừng mình của một cơn say. Anh không muốn hỏi, muốn nghĩ gì cả. Anh không muốn. Người đàn bà chết thắm đỏ không thể là vợ anh được. Nó đang giấu mặt trong chiếc xe đồ Vạn Hưng đó. Miếng chanh vớt đi đầy cái ghét và căt. Người lính vẫn không ngồi thẳng lên được. Đầu anh vẫn nặng nề nhức nhối. Anh gục xuống với nỗi sợ hãi chấp chới trước mặt. Cánh tay cổ tròn vạch trên tường ngày gà khởi ấp vẫn hợp với người đàn bà xuôi ngược gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ lời cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng tượng cũng mơ hồ nhưng có lý như nhau.

-Ngư...ời... đàn... bà... đó...ó

Mồm người lính mở lớn, nước mép chảy ứa. Anh muốn hỏi nhưng lưỡi lú lại và những giọt mồ hôi lạnh vẫn nhĩ trên trán. Anh kê mặt trên cánh tay vòng trên bàn, mắt nháy hoài. Nước mắt vẫn ứa ra và bộ mặt người đàn bà khăn tang thì mơ hồ. “Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung”. Nó là bày tôi nịnh hay bày tôi trung của anh đây? “Nó muốn hơn thế nữa”, ước muốn ấy bây giờ cũng vẫn là cánh tay vạch lên tường những chữ bằng than ngày gà khởi ấp. Nó giấu mặt sau

những tấm màn đỏ trên chiếc xe đồ chiều nay không tới bãi cát. Nó văng đầu xuống sông, mớ tóc còn nguyên. Người lính say thiết sự rồi. Anh ta nhắm mắt thở khò khè với hai cái chết người vợ mình về tìm gặp.

Người đàn bà có tang vẫn nhìn thẳng, hai tay thủ bọc. Người chủ quán nhìn người lính rồi nhìn chị ta, môi mấp máy như muốn nói. Bà ta lảng quăng chạy quanh lều, khép lại cánh phen, hốt những bông hoa sầu đông ra khỏi thùng nước, rồi lại nhìn từng người khách.

Một đám lính Mỹ từ dưới bãi cát, quần áo xốc xếch, đi lên ồn ào cười nói. Những người phu xích lô nhảy vội xuống đất, hờm lòng xe trước lối đi của đám lính. Những tiếng hô hối hả của một chiếc xích lô đã có khách đẹp đường. Thằng bé bán hành ở lề bên kia đang dẹp mớ lá bánh trước mặt người lính Mỹ vừa tỉnh dậy. Nó tò mò nom sang người đàn bà có tang ngồi bên người lính say rượu. Người lính bỗng cất đầu khỏi mặt bàn vươn cổ mưa thốc tháo xuống mặt đất. Người đàn bà có tang ngơ ngác nhìn anh ta. Những con chó lang thang trong chợ chạy ra xúm trước mặt người lính. Người đàn bà có tang lấy nón đội đầu đứng dậy ra khỏi quán. Bằng những bước dài và nhẹ, chị ta khom người tiến từ từ vào sâu lòng chợ, nơi có một con chó không chạy vào lều, ngồi cúi đầu gặm một khúc xương. Người lính say mưa một hồi lại gục xuống mặt bàn, người như chúi về một phía.

Ở lều bên kia, thằng bé bán hành ôm cái mệt bước ra đường. Bóng nó tàn ngần đổ dài trên mặt cát bụi bặm. Nó nhìn những đốm hoa sầu đông lả tả trên mái rạ, nhìn người lính gục trong lều.

-Coi kìa.

Có một giọng đàn bà lẫn với tiếng gió ở sau tấm liếp như tiếng mẹ thắng bé. Nó nhìn lên mặt lộ. Trên con đường lờn nhôn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhảy qua nhảy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương./.

(Văn số 58 ngày 15.5.1966)

Sơ lược tiểu sử: Tên thật: Nguyễn văn Uy sinh ngày 6-8-1943 tại làng Dục Nội, quận Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, Bắc Việt. Dạy học tại Tuy Hòa. Nhập ngũ khóa 27 Thủ Đức. Tử trận ngày 8-1-1969 tại Nora, Phan Thiết.

BÙI KHIẾT

Đêm mưa hành quân

Vào đêm em ngủ chưa em?
 Trong mơ có gặp ưu phiền nhiều không?
 Đèn xanh thành phố xa trông
 Hoang vu anh đứng mà lòng chiêm bao
 Mưa rừng tiếng lá xôn xao
 Tay ôm súng lạnh buồn sao là buồn!
 Tương tư chìm ngập đáy hồn
 Dáng em thoáng hiện bên cồn đìu hiu
 Hành quân mưa ướt từng chiều
 Ôm hôn thân súng nhớ nhiều môi em
 Đêm rồi em ngủ cho yên
 Anh thân băng giá trên miền cát xa
 (1966)

Đỗ Chu Thăng

Hong chút tình xưa

chiều công tác anh qua trường em học
trường em vui, ba dãy, học trò đông
anh ghé dịp chung một giờ sinh hoạt
trời tháng hai nắng tạt bức song hồng

này màu phấn màu gỗ bàn và màu mắt
màu quen quen và màu của thương thương
năm năm trước anh cũng thầy dạy học
từng nghiêng lòng đắm đuối những văn chương

em đâu biết nay ta người lính trận
bước vào phòng mang nặng súng trên vai
bên lén em nhìn, má anh màu cháy nắng
rồi nhủ thầm: thân phận trẻ hôm nay

chiều công tác anh qua trường em học
trường em xinh, cô giáo cũng đang xinh
cô tươi cười nhường anh một giờ dạy
nói cùng em chuyện ngưng bắn hòa bình

em ngẩng nhìn chăm chăm màu mắt biếc
đâu phải lời anh, anh hiểu em rồi...
anh muốn nói chỉ những đề tài cần cỗi
muốn nói cùng em câu chuyện vui vui

chuyện Kim Trọng dò sang vườn Thúy
chuyện Tam Nguyên làm thơ Cua chơi trăng
chuyện Uy Viễn mê nàng Đào Hiệu
chuyện Tản Đà bán áo viết lãng nhăng

anh thèm quá, biết bao giờ trở lại
trường ngày xưa thôi cơm áo hành quân

trên bực gỗ anh tìm hương ngày cũ
nơi trang bài tuổi đợi giấc mơ xuân

chiều công tác anh qua trường em học
trường em vui, ba dãy, học trò ngoan
như hong ẩm món tình xưa đã nguội
trời tháng hai gay gắt nắng hung vàng

Giang Hữu Tuyên

ở biên giới Việt Miên

không dung mà lạnh thật đây
với hồn thương tích với thầy ma người
chiều lên ôm súng nhìn trời
bâng quơ ngó xuống cuộc đời buồn tênh
rượu đâu mà uống cho quên
người đâu mà họp đủ phiên chợ nghèo
lá rừng ai đốt đen thui
chim về ngơ ngẩn ngày vui năm nào
hỡi em tình thoáng chiêm bao
giờ không khí đó đã vào cổ sớ.

Huỳnh Hữu Võ

Khi anh hành quân

Bầy ngày gạo gói thương vào đó
 Xua tay trần hung hãn một ngày vui
 Bạn và anh đã nặng lòng yêu nước
 Như đã nặng lòng yêu khói thuốc Capstan
 Nếu bên cánh rừng này ví dụ:
 Dù có em anh sẽ bắn tan tành
 Cũng như lúc dừng quân
 Anh đã bắn vào radio có tiếng em hát
 Đặc lệnh hành quân bầy ngày “cơm no áo ấm”
 Bầy ngày đi năm lít rượu trong người
 Mở nắp bi-đông cho hơi nồng trận mạc
 Cho đất trời một vũng dưới chân anh
 Nếu rừng Thái An
 Đạn bom không giẫm nát
 Thì rượu nếp than sẽ đốt cháy toi bời
 Anh hiền ngang như con bọ hung lửa
 Xói tan tành mấy bãi cứt trâu khô.

LÂM HẢO DŨNG

Khi ở trung đoàn 42

vẫn thấy đồng không đùn nầm mộ
 cỏ xanh ai phủ dưới chân đồi
 dakto xa quá nhìn không thấy
 như có gì cay ở mắt tôi

sáng nay trên chiếc xe già cỗi
 đã vượt đường xa những hố mìn

những dãy rừng thưa buồn điệu vợi
sống thâm như thuở đợi bình yên

ta như lữ khách không nhà cửa
không có hồn ai để lạnh lòng
cổ vui hát một bài ca cũ
giọng cũng khan mòn tay cũng run

chắc mai ồ nhỉ - ngày mai nhỉ?
ta với sương ngàn với gió trắng
chắc em - có lẽ - là em thật
sung sướng trong tay cốc rượu mừng

bởi bao nhiêu trận kinh hồn trước
đều thấy mơ hồ ở Dakto
khi đi là tự xây mồ sẵn
nay xuôi buồn kia mai đỉnh xa

ta vẫn thênh thang đùa với rượu
uống đi ta sẽ có quê nhà
uống đi chiến thắng vang lừng lắm
ta uống đường như để tiễn ta

Lâm Hảo Khôi

Ta đi từ vùng châu thổ

vừa mới ra đi là chiến trận
ta từ châu thổ tới nơi đây
chân chưa quen đã mòn sơn cước
lòng đã chìm sâu xuôi tóc mây

"đêm khuya đại bác đau lòng giặc"
bỏ ngủ mong trời thôi sáng trắng
quên đi ước cũ thời thơ ấu
trên đồi chim hót đã trăm năm

trời không có gió cho hồn lạnh
ta vẫn thêm vui cốc rượu đầy
anh em bè bạn xin ngồi lại
ngừng bắn cho rừng ta ngủ say

em uống cùng ta nào được đâu
có chăng là khúc hát đêm thâu
hỡi anh chiến cuộc là thiên vận!
ừ thôi rượu đó để ta sầu

chiều căng lều nhỏ chờ mưa xuống
buồn quá làm sao đỡ nhớ người
hồn ta như cửa sông hoang vắng
đêm mơ phù sa chảy ngập trời

vàng tay thuốc lá bao nhiêu loại
là bấy nhiêu lần ta bỏ ta
hỡi anh chiến cuộc là thiên vận
ừ thôi rượu đã cháy sơn hà!

mai ta ngừng bắn về châu thổ
nhìn cánh bèo xanh trên bến xưa
hỡi em mắt thăm ngày tao ngộ
khăn hồng lệ nóng có khô chưa?

Lê Nguyên Ngữ

NHỚ NHÀ KHI ĐI HÀNH QUÂN

Nắng nhạt đường trường rừng lá đậm
Dừng quân dưới núi buổi hoàng hôn
Cây rừng lính nấu cơm xanh khói
Gió thấp luồn qua mây trũng mòn

Ven rừng thơ thần đi tìm táo

Lót lòng dăm quả đợi chờ com
 Chợt nhớ mẹ chiều xưa cố quận
 Nấu cơm chái bếp khói xanh rờn

Cơm chiều thường dọn bên giàn mướp
 Đầu bạc đầu xanh mầm kín hơi
 Giờ cơm nón sắt bên rừng bụi
 Nửa cháy nửa khô chẳng kịp mời

Ba năm làm lính mê chinh chiến
 Nhớ mẹ đôi lần nhớ phớt qua
 Chiều nay bỗng nhớ sao là nhớ
 Một mẹ quê xa tuổi hạc già
 Một mẹ ngày đi đầu nhuộm bạc
 Bây giờ chắc tóc quyện màu mây
 Rừng núi khuất quanh đường trở lại
 Vời trông cố quận khói mây bay

Mây bay về thấp ngang rừng thấp
 Gối súng nằm trên chiếu lá khô
 Thương mẹ xưa lo từng chỗ ngủ
 Nay sống qua đêm giữa bụi bờ

Đêm chỗ con nằm thơm lá mục
 Mơ về quê mẹ ngát hương cau
 Thức giấc di quân trời chưa sáng
 Trắng lạnh đường trường bạc chiến hào.

Lệ Trường Chinh

Trên vùng trời cuối Việt
gợi Hoài Diễm Từ

xám ngát màu mây trời Cuối Việt
 U Minh, trăm đước có ta về

mưa khuya lá rụng quanh hào lũy
hiu hắt rừng thu lạnh đáng quê

xưa đi gió sớm đưa vài dặm
ngày đi chưa hết buồn trong lòng
sầu lên mây khói chiều phong tỏa
kính thành lớp lớp bụi mờ trông

ngày ngược Đầm Dơi xuôi Cái Nước
nghìn đêm muỗi vắt lại reo đùa
mai còn qua phố Ba Xuyên đợi
ghé quán cô hàng kể chuyện xưa

áo bạc sương khô đời xa xứ
ân tình không hẹn tiễn đưa nhau
nếu mai chẳng trở về sum họp
em tìm ta cuối giấc chiêm bao

chiến chinh như nỗi đời lính thú
buồn vui theo những bước giang hồ
quân hành trong gió chiều mưa rét
cũng no lòng cơm sậy lương khô

bạn bè dẫm đũa đi về đất
xa quê còn nhớ mẹ, em hiền
ở đây gió lộng rừng hoa dại
ngơ ngác bên trời bóng trắng nghiêng

buồn lan sương khói che cây lá
che cả đời ta năm tháng đen.

LINH PHƯƠNG

THEO ĐOÀN XE LÍNH

Trên đường là những nắm mồ
Súng AK - đạn - chực chờ - nổ tung
Bên là núi - bên là rừng
Theo đoàn xe lính tìm chồng trấn biên

Mạc Hàn Vi Linh

Những ly rượu tâm tình

tình cờ gấp lại mảy
uống một bữa cho say
ba năm nhanh quá đổi
một xi đi cô hai

đây ngày mình hội ngộ
cùng uống cạn một ly
gặp mảy mừng quá cỡ
uống thêm ly nữa đi

mảy sợ say rượu à?
Ôi ! chuyện gì mà lo
không có say gì cả
nè, 1,2, 3 - vô !

hôm qua đi ngang chợ
mảy gấp lại con bò
tay bỗng con chạy giặc
tội nghiệp nàng ... thôi vô !

uống thêm ly nữa mày
 rượu nào bảo mình say
 chỉ say tình bè bạn
xì nữa đi cô hai

nè bồi thêm ly nữa
 ôi! ly rượu thâm tình
 ô say thì cũng mưa
 cho trời đất rung rinh

bạn bè lần lượt chết
 kẻ tao mày hay ai?
 cuộc đời ... ôi mắc mệt
một xì đi cô hai.

Ngô Đình Khoa

Lính thú

căn cứ Bleyney mùa mưa nước nổi
 sống ở bờ cao chung với kiến vàng
 ngày nắng hạ cháy da làm lính mọi
 đêm mưa cùng đào hố nước ở hang

nón sắt thay nồi thuốc bồi mỗi lửa
 cơm dọn ra nửa sống nửa khê vàng
 miếng được miếng không nuốt ngày sống vội
 như nửa đây chết vội đến phiên chẳng?

ăn nghỉ tiến quân chung giờ làm một
 súng với ta thân thiết như tình
 ngum nước mát dành hành quân rất tuyệt
 miếng giẻ khô phòng mưa súng rỉ han

người làm giặc từ bắc phương tràn tới
giáp trận súng tay com vắt muối vùng
miệng giải phóng lưỡi điều ngoa trăm tội
tim óc người chắt ngắt những lòng căm.

đêm thức ho khan ta chờ người tới
(nghìn đũa như ta nghĩ cũng nực cười)
người với ta bằng một còn một mất
súng đạn bày trò sống chết như chơi

ta bắt được người gọi tên vô sản
người bắt được ta gọi lính ngục quyền
khi xưa sống tổ tiên chung một họ
máu chia ngành giờ hết anh em

ta vượt biên đến đây làm lính thú
máu đổi xương đổi đất từng miền
thèm ngủ thèm ăn chưa bằng được chết
mộ đã yên giờ cỏ đã xanh lên.

tặng anh em TĐ 1/46



Tranh sơn dầu của Đinh Cường

LUÂN HOÁN

Đồng Hành Cùng Vũ Khí *

3.

khi nằm bìa Nghĩa Hành
 lương khô ba ngày hết
 trời đất rất yên lành
 không thấy bóng thần chết

dựa lưng vào ba lô
 gãi tà lột vừa để
 viết lấu mấy câu thơ
 bộc trực như lời kể:

anh đang đi hành quân
 đến một nơi tuyết lạnh
 có rất nhiều người dung
 lưng ong thơm yếm thắm

em yêu, đừng vội ghen
 anh là tên nhát gái
 giỏi lắm chỉ lảng nhăng
 mười câu thơ vô hại

về Nghĩa Hành lính ca
 mấy câu về tình nghịch (1)
 anh nghe để ngoài da
 dù cũng hơi thỉnh thích

mùa này trời mưa dầm
 ngày ngắn đêm đến sớm
 em yêu hãy yên tâm
 gặp anh, đạn biết tránh

đã “rách áo” đôi lần

dễ dãi gò toạc nữa
anh vẫn nguyện trong lòng
được vết xước vừa phải

loại giấy phép quý này
được ký bằng đầu đạn
từ chủ nghĩa bầy nhầy
nếu may không bỏ mạng

(1) “muốn lon lên Thạch Trụ
muốn đ. về Nghĩa Hành”

(*) Trích một đoạn từ bài thơ cùng tựa đề

Huỳnh Kim Sơn

Chén rượu chiều 30

Tặng Hoàng Lộc

Ta mời bạn đúng chiều 30 Tết
Ghé hầm ta uống chén rượu tàn năm
Để mai một lỡ mình an phận chết
Vẫn ghi đời kỷ niệm buổi liên hoan!

Phía trước mặt dù chông gai cách trở
Lệnh dừng quân ngừng bắn đến hôm qua
Buổi mai sớm vẫn còn nghe súng nổ
Dăm ba thằng ngã xuống giữa rừng xa

Ta cũng có mẹ già mòn mỏi đợi
Những mùa xuân biến biệt bóng ta về
Tóc mẹ trắng đã bao chiều sương khói
Mắt đui hiu sầu mấy dặm sơn khê

Ta cũng có người em yêu mới lớn
 Tuổi còn xanh như cây lá sân trường
 Ngày về núi lòng ta không dám hẹn
 Em ngậm ngùi cúi mặt giấu đau thương

Xin hãy cạn chén này - thêm chén nữa
 Rừng hoang vu cỏ dại cũng lên hoa
 Trong giây phút bình an còn mở cửa
 Ta ngồi nghe tim trôi những lời ca

Tay ghì súng tạm quên niềm thống hận
 Trời đã cho thêm một tuổi trên vai
 Ta cùng bạn chưa tan giòng cay đắng
 Buồn mà chi biển rộng với sông dài.

(Hải Phố)

NGUYỄN BẮC SƠN

Một tiếng đồng hồ trước khi lên đường hành quân

Khi tao đi lấy khẩu phần
 Mày đi mua rượu để Nùng cho tao
 Chúng mình nhậu để trừ hao
 Bảy ngày sắp đến nghêu ngao trong rừng
 Mùa này gió núi mưa bùng
 Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan
 Mùa này gió bụi mưa ngàn
 Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà
 Những thằng lính trẻ hào hoa
 Lưu đây trong cõi rừng già núi xanh
 Lao mình vào cuộc phân tranh
 Tiếc thương xương máu sinh thành được ư.

Nguyễn Du Thy

Về Dakto

Một chiều mang súng đạn về
 Đứng chôn chân giữa tư bề núi non
 Thấy cay con mắt lạ lòng
 Dung thân chi mãi tận cùng cao nguyên

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Lửa trên đồi

sáng nay ta đốt lửa trên đồi
 lửa soi ta nhìn ta sống sót
 lòng mặc áo sương nên lòng quá lạnh
 mắt mở từng đêm nên mắt quá sâu

ôi đêm qua đạn mưa súng bão
 ta là ai giữa đồ trận sẵn người?
 cuối mặt trời sau đuôi C.47
 viên đạn đồng vỡ giọt máu tươi

kịch đêm qua trên đồi đã dứt
 ai kéo màn từ một rừng xa
 có tim người ứa một giòng sông máu
 chảy âm thầm suốt cõi hồn ta

hỡi người anh em đêm qua nằm xuống

lửa ta nhen xin ấm hồn người
 tay đã nhẹ không còn nâng ngọn súng
 hãy bình yên như giòng nước trôi

cám ơn người đã tặng ta khẩu súng
 mai về đem đổi chiếc huy chương
 buổi chiều tha thẩn trên đường phố
 mà quên người nằm lại sa trường

hồi bếp lửa quê nhà yêu dấu
 khói tranh đèn sương sớm rủ nhau tan
 chân mới bước mà đã xa quá đổi
 và chút hồn mới lớn đã lang thang

hồi bếp lửa trên đồi hoang vắng
 làm sao soi từng ngõ ngách mơ hồ ?
 đời vẫn sống dài theo năm tháng
 vết hồn mòn theo đế giày saut

dẫu thế nào cũng xem là hạnh phúc
 chiến tranh sòn vai áo trận màu rêu
 có hề gì lửa reo như nhịp súng
 viên đạn đồng mồm mĩm thân yêu.

1970

NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG

Người lính làm thơ trên đỉnh núi

Leo lên đến đỉnh khi chiều xuống,
 Đầu vách cheo leo đá nẩy mầm;
 Có phải hương thơm từ thạch thảo

Hay từ vàng nhụy của bông trắng?

Người lính bỗng quên ngày chiến trận,
Lòng vui thanh thoát ánh trăng rằm,
Cả một tiểu đoàn đang gác súng
Nghe lòng man mác tiếng thơ rung.

Đêm nay ta chẳng cần căng võng,
Giường đá, ba-lô kê gối nằm,
Bi-đông nước suối nhấp từng ngụm,
Gạo sấy, muối mè thư thả ăn.

Vọng tiếng tù và vang dưới lũng
Chắc là địch lạc thối tim quân.
Đỉnh cao ta chẳng cần gọi pháo,
Để cho người sống trọn đêm rằm.

Đổi địch, chiều nay dùng súng đạn,
Bây giờ trăng sáng để soi chung;
Người lính miền Nam đi chiến trận,
Ba-lô mang thêm hồn thơ văn.

Phan Nhựt Thức

Nỗi tình trên súng

ôi, gió nào lên buồn mang mang
cát hoang cồn bãi hàng theo hàng
trái tim nghe đã mềm tay lựa
thơ cũng vàng trưa nắng hạ vàng

phương này trời dựng cao mong nhớ

đầu gối ba-lô hồn phiêu bồng
 thương em lòng rợp che đường nhỏ
 tình trải xanh giòng sông tiếp sông

phương ấy giờ em nghiêng nón che
 chiều tan học thả mộng sang hè
 vu vơ giăng tuổi rong đường phố
 nỗi tình e cũng đã sương che

ta đêm phục kích ngày lòng giặc
 tay súng làm sao giữ lấy em
 mười nhánh sông trôi vào nghi hoặc
 muốn hỏi nhưng đành im lặng im

tuổi hẹn hò em bướm đón đưa
 hai tay ảo ảnh nói sao vừa
 mười nhánh huệ thơm mười phép tính
 còn ngón tay nào đeo nhẫn ta?

Phù Hư

ĐỒN SƠN YẾM

đóng núi đồn xa đoàn pháo yểm
 quanh năm ngủ miết với chân mây
 nhìn sâu xuống vực nham hiểm đá
 thù rừng càn trút lá mặc cây

vào thu rồi đó đèo xao xác
 thung lũng vàng khô ẩn bóng nhà
 suối chia mương nhỏ tre ống nứa

chuối mùa lốm đốm lá trở hoa
 suối len khe đá âm mưu chảy
 đồn đóng binh ròng trận mạc xa

khói mỏng lên, chiều thừa tiếng chim
 đèo cao hút bóng mỗi mắt nhìn
 gió mớm cho đông về thoáng lạnh
 trông gần thương nhỏ đáng người em

âm thầm đêm tối gào giữ giấc
 nhanh đạn chuyển tay chống tuyến đầu
 gió núi rên oằn bằng tiếng pháo
 mây tan đường trái phá qua sâu

sơn yểm đỉnh cao muốn chống trời!
 binh sĩ nhàn cư quẩn quanh thôi
 cỏ không chứa lối đường xuống núi
 rượu hết từ khuya vắng tiếng người

đêm lính trú buồn hâm bếp lửa
 nhìn nhau kể chuyện vẫn cười chơi
 tay hơ than khói khô da thịt
 thuốc đốt từng khoanh giấu mặt người

đêm gió u hồn thổi muôn phương
 lưng hạ khuya tiếng sói tru buồn
 dư rượu ấm chỉ lòng khách núi
 thuốc từng khoanh cầm tiếng thở giữa hồn

chinh chiến đầu non chinh chiến trận
 ì ùng âm pháo đội quanh năm
 xóm cũ chừ em lo chạy loạn?
 cha già xưa nhúm mộ bỏ bên đồng

đèo sắp qua đông lạnh quá chừng
 cây nản rừng chưa trở lá non
 đồn dăm chòi đột tin mưa gió
 pháo mới chui xong đợi tấn công

bạn tôi trẻ tuổi vừa cưới vợ
 cười lệch đôi môi nói chuyện nhà
 thoát sắp đông sang rồi đấy nhỉ
 trông rừng giết lá mấy mùa qua

thu giữ mây cho ấm lòng người
 pháo yểm đồn cao đứng lẻ loi
 bao giờ vạch cỏ xuyên đường núi
 lưng hạ thăm em rượu mềm môi.

THIỆU KHANH

Bài Tình Ca Ở Hậu Nghĩa

Em mắt nghìn thu xanh cỏ biếc
 Ta lên rừng thăm ngủ chiêm bao
 Vòng tay thân ái xa biên biệt
 Ta gặp nhau mà vẫn nhớ nhau

Em nhớ ta hay ta nhớ em?
 Từng đêm lặn lội giữa bùng biên
 Ta qua Hậu Nghĩa ngày mưa xám
 Róc vỏ thân trăm ta viết tên...

Năm tuổi chiến trường xuyên vạn lý
 Núi sông biết mặt đũa phong trần
 Yêu em ta bỗng thành thi sĩ
 Thơ lính hong ngời mắt mỹ nhân.

Ta trót đam mê ngàn ngút lửa

Nghìn đêm nuôi nấng mộng phi thường.
Cho em một cánh tay gần gũi
Dành một tay vào buổi nhiều nường.

Đôi lúc toan vùng cờ nghĩa khởi
Cùng em đi tiêu ngạo giang hồ.
Ngạo du trên suốt vùng biên giới
Về đóng quân doanh ở Hồ Bò.

Mình không cười giễu ta cuồng vọng
 Chỉ sợ nhàu phai áo học trò
 Theo gã thư sinh làm loạn tướng
 E mình lây phải mộng phiêu du!

Đêm ta đục trận trong Vàm Cỏ
Lửa sáng rừng sâu nhớ mắt nàng.
Ngày hát nghêu ngao qua Thố Mỏ
Trong lòng nổi nhớ chợt thên thang!

Đức Huệ – Củ Chi đến Đức Hòa
Quê hương nàng
hóa quê hương ta

TRẦN BÁ LANG

Bữa gặp H'Ngung

H'Ngunng ơi tóc em thơm hương núi
Âm lòng tôi người lính ở biên khu
Làng em đỏ lửa cơm ngày hai bữa
Tay súng tôi ngăn bước tiến quân thù

Chiều qua khẩu Ayun màu nắng nhạt
 Nước xuôi dòng chia bên đục bên trong
 Nón sắt làm đồn
 ba lô bỗng nhẹ
 Bước tôi đi giữ mãi má em hồng

Làng em đó buồn Pleiba nhỏ bé
 Nước nguồn về mỗi bận đắp phù sa
 Cây ươm trái ngọt bụi tình dân bản
 Bữa đơn sơ mùa cơm mới dưa cà

Có một bữa đơn vị tôi ghé tạm
 Em nói rằng cơm muối đó mời anh
 Đây rượu ché xin đừng chê của dở
 Nhớ làm sao mùi xôi nếp ba trắng

Tôi còn đi cho em ngày nương rẫy
 Áo chiều in màu sắc thắm lưng đồi
 Rồi một mai hòa bình mau trở lại
 Tôi sẽ về thăm H'Ngung nhỏ tôi ơi !

TRẦN ĐẮC THẮNG

Khóc chiến hữu

Khóc Trung sĩ Quý, Thành và Thiếu úy Tư

Đ.M. Tụi bây chết thật rồi
 Ta nghe hồn chết giữa mưa rơi
 Bao giờ bây lại ngồi uống rượu
 Cùng kể nhau nghe những chuyện rồi

Nhớ buổi theo ta đi đánh giặc
 Bây thề mãi mãi ở bên ta

Giờ đây, sao lại đi đâu hết
Bỏ mặc ta đau, mắt lệ nhòa

Bây khóc tình ta trong vắng lạnh
Còn ta đứng khóc với quê hương
Bỗng thấy lòng mình mùa đông xám
Thấy bây đi kích dưới mù sương

Từ đây bây đón đau một cõi
Còn ta đánh giấc giữa sa trường
Thương bây chiến hữu ta ngồi khóc
Đau đón nào dâng với nhớ thương !

Trần Hoài Thư

Trường ở bên sông

Cô hàng chợ Huyện mơ gì nhỉ
Mà sao yên lặng như tương tư
Tôi biết đêm rồi không chó sủa
Đêm rồi tôi cũng dệt cơn mơ

Cơn mơ tôi lại ngôi trường cũ
Trường ở bên sông, nhà hai gian
Thầy tôi tóc bạc ngồi yên lặng
Vách lở tường vôi. Màng nhện giăng

Cơn mơ tôi lại bên thềm lạnh
Sân cỏ hoang vu, trời hoang vu
Tôi gọi bạn bè chơi trốn bắt
Bạn bè tôi. Những trái mù u

Những trái mù u khô tróc vỏ

Tôi về ngỡ ngác như chim sâu
 Trời ơi tôi đã qua bao xóm
 Trường đó bạn tôi giờ ở đâu

Cái sân đất thịt nào tro tro
 Những lỗ bi, lỗ pháo ngậm ngùi
 Hình như trong cội trưa đồng vọng
 Tiếng cúc cù tưởng niệm ngày vui

Tôi về buồn bã học trò côi
 Chiếc bảng đen còn một chữ Đời
 Muốn thú với Thầy con không thuộc
 Bởi Đời là biển học mù khơi

Thầy tôi ngồi đầy lưng còm côi
 Vạt nắng xiên xiên đọng xuống bàn
 Tôi cố gọi Thầy con có mặt
 Sổ điểm danh thầy nhớ tên con

Cô hàng chợ Huyện mơ gì nhỉ
 Sáng đã lên rồi em biết không
 Em hiểu lòng tôi giờ âm thầm
 Khi trống trường vọng lại băng khuâng...

Em nhỏ đời tôi từng mát mát
 Em vui tôi cũng chia niềm vui
 Ít ra trong kiếp đời gian khổ
 Thấy một ngôi trường có mái tươi

Trần Ngọc Kim

Nỗi buồn đêm tử thủ

Mười đêm tử thủ trong hầm tối

Tĩnh dậy khuya nay cười với trăng
 Hỏa tuyến Netta sầu tĩnh mịch
 Canh gà xao xác mơ giai nhân

Sầu lên ải Bắc mưa còn lạnh
 Lạnh với ngàn xanh kiếp lính rừng
 Ta cũng như mây trời tám hướng
 Vời trông cổ quận mắt rung rung

Nghĩ thương những nắm mồ vô định
 Vô súng làm thơ tổng biệt hành
 Doanh trại hải hùng bom đạn rêu
 Mưa hoài mưa mãi... hận ngày xanh

Mười đêm tử thủ mười đêm nhớ
 Máu lệ mờ hoen cả chiến hào
 Giấc ngủ chập chờn ma vuốt mặt
 Hận thù chất ngất cõi chiêm bao

Rồi ta lạc giữa mê hồn trận
 Như một người điên của núi rừng
 Nhắm mắt bắn đùa rồi cả thẹn
 Nỗi khùng ta vút áo nguyên nhung

(Phan Thiết 72)

Trần Miên Trường

Khi về thăm tòa soạn

Chiều qua phố lạ – Sài Gòn
 Chân ngơ ngác bởi mình còn chưa quen
 Từ xưa hẹn với chim Quyên
 Một ngày nào đó Trần Miên Trường về

Thăm anh trong nắng vàng hoe
 Hẹn xưa chờ rộn trên lễ bước chân
 Phong sương nên cũng ngại ngần
 Ba mươi tám độ Kỳ Đồng ở đây

Gió rong hạt nắng vàng cây
 Buổi chiều trời đuổi mây bay ngút ngàn
 Minh từ biển núi quan san
 Theo chân đơn vị hành quân đêm ngày

Hai mươi bốn tiếng cầm tay
 Miền xa đi phép thăm ai bây giờ
 Từ ngày khói lửa ven đô
 Ngỡ rằng thôi hết ước mơ trong hồn

Chờ con lộ nhỏ Kỳ Đồng
 Minh về nhận diện vườn hồng Tuổi Hoa
 Gác chuông thánh thót hiền hòa
 Ý uyên nguyên đậm nét ngà ngọc ai

Rắn ri xóm đạo lạc loài
 Minh nao nao bước tóc tai bồi hồi
 Nụ cười chợt nở trên môi
 Chim Quyên ngậm nắng bên trời cánh mây

Mặt trời lặn tắt về tây
 Gió rên rỉ chết bên này non cao
 Chia tay nhau hẹn mai sau
 Oanh vàng rộn tiếng xôn xao trên cành

Và quê hương đẹp thanh bình
 Tuổi Hoa sống mãi cho mình về thăm
 Chiều qua phố lạ một lần
 Rồi mai một lại phong trần kiếp trai

TRẦN MIÊN TRƯỜNG
(Tuổi Hoa số 95, ra ngày 15-9-1968)

Xuân Thao

Nghe chuông Trà Kiệu

Tới đây mới thấy rằng buồn
 Đời thôi còn lại hồi chuông võ vàng
 Một tay ôm chặt lấy thân
 Một tay níu Chúa, thiên đàng gần chưa ?
 Chiều rơi từng hạt mưa thưa
 Tôi nhai từng sợi buồn chua chát lòng
 Giáo đường nền thấp song song
 Cũng không đủ ấm cõi lòng người qua
 Nắng theo ngày vội xé tà
 Bóng theo thân đổ cõi xa mịt mù
 Từng trăng sáng dội thiên thu
 Từng hồi chuông đổ khiến u uất lòng
 Tay làm dầu thánh phân vân
 Tôi buồn hơn mắt của nàng nữ tu

Viết về chủ đề Ba Lô Mang Thêm Hồn Thơ Văn

Ng.~

THƠ A-LÔ, VÀ THƠ

(hí luận)

Xin thưa trước, rằng bài viết này không phải là bài nhận định văn học, càng không phải là sơ thảo một giai đoạn văn học trong thời kỳ đất nước phân chia hai miền và bắt đầu lao vào cuộc nội chiến đẫm máu nhất, đau thương nhất của dân tộc, mà chỉ dưới góc nhìn của một bài *hí luận*. Cũng có thể coi đây, như những cảm xúc chân thật của một người cầm bút khi đọc những tác phẩm văn học miền Nam trước 75, trong giới hạn của những người viết trẻ thời bấy giờ, với tâm trạng của số đông thanh niên đang “bị đẩy lên tàu”, cứ lầm lũi bước tới mà không biết đích đến là đâu!

Thật ra, ngoài những nhà chính trị, còn lại hầu hết mọi người dân kể cả thanh niên, trí thức thời đó đều mong muốn có được một đất nước tự do, độc lập thật sự, sau khi giành được chủ quyền từ tay thực dân; bởi hơn một thế kỷ, cha ông đã đổ quá nhiều xương máu, nhưng đó lại là sự hy sinh cao cả, đáng trân trọng và tự hào của cả dân tộc.

Nhưng đến cuộc chiến tương tàn từ 1954-1975, thực chất là cuộc thử nghiệm vũ khí, tranh giành ảnh hưởng khu vực của ngoại bang, thì nhà cầm quyền ở hai miền không có quyền chọn lựa con đường đi đúng đắn cho đất nước. Tuy nhiên, phía đảng ngoài là thể chế độc đảng độc tài, do vậy người cầm bút chỉ là bầy vẹt được thuần dưỡng trong lồng sắt, thể tất phải sản sinh ra nền văn nghệ cung đình: Mọi cảm xúc thật giả đều cài trên nòng súng với lòng căm thù, với tất cả những ai chống lại họ; trong khi đó, đảng trong ít nhiều có chút tự do để người nghệ sĩ tha hồ bày tỏ thái độ và tình cảm chân thật trước ngòi bút và họ chịu trách

nhệm về những gì họ viết. Vì, nếu không, thì tại sao lại có những tờ báo như Tin Văn, Thái Độ, Đối Diện... bên cạnh những Sáng Tạo, Văn Nghệ, Hiện Đại, Văn, Bách Khoa, Văn Học, Thời Tập, Nghệ Thuật, Tiếng Nói...?

Thời đó, không ai là không biết đến thái độ và hành vi chọn lựa của Lữ Phương, Vũ Hạnh, Sơn Nam, Chân Tín hay Trương Bá Cần...? Nhưng trong giới cầm bút không ai buồn đá động đến những thái độ và hành vi đó, bởi điều xác tín với người cầm bút là sự trong sáng của lương tri, dầu là phe này hay phái nọ, miễn sao những gì họ sáng tạo nhằm hướng tới cái Đẹp; trong khi, sau ngày tan rã, trên khắp cả nước, một sự trả thù ấu trĩ thời Trung cổ được dựng lên cho tất cả những người cầm bút đảng trong. Và, sau đó là hàng loạt những quyển sách được tung ra, nhằm tuyên truyền, triệt tiêu mọi thành tựu văn học nghệ thuật miền Nam mà họ gọi là nọc độc, nô dịch, phản động, đòi truy... để, duy nhất chỉ có nền văn học giải phóng là chính danh, đại diện cho một nửa đất nước. Những Trần Trọng Đăng Đàn, Đỗ Đức Hiểu, Lê Đình Ky, Như Phong... đã thẳng tay dập nát mọi thành tựu văn học nghệ thuật ở phần đất tự do sáng tạo, và thay thế vào đó là những tên tuổi “sáng tác theo đường một chiều”, mang tính chất khẩu hiệu hô hào nhiều hơn tính nghệ thuật. Dĩ nhiên là độc giả, không mấy ai để mắt hay biết đến họ! Đến ngay cả Vũ Hạnh, người sống trong lòng “địch”, hiểu rõ mọi hoạt động sáng tác cũng như giá trị nhân văn trong các tác phẩm văn học nghệ thuật miền Nam, đã bỏ ra khá nhiều công sức, cố bóc bóc các nội dung, chi tiết ở các tác phẩm văn học miền Nam, trên cương lĩnh văn nghệ phục vụ cho chính trị, nhân sinh quan marxisme trong một tập sách lên án các bạn văn cùng thời, và ông gọi đó là những tên biệt kích Mỹ-Ngụy để điểm mặt anh em cầm bút như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Mạnh Côn, Nhã Ca, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ... Sau này, nhà phê bình Thụy Khuê đã đánh giá lại sự trong sạch của một thời kỳ văn học giải phóng được bọc đường tâm độc: “...có thể nói, nền “Văn học giải phóng miền Nam” đã được xây dựng trên những tên tuổi trá hình; là một nền văn học “giả” được “dựng” nên để

thay thế một nền văn học thật, đã bị xoá bỏ. Hiện trạng lấy giả xoá thật này, vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt văn học chính thức và trong giáo dục học đường hiện nay ở Việt Nam”. (Thụy Khuê, Văn học miền Nam).

Nhắc lại một chút sinh hoạt văn nghệ trong bối cảnh cuộc nội chiến bằng súng đạn vừa chấm dứt, thay thế bằng cuộc chiến thanh trừng, bôi đen và bức tử các tác phẩm văn chương cùng chủ nhân của chúng, để phần nào hiểu được bản chất của sự áp đặt, bôi nhọ, xoá bỏ một cách thô bạo của chế độ!

Vậy thì, chân dung của nền văn học thật ấy là gì? Có thể tóm tắt trong mấy từ: Tự do sáng tạo, không bị chính trị xô mũi chỉ đường, nhà văn không hề khúm núm theo kiểu bầy tôi cung đình cúi rạp người trước lãnh chúa, ngòi bút không hề bị bẻ cong... Tóm lại là họ có toàn quyền viết ra những cảm xúc, suy nghĩ chân thật nhất, trong đó có thể có những nội dung chống đối, phản chiến, để sau đó, công việc đánh giá, thẩm định tác phẩm lại thuộc về độc giả và nhà phê bình chứ không phải ban này hay tổ chức nọ làm cái công việc bôi lông tìm vết.

Năm 1964, chiến tranh bắt đầu bùng phát dữ dội. Hàng hàng, lớp lớp thanh niên phải rời bỏ ruộng đồng, nhà trường, công sở... ra chiến trận. Họ là những lớp người trẻ tuổi, nhưng khác người xưa ở chỗ không phải là *chàng tuổi trẻ vốn giồng hào kiệt/ Xếp bút nghiên theo việc đao cung* mà là bắt buộc phải lên đường. Ý thức tham chiến không rõ rệt, nhưng dễ dàng nhận thấy nhất ở họ là những tâm trạng thất vọng, chán chường đến độ phi lý khi họ phải đối mặt với đối phương vốn dĩ trước đây là bạn bè cùng xóm, ngồi cùng lớp; bi thảm hơn là cha con, anh em giương súng vào nhau. Họ ra trận với lòng hoài nghi về tính chất lương thiện, sự vô nghĩa của chiến tranh, để “tà tà rong chơi” trong một tâm thế tiêu cực như trường hợp Luân Hoán:

Súng lạn lưng quân cho có chuyện

Mắt đầy cỏ lá hồn đầy thơ.

Những câu thơ như vậy của một chiến binh thực thụ trên

chiến trường quả là khó chấp nhận khi đối mặt với quân kỷ. Nhưng thật ra, quân kỷ nào cấm một chiến binh tự đập tắt những giây phút lãng mạn, mơ mộng trong phút chốc, khi mà tâm hồn đang thăng hoa?

Trong khi đó, nền văn nghệ “giả” lại sản sinh ra những câu không phải là thơ mà như vè, cốt làm dấy lên lòng hận thù, hô hào chém giết:

Con sẽ mài thơ như kiếm sắc

Chặt đầu văn nghệ tay sai (Chánh Sử)

Và để minh họa cho lòng thù hận kia, ông Phạm Văn Sĩ tán thêm: “*Chánh Sử nói lên được ý thức dân tộc lành mạnh của lớp trẻ ở Sài Gòn, căm ghét thứ văn nghệ tay sai cũng như căm ghét bọn tay sai*” (Phạm Văn Sĩ, Văn học giải phóng miền Nam, nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN 1976, trg 440). Chẳng độc giả nào biết Chánh Sử là ai, có thể là chánh trị viên đại đội, tiểu đoàn... cũng có thể là anh chàng thi sĩ quần chúng, ta chẳng chấp. Nhưng đến Thu Bồn trong Bài Ca Chim Chơ Rao lại có mấy câu như thế này, thì quả thật cái nền văn nghệ “giả” kia đã tự lột bỏ những tấm lòng trong sáng, hồn nhiên của tuổi thanh xuân để thay thế bằng những đăm đăm máu me và sự oán vui rợn lên cùng với màu máu đỏ:

Người vác giáo đi như vác những ngọn đèn

Những ngọn đèn gió mưa không bao giờ tắt

Có máu quân thù làm sáng thêm.

Hay như trong bài thơ Các Anh Bay Lên Rồi, Thanh Hải đã viết những câu không xuất phát từ trái tim chân thật và nhân hậu:

Mơ ước bốn nghìn năm

Dù ước mơ rất đẹp

Mẹ hỡi chắc đâu đâu biết có ngày nay

Ta đánh quân thù trên cả chín tầng mây

Như Đại Thánh dăng vân diệt bảy quỷ dữ.

Có thật đây là những câu thơ làm lay động lòng người?

Hay, lại như ông Phạm Văn Sĩ lên gân chính trị đánh bóng:

“Thơ Thanh Hải là thơ thời sự. Và những câu chuyện thời sự miền Nam nào một khi đã in đậm vào lòng nhà thơ thì nó đến với người đọc như những tiếng nói yêu thương...”

(SDD, trg 168). Đây, cái nền văn nghệ “già” thêm vào loại “thơ thời sự” bên cạnh dòng thơ lãng mạn, thơ tự do, siêu thực, và tự hào về loại thơ khẩu hiệu này! Lướt qua thể giới thi ca, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây loại “thơ cường hiếp” này không có chỗ đứng. Đơn giản, nó không phải là thơ!

Và với Lê Anh Xuân thì lại có những câu ngô nghê đến độ không thể chấp nhận nó đáng ngồi vào chiếu thơ:

Hà Nội ơi! Hà Nội ơi!

Một sắc trời thu kỳ diệu của Người

Cũng giúp miền Nam đánh lui bóng tối

Một giọng nói phát đi từ Hà Nội

Đã thành chân lý đuổi quỷ ma

Một đêm Hồ Tây dịu dịu đường hoa

Đủ đánh tan hàng triệu đô-la Mỹ.

Dẫn ra một chút như vậy để thấy được rằng, đó là tất cả những gì mà họ gọi là những thành tựu xuất sắc của nền văn học giải phóng miền Nam?!

Trong khi đó, phía đảng trong, chưa hề có nhà thơ nhà văn nào hạ bút viết những câu ngô nghê đến vậy, ca ngợi ông Thiệu, Mỹ đến vậy. Và cũng chưa có nhà phê bình văn học nào hạ bút tán tụng sự cầu thả, ấu trĩ, non nớt của loại văn chương a-lô, cổ động cả.

Nhìn về “kẻ thù” thì phía đảng ngoài phân biệt ta địch rạch ròi với “lòng căm thù sâu sắc” và phải “nhắm thẳng đầu thù mà bắn”, rồi lại dẫn dắt cả bầy súc vật, côn trùng “ong đánh Mỹ, trâu đánh Mỹ” vào nữa... Còn nữa, hể cứ mô tả người lính miền Nam thì lúc nào cũng cướp của, giết người, hãm hiếp, đốt nhà không hề run tay! Trong khi đó, người lính miền Nam nghĩ gì và viết gì về đối phương? Hãy đọc lại bài Nghinh Địch Hành của Hà Thúc Sinh:

*Giao thừa đầu mà vội/ Hãy khoan đã chú mày/ Cứ đóng xa
vài dặm/ Mà ăn uống cho say*

*Ta cũng người như chú/ Cũng nhỏ bé trong đời/ Có núi
sông trong bụng/ Mà bắt lực hôm nay*

*Chiến chinh trời cũng sợ/ Chỉ còn lại hai bên/ Vội vàng chi
cho cực/ Cứ thông thả nghỉ đêm*

Vì nói thật cùng chú/ Trăm năm có là bao/ Binh đao sao

*biết được/ Sinh tử ở nơi nào
 Nếu chủ có cha mẹ/ Ta chẳng những người thân/ Còn
 mang thêm lăm nợ/ Với rượu và gió trăng
 Chủ cứ ăn cho đủ/ Mai chết sẽ chết no/ Ta cũng cần đêm
 cuối/ Từ già gió trăng xưa*

Có một nhà thơ “giải phóng” nào có được những câu thơ như vậy để có thể tự hào về tính nhân bản thấm sâu vào tâm hồn anh lính chiến, như cái cách người lính miền Nam ra chiến trường với “*ba lô mang thêm hồn thơ văn*” như Nguyễn Phúc Sông Hương và những chiến binh khác của miền Nam không?

*...Vọng tiếng tù và vang dưới lũng
 Chắc là địch lạc thối tìm quân.
 Đỉnh cao ta chẳng cần gọi pháo
 Để cho người sống trọn đêm rằm.*

Cũng cái cách đối mặt với đối phương trong một khoảng không gian và thời gian lãng mạn của tuổi trẻ, Trần Hoài Thư cũng có một chi tiết nhỏ tương tự như vậy trong truyện ngắn có tựa Viễn Thám: “*Trung đội thám kích đang sẵn tin về một đơn vị Bắc quân mới xâm nhập vùng Trường sơn, đã không ngờ gặp một cặp bộ đội đang hát bên bờ suối. Quân thù đó nhưng người lính đã không bắn. "Tôi không thể chơi cái trò đã man như vậy. Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cửu (...)* Tiếng hát như nói lên những điều cam nín từ những cơn tìm của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc, lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu” (Viễn Thám).

Cái gọi là nền văn học giải phóng miền Nam giải thích như thế nào về các hành động của đối phương khi *thả mỵ nhân, để cho người sống trọn đêm rằm* hay người lính đã không bắn khi nghe tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc...? Tôi nghĩ các ngài ở cục R. các chính ủy, các ban, các bộ của MTDTGPMN phải tìm cho ra các tên “tay sai bán nước” kia mà tặng huy chương, huân chương cho họ, bởi họ đã làm lợi cho quân giải

phóng bằng cách làm thơ tuyên truyền không công cho “cách mạng”. Chính cái sự nhồi nhét, chính trị hóa văn học nghệ thuật đã biến cho dòng văn chương ấy không có hồn, không có trái tim, chẳng thể cảm nhận được cái đẹp ngoại giới chỉ vì hệ thần kinh mẫn cảm với cái đẹp trong đầu họ đã bị tê liệt, bị thay thế!

Và rồi, bên cạnh các nhà văn, nhà thơ cách mạng giải phóng, còn có hàng chục thi sĩ trốn lính, mà cũng không có gan lên rừng gia nhập giải phóng quân, thì lại dùng loại ngôn ngữ khẩu hiệu để sáng tác thơ. Họ gào rống còn mạnh hơn cả hệ thống tuyên truyền của mặt trận:

Mỗi tiếng hát lên đường, một mũi dao đâm

Tất cả hôm nay vững bền như núi thếp

Đạp đầu quân bán nước xông lên

Trước mũi lưỡi lê tiếp lời ca chị Sáu

Trước họng súng hung tàn sông máu anh On

Đất nước lừng thom ngày ta khôn lớn

Tiếng loa truyền sấm chớp bủa từng cơn

(Trần Phú Nhạc, Chúng ta đứng lên chung một tuyến hào, Đối Diện số 36, tháng 6/1972).

Sự thô thiển trong câu, tứ như trên có thể liệt kê dài hàng ngàn cây số, nhưng với những nhà phê bình văn học “lỗi lạc” như Đặng Đoàn, Lê Đình Ky, Như Phong... thì đó là sự góp phần làm rục rở nền văn học giải phóng!

Trái với dòng văn học này, các nhà văn nhà thơ thuộc lớp trẻ ở khoảng nửa thập niên 60 và đầu những năm 70, tuy không có hội đoàn, tổ chức đứng bên cạnh “cầm tay sáng tác”, nhưng tất cả đã mở được cửa trái tim để ngắm cái đẹp trong chốc lát từ đôi phương, giữa lúc đạn đã lên nòng, như nhà thơ mặc áo lính TQLC Linh Phương:

Chiều qua sém chết vì viên đạn/ Du kích bên sông bắn tia hù/ Cũng may gặp phải thằng cà chớn/ Thấy mặt ta ngẫu nhiên đến vô.

Nhớ hôm bắt được em Việt cộng/ Xinh đẹp như con gái Sài Gòn/ Ta nổi máu giang hồ hảo hán/ Gật đầu ra lệnh thả mỹ nhân.

Mai một ngày đây nơi trận tuyến/ Gặp ta em bắn chó ngại

ngừng/ Cuộc chiến đấu dành cho nhân nghĩa/ Đòi nào đạo lý với bao dung (Linh Phương – Hành quân).

Sự nổi phét, chửi tục ta có thể bắt gặp, đây rầy trong thơ thời chiến, nhưng nó vẫn mang đậm chất thơ, rất thơ chứ không hề là “thơ thời sự”, không hề là những câu chữ dung tục. Đó là sự bất chợt, ngẫu hứng vì một hình ảnh, âm thanh... đẹp bất chợt xuất hiện, có thể xóa mờ đi nỗi uất ức, lòng thù hận, tủi hờn. Các nhà thơ trẻ miền Nam làm thơ giữa trận mạc chưa hề thấy có câu thơ nào như những câu của nền văn học giải phóng dẫn ở trên. Họ có phần nộ đấy, có căm ghét đấy, nhưng là sự phẫn nộ căm ghét trở thành mẫu số chung cho cả lớp thanh niên tham chiến của hai miền, không có sự hằn học sát máu. Và đôi khi, nó lại phơi bày một cách trần trụi cảnh sống đang xảy ra chung quanh, giữa một xã hội hổ lớn, lụn bại; một sự thật được bóc trần khiến người đọc ngậm ngùi, chua xót:

*Mấy năm trời giày da bết gót
Ngày lãnh lương về chợ đường quân
Cám ơn những nàng má phấn môi son
Yêu ta vội vàng trước khi tiếp Mỹ
Con gái tiểu thư mơ toàn hoàng tử
Còn ai chia dùm con rận hành quân
...Em gái mười lăm đi làm đĩ Mỹ
Thằng nhỏ mười ba học đòi sát nguy
Ma quỷ phương ngoài học xẻ Trường Sơn
Đất nước ta, cường quốc bán buôn
...Ta trèo lên cây hỏi rừng có biết
Có một nơi nào hơn ở Việt Nam
Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam?*
(Trần Hoài Thư, Ta lính miền Nam).

Sao lại là tay sai bán nước cho Mỹ mà lại dám chửi Mỹ thẳng mặt? Trong khi đó, lính giải phóng hay lính bắc phương có dám làm thơ chửi Liên Xô, Trung Cộng không nhỉ? Đây cũng là sự khác biệt giữ dòng thơ giả và dòng thơ thật.

Và, để khắc họa chân dung người lính hai miền, không có bài thơ nào đầy đủ hơn, bi hài, bi tráng hơn bài Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi của Nguyễn Bắc Sơn. Xin chép

nguyên văn để khép lại bài *hí luận* này và để cho các nhà phê bình văn học cách mạng giải phóng suy gẫm:

*Lòng xuôi cạn phơi một bầy đá cuội
 Rừng giáp rừng gió thổi cỏ lông măng
 Đoàn quân anh đi những bóng cộp vằn
 Gân mắt đỏ lạnh như tiền sắc mặt
 Bốn chuyển di hành một ngày một ngát
 Dừng chân nơi đây nói chuyện tiếu lâm chơi
 Hãy tựa gốc cây hãy ngắm mây trời ...
 Hãy tưởng tượng mình đang đi picnic
 Kẻ thù ta ơi các ngài du kích
 Hãy tránh xa ra đừng chơi bắn nheo
 Hãy tránh xa ra ta xin tí điều
 Lúc này đây ta không thèm đánh giặc
 Thèm uống chai bia thèm châm điếu thuốc
 Thèm ngọt ngào giọng hát em chim xanh
 Kẻ thù ta ơi những đĩa xăm mình
 Ăn muối đá mà điên say chiến đấu
 Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
 Đi hành quân rượu để vẫn mang theo
 Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
 Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
 Ta bắn trúng người vì người bạc phước
 Vì căn phần người xui khiến đó thôi
 Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
 Suy nghĩ làm chi cho lao tâm khổ trí
 Lũ chúng ta sống một đời vô vị
 Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau
 Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu
 Những cột khói giả rỗng thiêng uốn khúc
 Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tét
 Và máu xương làm phân bón rừng hoang
 (Tháng 9/2012)*

Di sản văn chương miền Nam

Lời người sưu tầm: Bài trường thi này được trích từ thi phẩm **Quê hương như một thánh tích**, do Văn Uyển xuất bản tại SG năm 1969. Bài thơ được tác giả sáng tác trong vòng 2 năm (1967-1968) lúc chiến tranh đang leo thang, qua những trận đánh qui mô như Bình Giã, Đồng Xoài, An Lão...

Có lẽ, vào thời điểm ấy, khi đọc bài thơ này, hiếm có ai hiểu được tại sao tác giả lại mang cả thảm kịch VN vào biển đông, trong khi bốn bề rừng núi biển cả đèo ải phong tỏa số phận người dân, trong khi những câu khẩu hiệu viết nguệch ngoạc của phe giải phóng trên tường vách ở Bình Định trong những vùng chúng tôi hành quân: *Mỹ thua Mỹ còn chỗ để về, bạn thua bạn còn chỗ nào để về?*

Có phải bài thơ đã mang những điều dự báo có thật về một đất nước sau năm 1975, mà hầu hết người dân miền Nam như đắm đầu xuống biển Đông mà tự sát?

...Tháng của ngày dài nhất. Tháng khốn khổ vì tàn phá, tháng nuôi dưỡng bằng hy vọng. Tháng sửa soạn đổi đời, tháng hồi sinh bằng hôn lễ chúng tôi.

...Thả chiếc thuyền hồn ngược dòng thế kỷ, thám hiểm miền đất ung thư lở lói, từng mảng lớn rụng rời chìm xuống đáy hư không.

Desnos đã chết, đã chết rất xa dưới bầu trời quê hương...

... Đêm lười biếng, không than củi không một góc lửa hồng. Bóng tối chụp mũ lên những ngọn thông rình rập bước trở về của ánh trăng mạo hiểm...

...Ngó suốt bốn chân trời mưa trái thảm sầu phủ trùm anh kín mặt.

Có phải đây là lời tiên tri. Về một ngày cả miền Nam lao xuống biển đông mà tự sát? (THT)

HOÀNG BẢO VIỆT

Mặt điệp trên biển đông

Con người đó niềm im lặng tôi đang tìm kiếm.

Mùa những trận cười đổ mưa vừa dứt.
Nắng vàng từng khối ơ thờ treo lơ lửng
trên mái ngói suy tư.

Phóng mình ra khỏi nóc rừng già từ ngữ,
tôi bay là là trên điệp trùng chòm cây
bí ẩn. Bầy khỉ với vẻ mặt khô ngô đưa
nhau gánh chiếc võng mây đông đưa chờ
mặt trời mặng non băng qua hành lang
nhiệt đới.

Chúng tôi đi sát bên nhau, khung cảnh
dốc dào núi ngàn hiểm trở. Mặt biển
giận tím nổi vô tình. Gió hú gọi bầy
sóng cuồng quay đầu. Đất liền nghe thịt
da nổi ốc.

Thấp đôi nền mắt lo âu, ngó lại ầu
thời, soi sâu từng khu rừng mắt hút.
Chùm trái thời gian chín héo, ngày
tháng buồn rụng chết không tiếng vang.
Bầu vú được bao lâu, thân phận bọt bèo
rõ ràng yếu mạng.

Mặc cho con sâu bị quan đục khoét ruột
gan tâm tưởng, thơ tôi kháng cự trường
kỳ. Tôi muốn được từng trải hết đời
tôi như thi sĩ.

Tháng đó không tình cờ đã khởi sự
bằng kỷ niệm. Tháng của ngày dài nhút.
Tháng khốn khổ vì tàn phá, tháng nuôi

dưỡng bằng hy vọng. Tháng sửa soạn
đôi đời, tháng hồi sinh bằng hôn lễ
chúng tôi.

Thả chiếc thuyền hồn ngược dòng thế
kỷ, thám hiểm miền đất ung thư lở lói,
từng mảng lớn rụng rời chìm xuống đáy
hư không.

Desnos đã chết, đã chết rất xa dưới bầu
trời quê hương. Không phải một nhưng
một ngàn triệu lá rừng, một ngàn triệu
bàn tay bằng hữu chiến đấu cùng đón
đau vuốt mặt.

Sao chưa ném thanh gươm báu của thơ
Anh lên ngăn đón loài chim chuyên ăn
thịt người xuất hiện từ một hỏa ngục
nào hải hùng.

Mở toang khung mắt Anh đam mê, ngo
vào vô cùng xanh biếc cho đôi cánh én
tùy hứng vút cao.

Dưới lớp cát nổi trĩ len lõi bao
nhiều mạch nước ngầm.

Con người đỏ sanh ra không chỉ để còn
trùng nỉ non thương xót.

Chất chứa trong tôi mấy thanh gổ được.
Bó củi tốt cho bếp lửa còn rơi rớt
những tàn tro bất mãn.

Với những cọc sắt vô tri cắm trên mười
đầu ngón tay bật máu, tôi tới dựng lều
tranh bên nắm mồ mới đắp.

Với sức dẻo dai vô địch của ông cha
truyền lại, tôi vun bón mấy liếp tương
tượng tới bao giờ những hạt giống tin
yêu biến thành hàng ngàn cây cỏ thụ.

Nói tiếp buổi lên đường với bầy ong,
khoác bộ áo cừu non, đeo hai hàm răng

dã thú. Vạch trong màn sương mù ký ức một lối trở về nghỉ chân dưới tàn cây tình ái phong dao.

Chiều buông lưới như thói quen. Có thể họ sẽ không nhận biết mặt Anh. Ngọn hải đăng chói sáng, em đứng nép sau lưng, âm thầm nhìn nhin.
Thần Công lý run rẩy trên cán cân cảm xúc. Anh đắn đo chưa rõ phải đặt mình về phía nào.

Anh yêu em xin chọn lấy sự thua thiệt của trí não.

Anh yêu em để thế giới chóng quên một tâm hồn cu rư mang mầm nổi loạn.
Một thế giới không thôi lẫn lộn vì những vết phỏng hình như vô phương cứu chữa.

Tôi có tiếc gì đâu tiếc chẳng là họ chưa chịu hiểu khẩu phần tin yêu cần thiết cho tôi khác nào chim nghiện khí trời và ánh sáng.

Tôi có tiếc gì đâu thời đại đó tự bao giờ đã thu hình trong vỏ sò bảo thủ.
Đừng ai nghĩ tới tra khảo pho tượng câm nín kia. Ngày xưa chúng tôi là giống bò câu trắng bị cưỡng bách ra khỏi nội thành bùng bít, ra khỏi lăng tẩm thâm nghiêm.

Ngày xưa chúng tôi là giống hạc vàng lần lượt rời bỏ nóc giáo đường dưới áp lực của lòng tin thiếu bao dung.

Tôi có tiếc gì đâu - bởi vì tiếc thương không biến đổi được ngược chiều độ thiên từ dĩ vãng. Hồi những tâm hồn phóng đảng, chúng tôi cũng sắp lao

mình qua biên giới không gian.

Đêm lười biếng, không than củi không
một góc lửa hồng. Bóng tối chụp mũ
lên những ngọn thông rình rập bước trở
về của ánh trắng mạo hiểm.

Có phải sức hút em kỳ diệu đã giúp
quay mau hơn trái đất, đưa chân lý tới
gần cốt tủy, tới gần phần gốc rễ
lương tâm.

Có phải trong giấc mộng em thường kêu
gọi bình minh trở dậy. Rồi len lén đắp
lên ngực anh chiếc mền dệt bằng những
sợi bông mịn màng âu yếm.

Nguồn sáng yếu sây chân chúi xuống nóc
nhà. Anh chợt đứng lên như cây nhãn
tới mùa trở bông.

Đập cánh giữa vòm trống hoài nghi con
họa mi lạc loài trong khúc trầm ca thần bí.
Ngó suốt bốn chân trời mưa trải thảm
sâu phủ trùm anh kín mặt.

Ở đâu trời đất của riêng những chuyện
thần thoại.

Ở đâu trời đất của riêng những chuyện
ma quái hồ ly.

Gồng gánh trên hai vai hai mươi lăm năm
nặng nề hơn gông cùm khổ sai, bỏ mặc
con đói khát giấc ngủ yên biết không bao
giờ thỏa. Xin hỏi nhỏ có phải người bạn
không tên tuổi đã lặng lẽ hiến thân mở
đường máu cho các góa phụ ẵm con ra
khỏi quỹ đạo những tùy tinh sắp nổ.

Tuổi thơ hôm nay bay bổng giữa những
đám mây hồng. Gió lớn trên sông cái
vẫn gào thét tuyệt vọng để lừa mây ra
hải đảo.

Có khi nào chúng ta chịu khó nằm bắt động thật lâu dưới lớp cỏ còn ướp sương mai, nghe được cảm được ngôn ngữ ngọt ngào thơm tho như giòng sữa. Có khi nào tương lai tiếp giáp với con người gần gũi thôi mang vóc dáng một khối ám ảnh kinh hoàng mỗi lần chúng ta soi gương cổ nhìn sao rõ mặt. Hai bên trũng má xương buông trôi dòng muối mắt. Cây cối đâm chồi khắp trong chiếc đầu tự bao giờ ủ kín hơi mưa. Khu vườn nhân ái đó mới hôm qua còn phơi trần những cánh tay xơ xác. Trên thửa ruộng bản thể anh bày kiến vàng hì hục khuôn vác những hạt ý nghĩ xanh từ gốc lên tới ngọn lúa non.

Thế giới những kẻ vô tâm, chẳng phải em chẳng phải Anh chưa đủ sức quyến rũ hay cảm kích. Thôi hãy điềm tĩnh lèo lái đời chúng ta đi tới mặc cho các đợt sóng lưỡi búa ồ ạt bủa vây. Cả những xác chết bị bỏ rơi cũng giành lấy phần đất đứng cuối cùng của cỏ hoa rừng núi. Nhân chứng nào dám quả quyết bạo lực đã thắng tay càn quét thung lũng thần tiên của con cái chúng ta. Để ngọn lửa thần nhiên hủy diệt tâm hồn trong sạch bằng tia nhìn cặp mắt lồm sồm hơn tội ác.

Lấy mộng làm thật, xúc động làm bình yên, Anh trầm tư trong chuyến đi không cần địa bàn vẫn tìm ra phương giác. Một người một ngựa, can đảm băng qua cánh đồng vắng lạnh bên những

đồng xương khô.

Ở đó tù nhân nhiều lần bị thối đời kết án tử hình vẫn chưa biết mình còn sống hay đã chết.

Từ một nhịp tim vỗ về lòng xuôi mê man trong cơn hấp hối, tiếng vọng thì thào lời cuốn tôi bỏ đi xuống trần gian, bất kể chốn đó thiên đàng hay địa ngục. Men theo bờ vực chênh vênh không ngờ thấy cầu thang.

Sao không biết tôi đã từ chối chiêm ngưỡng họ, kể cả những chàng hiệp sĩ những trang hào sảng. Hồi bấy ó nâu, đừng nhìn tôi bằng cặp mắt hết thần sắc còn giận dữ kia.

Ngày chạm trán chiến tranh Anh hồi hả bước xuống từ đỉnh ngọn cau quê. Lè lưỡi lá trầu tươi Anh chờ ném một chút vôi em nồng hơi thở phập phồng ngực đất đau thương vô kể.

Ồi dòng sông thân ái, dòng sông cất tiếng hát thay lời Mẹ ru con, dòng sông nơi cánh chim giang hồ dừng bước ngắm mình. Cho chúng tôi trong khoảnh khắc lãng quên trận bão điên ngoài khơi lịch sử.

Xin chấp nhận kẻ muốn sống vượt ra ngoài mọi thành kiến tín điều ràng buộc, đừng nói gì tới đám đông. Hơn một lần Anh chịu lỗi giữa giờ phút vinh thăng đã cố tâm vắng mặt.

Từ đó anh kín đáo khắc sâu lên trán em những nốt nhạc dư âm tình tự cỏ hoa dung nhan đắm thắm.

Và lượn sóng nhẹ mặc tình mơn trớn bờ

ao buồn thảm bởi duyên cớ không đâu.

Đất hứa không riêng của họ, không riêng của chúng tôi. Đất hứa trước hết thuộc về tất cả những ai bất hạnh, những ai yếu đuối, của những bà Mẹ và những trẻ thơ, của những con thú hiền suốt đời bị săn đuổi.

Gỡ mặt nạ loài giả nhân Anh ném vào sóng gió vô vọng. Anh không biết sợ gì nữa. Yêu em, anh chỉ có thể tự hủy để trở thành em. Sự trở thành con người muôn đời ao ước được đi lang thang trong bình nguyên tuổi nhỏ.

Vậy đừng ngạc nhiên, khi cánh cửa tim hé mở, ngọn lửa ngọt bén gần, em ngoan ngoan đặt bàn tay em trong lòng tay anh, lòng tay bầu tròn như nắm thóc.

Từ lúc sơ sanh, thịt da anh đã đượm nồng hương đất, em nhớ không. Lấy ai tri kỷ lấy ai đồng điệu để cùng giậm chân với chúng tôi. Để giữa hai ngành máu sanh đôi nghe tan dần khỏi băng quạnh hiu gần ba mươi năm bơ vơ trời giạt...

Luồng gió lạ thường nào đã phun bụi nước mặn làm tắt ngóm vệt nắng hồng trên biển Đông. Phương Tây có ngờ đâu mặt trời bao dung còn rực rỡ mãi trong tâm trí chúng tôi.

Buổi sáng liền thoắt đeo vào cổ em chiếc kiềng khéo léo gắn liền trăm ngàn đốm lửa bạch kim góp nhặt từ những mảnh sao rơi.

Từ già thành phố đỏ, quán trọ đứng

bên đường cho đời anh tạm trú.
 Đó ai biết thế nào là thương yêu, thế
 nào là độ lượng thế nào là tự do. Mắt
 anh ngâm một trái tim co thắt.
 Bóng đen trong con người anh không họ
 hàng gì với bóng đêm. Có sao Anh
 thường hoảng hốt, giấc ngủ chưa bao
 giờ được yên. Có sao Anh không đáp
 được một chuyến xe chạy suốt tới miền
 thanh bình mộng tưởng.

Anh ôm siết nỗi chết ngất lữa thê trước
 sự thật phũ phàng. Bàn tay mang nhiều
 vết thương không nhờ mấy lớp vải thưa
 giấu che người khuất mặt.
 Thương cho con nai tơ kiệt sức gục quy
 trước cánh rừng trăm dày đặc tuổi
 thanh xuân anh lỡ bỏ lại đằng sau.

Anh giữ lời hứa, khi nào tới nơi, một
 bến sông, một chân cầu, một cửa biển,
 một vịnh sao, Anh giữ lời hứa, với
 những trông mắt ứa lệ dạt dào, những
 chuối hôn ngây ngất, những bàn tay
 anh em...

Khi nào tới nơi, ngựa không buồn chạy
 theo đường cũ.

Bốn chân quá khứ mắc lầy. Anh vút
 ngọn roi thức tỉnh lên đêm thâu khó
 ngủ. Mặt trời đen chợt đỏ hào quang.
 Anh giữ lời hứa, nhưng chịu đựng thế
 nào được chiến cuộc kéo dài vô lý như
 những ý tưởng hận thù họ cấy sâu vào
 từng thớ tim họ chuyển vận trong từng
 ống máu.

Tha thứ cho gã đang tử sẽ hóa kiếp
 chớp nhoáng ở cuối chuyến hành hương

quay về với niềm vui ngây thơ nơi
vĩnh cửu.

Chừng đó không lẽ mỗi một mình Anh
mãi mãi cô đơn trong nỗ lực phi
thường để đòi sau may ra còn hiểu thấu.
Ý tưởng trong veo chưa hề vẩn đục. Nên
chỉ những hột đắng cay từ từ lắng
xuống lòng đất bụi ngùi vì liên tưởng.
Nghe đâu nơi kẻ vong thân thể xác lẫn
tâm linh chỉ còn là những tiếng vọng bi
thương rời rạc...

Từ lâu tri chí bám riết lấy Anh, loài
dây leo bỗng phút chốc hốt hải giật
mình buông tay chơi với giữa những
lớp nhớ nhung nhịp nhàng khua động.

Đêm từ biệt quê hương Anh viết bài
thơ lục bát dưới mưa bom đạn. Bài thơ
sẽ không được đọc lên như một tờ di
chức hay một bản tuyên ngôn.

Dễ hiểu vì đứa con đầu lòng của chúng
tôi đang soi mình xuống triều suy niệm
của thi ca. Con sông hùng vĩ nào mới
xưng tên? Nếu không phải dòng tâm
linh khắc khoải triền miên, làm sao phát
hiện nổi hình ảnh trung thật của một đại
dương bên cạnh khối linh hồn người dân
trải ra trên mặt vùng ưu tư bát ngát...

Còn hương sắc chốn quê nhà thân yêu
sớm mất, hãy tự hỏi chính chúng ta có
thể nào tìm thấy nguyên vẹn nữa hay
không?

(1967-1968)

PHẠM CAO HOÀNG

Chu Trần Nguyên Minh, tác giả bài thơ LỜI TÌNH BUỒN



Cuối thập niên 1960, những tình khúc lãng mạn của Vũ Thành An xuất hiện ở miền Nam như một luồng gió mới, được nhiều người yêu thích, nhất là giới sinh viên học sinh, trí thức và quân đội... Nhạc Vũ Thành An sang trọng, nhẹ nhàng, dễ đi vào lòng người. Chất lãng mạn trong nhạc của ông có một cái gì đó rất gần gũi với tâm trạng của tuổi trẻ lúc bấy giờ: buồn vì chiến tranh, sợ hãi vì phải đối mặt với những hiểm nguy, đau khổ vì chia ly, mất mát. Ngoài những bài không tên và những tình khúc do ông tự viết nhạc và lời, Vũ Thành An còn có một ít ca khúc phổ từ thơ. Một trong những ca khúc phổ từ thơ rất thành công của ông là bài LỜI TÌNH BUỒN.

LỜI TÌNH BUỒN là bài hát mà tôi nghĩ rằng dạo ấy những người yêu nhạc ai cũng đã từng nghe qua ít nhất một lần. *Anh đi rồi còn ai vuốt tóc. Lời tình thơm sách vở học trò. Đêm xuống rồi em buồn không hờ? Trời sa mù*

tầm tay với âu lo.

Bài hát ra đời năm 1967, cho đến nay đã được 45 năm. Trong 45 năm đó, LỜI TÌNH BUỒN đã được nhiều ca sĩ nổi tiếng thu âm và trình diễn, trong đó có những ca sĩ hàng đầu như Khánh Ly, Tuấn Ngọc, Ngọc Lan, Khánh Hà, Duy Quang, Họa Mi, Bằng Kiều... Khi nhắc tới bài hát này, người ta thường nhắc đến nhạc sĩ Vũ Thành An, ít nhắc đến tên tác giả của bài thơ đã được phổ nhạc là CHU TRÂM NGUYÊN MINH, mặc dù trên bản nhạc khi in ra hay băng đĩa khi phát hành đều có ghi rõ: thơ Chu Trâm Nguyên Minh. Có thể do Vũ Thành An thường tự viết lời cho nhạc của ông nên nhiều người nghĩ bài hát này cũng vậy.

Nhà thơ Chu Trâm Nguyên Minh tên thật Phạm Minh Tâm, sinh năm 1943 tại Bình Thuận. Ông đã trải qua một thời tuổi thơ đầy tự hào nhưng cũng đầy bất hạnh. Cha ông đi kháng chiến, thỉnh thoảng mới tạt về thăm nhà. Ở nhà, chỉ còn lại người mẹ tần tảo nuôi dưỡng 5 người con: Phạm Minh Tâm, ba người chị, và một cậu em trai. Gia đình ông có một căn nhà gạch chắc chắn, nhưng cha ông quyết định đập bỏ, vì “*nhà kiên cố Tây nó sẽ lấy để làm đồn bót, thà đập đi còn hơn*”. Sau đó, mẹ ông đưa các con vào sống trong khu tam giác Phan Thiết – Ma Lâm – Mường Mán. Đây là vùng “xôi đậu”, thuộc khu “oanh kích tự do”, và em trai ông đã chết ở nơi này vì một quả đạn mọt-chê. Đầu năm 1953, Pháp mở cuộc càn quét dữ dội vào khu Tam Giác. Cả cha lẫn mẹ của ông đều bị giết trong cuộc càn quét này.

Cha mẹ không còn, nhà cửa không còn, mấy chị em cùng một số người khác kéo nhau vào khu rừng Đá Bàn giáp ranh với Lâm Đồng, sống trong bụi cây như người rừng. Khu rừng này cây cối âm u, rần rết rất nhiều. Một ngày kia ông bị rắn độc cắn, suýt bỏ mạng trong rừng. Mấy chị em sợ quá, không dám ở đó nữa. Đầu năm 1954, bốn chị em về Phan Thiết, chia ra mỗi người sống nhờ vào một người

bà con. Lúc đầu, Phạm Minh Tâm ở với người cậu, sau chuyển sang ở với người chú ở Phú Bình, rồi bắt đầu đi học bậc trung học ở trường Phan Bội Châu (Phan Thiết). Chỗ ông ở cách trường khoảng 7 cây số, không có xe đạp, hàng ngày ông phải đi bộ đến trường. Đôi chân thì nhỏ, trường thì xa, hầu như ngày nào ông cũng phải chạy mới kịp giờ học. Gia đình tan nát vì chiến tranh, mồ côi cha mẹ sớm, sống nhờ vào người chú, ông có những nỗi buồn riêng, và chính những nỗi buồn này đã tạo ra nhiều cảm xúc, đưa ông vào con đường thi ca. Học hành trong một điều kiện hết sức khó khăn như vậy, nhưng với ý chí sắt đá và lòng kiên nhẫn, ông đã vượt qua khó khăn, theo đuổi ngành sư phạm, ra trường 1965, và được bổ nhiệm về dạy Toán tại một trường trung học ở Phan Rang. Cũng từ đây, nhiều người biết đến Chu Trầm Nguyên Minh với những bài thơ xuất hiện đều đặn trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn: VĂN, VĂN HỌC, Ý THỨC...

Năm 1967, cường độ cuộc chiến gia tăng, nhiều giáo chức được gọi nhập ngũ. Chu Trầm Nguyên Minh nằm trong số đó. Ông nhập ngũ khóa 25 Thủ Đức, cùng khóa với nhạc sĩ Vũ Thành An. Chuyện nhập ngũ lại trở thành cái “duyên văn nghệ”, và bài hát LỜI TÌNH BUỒN (thơ Chu Trầm Nguyên Minh, nhạc Vũ Thành An) đã được Vũ Thành An viết vào năm đó. Điều đáng chú ý là tự thân bài thơ này đã là một bài thơ hay, lời bài thơ rất thật, chất nhạc đã có sẵn trong bài thơ, nên Vũ Thành An dễ dàng chuyển thành một trong những tình khúc hay nhất trong 45 năm qua.

Hiện nay Chu Trầm Nguyên Minh sống ở Sài Gòn.

Phạm Cao Hoàng

(Viết theo lời kể của nhà thơ Chu Trầm Nguyên Minh)

Virginia, tháng 8. 2012

LỜI TÌNH BUỒN

anh đi rồi còn ai vuốt tóc
lời tình thơm sách vở học trò
đêm xuống rồi em buồn không hờ?
trời sa mù tầm tay với âu lo

anh đi rồi còn ai đưa đón
áo em bay khuất mắt thiên đường
tuổi hai mươi trong vòng tay chờ đợi
ngôn ngữ nào anh nói hết yêu thương

anh đi rồi còn ai chiêm ngưỡng
cổ em cao tay mười ngón thiên thần
tóc em xanh trùng dương sóng lượn
anh chợt buồn đứng ngóng băng khuâng

anh đi rồi còn ai tình tự
đêm đầy trời ru tiếng nhớ bơ vơ
phút yêu em dấu lần quá khứ
nụ hôn đầu rụng xuống hư vô

Chu Trầm Nguyên Minh
1967

SÁNG TÁC MỚI

Thơ bước theo chân

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh



1

Tâm đã quen với những buổi chiều thứ bảy nơi đây. Ai khiến xui để chiều thứ bảy Tâm không có giờ học. Nếu phải đi học, Tâm làm sao có được những giây phút thật thân ái này? Cái phòng họp nhỏ của một tòa soạn, một nơi chốn rất bình yên. Phòng họp nhỏ của một tòa báo nhỏ. Nhỏ là bởi nó nằm khiêm tốn trong khu vực của một nhà sách lớn: nhà sách Đức Mẹ. Không mấy người biết đến tòa soạn nhỏ ấy. Nhưng không nhỏ chút nào, vì tòa soạn đó là nơi ươm mầm của cả một vườn cây lớn, vườn cây khắp miền Nam.

Tâm hay tìm cho mình một góc phòng, giờ những trang báo ra chăm chú đọc. Ly, cô bé “thầy cò”, một nữ sinh nhỏ bé luôn mặc áo dài trắng, cứ để yên cho Tâm như vậy, chỉ thỉnh thoảng hỏi han, rồi thì việc ai nấy làm.

Nhưng không lâu sau, chẳng có thể giữ được sự yên tĩnh như vậy. Mọi người đến đông dần. Xe đạp, xe gắn máy ã ã chật cả mảnh sân sau. Rồi thì tự giới thiệu, hoặc giới thiệu nhau. Thế là quen nhau hết. Những nhân vật không ai “dám” không biết, chính là các anh phụ trách tờ báo, được gọi bằng những cái tên vẫn tắt một chữ: Anh Quyên, anh Trinh, anh Hà, anh Vi, anh Cấp... Đến tòa soạn mà không gặp các anh ấy thì chưa phải là “dân Tuổi Hoa”. Vâng, vì đó chính là tòa soạn báo Tuổi Hoa.

Tâm vốn tính rụt rè, e lệ như hầu hết các cô gái gốc miền Trung. Tâm đến tòa soạn cũng do một “cơ duyên” chứ không hề cố ý. Một hôm Tâm cùng cô bạn đi tìm mua vài món hàng trang trí trong nhà sách Đức Mẹ để chuẩn bị cho lễ Giáng Sinh, cái biển đồng khắc chữ “Tuổi Hoa” đập vào mắt Tâm, và Tâm kéo cô bạn đi vào. Cái tên báo không xa lạ, vì Tâm đã là một tên ghiền xem báo Tuổi Hoa, nhưng Tâm chưa hề đến gặp một ai bằng xương bằng thịt, nên tất cả như một bắt đầu rất mới mẻ. Và, thật đơn giản, chỉ sau vài câu chào hỏi, Tâm đã là “khách quen” của Tuổi Hoa.

Cái không khí rộn ràng của những buổi gặp mặt chiều thứ bảy khiến không ai còn rụt rè nữa. Có một chút “nể nang” trong cái thân mật ấy, lạ thật! Nhưng ai cũng ngầm biết, và giữ gìn cái “nể nang” ấy. Là bởi vì thỉnh thoảng có bóng dáng của các Cha, các Thầy đi ngang qua phòng. Họ ở các văn phòng riêng, nhưng có một mối gần bó rất lớn, vì chủ nhiệm bán nguyệt san Tuổi Hoa là một vị linh mục, còn quản lý tòa soạn thì là một “frère”.

Ấy thế mà có một lúc, một giọng cười vang lên như một nét chấm phá đặc biệt trên một bức tranh tĩnh vật. Anh Vi

nói ngay:

- Là Sơn đấy!

Mọi người nhìn ra cửa. Người thanh niên – chắc chắn là Sơn rồi – đi vào. Phòng họp bỗng rộn ràng hẳn lên. Sơn giở chiếc mũ “bê-rê” màu đỏ đặt lên bàn, và tay bắt mặt mừng cùng các bạn, cười nói huyên thuyên. Tâm lặng yên quan sát, thấy cũng vui vui vì sự có mặt của người thanh niên này.

Chuyện nổ dòn như pháo Tết. Tâm thấy mình dạn dĩ hơn nhiều so với lúc trước. Khi Sơn đến trước mặt Tâm, Ly nhanh nhẩu nói:

- Đây là chị Tâm, khách quen, khách ruột của Ly đấy!

Sơn cười:

- Chỉ là của Ly thôi sao?
- Phải, vì Ly “trụ trì” ở đây hàng ngày mà!
- Chào chị Tâm.
- Chào anh Sơn.

Và thế là cứ vui, cứ cười. Chuyện của những người làm văn nghệ học trò. Có người viết đã lâu, có người mới viết. Hỏi đến Tâm, Tâm ngập ngừng:

- Tâm chỉ biết đặt Ô chữ.

Sơn reo lên:

- Tôi cũng thích làm Ô chữ. Mở một tờ báo ra là tôi tìm ngay mục Ô chữ.

Anh Trinh cười:

- Nè, nói cứ như người vô tư. Lo mà gom góp bài vở, cuối tháng này tôi với “ông” hoàn thành tập thơ nhé!

Sơn gạt đi:

- Chưa cần nói chuyện thơ văn lúc này. Để tôi bàn chuyện làm Ô chữ với chị Tâm đã.

Tâm tròn mắt, thấy thú vị quá! Hai người chụm đầu làm Ô chữ. Người lính áo trận rần rì và cô sinh viên sư phạm. Như hai đứa trẻ.

Cuộc họp tàn. Sơn tạm biệt mọi người để vào trại. Tâm

giúp Ly kê lại bàn ghế. Bỗng chốc, Tâm lấy ra một phong thư. Nét chữ mực xanh trên bì thư, rất thanh tú, và không cần mở thư, Tâm vẫn như thuộc lòng những câu trong đó: *“Từ Tâm, dịp này tôi vào Sài Gòn, mong sẽ được gặp Từ Tâm”*. Đó là nét chữ của Thiên Thu.

Tâm len lén thở dài. Thiên Thu ơi! Bao giờ cho đến một cái chiều thứ bảy cho Từ Tâm được gặp Thiên Thu?

2

Tâm đến hơi trễ hơn mọi người. Tâm đứng ở sân sau, mà cũng nghe được tiếng nói cười rộn ràng đằng phòng họp. Vẫn là chiều thứ bảy. Tâm mở sọt thun dày ở yên sau, lấy cặp toan đi tới phòng họp, bỗng ngoái đầu về phía nhà in. Có một cái gì cũng rất rộn ràng ở phía ấy. Tâm nhớ ra là có nhiều lần mình muốn theo Ly xuống nhà in xem cho biết, nhưng thấy Ly bận rộn quá nên thôi. Tâm cũng không dám đi một mình, sợ làm như thể là “không phải phép”. Nhưng lần này, Tâm tự nhủ “Mình sẽ chỉ đứng ngoài nhìn vào thôi!” Và thế là Tâm đi về phía nhà in.

Tâm thấy rất rõ một giàn máy in đang rầm rập làm việc. Những trang báo lần lượt chồng khít lên nhau. Đàng kia là máy cắt, nọ là máy đóng bìa. A, và có mấy người thợ sắp chữ nữa cơ! Tâm reo lên thầm trong lòng như vậy. Họ chăm chú dán mắt vào những con chữ nhỏ xíu như cái đầu đũa. Tâm đã hiểu rồi! Hóa ra là để có những trang báo đẹp mắt và rõ ràng, đã có bao người làm việc tỉ mỉ như con ong cái kiến như vậy. Thảo nào có nhiều khi trang báo in thừa đầy cả lỗi chính tả, từ đó có cô “thầy cò” là Ly mỗi chiều ngoài giờ học lại đến sửa từng chút để những người sắp chữ sửa lại. Tâm mỉm cười với vẻ thán phục.

Một người thợ sắp chữ nhác trông thấy Tâm, ông đến bên, hỏi:

- Cô có muốn vào xem không?

Tâm đáp vội:

- Dạ có ạ! Cháu có thể coi một chút được không chú?
- Được chứ! Tôi thấy cô quen mà, cô đến đây hoài, cô thường dựng xe ở góc kia.
- Ô, chú biết vậy sao?

Tâm cảm động, bước theo người thợ sắp chữ. Người ấy chỉ cho Tâm xem từng giai đoạn của việc ấn loát, từ lúc sắp những con chữ li ti trên các bản gỗ, cho đến khi hoàn thành một cuốn báo. Chưa hết đâu! Khi đã in bài xong, những người thợ lại phải gỡ các con chữ và trả về đúng học đựng, thí dụ học đựng riêng chữ “a”, rồi một học khác đựng chữ “á”, học khác nữa dành cho chữ “à”...Tâm đã cảm thấy thỏa mãn những ao ước bấy lâu.

Đến bên chiếc bàn gỗ lăm lem màu mực in đen thui, người thợ sắp chữ cầm một tập giấy lên, liếc nhìn rồi chặc lưỡi:

- Sắp tới, nhà in có thêm nhiều việc lắm đây! Sẽ có thêm loại sách Hoa Tím dành cho tuổi mới lớn, và lo in cho nhanh tập thơ chung của anh Trinh với Thiên Thu.

Tâm giật mình, hỏi ngay:

- Thiên Thu hả chú? Thiên Thu có...
- Anh ấy mới cùng với anh Trinh xuống đây nè! Cô biết mặt anh ấy chứ?
- Dạ thưa không, cháu chưa hề gặp...

Tâm lén nhìn vào trang giấy.Ồ! Những dòng chữ mực xanh thanh tú. Nét chữ của Thiên Thu! Tâm vội vã chào người thợ sắp chữ rồi rảo bước thật nhanh về phòng họp. Thiên Thu đã đến! Đúng là anh đã về Sài Gòn. Và “mong sẽ được gặp Từ Tâm”. Ôi! Sao tự nhiên tim mình lại đập nhanh thế này? Tâm dừng lại một chút, hít thở thật sâu. Và như một học sinh không thuộc bài sắp bước lên bục gỗ, Tâm se sẽ mở cửa phòng họp.

Thiên Thu đâu? Tâm tự chế giễu mình, mình không hề biết mặt Thiên Thu mà! Thư từ vẫn nghệ qua lại, có ai yêu cầu gửi hình ảnh mô nà? Tâm nhìn quanh, chỉ những gương mặt quen thuộc mình đã biết. Thiên Thu đã đi rồi ư?

Tâm khẽ thở dài, chào mọi người rồi ngồi xuống cái góc quen thuộc của mình. Đầu bàn, anh Trinh nói lớn:

- Bây giờ Sơn đọc cho anh chị em nghe bài thơ mới nhất của Sơn đi!

Tâm nghĩ thầm: “Mình đã không gặp Thiên Thu, đã không được gặp Thiên Thu”. Tai nghe lơ đãng, Tâm giấu một nụ cười buồn.

Và bài thơ của Sơn kết thúc với:

*“...Từ đó con vào quân đội
Mẹ ở quê nhà mỗi trông
Biết đến rằng chừ tiếp nối
Bên mẹ năm tháng còn không?”*

*Bây giờ mùa Xuân về đó
Hồn thơ con trầu nhớ thương
Hẹn mẹ con về ngòi nớ
Một mai nắng ấm quê hương” (*)*

Rồi những tiếng vỗ tay... Rồi Tâm giật mình. Bài thơ mới nhất! Bài thơ của Sơn. Nhưng giọng điệu của bài thơ không thể làm với của ai khác. Là Thiên Thu! Ôi! Thiên Thu đó! Tâm bồi hồi. Tâm vỗ tay thật lớn. Một sự tán thưởng và vui mừng mà chỉ có một mình Tâm hiểu.

Cuối buổi họp, mọi người dần dần về hết. Tâm ngồi ở một góc bàn. Phong thư có chữ mực xanh vẫn còn y nguyên trong cặp. Tâm len lén nhìn Sơn. Chỉ có một động tác đơn giản là đèn nói với Sơn: “Thiên Thu ơi, Từ Tâm đây!” thế mà không mở lời được. Sao mình lại chẳng chịu nói ngay từ ngày đầu với anh Quyên, anh Trinh, hay anh Hà, anh Vi, hay Ly, rằng mình là Từ Tâm? Mình e ngại xưng một cái tên mà số bài thơ chỉ vón vện đếm trên đầu ngón tay? Hay mình tự cao? Hay mình còn mang cái tính nết e thẹn của một người con gái Đà Nẵng xuất thân từ một gia đình quá

cổ kính? Tất cả đều đúng.

Rồi bỗng dâng lên một nỗi giận hờn. Cũng là tại Sơn nữa! Sao lại có người quái ác thế, chẳng chịu xưng tên ngay từ đầu? Ồ mà không! Sơn đã xưng tên thật của Sơn đó chứ! Chỉ là Sơn không xưng bút hiệu Thiên Thu mà thôi. Ôi chao cái thế giới thi văn học trò coi vậy mà cũng rắc rối gớm! Chắc có lẽ mọi người đã biết Sơn là Thiên Thu, chỉ có mình quen sau nên không biết. Trước mắt Tâm, Sơn là một “ông lính”, khiến Tâm hơi “ngán”. Nhưng Tâm cũng đã biết Thiên Thu là lính. Lính Nhảy Dù. Vậy mà hình ảnh Thiên Thu trong trí của Tâm có khác nhiều với Sơn đây. Có khi là do Tâm tô vẽ mọi chuyện theo ý mình, chứ Sơn vẫn là Sơn, vẫn là Thiên Thu bằng xương bằng thịt đấy thôi!

Không biết làm gì, Tâm lại mở một trang báo có mục Ô chữ. Bỗng thấy có Sơn đến ngồi trước mặt. Sơn nói rất tự nhiên:

- Tâm này, lại làm Ô chữ?

Tự nhiên Tâm hơi đỏ mặt. Tâm không dám nhìn Sơn, không dám nhìn Thiên Thu. Vâng, Thiên Thu làm thơ như người ta thờ, còn Tâm chỉ biết đặt Ô chữ và có vồn vện mấy bài thơ “con cóc”. Nhưng Thiên Thu có biết rằng Tâm đã yêu mến và thuộc lòng thơ của Thiên Thu?...

Sơn nói, như thể đã “nghe” được ý nghĩ của Tâm:

- Tâm nè, giải Ô chữ làm cho tâm người ta hiền hòa, có khi chẳng cần biết thơ văn là cái chi hết.

Tâm hỏi nhỏ:

- Sao anh Sơn nói vậy?

Sơn cười rất hiền:

- Tôi nghĩ sao nói vậy. Biết Tâm, tôi thích thêm một món: Ô chữ. Có lẽ lần này khi ra lại mặt trận, tôi sẽ mang một lô tạp chí có Ô chữ cho bạn bè cùng làm cho vui.

Tâm hơi giật mình, nói khê:

- Anh Sơn sắp đi?

- Phải.
- Bao giờ...?
- Ngày mai.
- Ngày mai... ngày mai sao?
- Phải. Thứ bảy tuần tới tôi không còn được đến chơi với các bạn. Nhưng tôi sẽ về nữa mà!
- Anh Sơn nhớ về.
- Tôi sẽ về chứ, Từ Tâm!

Tâm hốt hoảng. Sao Sơn lại biết mình là Từ Tâm? Trong tòa soạn vẫn chưa có ai biết.

Sơn cười thân ái:

- Tôi nhận ra Từ Tâm ngay từ buổi họp đầu tiên. Tâm có ngạc nhiên không?

Tâm vẫn tròn mắt nhìn Sơn, không hiểu. Sơn lại cười:

- Có gì đâu, chính nét chữ của Từ Tâm đã cho tôi biết, dù chẳng có ai nói, ngay cả chính Từ Tâm cũng không nói.
- Nét chữ?
- Phải, đây này, trên Ô chữ này!
- Ồ! Nhưng... nhưng chỉ toàn là những chữ cái viết in, đâu phải...
- Thì là những chữ cái viết in. Đâu cần cả một câu hay một bức thư. Từ Tâm không nhớ là Từ Tâm chẳng bao giờ viết hoa cả, mà chỉ viết chữ in ở đầu những chữ phải viết hoa hay sao? Vậy thì tôi chỉ cần nhìn thấy những chữ in này là nhận ra nét chữ của Từ Tâm ngay thôi. Nhất là cái chữ “T” in này, bao nhiêu lần Từ Tâm đã viết.

Chúa ơi! Tâm thầm thốt lên. Bỗng hai con mắt cay xé. Cái gì như là niềm cảm động dâng lên dào dạt. Thiên Thu không bao giờ là kẻ vô tâm!

3

*Lâu rồi quên lẽ Misa
 Vì đời quân ngũ đành xa tình thân
 Hôm nay con nắng băng khuâng
 Anh đi về phép thăm thành phố xưa*

*Hồn mong mới ước đợi chờ
 Ngày mai phiên lễ sương mờ núi xa
 Tung bùng lòng nở trinh hoa
 Anh đi dự lễ Misa rộn ràng (*)*

Từ hôm hội ngộ với Thiên Thu, Tâm đã có thói quen ra cầu nguyện trước hang đá có tượng Đức Mẹ, bên hông nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Những buổi lễ chiều vang vang tiếng kinh cầu và những hồi chuông làm lòng người lâng lâng.

Vẫn là thứ bảy. Chiều. Những buổi họp. Ai khiến xui để chiều thứ bảy Tâm không có giờ học. Nếu phải đi học, Tâm làm sao có được những giây phút thật thân ái này? Cái phòng họp nhỏ của một tòa soạn, một nơi chốn rất bình yên. Phòng họp nhỏ của một tòa báo nhỏ. Nhưng không nhỏ, vì cái phòng họp này đã dung chứa những tình thân quá lớn. Những cây bút trẻ viết cho tuổi học trò, không huênh hoang tự thị, lúc nào cũng mang đến cho nhau sự đầm ấm. Chưa hết, còn có những cây bút mang áo lính, viết về đời lính, nhưng cũng hồn hậu lắm.

Và cũng là buổi chiều thứ bảy. Khi đó phòng họp không có một tiếng nói. Nhiều người đã đến và ngồi ở những góc quen thuộc. Họ nhìn nhau, lặng lẽ. Từ Tâm lại cũng đến ngồi ở cái góc của mình, nơi thường xuyên có những trang báo mở ra mục Ô chữ. Tâm cũng vẫn thấy những chữ in điền vào các ô trống. Nhất là cái chữ “T” in này, bao nhiêu lần Từ Tâm đã viết. Sơn ời, là “Thiên Thu”, là “Từ Tâm” đó! Bao nhiêu bức thư với màu mực xanh. Người lính chiến bàn tay chai sần sương gió mà vẫn giữ nét chữ thanh tú hoa mỹ. Còn Từ Tâm thì chỉ thích viết chữ in thay vì viết hoa. Nhưng đâu rồi tiếng cười sang sảng vô tư, như chiếc gạch nối cho mọi người? Đâu rồi những bài thơ? Tập thơ Thiên Thu dự định in cùng với anh Trinh đang được “lên khuôn”. Tòa soạn đang vào mùa tăng cường độ làm việc, vì có thêm những sách truyện dài Hoa Tím, và có thêm những tập thơ như thơ của Thiên Thu. Tiếng máy in

vẫn chạy rầm rập như nhịp bước quân hành. Tuổi Hoa có thêm nhiều bài viết về chiến tranh. Và có một trang báo dành đặc biệt cho một người-thơ-nhà-binh nằm xuống ở chiến trường Cam-Bốt.

*Rêu phong lưng đá ngùi trông
Vết thương lở lói ảm dòng thác năm
Nghe ra rạn nứt âm thầm
Bóng miên dạng trắng hao tầm vóc sương
Và nghe giấc ngủ hoang đường
Tôi mơ mình bước trên đường hoang sơ
Trăm con kỷ niệm vô bờ
Chừ nghe ngày tháng tro tro cuộc lòng (*)*

Mấy mươi năm sau, tôi, hay có còn ai, khóc thương anh không? Thơ vẫn bước đi theo chân anh. Thơ cũng sẽ ở mãi cùng tôi. Từ Tâm lặng lẽ gấp trang báo lại. Ngủ một giấc dài đi nhé, Thiên Thu!

() Trích từ những bài thơ của Trần Miên Trường, tuoihoa.hatnang.com*

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh
Tháng Chín 2012

ĐẶNG KIM CÔN

Tô Thị Rời Non Cao



Tranh Thẩm Nguyễn (báo Trẻ online)

Quán có khoảng 3, 4 cô chạy bàn gì đó, cô nào cũng khá đẹp, nhưng có lẽ đẹp nhất là Thủy. Chủ quán cũng khéo lựa để cho Thủy giữ nhiệm vụ kết-sê. Nàng ngồi trên kết trông điệu vợi như vàng trắng xa xôi, vẻ như tay người trần không bao giờ với tới, nhưng càng huyền ảo hơn, những khi quán đông khách, Thủy phải bước xuống trần gian phụ bưng café. Không người khách nào không nhìn theo từng bước đi nhẹ nhàng ẻo lả, tha thướt trong chiếc áo trắng mỏng mị của nàng. Có lẽ một phần nhờ vậy mà quán ít khi nào vắng khách.

Chuẩn cũng đã đến đây đôi ba lần, nhưng chưa lần nào nói chuyện với nàng. Nếu chàng về thành phố mỗi ngày hoặc đến quán thường thì chắc họ đã dễ tiếp xúc với nhau hơn. Quán đêm nay cũng khá đông khách, may thay, Thủy đã mang café đến bàn của Chuẩn. Và Thủy đã chột giật mình đánh rơi cái vè mặt mơ màng của chị Hằng đêm thu:

-Anh Chuẩn.

-Cô... cô là...

-Dạ em, anh đợi em chút, anh nhé.

Rồi nàng thoăn thoắt đi, về mặt rạng rỡ hẳn lên.

Trên kết kia, chị Hằng đã vệt đám mây mù thường ngày, bước ra sáng lóa, không đủ bình tĩnh để giữ khỏi phải thường xuyên liếc về phía Chuẩn cười cười. Khổ nỗi, Chuẩn vẫn chưa nhớ ra nàng là ai. Nhưng sao cô gọi đúng tên mình? Bệnh gì đầu mà từ chối cái vé số độc đắc này. Vâng, mấy tiếng đồng hồ là bao nhiêu, mới đi hành quân về mà, đơn vị ở cách thành phố hơn hai mươi cây số, không ngồi đây thì cũng lang thang. Mấy cái truyện trinh thám, gián điệp, kiếm hiệp chợt lảng vảng trong đầu, hay là Việt Cộng đang mỹ nhân kế với chàng? Nhưng sao lại là chàng mà không phải hàng hàng lớp lớp những sĩ quan đang ngồi loanh quanh đây? Với lại chàng có mang lon lá gì chứng tỏ là quan quyền đâu. Có chết thì hằng tính sau đi, sông suối không chết sá chi lỗ trâu nằm.

Quán vẫn còn đông khách, Thủy xin phép chủ quán, giao số sách tiền bạc lại xong, lấy thêm mấy gói thuốc lá, bước xuống chỗ Chuẩn:

-Đi anh, em tính rồi.

Chuẩn làm bộ khoan thai đứng dậy, vẫn chưa tìm thấy một nét quen thuộc nào trên vàng trắng bảng bạc ấy. Rất tự nhiên, Thủy bi bô:

-Thuốc lá anh đây.

Rồi nắm tay chàng bước ra khỏi quán:

-Sao cô biết tôi?

-Cái mặt anh, cái bảng tên trên ngực áo, cái phù hiệu trên vai, chắc em lắm. Làm gì có vẻ xa xôi như đang ở trên mây ấy.

-Thì trên mây chứ còn gì nữa. Đang ở Cung Quảng đây.

Thủy cười:

-Đúng là lính đào hoa có phải, chỉ để cho người ta nhớ mình. Cung Quảng nào? Không phải đang ở với em sao? Sương nè.

Chuẩn lục vội cái trí nhớ của chàng, không nhiều tên Sương đến nỗi chàng phải khó khăn lắm mới có thể nhớ ra một Sương tơ nõn, hiền lành ở cụm Đồi 10 Đệ Đức,

những ngày chàng đi tiền sát cho một tiểu đoàn bộ binh ở đó. Thường thì tiểu đoàn bộ binh nào cũng có một sĩ quan tiền sát viên đi theo để sẵn sàng yểm trợ, điều chỉnh pháo binh cho họ khi cần. Hôm nọ, đại đội của đại úy Khương được tiểu đoàn ưu tiên cho mượn tiền sát viên đi theo làm vệ sĩ trong cuộc hành quân lục soát, sau một buổi chiều trong khu vực trách nhiệm của Khương, Việt Cộng đã ám sát chết một Chủ tịch xã. Với tiểu đoàn thì chàng đã có vai vế, ở đây, với đại đội thì chàng lại càng được xem trọng hơn. Cuộc hành quân ngắn trong ngày không gặp một cuộc kháng cự nhỏ nào, đại úy Khương dẫn đại đội loanh quanh chân núi, nhờ Chuẩn gọi tác xạ chừng chục quả pháo binh, ra lệnh cho lính tráng bắn mấy chục loạt đạn để hợp thức hóa một buổi chiều đi trận.

Trên đường về, để lấy thành tích, Đại úy Khương tạt qua làng, lục soát, bắt một số người mà ông cho là khả nghi, trong đó, nhà cuối cùng và người cuối cùng bị bắt là Sương mỏng manh, nhút nhát này. Chuẩn lăm bằm:

-Thoắt cái hơn hai năm rồi.

-Thế bây giờ anh lên tới cái ông gì rồi?

-Ông xã em.

-Hay gói. Thật là bạo miệng. Không sợ chị nhà sao?

-Sợ mà dám thản nhiên nắm tay trước mặt khách khứa sao?

-Em khác. Em có dám đèo bông đầu. Chỉ cần em được ôm ân nhân của em, chả cần làm bà tướng bà tá gì hết.

Chuẩn vòng tay qua vai nàng:

-Lợi dụng hai chữ ân nhân! Anh nhìn không ra em. Không còn là cô gái rừng xanh trước.

-Dạ, lúa tốt nhờ phân mà. Sơn phấn làm em bớt Việt Cộng đi.

-Bớt thôi chứ chưa hết hả?

-Dạ, sợ không? Hối hận đã bảo lãnh nhỏ Việt Cộng này chưa?

Sương áp mặt vào vai Chuẩn đùa:

-Ngừa rằng Việt Cộng quá. Sợ không? Minh đi ăn

chút gì nha.

Họ bước vào quán phở, hai người ngồi đối diện nhau. Niềm vui bất chợt làm cả hai không giấu được nụ cười hạnh phúc lúng liếng trong mắt. Chuẩn đắm đắm nhìn Sương, như muốn tìm kiếm chút quen thuộc của nàng mấy năm trước, lúc nàng bị Đại úy Khương trói tay dẫn về căn cứ. Một Sương gầy gò, nhỏ nhắn, nước mắt như mưa, rũ xuống như cây nham mắc lứt, mẹ cô chỉ thiếu có quì xuống chân Đại úy Khương mà lạy. Cô thì thỉnh thoảng nói nhỏ nhỏ như rên:

-Con đâu làm gì Đại úy ơi. Ông tha giùm con, con học trong Bồng Sơn mới về đâu phải sống ở đây. Làm phước Đại úy ơi.

Sương níu tay Chuẩn đang ở bên cạnh Đại úy Khương, như bám đại vào một chiếc phao:

-Anh cứu em, em biết anh tin em không có gì mà.

Có gì hay không thì làm sao Chuẩn biết, nhưng thấy cô bé sao mà tội nghiệp quá. Không lâu lắm, chỉ mấy ngày trước, lúc cùng chờ trực thẳng từ Bồng Sơn ra đồi 10, họ đã gặp nhau, “hành khách” chỉ có mấy người, thấy Sương ôm cặp, bé bỏng giữa sân bay nắng gió, “anh em” đã quen nhau, nói chuyện học hành, lính tráng mà không hẹn một lúc nào gặp lại. Thật không ngờ là họ gặp lại trong hoàn cảnh này.

Và Sương đã bị nhốt ở một trong những cái cũi lớn đan bằng thép gai mà người ta gọi là chuồng cọp trước cổng căn cứ.

Chuẩn vẫn cảm thấy áy náy với cái hình ảnh ấy.

Hai tô phở được đặt trước mặt hai người, họ cùng cầm đũa, nhưng Sương thì chỉ lật mấy lá é quế, giá và tương cho vào tô của Chuẩn mời chàng ăn:

-Mình lại có được một bữa ăn với nhau. Em nhớ cái bữa ăn trên đồi. Đôi khi nhớ lại, em không nhịn nổi nước mắt, nhất là nghĩ không còn gặp được anh nữa.

Rất nhanh, bữa ăn trên đồi mà Sương nhắc ấy thoáng qua đầu Chuẩn, Chiều hôm ấy, Chuẩn bảo mấy đệ tử chàng nấu thêm cơm, chàng đã mang ra trước cổng mời mấy “tù binh”, và trước một cái chuồng cọp, chàng đã ngồi

ăn với Sương đang bị nhốt bên trong. Sau đó Chuẩn đã năn ni Đại úy Khương thả Sương ra. Lúc đầu Khương chẳng những không chịu, còn lên mặt dạy chàng những bài học về kinh nghiệm chiến trường, “Ông ngây thơ quá, cứ như ông, quân đội sẽ chỉ toàn là cố thiếu úy, đêch có thằng nào lên được thiếu úy thực thụ. Ông biết, Việt Cộng nó không để cho ông thấy nó là Việt Cộng đâu. Hơn nữa, cứ nhốt gia đình Việt Cộng ở đó, cho kẹo, đồ nó dám pháo kích vào đây”, nhưng sau thấy chàng quá khẩn thiết, Khương đồng ý với điều kiện thầy trò Chuẩn phải chịu trách nhiệm canh giữ Sương. Đêm ấy Chuẩn đưa Sương về lô cốt của chàng, mắc võng cho Sương nằm, “hai anh em” trò chuyện quên sáng, Sương kể về gia đình nàng, cha tập kết ra Bắc, “mẹ em vì không muốn để người ta bắt con mình lên núi, đã làm mọi cách cho em đi học xa còn nhắc nhở đừng nghe lời ai tham gia gì, cứ lo học thôi”.

Không đúng như lời Đại úy Khương nói, mấy quả đạn pháo kích hình như không kịp biết có phe ta đang bị nhốt bên hàng rào, đã nổ banh mấy cái chuồng cọp trước cổng, banh luôn mấy con người trong đó trước khi biết họ có đúng là Việt Cộng thật hay không. Sáng hôm sau Bà mẹ Sương đã lên ký giấy bảo lãnh con về, đã quì xuống lạy Đại úy Khương cảm tạ ơn đã cứu mạng con bà.

Họ vừa ăn vừa nói chuyện, Sương cho biết, hết Bồng Sơn, Sương vào tiếp đệ nhị cấp ở Qui Nhơn này. Quán café đó là của ông cậu nàng, khi nào rảnh thì Sương phụ.

-Sao Sương lại biến thành Thủy vậy?

-Sương hay Thủy gì không phải là nước? Có điều giọt sương nó nhỏ bé cô đơn, tội nghiệp nó. Mà em nghĩ, thường thì người ta không muốn là con Thủy đi bán café đâu, đúng không?

Căn phòng trọ của Sương ở thẳng trong Cô Nhi Viện Ghềnh Ráng, nàng nói, thỉnh thoảng, ban ngày em phụ việc ở đây, tạp dịch, phát thuốc, coi thư viện, có khi

kèm mấy nhỏ học nữa. Gì cũng làm, phụ mà, ai sai gì làm nấy. Mấy Sơ khó tính lắm, nhưng họ cũng rất thương em. Em có kể chuyện anh cho họ nghe, họ khuyên em cầu xin Chúa. Lát em lên báo tin vui với họ, em biết mấy Sơ sẽ mừng nói Chúa đã đem anh về cho em.

-Em có đi nhà thờ chứ?

-Dạ thường. Nhưng em chưa có đạo.

Chuẩn hỏi thăm về khu đồi 10, về Đệ Đức, về gia đình Surong, Surong kể:

-Việc em không bị chết trong mấy cái chuồng cộp đêm ấy đã cho họ cái cơ hội khó dễ Má. Sau nhiều lần tự khai kiểm điểm gì đó họ bắt Má lên núi. Cũng may má đã bán hết ruộng vườn để gửi em vào đây học. Má cũng đã căn dặn em đừng bao giờ nên trở về, sẽ rất nhiều nguy hiểm chực sẵn ở đó. Điều đau đớn là má đã mất trên núi, người ta cho hay là bị sốt rét, mà đau đớn hơn nữa là em cũng không dám về.

-Anh không hiểu, cái gì tự khai, kiểm điểm? Họ tự khai kiểm điểm lúc nào? Chính quyền quốc gia đâu?

-Không ở thôn quê anh không biết đâu, chính quyền quốc gia chỉ có một nửa của ban ngày. Một nửa là họ ẩn nấp, trà trộn, sinh hoạt trong đó. Người dân ở giữa hai lần đạn, sống chết tính bằng giây, bằng phút. Ban ngày các anh đến đóng quân, chiều rút, ban đêm họ tập trung dân làng lên án trừng trị những gia đình vô phúc bị các anh tá túc, cơm nước nhờ ở đó. Rồi thì người dân phải đi đào đường, đào hầm, đắp mô, cắm chông, để đến sáng các anh đến bắt dân làng đi lấp đường, đi dỡ mô, gỡ chông. Những căn nhà các anh nghi là nhà Việt Cộng trở thành đồng tro trong chốc lát, cũng chỉ làm khổ người dân, lại phải dựng lên những mái chòi khác tạm trú. Em nói là tạm trú, vì tất cả đều chỉ là tạm bợ, có đó rồi không đó, ngay đến cả con người, không biết sẽ mất đi lúc nào. Anh có biết cái quý nhất của đời sống thôn quê đó là gì không? Là những cái hầm trú bom đạn, chỉ còn có cái đó được coi là tài sản. Vậy mà, đêm đêm nằm dưới tiếng gầm thét của đạn đại bác các anh, đạn pháo kích của họ, sáng ra vài ba người dân chết ngay trong hầm trú ẩn vẫn là chuyện không lạ. Họ lại lừa

những bà mẹ nhếch nhác, rách rưới bế con thơ lếch thếch xuống phố biểu tình để phải bị đánh, bị hơi cay, bị bắt bớ hạch hỏi. Từ khi em còn bé, em đã thấy những điều bất nhẫn này. Má không gửi em ra phố học thì trăm phần trăm em cũng đã trở thành Việt Cộng rồi.

Thấy câu chuyện không vui, Chuẩn đổi đề tài:

-Má có biết anh không nhỉ?

Nàng cúi mặt, nén tiếng thở dài.

-Em không muốn nói với anh là Má đặt em vào tay anh đấy. Má không nhớ rõ anh lắm nhưng hôm được thả về, em kể cho Má nghe, Má có hình dung ra được cái anh pháo binh đứng giống như là gà mắc đề bên cạnh đại úy Khương.

-Thế em có hận Đại úy Khương không?

Nàng liếc xéo chàng:

-... Hận anh.

[]

Chiếc giường không buồn ngủ, họ nằm với nhau, ôm nhau thắm thiết không thắc mắc, im lặng và bỗng dưng Sương khóc, khóc như từ sớm đến giờ chỉ chờ mỗi phút giây này, hai vai nàng rung lên không ngừng, anh bỏ em lâu quá, em tin là phải có ngày này, anh có biết em yêu anh bao nhiêu không? Nàng khóc trên những nụ hạnh phúc chàng đang gắn lên môi. Tại sao anh phải tốt với em? Vì em là con gái hay vì em là con nít? Với những cô khác anh có như thế không? Chuẩn vẫn còn bàng hoàng với một cuộc hội ngộ ngoài mong đợi. Chàng lấy tay lau nước mắt cho nàng.

-Làm vợ anh nhé.

-Không phải em đã là vợ anh hôm trên đồi?

-Con nít biết gì.

Nàng bi bô như con nít:

-Con nít mới là thật, mới biết tình là gì. Có thể anh còn thấy là vô lý nữa. Mười lăm tuổi biết yêu là vô lý hả? Yêu ân nhân của mình cũng là vô lý sao? Nếu em đã thấy

không một chút xa lạ, cách biệt nào, sau bao năm trông mong, chờ đợi, thì cũng không phải là quá đáng chứ? Gặp ai pháo binh em cũng hỏi thăm anh. Em được sống sót từ tay anh, nếu phải chết, em chỉ mong được nằm trong tay anh mà chết. Một ngày, thậm chí một giờ, được gặp lại anh, rồi đời có ra sao em cũng cam. Ngày đó, trong lô cốt kia em đã từng muốn lăn xuống vòng tay anh mà khóc. Em đã nói với Má là em thương anh rồi. Má hỏi nó có làm gì con không? Em nói là lỗi tại con, con sợ pháo kích quá... Má nói nếu nó thương con thì Má gả con cho nó. 15, 16 tuổi ở nhà quê người ta cũng con cái đùm đê kia. Tội nghiệp anh, anh có biết gì đâu. Có giận em nói oan cho anh không?

Như được dịp tuôn hết những chất chứa, không kịp nghe chàng trả lời, Thủy nói tiếp:

-Có phải em già rồi không? Em vô duyên bấy bạ quá phải không?

Vâng, em điên rồi. Buổi sáng trên đồi khi sắp phải xa anh em muốn có viên đạn nào đó ghim ngay vào ngực em, có lẽ nó nhột nhột một chút chứ không phải là xoáy đau, buốt nhói kéo dài như nỗi thương nhớ mà em mang theo, nó làm em đau đớn một cách say mê, chờ mong một cách thích thú, anh cứ đi như giòng nước xuôi không hề quay lại, và em như một chân cầu mòn mỗi từng ngày rêu xám bám, xám xịt như bầu trời mơ ước của em, như khuôn mặt âm u, lạnh ngắt thường ngày. Bàn tay Sương sờ soạng trên khuôn mặt Chuẩn, ngón tay trở nằng về nhẹ nhẹ từ vầng trán xuống hai mắt, mũi, miệng chàng. Nàng lẩm bầm:

-Chờ đợi, chờ đợi. Chân cầu, em già rồi.

Chuẩn vỗ về:

-Anh đây mà. Mới mười tám làm gì già, không chừng thiếu mấy tháng anh lại mang tiếng dụ dỗ gái vị thành niên nữa kia.

Sương cắn mạnh lên ngực chàng:

-Ác, có thật là anh không biết anh ác với bao nhiêu ngày tháng đã mất của em không? Ừ, của em chứ phải gì là của anh, anh có tin là em không khian tượng đá lẩm không?

-Tượng đá mà bán café được.

-Lúc trước mợ cũng bảo em phải vui vẻ lên, nhưng sao sau mợ lại thích, bà dạy em cứ giữ cái khuôn mặt lạnh tanh xa vắng ấy, có khi lại thu hút. Bà nói bên cạnh mấy cô huyền não sinh động kia, khách cũng nên có một bức tranh tượng đá không thuộc về ai.

-Nghĩa là phải để cho mọi người hiểu là em chưa thuộc về ai?

-Anh có cần em la to lên là em đã thuộc về một người mà không ai biết không? Không phải là tối nay, tượng đá đã bước xuống sườn non ôm tay người chinh phu đi tìm lại thiên đường của nàng sao? Anh có muốn ngày mai trên non cao kia chỉ còn lại mấy đám mây trắng ngẩn ngơ không?

-Sao ngẩn ngơ?

-Đi tìm tượng đá chứ sao.

Nàng lại hôn chàng:

-Nhưng mà tượng đá biết cười biết khóc rồi, chàng chinh phu của tượng đá về rồi. Anh à, có nghe em nói không? Có phải em đang tỉnh không? Em sợ phải thức dậy mà không có anh.

-Anh đây. Hạnh phúc em cho bất ngờ quá. Anh vẫn còn đang ở trên mây. Anh yêu em.

Chuẩn vuốt ve nàng như nâng niu một chiếc bình sứ cổ, trơn mỏng. Cảm ơn Thượng Đế đã cho anh tặng phẩm này. Ôm em trong tay mà không khỏi có những phút thần thờ lo ngại mai phải bỏ em một mình vì ngược xuôi rừng núi. Chúng ta sẽ làm đám cưới, nay mai anh hết đi đê-lô, anh ở đâu thì em ở đó.

- Anh à, anh ít về thành phố lắm phải không? Sao tới giờ em mới có anh?

-Thì giờ đâu? Lúc này áp lực nặng lắm, thôi, đừng hỏi mấy chuyện đó mất vui.

-Nhưng mà, nhưng mà có nhiều cô Sương bé bé không? Em cảnh cáo anh, Ông Đại úy Khương không làm đâu, ngoại trừ hiếm hoi liều mạng như mẹ con em, còn thì hầu hết người dân quê họ không muốn chết dưới cái sắt máu của Việt Cộng. Không muốn chết nghĩa là tất cả họ

phải trở thành Việt Cộng. Cô Sương hiền lành nào cũng ăn thịt anh được. Nhớ không?

-Dạ nhớ, chị Hai. Anh muốn dậy hút thuốc.

-Không hút nữa. Em không muốn dậy.

-Dạ, chị Hai. Nhưng mà chị Hai ơi... chị Hai lên cai ngục hồi nào vậy?

-Từ lúc em có được tù nhân.

-Anh không làm tù nhân nữa.

-Tạo phản hả?

-Anh muốn làm ông xã.

-Nhưng mà, ông xã ơi, em sợ tượng đá thành Tô Thị lắm. Anh cứ đi mênh mông gánh lúa mênh mông, bỏ mẹ con em đứng hoài trên đỉnh núi mỗi lần.

-Có vợ có con thì phải lo mà về. Đi đâu mà kiếm ra...

-Xạo quá, mới nói em là cai ngục.

-Nói lộn nói lại.

[]

Viết vội cái thư quảng vào hộp thư đi, Chuẩn phải lên đường ngay. Lần này chàng phải đi tiền sát cho một tiểu đoàn bộ binh, đang tham dự hành quân cấp trung đoàn, an ninh mở đường gì đó cho con đường số 7 nằm phía Nam

An

Khê.

Anh lỗi hẹn với em rồi, bà xã ơi. Không phải mười lăm, hai chục ngày lại về, như những lần hành quân trước, lần này chàng phải đi càng lúc càng xa hơn, như một chiếc xe mất thắng, chàng đã tuột xuống tận cuối dốc của con đường 7, liên tỉnh lộ nối Pleiku - Cheo Reo - Tuy Hòa, con lộ đã trở thành lộ máu mà hàng triệu người, trong đó có Chuẩn phải lội qua. Cuối dốc ấy là cái dấu chấm kết thúc binh nghiệp của chàng, cũng như khởi đầu một sự sụp đổ lịch sử. Và với Chuẩn, lần lỡ hẹn đó đã để lại bao nhiêu những dấu hỏi khắc khoải trong lòng. Ở gần biển, em có kịp lên tàu theo đi nước ngoài không? Ba em có trở về và em có đã được trở thành một cán bộ gì đó không? Phải chăng em đã quên anh?

Hơn bốn năm ở trại tập trung về, Chuẩn đi tìm Sương. Tìm như tìm một người thân, anh không hy vọng em vẫn đợi chờ, đợi chờ thì bốn năm qua em đã tìm anh. Anh cũng không dám mong sau một đêm trần thế đổi đời lại còn có những Tô Thị vẫn đứng trên non cao trông mây, trông gió.

Cô Nhi Viện Ghềnh Ráng Qui Nhơn nằm bơ vơ hoang phế, với thỉnh thoảng vài chiếc nón cối qua lại. Ra Đệ Đức tìm đến Đồi 10 xưa, chàng đã không mấy khó khăn để hỏi tin tức về Sương ở một nơi vắng vẻ, thưa thớt dân cư này. Nhưng không ai biết gì nhiều hơn cái việc có lần, sau mấy tháng giải phóng, Sương bị cách mạng bắt về địa phương kiểm điểm tội hợp tác với địch, hay vượt biên gì đó, sau đó không biết Sương ra sao. Đến cả Ba Sương từ Bắc về tìm, cũng không gặp được ở trại cải tạo nào, rồi thì ông trở ra Bắc lại, mà cũng không ai được nghe ông nói là cán bộ địa phương đã trả lời sao với ông.

Chuẩn ghé thăm một vài người quen từ thừa về đề-lô ở đây, người ta dè dặt nói với chàng “Cầu Trời Phật cho cô ấy còn bình yên... Nghe người ta nói Sương đã trốn đi...”

Vậy thì em đang ở đâu? Chuẩn rùng mình nghĩ tới những bản lý lịch viết đi viết lại trong trại cải tạo, rõ ràng là sau khi Ba chàng bị họ bắt dẫn đi, gia đình không còn được gặp nữa, nhiều ngày kiếm tìm, má chàng đã tìm ra được chỗ ba chàng bị thủ tiêu, đào lại được xác và cải táng, vậy mà dứt khoát không “cơ quan” nào chấp nhận lời khai “Cha bị cách mạng giết”, mà phải ghi là “Mất tích không rõ lý do”. Tất nhiên, nếu má chàng đã không tìm thấy xác ba chàng, thì gia đình sẽ chong mắt mỗi mòn đến cuối đời, chờ mong ngày về của một người đã được đi cải tạo hay theo như họ đã trả lời.

Chàng cắn môi, nghe mắt cay cay. Anh không dám nghĩ xa hơn, e điều đó sẽ làm xúc phạm em, và tổn thương anh.

Anh không khóc đâu. Một lần lỡ hẹn, lỡ hết một cuộc đời. Nhưng, em thương yêu, nếu bắt em phải làm vợ một phó thường dân nay trình diện, mai kiểm điểm, mốt

tập trung, em có vui nổi không hay chỉ làm đen tối cuộc đời nhau hơn? Có phải Tô Thị đã bình yên ở một nơi không máu lệ hận thù, thay vì phải vô vọng ngày đêm nơi non cao sương giá chờ đợi một chồng tù, hay pháp phòng ngó chừng theo mỗi bước chân chồng, không biết ngày nào kia lại tiếp tục tra chân vào cùm xích.

Còn mong gặp lại em ở đâu đó không Sương?

1988



ĐINH THẮNG

BÓNG CỬ



Khói thuốc xanh xanh mờ nhân ảnh
 Ngoài hiên gió thổi mãi qua rào
 Đất trời chưa sáng, đêm chưa hết
 Con dốc bên thềm có kẻ đi

Về lại thu sơ ngôi quán cũ
 Hơi ầm như lửa qua tiếng vui
 Ta ngỡ ai quen từ thuở trước
 Bao năm đủ lạc mất giọng cười?

Mây gió như hồ mây gió cũ
 Người như hồ người năm xưa
 Đưa dáng em vào tiềm thức
 Áo em hòa theo dừng dung

Ta ước ai gọi tên ta thời cổ cự
 Một thuở học trò tên cúng cơm
 Cây bàng trước ngõ còn trơ gốc
 Mặt phẳng cửa ngang cháy lớp vắn

Ai dui trên kia tàn thuốc lá
 Dễ nào sĩ và chuyện ngày qua
 Cây cao còn lại thân tàn phế
 Im lặng mệnh mang cuộc đời

Một vòng tròn mới rao thiên hạ
 Hỏi gió nhà ta nay ở đâu
 Mờ trông con phố chìm con phố
 Tích nhật trăm năm giữa độ này

Lát nữa ta đi ghé phố đời
 Hỏi tìm mua lại thổi son môi
 Gởi em về lại màu môi ấy
 Đứng trước gương nhòa em mím môi

Bổng dung ta hóa thành ẩn sĩ
 Sống ở rừng thưa hái lá khoai
 Ta biết phong thanh từ từ ải
 Nhà ta lập nghiệp ở phương đài

Ở đó mẹ trông nhiều ngán lệ
 Sấy khô cho những đứa con này

Một thằng trên núi chưa về được
Ta về ngơ ngẩn giữa trời mây

Mẹ ngồi mài miệt hâm bếp lửa
Ngày qua tắt nắng mụn sao thưa
Ta mang trên áo mùi rừng rú
Kính té nào ơi, đã mới chưa?

Hồ nước bên đường sâu đáy đất
Trăng buồn không rõ mặt nhân thân
Ta nghiêng gàu xuống trăng tan vỡ
Như vỡ tình ta vỡ vợ chồng

Ta múc tình em đáy vực này
Nhặt lên trắng bạc giữa trời mây
Hỏi ra nhân thế là như thế
Ta tiếc cho ta thế cuộc này

Điều thuốc chưa tàn sao đã cay
Ngồi đây, quán cũ, ở nơi này
Nhớ thằng bạn thiết thời xưa ấy
Đi lính. Sa trường. Ghé lại. Say

Người ở đâu rồi, bóng nghĩa trang
Hôm nay ta rảnh đi thăm được
Bán mớ bầu xanh đến bạc ngàn
Xe đồ lên đó bao tiền cước?

Chỉ hỏi chơi thôi, ta có tiền
Ta mua rượu đến rưới linh thiêng
Rưới cho dư đủ như tiền kiếp
Một bến nhân gian nở vôi vàng

Người khuất trông vời mây nước cũ
Có buồn xin vịn chút tin vui
Người nằm xa quá nên yên ổn
Khu mộ cha ta sẽ xáo vùi

Ở đó bờ tường nhiều cáo thị
 Nặng từng câu chữ đến xanh xao
 Người chết tường yên trời đất mới
 Ra rằng sinh, tử vẫn lao đao

Quán cũ ta ngồi khâu dư ảnh
 Một hình nho nhỏ, một niềm vui
 Huống chi ta có thời dày cộm
 Đất thấm vào ta trữu khóc cười

Cha dạy cho ta điều ngay thẳng
 Mẹ dạy cho ta điều thương yêu
 Ta dạy cho ta điều kiêu bạt
 Đếm thử đời ta được mấy điều

Ta thấy ta buồn hơn ta tưởng
 Ngâm ngùi thay! bóng một sa trường
 Bỏ hết chỉ còn đôi khí tiết
 Đem ra chăm sóc đôi cơm này

Củ sắn đau lòng cơn cúi mặt
 Nghe phế gan hồng máu ngược xuôi
 Ta đi cho hết trời đất thấp
 Nói với nhân gian kiếp phận người

Ta về trần trở cây cùng cỏ
 Chẳng phải nhà xưa chẳng phải thời
 May mắn mẹ còn hâm bếp lửa
 Bùng lên cho ấm chút tàn hơi

Nhà ta nhà cũ sân vườn nhỏ
 Nhà mới bây giờ đất thênh thang
 Mây đùn xuống thấp vờn bông bí
 Đất trích, rừng im, nắng quái tàn.

NHỮNG ĐÊM TRẮNG

Truyện lịch sử của Khuất Duy

Đêm ở đền Thượng

Đó là một đêm đầu xuân, ánh trăng mỏng quá không soi rõ được mặt người. Những bậc tam cấp cứ nối nhau lên cao, lên cao mãi như vút tận trời. Một đàn chim Lạc từ đâu bỗng bay qua, tiếng đập cánh làm động đưa những chòm sao xanh biếc.

Đêm thánh vô cùng!

Họ đi lễ đền Thượng.

Lễ vật không có bánh chưng bánh dày. Chỉ có trâu, cau và hai trái tim thắm đỏ.

Chàng nói, “Hôm nay, anh cưới em”!

Nàng nói, “Em cũng cưới anh, hôm nay”!

Họ cùng nói, “Thưa Quốc Tổ, chúng con xin cưới nhau”!

Nghe như có tiếng cười từ ái reo vui của các vua Hùng.

Chàng nói, “Anh nghèo lắm, chỉ có món quà nhỏ này làm sính lễ. Nó sẽ thay anh bảo vệ em”!

Chàng nâng khẩu súng lục lên trước mặt. Nàng xòe tay ra như hoa quỳnh đón lấy, rồi áp cái kỷ vật lạnh ngắt vào giữa ngực mình.

“Em cũng nghèo lắm, chỉ có cái chết để đền ơn anh”.

Lập tức, chàng khóa miệng nàng bằng đôi môi dày, nóng rực, để cái tiếng “chết” kia không bao giờ thoát ra được nữa.

Nhưng cưới nhau vậy thôi, chứ họ là hai kẻ không nhà.

Họ đánh gối bên nhau suốt đêm, chờ sáng.

Cũng ấm ức lắm, cũng thèm thuồng lắm.

Cũng muốn lấy công tam quan làm nhà, lấy nền gạch làm giường, lấy bóng đêm làm chăn màn để thực sự là của nhau.

Cũng muốn đã yêu là yêu cho tới bến, đã cho là cho đến

tận cùng.

Nhưng đêm yên lành và thiêng liêng quá. Họ chỉ có thể cời bỏ mọi buộc ràng, mọi lo toan, để hai tâm hồn bận rộn được ngơi nghỉ đôi chút bên nhau mà thôi.

Khi ánh ngày lên, nàng thấy chàng là ông cụ áo the thâm đeo mực kính, chàng thấy nàng là một chị nhà quê váy đụp, chít khăn mỏ quạ. Cả hai nhìn nhau, kín đáo nở một nụ cười thâm.

Rồi như hai kẻ xa lạ chưa hề gặp nhau bao giờ, nàng xuống Đông, chàng ngược lên Đoài.

Họ là ai?

Xin thưa, một Người là Nguyễn Thị Giang.

Và một Người là Nguyễn Thái Học.

Đêm trước ngày N.

Trong một căn phòng sang trọng tại một đồn điền, bọn họ mười chín người. (Hơn một người là bị bắt bỏ bót ngay).

Một người nói, “Bọn Túy, Dương, Mai, Kinh, nhất là Kinh đã phá nát đảng ta rồi. Hàng mấy trăm trái bom tự tạo đã bị đào lên. Hàng ngàn dao, súng bị tịch thu. Bao nhiêu đồng chí đã bị bắt. Bao nhiêu cơ sở, nhất là trong các trại lính, đã bị khám phá. Cứ đà này, thì chỉ trong vài tháng nữa thôi, đảng ta sẽ bị xóa sạch”!

Người vừa nói đó, trong vỏ bọc của một công tử ăn vận âu phục rất bảnh bao, đã ôm đầu gục xuống trên bàn. Một sự yên lặng đông cứng đến nỗi 18 trái tim bao quanh bỗng như ngừng đập. Những ngọn đèn cũng bắt ngờ yếu đi, bóng tối được dịp tràn ra, khiến cho căn phòng trở nên chật chội, ngột ngạt.

“Không thể như thế được”, ai đó rít lên. Hai tiếng “không thể” sắc nhọn như ngọn lao đâm suốt 19 lồng ngực.

Người gục đầu trên bàn liền đứng bật dậy. “Phải rồi, không thể để bọn chúng muốn phá chỗ nào thì cứ phá, muốn bắt

ai thì cứ bắt. Đàng ta không thể chỉ vì một vài tên cầu gian mà tan rã được. Dân tộc ta quyết không thể làm nô lệ mãi. Chỉ còn một cách, đó là...”!

Người ấy ngừng nói, đưa tay lên cao như làm hiệu lệnh. Tức thì, bao nhiêu lồng ngực cùng mở banh ra một lúc để hai tiếng “khởi nghĩa” mạnh mẽ và trẻ trung bị nhốt kín bấy lâu được dịp lao ra như những con tuấn mã.

Khởi nghĩa!

Khởi nghĩa!

Âm vang cổ nén cho thật nhỏ nhưng căn phòng vẫn rung lên, nghe như các bô lão hô “quyết chiến” ở điện Diên Hồng.

Đừng ai hỏi: như vậy có liều lĩnh không?

Đừng ai so sánh: tương quan như trứng chọi đá, thế thì thất bại là cái chắc.

Đừng ai cười nhạo là ấu trĩ, đại khờ.

Cũng đừng ai sụt sùi thương cảm.

Không có chuyện sông Dịch lạnh.

Chỉ có sông Hồng, sông Mã và sông Bạch Đằng sục sôi, nổi sóng.

Mười chín trái tim, trong đó có một trái tim đàn bà, chỉ một nhịp đập. Đó là nhịp trống xuất quân.

Rồi đó, kẻ ngược lên Bắc Giang, Yên Bái.

Kẻ xuôi Nam Định, Hải Phòng.

Kẻ vào xứ Thanh, xứ Nghệ.

Chữ nghĩa đầy mình như dịch giả Mái Tây thì vào đất thần kinh rước cụ Phan Sào Nam.

Loáng một cái, họ biến đi các ngã trước khi bọn cầu gian và lính lê dương tìm tới.

Cởi bỏ lột công tử và cave, giờ họ là hai khách bộ hành quê mùa.

Chàng nói, “Nhớ em quá”!

“Em cũng nhớ anh lắm”, nàng nói.

“Hôm nay em thật đẹp”, chàng nói.

“Đừng nhạo em, đóng giả một cô cave thật khó làm sao”!

“Anh cũng đâu thích làm công tử”.

“Giờ chúng ta đi đâu”?

“Về nhà”.

“Thật sao”?

“Thật”.

Gió thổi, lạnh. Họ đi sát bên nhau. Tay nàng trong tay chàng. Họ đi qua một cánh đồng vừa gặt. Hầy còn thơm mùi lúa chín.

“Đến nhà rồi”, chàng nói.

“Nhà đâu”? Nàng hỏi.

“Đây”.

Chàng kéo nàng ngồi xuống bên một đụn rơm.

“Xem này, chàng nói, vợ của tôi ơi, hãy xem anh làm nhà”.

Chàng quỳ gối, khom lưng kéo bỏ từng bó rơm qua một bên, và chỉ mười phút là đã xong một cái nhà nhỏ vừa thơm vừa ấm.

Cởi áo trải lên nền đất đầy rơm, chàng nói: “Nào, mời em”!

Không đợi mời đến lần thứ hai, nàng liền ngã xuống trên mình chàng như lúa ngã rạp trên đồng.

Đó là một đêm hợp cẩn ngọt ngào đến từng chân tóc.

Một đêm mà chàng là quân vương và nàng là hoàng hậu.

Một đêm giàu sang tốt vời dù không một xu dính túi.

Một đêm mà may mắn được hoài thai, thì đứa bé ấy, trời ơi, đẹp đến nhường nào. Đó sẽ là hoàng tử của cách mạng.

Là thế hệ tươi non của một nước Việt trẻ trung.

Khi sao mai vừa mọc, hai người lại lặng lẽ ra đi, mỗi người về một hướng. Nhưng họ biết, từ đây họ không còn đi một mình.

Đêm thấy ta là thác đổ!

Phó Đức Chính, chàng kỹ sư công chánh từ Lào về với một bộ quân phục mới toanh và tài hùng biện đã khiến cho 2 cơ đội khổ đồ ở Yên Bái quay ngược mũi súng về phía giặc

thù. Nhưng chỉ với 2 cơ đội thì làm sao thắng được địch từ trên cao bắn xuống. Ba ngày sau bị bắt và ba tháng sau chàng dùng cạm nã ngựa để xem cái máy chém nó cắt đứt đầu mình!

Xứ Nhu, còn gọi là Song Khê, phải ba lần tự sát mới chết được. Lần đầu bị bắn gãy chân, liền nằm sấp trên hai quả tạc đạn. Đạn nổ banh cả ruột gan, nhưng vẫn chưa chết. Lại lao mình xuống sông, cũng không chết. Sau cùng, tại Hỏa Lò, dù chân bị cùm tay bị xích, chỉ còn mỗi cái cổ ngúc ngắc, anh vẫn đập đầu vào tường mới chết được.

Quán Cẩm, người bị đau tim bất ngờ không thể chỉ huy đánh Yên Bái, đã vỡ tim mà chết trong nhà thương khi nghe tin cuộc khởi nghĩa thất bại.

Nguyễn Thị Tâm, suốt một buổi chiều bị làm nhục, tối đến phải nuốt cả một dải thắt lưng dài để được chết.

Và bốn mươi cái chết do hội đồng đề hình tuyên xử, cả những cái chết trên đường rút lui đẫm máu, chết trong các nhà tù tối tăm... cả trăm Người đều chết để thành Nhân.

Chữ Nhân đẹp như lưỡi kiếm tuốt ra dưới ánh trăng, rất lãng mạn, nhưng cũng rất bi tráng. Họ vui vì được chết trong khi chàng không vui nổi vì được sống. Buồn hơn nữa là chàng không đọc được một lời ai điều hay rải cho ai một nắm đất.

Có phải vì mình nôn nóng, vì thiếu kế hoạch, vì kém tài mà bao nhiêu người non trẻ như Chính, như Nghiệp, như Nhu... phải đối mặt với cái chết? Có thực họ vui vì được chết hay chỉ vì không còn một con đường nào khác? Mà ai? Chính mình chứ còn ai vào đây nữa, chính mình đã đưa họ đến con đường cụt này!

Đau đớn hơn nữa là những ngôi làng như Cổ Am, Vĩng La, Xuân Lũng, Kha Lâm... yên ả bao đời, nay chỉ vì theo Cách mệnh mà bị giặc ném bom, đốt phá. Biết bao

người già, phụ nữ, trẻ em đã bị thiêu cháy như những cây đuốc! Tất cả do mình, chỉ một mình mình, cái gánh nặng trách nhiệm to nặng như núi Tản này biết trút bỏ cho ai? Mà sao lại trút bỏ, sao không dừng cảm chấp nhận?

Rất may, trong muôn ngàn tin dữ, cũng lấp lánh có được một tin vui. Tuy chỉ mới mong manh như một làn sương, nhưng hạt mầm của hai người đã hình thành. Nó đẹp như một chiếc cầu vồng bắc qua hai bờ thác trắng.

Với 4000 bức hình dán khắp hang cùng ngõ hẻm, biết nguy trang như thế nào cho thoát, trong khi chàng nhút quyết không chịu sang Lào hay sang Tàu?!

Hai nhà sư vai khoác tay nải, được lệnh dừng lại trước điểm canh.

Thế là lộ rồi!

Một quả tạc đạn nhỏ được tung ra để dọa.

Đoàng!

Chạy!

Nhưng không thoát!

Cả chục tên truong tuần đuổi theo. Một sư bị đánh gãy tay.

Một sư khác bị đánh gãy chân.

“Hóa ra là ngài đang trưởng Nguyễn Thái Học, quý hóa quá. Thôi để chúng em làm vòng cẳng quý ngài”!

Mặc cho máu me đầy mình, bọn chúng trói chặt hai người bỏ vào thùng, khiêng đi lãnh thưởng!

Hai người đã bị “cắt tiết” như thế đó ở cái ấp có cái tên rất định mệnh là ấp Cỏ Vịt!

(Có lẽ từ nay phải thêm một từ “cắt” cho đủ nghĩa là ấp Cắt Cỏ Vịt!)

Đêm ở Hòa Lò

Mười ngày sau khởi nghĩa Yên Bái, chàng bị biệt giam trong ngục. Làm ra vẻ nhân đạo, thống sứ Bắc kỳ vẫn cho thân nhân được vào gặp mặt. Thực ra, lão giăng câu đề câu một con cá mà lão tin là to hơn, đẹp hơn, một con cá cái

anh vũ có tên là Nguyễn Thị Giang.
Nhưng chỉ có mẹ chàng vào.

Một tay gãy mà vẫn bị còng.
Một cái miệng với cặp môi sưng vù, không che nổi chỗ
khuyết của hai chiếc răng bị gãy do cây ba toong của một
thằng quan hai gây ra. Hai chân bị cùm lờ loét mà vẫn bị
xiềng.
Đem một người bị bầm dập toi tả như thế đến gặp người
đã mang nặng đẻ đau ra anh ta, thì đó chính là một đòn tra
tấn độc ác hành hạ cả hai. Mẹ và con, nhất là người mẹ, sẽ
đau nhức đến suốt đời.

Bà cụ đưa bàn tay nhăn nheo, run rẩy qua song sắt rờ đầu
con, cái đầu một ngày không xa sẽ rời khỏi cổ.
Chàng nói, “Cho con được lấy mẹ, con giữ được chữ trung
thì đành mất chữ hiếu, xin mẹ tha lỗi cho con”.
“Đừng nói nữa, con”, bà nghẹn ngào, “nếu có lỗi thì chính
mẹ chứ không phải con, mẹ đã sinh con ra nhưng lúc này
mẹ không biết làm cách nào để giữ được con!”

Khi chàng bị lôi đi bà vẫn còn đứng thần thờ. Ừ, giá như
mẹ không sinh con ra! Hay giá như mẹ còn trẻ và lúc này
con đang còn nằm trong bụng mẹ! Giá như thế thì không
một ai dám hành hạ con, không một ai có thể cướp được
con của mẹ!

Chàng là người dễ ngủ. Chỉ cần nằm sấp, quặp hai chân
lại, là bất cứ chỗ nào, giờ nào chàng cũng ngủ được.
Nhưng không phải là nết ngủ của một kẻ hồ hững vô lo.
“Có ngủ mới đủ sức khỏe mà lo việc này việc nọ được
chứ”. Chàng thường nói với các bạn như thế.

Tại Hỏa Lò, gần như ngày nào chàng cũng ngủ. Ngủ để tới
đền thì thức. Hơn 100 đêm chờ ra pháp trường là hơn 100
đêm chàng thức trắng. Thức để sống lại những năm tháng

thơ ấu. Cậu bé 9 tuổi là chàng đã hứa gì trước người mẹ của đội Cần hóa điên khóc đòi con? Không hứa gì cả, nhưng cái mầm cách mệnh đã mọc lên trong cậu từ buổi chiều hôm đó. Rồi những năm sinh viên, những bè bạn ở Nam Đồng thư xã, những đồng chí lập nên tổng bộ đầu tiên và những đêm tuyên thệ hùng vĩ...

Thức, để mô xê từng sự kiện, phân tích từng cái hay cái dở, từng cái ưu cái khuyết. Thức như thể ngày mai lại tiến hành một cuộc khởi nghĩa nữa, khởi nghĩa mãi cho đến lúc thành công. Chàng cũng thức vì những cái bóng ma của bọn phản đảng. Thức vì những kẻ trùm chăn, vì những nỗi hãi sợ có từ ngàn năm do vua quan phong kiến đè lên số phận từng người.

Thức vì có những đảng mới với những học thuyết xa lạ, những con người độc đoán chỉ muốn độc quyền làm cách mệnh, nên chống Pháp thì ít mà chống và tiêu diệt những phần tử của đảng khác thì nhiều. Không loại trừ cái nghi án chính họ đã mượn tay thực dân để giết hại các đảng anh em. Yên Bái khởi nghĩa thất bại, họ thấy vui nhiều hơn buồn!

Đương nhiên, chàng cũng thức vì lo lắng cho sự an nguy của người nữ đồng chí mà chàng quý yêu còn hơn chính bản thân mình. Thức vì cái mầm sống mong manh vừa hình thành trong người nàng. Ôi chao, cái khẩu súng thay chàng để bảo vệ nàng, giờ sẽ thành cái vật giết người oan nghiệt. Ước gì chàng không trao nàng khẩu súng ấy. Ước gì nàng quên lời thề sẽ chết theo chàng!

Trong đêm chàng thao thức, âu lo, đau cái đau của dân của nước, nhưng ban ngày, trước mắt bọn cai ngục và bọn thống trị, lúc nào chàng cũng an nhiên, đĩnh đạc. Cái khí phách của chàng chính là sự bình tĩnh của một người hiểu và tin việc mình làm là đúng, là cần thiết. Giờ thì chàng đã làm xong, chỉ còn mỗi một việc cuối cùng là đón nhận cái chết trong tâm thức của một kẻ chiến thắng.

Đêm cuối của chàng



Chiều 16 tháng 6 năm 1930, Nguyễn cùng 12 tử tội được đưa ra ga Hàng Cỏ để lên Yên Bái. Tiếng xích sắt khua loảng xoảng trên sân ga. Khi người cuối cùng bước lên tàu, 13 cái cùm sắt nặng nề liền ngậm chặt những ống chân tong teo, các cửa sổ bị đóng sập bít bùng, đạn được lên nòng, lưỡi lê được tuốt trần.

Bị canh giữ cẩn mật như thế, nhưng được gặp lại bạn bè, đồng chí sau những tháng ngày biệt giam, nên ai cũng vui. Một người nói, “Các anh trên ấy chắc đang ra ga đón mình”.

Người khác nói, “Mình chưa biết cái máy chém nó ra làm sao?”

“Thì sáng mai khắc biết. Nó như cái dao trong các tiệm thuốc bắc, nhưng to hơn!”

“Bậy nào, nó là máy mà, không biết nó chạy bằng gì?”

“Ước gì mình được chém bằng cái máy mà cách mệnh Pháp đã dùng để chém vua Louis 14. Thế mới đã!”

“Ít ra Đảng Trưởng của mình phải được như thế chứ. Phương diện quốc gia mà.”

Lúc đó một cô đạo mang thánh giá đến từng người để rửa tội, Nguyễn liền nói lớn, “Chúng tôi nào có tội gì mà rửa!”. Rồi anh đọc mấy câu thơ ngắn bằng tiếng Pháp, có nghĩa

rằng:

*“Chết vì Tổ Quốc
Chết vinh quang
Lòng ta sung sướng
Trí ta nhẹ nhàng”.*

Dù sao, cái cảnh những tử tội nói cười trong toa vẫn có vẻ “tây” và văn minh hơn cảnh Huân Cao và đồng tù khiêng một cái gông dài, nặng ra pháp trường, một cảnh rất chi là “tàu” và luộm thuộm.

Con tàu giống như một con sâu khổng lồ, mở to hai con mắt sáng quắc, hú những tiếng chói tai trước khi lao vào đêm tối. Phó Đức Chính không giấu nổi xúc động, nói: “Anh Học à, phải chi bọn tôi chiếm được Yên Bái và các nơi thành công, thì đoàn tàu này rất vẻ vang vì đã đưa anh và tổng bộ lên mừng chiến thắng”. “Rồi sẽ có một đoàn tàu dài như vậy”, Nguyễn nói, “chẳng những một đoàn mà nhiều đoàn để mừng nước nhà độc lập”.

Ga Yên Bái đông đặc lính khố xanh, khố đỏ và lê dương. Mười ba tử tội, lại bị tổng vào ngục tối. Trong hơi lạnh của núi rừng trung du, sau nhiều đêm thức trắng, Nguyễn đánh một giấc ngon lành cho đến khi bị dựng dậy lúc 5 giờ. Nhưng bên ngoài, có một người không ngủ được đang âm thầm ngồi chờ sáng.

Đêm cuối của nàng



Người đó không ai khác, chính là cô Giang.

Ngay khi biết tin chồng bị đưa lên Yên Bái, cô đã đáp xe lửa đi theo hút. Cùng một đoàn tàu với Nguyễn, nhưng không cách gì đến gần được. Cô đành giấu những quả tạc đạn dưới đáy thùng.

Sáng hôm ấy, cô định ném vào pháp trường để giải cứu cho chồng. Nhưng ba vòng lính, ken dày. Một con kiền cũng không chui lọt.

Cô, lúc này biến mình thành một bà già người Mán, và cũng biến tim mình thành đá, yên lặng một cách dửng dưng, đứng nhìn các đồng chí và chồng mình, từng người một bước lên máy chém. Những tiếng hô Việt Nam muôn năm mạnh mẽ vang lên. Sau mỗi tiếng hô là một cái đầu bị lưỡi dao rộng và nặng như tấm phản rơi xuống cắt đứt.

Đã mười hai tiếng hô và 12 cái đầu rời khỏi cổ. Đến lượt mình, anh chỉ yêu cầu được rít một hơi thuốc lào. Trong màn khói xanh xanh cay mờ, Nguyễn nhìn thấy cụ bà người Mán mặc áo váy sặc sỡ kia chính là Mẹ của đứa con anh sắp được sinh ra. Rất đông đặc, anh hướng về phía nàng, hô từng tiếng một: *Việt Nam muôn năm*, như nhả nũ hũ cố sống để sinh và nuôi con.

Rời bỏ pháp trường, nàng thay đồ, giả dạng một người đàn bà miền xuôi. Nàng về Thổ Tang, lạy cha mẹ chồng, rồi ghé thăm cái quán, nơi hai người đã có lần vào nghỉ chân, uống một bát nước chè. Tối hôm ấy nàng ngồi một mình lặng lẽ giữa đồng. Đây là đêm dài nhất của đời nàng.

Đêm thật hoang vu, chỉ có những ngôi sao lặng lẽ mọc lên trên nền trời cao rộng. Nàng mở giỏ lấy một vuông vải trắng, chít khăn tang cho chồng. Cái đầu với mái tóc húi cua và cái thân không đầu của chồng hiện rõ như có thể đưa tay ra sờ được. Đây là lúc không còn phải giữ gìn, không còn là đá, không còn là giá băng, giờ chỉ là nước và nàng òa khóc. Nàng khóc như cả đời chỉ được khóc một lần này.

Tôi phải làm gì? Khẩu súng thiêng còn đây và tôi nhất định phải giữ lời thề. Em tiếc là không được chết cùng anh. Nhưng em sẽ theo anh, dù chậm một ngày. Chúng mình sẽ lại về đền Thượng. Sẽ lại chiêu binh mãi mã dưới tuổi vàng để phục quốc. Nhưng liệu có nên giữ lời thề khi trong tôi hãy còn một mầm sống mạnh mẽ đòi được sinh ra? Tôi có quyền gì mà không cho nó được sinh ra. Dường như trong bốn tiếng Việt Nam muôn năm, tôi nghe như, “hãy sống nuôi con”!

Hãy sống nuôi con! Đúng rồi, tôi phải sống để sinh con tôi, tôi phải sống, tôi phải sống để nuôi con tôi. Lớn lên, nó sẽ trả thù cho cha, sẽ tiếp bước giành cho được độc lập. Tôi tin con chúng tôi sẽ thành nhân và cả thành công.

Nhưng tôi sẽ sống làm sao giữa muôn ngàn giò bọ, tôi trốn ở đâu giữa muôn trùng vây bủa, tôi giả dạng làm sao để qua mắt lũ điều cú? Nếu một ngày chúng tóm được tôi, làm sao tôi chịu được nhục, rồi tôi cũng sẽ như chị Tâm, sẽ phải nuốt cả một dải thất lung dài dài mà thôi!

Đêm càng khuya, sự vật vã giữa sống để sinh con và chết theo chồng khiến nàng phờ phạc. Chưa bao giờ, nàng cảm thấy cô đơn trơ trọi như lúc này. Con ơi, mẹ phải làm sao đây? Chắc phải đem con theo cùng mẹ, đợi kiếp sau, khi nước nhà độc lập, mẹ con chúng ta sẽ lại lên làm người. Chắc phải vậy thôi. Không sinh con ra là có tội, nhưng sinh con ra mà không bảo vệ được con, tội lại càng nặng hơn.

Rồi đêm cũng tàn và ngày đến. Đã nghe thấy tiếng người gọi nhau ra đồng, tiếng móng guốc của trâu bò gõ trên đường đất. Có kẻ đã biết nàng về lạy bố mẹ chồng. Chỉ trong vài giờ, thậm chí là vài phút lũ mật thám như ruồi nhặng sẽ tìm tới.

Nàng đứng lên, rũ cổ đại bám trên áo quần, lấy gương ra soi mặt, sửa lại tóc, cho rạng ngời vẻ đẹp Việt Nam, để xứng đáng là phu nhân của một Đảng Trưởng.

Anh ơi, anh đã từng nói: được chữ trung thì mất chữ hiếu, giờ em giữ được lời thề với anh thì mang tội giết con.

Không còn kịp nữa rồi, con ơi, xin tha tội cho mẹ.

Nàng kê súng vào mòng tang và bóp cò!

Đúng lúc ấy mặt trời mọc lên, ánh sáng đầu tiên đã kịp rắc một lớp phấn hồng lên người nàng.

Nơi ấy, bây giờ chỉ là một ngôi mộ trơ trọi như thế này đây!

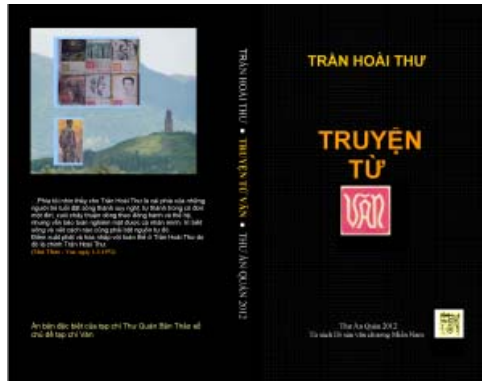


Mộ cô Giang nằm giữa cánh đồng làng Thổ tang,

Ghi chú: Ngoài việc hư cấu như trong tiểu thuyết, những nét chính về Nguyễn Thái Học và Nguyễn Thị Giang, tác giả dựa theo tác phẩm Nguyễn Thái Học của Nhưộng Tống. Đây là nén hương của kẻ hậu sinh kính dâng lên hai vị anh hùng.

“NHỮNG TÁC PHẨM SỐNG LẠI TỪ TRONG ĐỒNG TRO THẮNG TỬ 1975” (TRUYỆN TỪ VĂN CỦA TRẦN HOÀI THƯ)

Phạm Văn Nhân



“Truyện Từ Văn” là tiêu đề của tập truyện gồm 25 truyện ngắn đi trên tạp chí VĂN trước năm 1975, mà anh (tác giả Trần Hoài Thư) đã gom góp lại được, do Thư Ấn Quán in vào năm 2012. Nói đến tạp chí VĂN nhiều độc giả miền Nam trước 1975 không ai là không biết đến.

Như vậy, tính từ tháng 4-1975 cho đến hôm nay (8-2012) ngày mà tôi bắt đầu đọc lại 25 truyện ngắn này đã trải qua một thời gian khá dài: 37 năm 4 tháng. Với 37 năm 4 tháng, thử tính một đứa trẻ sinh ra trong thời điểm sau tháng 4-1975 bây giờ đã là 37 tuổi, cái tuổi đã trưởng thành và rất năng động trong xã hội Việt nam ngày hôm nay. Chắc chắn họ không biết gì về những tác phẩm này, nhưng có thể (họ) đã nhiều lần nghe qua tên tạp chí Văn và tên tác giả. Bằng chứng mới đây (2011) tuyển tập 12 tác

giả in và phát hành trong nước, gồm (6 trong nước và 6 ngoài nước) đã được giới độc giả trong nước đón nhận. Tôi gọi tác giả bằng anh, vì giữa tôi với anh: vừa là bạn vừa là “chiến hữu” một thời “bên trời lận đận”.

Chiến tranh đã đi qua 37 năm: chết chóc, phân hóa đã lắng đọng. Độc giả trẻ tuổi (trong nước) nay lại đi tìm kiếm những tác phẩm văn học cũ một thời. Bằng chứng: Văn Miền Nam Trong Thời Chiến gồm những truyện ngắn trước 1975 cũng do Thư Ấn Quán đã sưu tầm và in lại, cũng từ trong những “đồng tro” tháng 4/1975 đã gây ít nhiều “dư luận tốt” trong nước đang tìm kiếm để đọc, mà ít người có được. Nay, với 25 truyện ngắn của anh, không có nghĩa là nhiều lắm, so với sự nghiệp sáng tác của anh, từ lúc tôi gặp anh ở Qui Nhơn, hình như vào năm 1967 (?), đã đưa đến cho người đọc một thích thú khi đọc lại những dòng văn cũ. Không, và không bao giờ lỗi thời.

“Truyện Từ Văn” tôi đọc không phải để phê bình hay khen chê ca ngợi người lính viết văn; mà đọc để nhớ lại khoảng thời gian hơn 45 năm về trước. Ngày mà tôi gặp anh. Mỗi truyện như có một góc ký ức hiện về. Mỗi truyện như có một Trần Hoài Thư, một người lính “lang bạt, sống bất cần” cho bản thân (nhưng sống rất chân tình với đồng đội, bạn bè), mặc dù anh xuất thân từ một nhà giáo. Đáng lẽ ra anh phải sống rất “chùng mực, chùng chạc” trong bất kỳ tình huống nào. Nhưng không, người ta nhìn vào anh, một người lính cầm bút viết văn sống rất “bụi” và sống thật không che đậy lớp vỏ “mô phạm” của anh. Vì đâu mà tạo nên một Trần Hoài Thư có lối sống lang bạt, bất cần? Vì chiến tranh ư? Vì chiến trường khốc liệt ư? Vì những người lính của anh ngã xuống ư? Vì những người dân nơi thôn ỏ (chữ của nhạc sĩ Phạm Duy) quá cực khổ giữa hai lần đạn ư? Vì một xã hội phân hóa ư? Mà anh, một nhà giáo, đã dấn thân, trực diện với chiến trường nên... có lẽ anh đã nhìn thấy “cái thực của cuộc đời” không qua lăng kính màu, mà qua bao nhiêu dấu hỏi mà tôi đã nêu ra.

Đúng vậy, cho nên anh viết, viết nhiều lắm. Viết bất kỳ nơi nào anh cũng viết được, dù anh về phố thị rất ít thời gian. Viết từ một góc quán cà phê trên vài trang giấy vớ, một cây bút bi, một ly cà phê... viết trong những tiếng động ồn ào của quán. Viết không như những người khác viết có một không gian yên tĩnh, trong một căn phòng yên tĩnh. Anh viết bất kỳ nơi nào. Tôi biết.

Thời đó chúng tôi còn trẻ lắm. Bình Định không phải là xứ sở của chúng tôi. Nhưng, cũng vì “chiến tranh” đã đẩy đưa chúng tôi đến nơi này. Nơi mà “chết nhiều hơn sống”. Bình Định không lớn lắm. Nhưng chiến trường rất “sôi động”. Một Bình Định có quá nhiều lính đồng minh (Mỹ+Đại Hàn). Họ xem cái chết của người dân thường như con vật. Một địa danh nghe choáng khi chiến trường càng ngày càng khốc liệt. Mà cũng từ nơi đây, những người lính trẻ như chúng tôi gặp nhau trong cái “buồn nôn” “chán chường” không lối thoát. Cho nên rảnh việc quân là chúng tôi lại muốn quay về tìm một nơi chốn “yên ổn” bên ly cà phê, khói thuốc với bạn bè. Thường là nơi quán “cà phê Bạch Tuyết” trên đường Phan Bội Châu hay Dung ở ngã tư Phan Bội Châu –Lê Lợi. Đọc lại đoạn văn: “...*Thành phố giờ này đã đi vào cơn mệt mỏi. Con đường nhựa và những tiếng còi trống rỗng. Tiếng nhạc tại quán cà phê Bạch Tuyết cất lên lơ lửng. Một hai gã nhàn du nhìn con nắng rơi chậm chậm. Thành phố, mấy đứa con gái làm tiền nằm hờ hênh trên nệm trắng trong phòng ngủ và chàng đi ngang, đến bên giường, ngồi xuống. Thành phố. Tôi làm quen sau những ngày hành quân bằng rượu chè, nói tục, kể chuyện bạn bè ra đi, ở lại, lên lon, xuống chức. Thành phố tôi nôn mửa nhìn lại tuổi trẻ, trong màu ly cà phê đen đặc, tự nói mình già hay trẻ đây. Đến lúc này mình đã sống đầy đủ chưa. Những đêm vui đầu vào vách đàn bà, thủ thỉ tro trên:*” Em ơi, anh xin em ân huệ. Rủi ngày mai anh không trở về thì sao.” Trang 44 (Nhật Ký Hành Quân 2).

Tuổi trẻ chúng tôi đã nhìn thấy thành phố “bẩn thiu” đầy điếm, quán bar phục vụ cho những người lính đồng minh

trên các con phố chính mà chính quyền vẫn... tự nhiên. Dân áp- phe vẫn sống phè phỡn trên những “dịch vụ chiến tranh” hay trên xác người lính ngoài mặt trận để họ có “an ninh” mà đủ đởn. Thử hỏi, tuổi trẻ của chúng tôi ra chiến trường để làm gì khi mà hậu phương toàn một lũ...đĩ. Chiến tranh, ta nghe anh nói qua Nhật ký hành quân trang 49: “...Tôi nói Đại Bàng ráng giúp xin trục thăng Mỹ, kéo tôi quá. Dù sao mình cũng bắn lắm. Tiếng ông già ngắt quãng: “Tại cha, tại cha...” Thăng bé thì rên: “Đau quá cha ơi”. Tôi bảo lính vác nạn nhân về trạm y tế xã. Suốt đêm, đứng canh chừng, tai nghe bà mẹ thăng bé chửi: “Sao các ông lại bắn nó. Con ơi. Anh con cũng chết vì người ta bắn. Bây giờ đến phiên con.” Thú thật, tôi muốn về chỗ ngủ, muốn coi mọi chuyện không quan trọng đến tôi, nhưng nhìn đôi mắt thăng bé khép kín và tiếng rên não ruột lòng tôi quặn thắt. Tôi ra ngoài sân đình nói thầm: Không, không có gì cả.”

“Không, không có gì cả”, có nghĩa là: như để trấn an tâm trí của một người lính tham chiến mà đầu óc anh đang đan kết chặt những sợi dây thần kinh trong não bộ. “Không, không có gì” như để xua đi những khổ đau đang dày vò trong tâm thức của người lính trận. Dù sự việc “bắn nhầm” một người dân nào đó, tôi nghĩ cũng bình thường thôi, khi một nơi mất an ninh. Có thể đạn từ bên này hay đạn từ bên kia mà người dân chịu vạ. Nhưng với ai thì tôi không biết, nhưng với những trang “nhật ký hành quân” tôi biết anh, biết rõ hơn nữa là khác, những gì đã xảy ra. Nhật Ký Hành Quân, anh viết khi anh nằm trong Quân Y Viện Quy Nhơn, lần đầu bị thương ngay tại thị xã Quy Nhơn, tết Mậu Thân (?). Anh viết thật với cái “tâm” của anh.

Không phải đọc vài dòng, vài đoạn văn trong tác phẩm mà kết luận: anh có cái “tâm” hay nói khác hơn là một tấm lòng chẳng những người dân nơi vùng xôi đậu, mà còn những người lính phương Bắc, đối phương của anh. Mà ngoài đời - khi còn khoác trên người bộ áo trận - anh vẫn thế. Vẫn với cái “tâm nhân ái” ấy, với bạn bè hay những

người bên kia giới tuyến cũng vậy. Gặp tôi, anh không bao giờ nói lên sự hận thù. Tôi biết rõ khi chúng tôi còn “bên trời lận đận” ở cái xứ Bình Định ngày nào. Ngay cả hôm nay, ở xứ người cái “tâm” của anh vẫn thế. Trong sáng.

Lẽ tự nhiên, 25 truyện ngắn của anh đã tìm lại được từ trong đồng tro làm cho anh vui với những đứa “con tinh thần” đã trở về. Ít có, hay nói khác hơn là không có, những đứa con tinh thần của nhiều cây viết trẻ thời đó khó tìm lại được trong những đồng tro sau tháng 4/1975, mà họ đã cống hiến tạo nên một nền “văn học tự do” hơn 20 năm của một Miền Nam (1954-1975). Khó lắm. Nếu những cây viết trẻ ngày nào không chịu khó đến tìm trong thư viện QH/HK để lục lại trên những tạp chí cũ. Với 25 truyện ngắn của anh đi trên Văn ngày nào do Thư Án Quán in gởi tặng. Có nhiều vị viết giới thiệu dưới nhiều hình thức. Nhưng với tôi thì khác. 25 truyện ngắn mà anh viết ngày nào, tôi đọc lại, để tôi có một cái nhìn, cái suy tư về dĩ vãng với một người bạn văn, không biết lý do nào, trường hợp nào tôi gặp anh mà lại thân nhau đến thế, dù không cùng một đơn vị.

Tôi không thể hiểu nổi là tại sao sau tháng 4/1975 những người chiến thắng lại đem tất cả sách báo miền Nam đốt sạch. Đồng ý là cũng có những sách viết không ra gì, ngay cả chúng tôi cũng không “ngó mắt” đến, thì làm sao mà đọc. Nên xóa bỏ đi. Nhưng không có nghĩa là sách báo miền Nam là đồi trụy, là điếm, là tay sai của CIA. Nhưng hôm nay, phải nhìn rõ ràng, dù gì, sách báo Miền nam vẫn là “món hàng quý giá” mà tuổi trẻ trong nước vẫn âm thầm tìm đọc. Bằng chứng là: **25 truyện ngắn từ Văn của anh, theo tôi được biết là do một độc giả Miền Bắc tìm và bỏ công đánh máy lại cho anh.** Làm tôi nhớ lại cái thời “bao cấp”. Chính quyền càng cấm không cho nghe “nhạc vàng” thì người dân lại càng “háo hức” đi tìm để nghe (dù nghe lén). Cũng như tuổi trẻ hôm nay cũng háo hức đi tìm những tác phẩm cũ để đọc (bằng chứng: tuyển tập 12 tác giả) in trong nước. Bây giờ thì nghe nhạc vàng

tự do rồi.

Còn với riêng tôi, 25 truyện ngắn của anh, đọc lại - chỉ riêng tôi - ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy” này, tôi cũng háo hức đến lạ lùng khi đọc lại những truyện ấy. Đọc lại để nhớ về anh, những ngày còn lang bạt. Những ngày tôi với anh còn chán chường, bất mãn khi về phố thị dù chúng tôi thật sự cảm hứng tham chiến. ***Đọc lại để thấy lối hành văn không gò bó, không uốn nắn mà nhiều khi “ngây ngô” nữa.*** Thật vậy, chỉ có tôi biết khi chúng tôi ngồi ở Dung, anh vừa uống cà phê vừa viết trên trang giấy vờ. Viết xong cuộn lại cho vào túi quần. Viết xong một trang giấy, dúi tàn thuốc vào cái gạt tàn. Có khi là một bài thơ, có khi là một cái truyện ngắn viết dở, sau đó về căn nhà trong khu Sáu (Quy Nhơn) thắp lên ngọn đèn cây lù mù ánh sáng viết tiếp trên cái bàn gỗ nhỏ xiêu vẹo. Tàn thuốc vắt bừa bãi trên sàn nhà. Có ai thấy lối đam mê chữ nghĩa của anh mà thương. Nhìn cái thân xác gầy còm. Đôi kính cận hơn 7 đi-ốp nặng trĩu trên sống mũi. Mái tóc đen trắng lẫn lộn. Tầm thân thì gầy còm, trơ xương. Nhiều khi đói rã người. Anh viết và viết. Viết không gạch bỏ. Chữ nghĩa như con cua bò. Không sửa một câu văn. Anh viết không giống một nhà văn nào. Họ viết trong khung cảnh “chăn êm nệm ấm”. Còn anh viết bất cứ nơi nào có thể. Và, với anh sống thật cho anh và cho những người lính đáng thương của anh. Anh viết về họ: “...*Tôi khóc: Tao thương mày quá, Hường ơi, rán bỏ sau bụi, lết đi... Tao cũng bị thương, xích ra bị bắn. Mày nghĩ cho tao. Tiếng Hường rên: Thì thiếu úy sai hai thằng công tôi. Tôi khóc: Mày xem, xung quanh đâu có ai. Luông bị thương. Phong bị thương, tao nữa. Mày thương tao... Tao ra thì bị bắn. Nó canh sẵn...* Đ.M. Thiếu úy!
Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như đứa trẻ. (Nhật Ký Hành Quân 2 - trang 55)

Sự bắt lực của một cấp chỉ huy trung đội, khi thấy em út của mình bị thương, cả anh nữa. Có thể nào một người lính dưới quyền mình chửi một cấp chỉ huy, dù là trung đội

trưởng: Đ.M Thiếu úy không? Nhưng vì bất lực nên anh chỉ biết gục đầu mà khóc. Có hư cấu trong việc này không. Độc giả đọc câu văn này có thể cho anh là “hư cấu”. Nhưng với tôi, chơi với anh, tôi biết. Chỉ có anh, con người nhiều tình cảm. Nhưng cũng cứng rắn trên những công việc cần phải cứng rắn để quyết định.

Bất lực đến độ “thằng” em của mình chửi mình. Anh chỉ biết úp mặt mà khóc. Ngoài ra, anh sống cho kỷ niệm. Kỷ niệm một thời niên thiếu. Tôi biết hình như anh không được may mắn như bao đứa trẻ khác. Đọc lại truyện: Một Lần Trở Lại (trang 121) *“Vâng, tôi đã trở về, sau bao ngày lênh đênh lặn lội. Dòng đời, xã hội, chiến tranh đã khiến một thằng bé trốn khỏi cô nhi viện, để bây giờ là một tên phé nhân này. Đây là một buổi chiều, một buổi chiều của trăm ngàn buổi chiều của đời tôi. Đây là biển, là sông, là muôn ngàn lời réo gọi, từ rừng phi lao, từ những kẻ đá, những làn gió ngoài khơi...”* hay: *“...Từ bờ biển, tôi chống gậy lò dò bước vào cổng sau của cô nhi viện. Con đường rải đá cuội, xào xạc dưới gót giày. Những bờ hoa vàng, trở nên sậm hơn trong màu chiều sắp dứt...”* (trang 129).

Một Lần Trở Lại, sau năm 1971, anh đã lên miền cao (BMT) tôi không còn gặp anh nữa. Thật lòng mà nói, mỗi cuối tuần từ Dục Mỹ về Nha Trang thăm nhà, ngang qua những tòa nhà nguy nga, đồ sộ quét vôi màu vàng ửng bên bờ biển gần Hòn Chông. Nhìn tòa dinh thự trang nghiêm kia có cô nhi viện, tôi lại nhớ đến anh. Nhớ đến ấp Hà Thanh, có rộc rau muống, có ngôi nhà gạch đồ sộ, cổ kính mà có lần anh đưa tôi đến đây. Đứng trước cổng, anh bảo: nhà tôi đó, rồi đi. Tôi nhớ như in những gì mà anh đã nói.

Để rồi, lên Ban Mê Thuật, trình diện Sư đoàn 23, Bệnh Xá Cuối Năm tôi đọc, không biết anh bị thương lần thứ ba hay là bị con “sốt rét rừng” hành hạ. Tuy thế, đọc Bệnh Xá Cuối Năm vẫn thấy cái tâm thật của anh. Nhân từ.

Những ngày tháng đó đã qua lâu vào năm 1971, sau khi rời

khỏi tòa án quân sự Vùng 2, tôi với Nguyễn Sa Mạc đưa anh ra bến xe Nguyễn Hoàng buổi sáng sớm. Anh đi và tôi không còn gặp lại nữa. Rồi sau đó nghe anh về Vùng 4, Cần Thơ, nghe nói làm “phóng viên chiến trường”. Tôi mừng! Mừng vì cái thân “ôm o gầy còm” đó không còn vất vả ngoài chiến trường như ở Bình Định mà chính anh đã viết trong truyện: *Những Cánh Chim Tuyết Vời*, trang 191: “*Những ngày gần đây, sức khỏe của chàng xuống dốc một cách thảm hại. Ở trong căn nhà cư xá, chàng đã không dám cởi áo, và chiếc quần jean cũ mốc, bạc màu của mình, dù trời nóng kinh khủng. Chàng không dám khoe những chiếc xương sườn lộ hẳn trên da thịt, chiếc ngực xẹp lép và cặp đùi khăng khiu của mình cho hai người con gái ở phía bên trong căn buồng kia xem. Bởi chàng đã trải qua những ngày đói rách dai dẳng. Nhiều khi chàng nhịn đói suốt ngày, nhiều khi một ngày, chàng dùng một bát mì Đại Hàn nấu với nước sôi,...*” Chàng ở đây chính là anh, thể mà với cái thân “xương sườn hẳn lên dưới lớp da và đôi kính cận nặng như thế” mà cái thân gầy còm vẫn phải gánh vác một trọng trách rất “nặng nề” ... 405 thám kích/ sư đoàn 22. Độc giả chỉ quen tên tác giả, đọc truyện tác giả nhưng chắc là ít ai biết về tác giả, chỉ có bạn bè và những đồng đội biết và thương anh. Nhiều khi nghĩ lại, tôi thầm cảm ơn chị Yến, vợ anh, đã hết lòng thương yêu cái “tấm thân gầy còm đó, đói rách đó - lính mà làm gì có tiền”, phải không chị? Đó là một sức mạnh để anh phấn đấu khi lập gia đình và sống mãi tới ngày hôm nay. “*Thế là ta thoát chết. A ha. Ta còn sống. Còn sống để xem cái ngày hòa bình, cái ngày ta về, bỏ hết những băng khuâng, xao xuyến. Ta còn về cưới vợ để con và còn hưởng chút hạnh phúc*” (trang 49)

Trong truyện *Mùa Hoa Sứ*, trang 81, một chuyện buồn về tuổi thơ. Độc giả đọc, có thể cho tác giả hư cấu để tạo nên cốt truyện. Nhưng tôi thì không. Như tôi đã nói, anh viết và sống với kỷ niệm một thời. Nhớ lại ngày nào khi tôi với anh còn ở Tháp Chàm. Buổi chiều thật buồn trong căn phòng thuê bằng tôn (mái và vách) nóng chịu không thấu, tôi với anh ra ngồi trên tảng đá, dưới vực sâu là đường rầy

xe lửa chạy từ ga Tháp Chàm đi Nam, đi Trung và lên Đà Lạt. Anh nhìn về rặng núi xa phía tây, anh nói với tôi anh nhớ Đon Dương, tuổi thơ anh ở đó, buồn lắm mỗi lần anh nghe tiếng còi tàu... và trong ánh mắt xa xăm của anh, tiếng còi tàu chẳng những ở Đon Dương (tuổi thơ) và Nha Trang cũng như những tháng anh sống ở Tháp Chàm. Tôi đọc Mùa Hoa Sứ hay Ga Đêm Quạnh Quê với nhân vật Tân mà nhiều truyện anh viết, nhân vật Tân này thường hay xuất hiện. Tôi ngậm ngùi một nỗi buồn đầy ắp nỗi buồn.

Nhưng hôm nay tôi rất vui. Vui lắm khi đọc lại 25 truyện ngắn của anh. Và, cũng vui lắm khi anh đã tìm lại những đứa con tinh thần tưởng đã thành tro bụi, nay đã trở về với anh, để cho tôi đọc và nhớ lại những ngày tháng tôi và anh có bên nhau nhiều kỷ niệm. Cái kỷ niệm thật đẹp vẫn giữ mãi cho đến ngày hôm nay ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy” này trên xứ người.

Amarillo, TX tháng 8-2012

Phạm văn Nhân

Tòa soạn và bạn đọc

Mời gọi đóng góp bài vở cho số đặc biệt về Dương Nghiễm Mậu:

*TQBT số 55 dự trù phát hành vào khoảng trung tuần tháng 1 - 2013, sẽ mang chủ đề nhà văn Dương Nghiễm Mậu. Chúng tôi ước mong sự hợp tác của quý bạn gồm bài vở, tư liệu, tài liệu sách báo cũ...
Xin gửi về tòa soạn càng sớm càng tốt để chúng tôi tìm người đánh máy.*

Cáo lỗi:

Vì bài vở dành cho số chủ đề kỳ này quá nhiều, nên chúng tôi đành tạm dời lại một số sáng tác của quý thân hữu cho số sau.

*Trường hợp quý bạn nào cảm thấy phải đợi quá lâu, xin quý bạn tin cho chúng tôi để chúng tôi rút bài.
Chân thành cảm ơn.*

Tòa soạn nhắn tin:

Cùng các bạn có nhã ý đóng góp bài vở:

- *Xin hiểu tạp chí TQBT là tạp chí giấy, với rất nhiều công sức bỏ ra. Để bù lại, chúng tôi yêu cầu, nếu quý bạn nào thương tình tạp chí này, xin vui lòng dành ưu tiên cho TQBT đăng trước. Trừ trường hợp đặc biệt, chúng tôi sẽ không đăng lại những bài đã xuất hiện trên Mạng hay báo đất và sẽ không giải thích tại sao.*

- *Qua hai kỳ báo, nếu không thấy bài mình xuất hiện, trừ trường hợp có thư riêng của tòa soạn, xin quý bạn xem là bài không hợp với chủ trương của TQBT.*

- *Để dễ dàng cho công việc lưu giữ và theo dõi bài vở, xin quý bạn dùng địa chỉ mới:*

thuquanbanthao@yahoo.com

Riêng địa chỉ tranhoaitu@yahoo.com không còn hiệu lực

nữa

- Xin đánh máy bằng WORD 97/2003

Nhắn tin chung

.● Những tác phẩm do Thư Án Quán/ tạp chí Thư Quán Bản Thảo xuất bản hoặc tái bản, phần lớn dành để tặng. Nếu quý bạn nào cảm thấy áy náy vì cứ nhận mãi ” cái nghiệp chẳng bao giờ trả”, xin cứ hoan hỉ gởi tem cước phí, tùy tâm tùy hỉ.

Mặt khác, nếu quý bạn không còn muốn nhận quà văn nghệ này nữa, cũng xin vui lòng tin về chúng tôi biết. Chúng tôi đã gặp một số trường hợp những tập TQBT không người nhận bị trả lại sau hai ba tháng giang hồ. Tội nghiệp cho tờ báo và cũng tội nghiệp cho chúng tôi !
Xin hết lòng cảm ơn.
